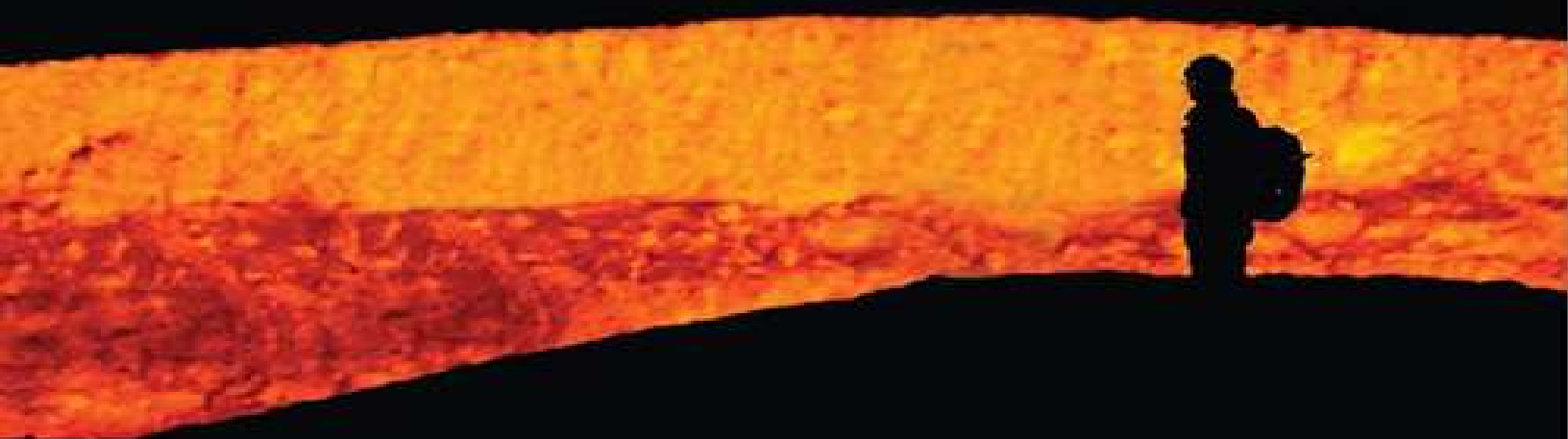




Nguyễn Hoàng Bảo

Độc hành

Những khám phá giá trị và kỳ lạ trên Con đường tơ lụa



 alphabooks®
HÀNH TRÌNH ĐẾN ĐÍCH ĐẾN



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI



Nguyễn Hoàng Bảo

Độc hành

Những khám phá giá trị và kỳ lạ trên Con đường tơ lụa



alphabooks®

NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

Nguyễn Hoàng Bảo

ĐỘC HÀNH

Những khám phá giá trị và kỳ lạ trên Con đường tơ lụa

Thương tặng cho những người bạn đồng hành qua từng chuyến đi của tôi. Những người bạn trong nước cũng như nước ngoài. Chính họ đã cổ vũ cho tôi hoàn thành quyển sách du ký đầu tay về chặng đường rong ruổi đơn độc của mình. Giống như suy nghĩ của bất kỳ một lữ khách nào phá khám những vùng đất mới, dù có gian nan vất vả nhưng phía trước mỗi hành trình sẽ là những con đường thẳng tắp, thênh thang, ngập tràn hoa thơm cỏ lạ...

Lời tựa

Bạn đã từng thấy đâu đó hình ảnh đoàn người cùng lạc đà thồ những kiện hàng nhằn nại vượt biển cát mênh mông được thể hiện qua thơ, tranh ảnh, những câu chuyện thần thoại, những vở diễn trên sân khấu hay kịch bản điện ảnh chưa? Đó chính là sự biểu trưng hoàn hảo cho con đường huyền thoại xa xưa. Sau hai tháng dọc theo Con đường tơ lụa, tôi đã có những trải nghiệm đáng nhớ trong đời. Từ Kuwait, Iran của “vùng đất lửa” Trung Đông đến những đất nước gần như biệt lập ở Trung Á như Turkmenistan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Tajikistan, và hàng loạt các điểm đến xa xôi mà đoàn thương nhân năm xưa đã phải trải qua với biết bao nhiêu câu chuyện huyền bí, ly kỳ. Và tôi, cũng trên Con đường tơ lụa năm nào, đã lang thang qua bao nhiêu làng mạc, thị trấn heo hút không bóng người, tận mắt chứng kiến những công trình kiến trúc cổ có tuổi đời hàng trăm thậm chí hàng ngàn năm, may mắn tham dự những lễ hội truyền thống của địa phương, được đắm mình với cuộc sống cư dân bản địa ở Trung Đông hay khắp các nẻo đường Trung Á. Quyển sách ra đời sau chuyến đi mười tháng, trong đó có bốn tháng tôi phải miệt mài vẩy bút để lưu lại những kỷ niệm tuyệt vời trong hành trình ấy.

Quyển sách không viết theo kiểu tư liệu nghiên cứu lịch sử mà là quyển sách về du ký. Hành trình của chuyến đi sẽ được đúc kết thành những câu chuyện thông qua cảm xúc, nhận định về các vùng đất nằm trên vành đai Con đường tơ lụa. Tuy nhiên lịch sử lại là yếu tố quan trọng tạo nên sự biến đổi về văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán, kiến trúc và kể cả con người từng chịu ảnh hưởng bởi con đường giao thương cổ này và tôi đã sử dụng một số tư liệu lịch sử để người đọc dễ dàng hình dung hơn. Thông tin lịch sử được tôi ghi chép lại trong quá trình trò chuyện cùng các nhân vật, những tài liệu thu thập trên internet và những so sánh, nhận định và nhận xét mang tính chủ quan.

Nếu các bạn chưa có dịp đặt chân trên Con đường tơ lụa, hãy tìm một điểm tựa và cùng tôi phiêu lưu qua những trang sách này. Ở đó, có những câu chuyện trải nghiệm về cuộc sống con người, về vùng đất qua nhiều đổi thay từ những thăng trầm của lịch sử và trên hết là những thử thách của bản thân trong suốt hành trình khám phá đơn độc. Những câu chuyện du ký của một lữ

khách Việt đi tìm dấu vết lạc đà trên Con đường tơ lụa lấy lòng trong quá khứ.

Chương 1. Đi tìm dấu vết lạc đà

Những người học kinh tế như tôi thì cụm từ Con đường tơ lụa không hề xa lạ. Đó chính là hệ thống chằng chịt những con đường mòn cỏ như một tấm mạng nhện khổng lồ từ phương Đông sang phương Tây, nối kết những thành phố sầm uất trong khu vực. Trước đây, thương nhân người Hoa sử dụng con đường này để vận chuyển các loại hàng hóa ra nước ngoài, những nơi có nhu cầu về sản phẩm tơ lụa xuất xứ từ Trung Quốc rất lớn. Hệ thống con đường này có lúc trải dài đến tận châu Âu hay ngược về phương Đông đến Nhật Bản và Triều Tiên. Hiện nay cũng chưa có ai biết chính xác con đường có tổng chiều dài là bao nhiêu, chỉ biết ước lượng vào khoảng 7.000 km. Hệ thống con đường nghìn năm tuổi băng qua những sa mạc rộng lớn, những dãy núi cao hiểm trở, những làng mạc heo hút để đến những vùng đất xa xôi mà vào thời đó một số vùng trên thế giới còn chưa được biết đến.

Lịch sử con đường cũng có nhiều gút mắc cùng với sự biến đổi của thế giới qua nhiều giai đoạn khác nhau. Những dấu tích còn lại trên đó đã minh chứng cho sự vĩ đại có một không hai của hệ thống con đường thương mại này. Đã trải qua hàng trăm năm, kể từ khi con đường dần bị lãng quên từ những năm thuộc thế kỷ XIV sau Công nguyên, nó giờ đây vẫn chỉ là những hoi ỨC mong manh, mơ hồ đối với những lữ khách muốn tận mắt thấy những dấu vết ít ỏi, rải rác trên một khu vực rộng lớn ở châu Á, châu Âu và cả châu Phi hẻo lánh. Tôi đã có rất nhiều suy nghĩ khi lên kế hoạch cho hành trình khám phá hệ thống Con đường tơ lụa này. Bao nhiêu thời gian là đủ cho cuộc phiêu lưu? Tôi sẽ phải qua bao nhiêu thành phố, bao nhiêu quốc gia để có thể khái quát một phần về nó trong hành trình khám phá của mình? Hiện có bốn mươi quốc gia liên quan đến Con đường tơ lụa trên bộ ở khắp lục địa Á Âu và một phần Phi châu rộng lớn cùng các thành phố hình thành và phát triển dọc trên con đường. Chính những thành phố ấy là chứng tích quan trọng, nơi đoàn thương nhân dừng chân trao đổi hàng hóa, vật phẩm, gia súc trong hành trình đến tận trời Tây. Từ Tây An ở Trung Quốc đến Samarkand ở Uzbekistan, từ Jeddah ở Ả Rập đến Venice ở Ý, các thành phố này đã trở thành những trung tâm giao thương quan trọng không chỉ hàng ngàn năm trước mà cho đến tận ngày hôm nay. Con đường tơ lụa đã tạo ra một bước ngoặt lớn lao cho sự tồn tại và phát triển của những thành phố giờ là một phần không thể chỗi cãi của lịch sử thế giới. Đã trải qua hàng ngàn năm, những minh chứng cổ xưa vẫn tồn tại và được bảo tồn qua các công trình kiến trúc về tôn giáo, văn hóa ở khắp mọi nơi. Chính các công trình này đã thu hút rất nhiều các nhà nghiên cứu, học giả, nhà thần học, triết học và tôi, một người theo chủ nghĩa xê dịch tìm đến để hiểu hơn sự vận động biến đổi trên Con đường tơ lụa nức danh này. Đó chính là phần hồn còn lại của con đường sau khoảng thời gian dài bị lãng quên bởi sự phát

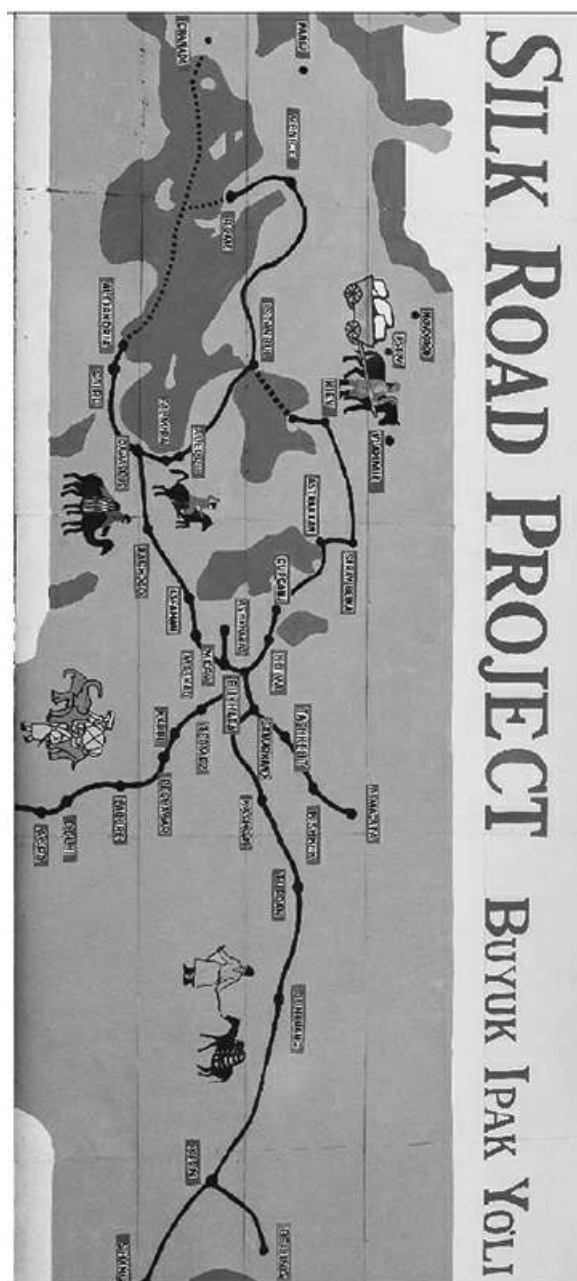
triển của xã hội loài người.

Tôi thật sự bối rối vì những thông tin ban đầu của Con đường tơ lụa làm mình không biết khởi hành từ đâu. Có quá nhiều thứ hay ho để khám phá, tìm hiểu. Nếu tôi đi hết tất cả các nước trên hệ thống con đường này thì có lẽ đến cả đời cũng chưa mong hiểu hết. Tôi e rằng nếu mình chủ quan lựa chọn một số nước nhất định trên cung đường thì có thể sẽ bỏ qua những nơi khác quan trọng hơn hay có ảnh hưởng đến lịch sử của con đường làm cho cách nhìn của tôi về nó trở nên phiến diện. Đắn đo, suy nghĩ và rồi quyết định. Trung Á và Trung Đông là nơi tôi nghĩ đến đầu tiên bởi nét văn hóa Hồi giáo lâu đời ở khu vực này luôn cuốn hút với sự độc đáo, huyền bí và cuộc xâm chiếm Trung Á, Ba Tư của đế chế Mông Cổ vào thế kỷ XIII như dấu mốc lịch sử ảnh hưởng đến sự tồn vong của Con đường tơ lụa vĩ đại trong quá khứ.

Vậy là hành trình của tôi xuất phát từ vùng đất Lưỡng Hà ở Trung Đông, lang thang qua Trung Á có vẻ là sự lựa chọn ngược với con đường của các bậc tiền nhân năm xưa. Nhưng sự chọn lựa không giống ai này liệu có thể mang lại cho hành trình tìm dấu vết lạc đà của tôi nhiều điều thú vị, nhiều sự bất ngờ hơn chăng?

Chương 2. Con đường tơ lụa từ quá khứ

Trên thực tế, Con đường tơ lụa là một thuật ngữ được sử dụng gần đây vì bản thân hệ thống con đường này trong quá khứ không có tên cụ thể. Vào giữa thế kỷ XIX, nhà địa chất học người Đức, Baron Ferdinand Von Richthofen (1833-1905), cùng với đoàn thám hiểm Eulenburg khám phá những vùng đất ở Srilanka, Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Philippines và cả đảo Java từ những năm 1860 đến 1868. Trong chuyến đi này ông đã từng tiếp cận hệ thống Con đường tơ lụa trước đây. Nhiều năm sau đó, khi ông xuất bản những quyển sách, tài liệu về địa lý, bản đồ, kinh tế học, dân tộc học thì ông đã dùng thuật ngữ “Seidenstraße” hay “Seidenstraßen” tức có nghĩa là “Con đường tơ lụa.” Gọi là con đường tơ lụa cũng bởi tơ lụa là sản phẩm đặc trưng, phổ biến trên con đường từ Trung Quốc.



Bản đồ về Con đường tơ lụa ở thành phố cổ Khiva, Uzbekistan

Ngược dòng lịch sử, Con đường tơ lụa dần định hình từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Kế tục triều đại nhà Tần, nhà Hán được xem là một trong những triều đại cai trị thành công trong lịch sử Trung Quốc từ năm 202 trước Công nguyên đến năm 220 sau Công nguyên. Những năm đầu lập nước, nhà Hán gặp phải sự khó khăn khi bị các bộ tộc du mục người Hung Nô ở khu vực Trung Á quấy nhiễu. Vua Hán Vũ Đế thời đó ra chiếu chỉ lệnh cho Trương Khiên đi về phương Tây tìm kiếm sự hỗ trợ của các nước lân bang để chống lại đội quân Hung Nô hùng mạnh. Trải

qua nhiều gian khổ, Trương Khiên đã không hoàn thành sứ mệnh trong việc tìm kiếm đồng minh với nhà Hán. Tuy nhiên khi trở về thành Trường An cùng đoàn tùy tùng, ông đã mang theo nhiều sản vật mà triều đình rất quan tâm. Trong những tài liệu kể về hành trình của mình, ông đã ghi chép thông tin cẩn thận về những vùng miền nơi ông đi qua từ con người, văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán đến các sản vật địa phương. Nhờ đó những tuyến đường nhỏ trước đây đã được kết nối lại với nhau, nhiều tuyến mới được khai phá và an toàn hơn do được sự bảo vệ của triều đình thời ấy.

Trong lần đến Trung Quốc cách đây sáu năm, tôi có dịp đến thăm vùng đất Tô Châu trứ danh về lụa tơ tằm. Lúc ấy, tôi tham quan nhà máy sản xuất lụa nổi tiếng của vùng đất tương truyền lắm mỹ nữ thời phong kiến và được nghe giới thiệu nghề gia truyền độc đáo tận từ thời cổ đại. Người Trung Quốc rất đỗi tự hào vì tơ lụa được xem là bí quyết của họ có từ hàng ngàn năm. Họ kể rằng, vào năm 2640 trước Công nguyên, hoàng hậu Xi Ling Shi vợ của vua Huang Ti khi đó mới 14 tuổi là người đầu tiên đã tình cờ phát hiện ra tơ tằm. Câu chuyện được truyền tụng trong dân gian Trung Quốc rằng: “Một hôm hoàng hậu ngồi uống trà dưới gốc cây dâu, tình cờ một con kén rơi vào tách trà và bắt đầu tan ra trong tách trà nóng. Bà bị cuốn hút ngay bởi một đầu sợi bé tí thắp thoáng hiện ra. Từ điểm bắt đầu ấy có thể kéo ra một thứ sợi mảnh, đẹp, óng ánh mà sau đó được gọi là tơ. Sau khi tấu trình với nhà vua, bà bắt đầu hướng dẫn người dân những vùng lân cận trồng dâu, nuôi tằm, chế tạo ra dụng cụ ươm tơ và dệt lụa. Từ đó bà trở thành *Bà Tổ tơ lụa* trong truyền thuyết dân gian của người Trung Quốc.” Không rõ giai thoại đó có thật hay không, nhưng chắc chắn rằng từ trước Công nguyên Trung Quốc là quốc gia sản xuất một lượng lớn lụa tơ tằm cung cấp cho thế giới. Vì thế người ta thường gọi Trung Quốc là “vùng đất của tơ tằm.”

Người Trung Quốc xưa kia đã nhận ra giá trị của thứ vật liệu tuyệt đẹp do mình làm ra nên họ đã giữ bí mật với thế giới được gần 30 thế kỷ. Những lễ khách bị kiểm soát gắt gao tại các khu vực biên giới. Bất cứ ai cố gắng lấy trộm trứng, kén hoặc tằm mang ra khỏi Trung Quốc đều bị xử tử ngay lập tức. Dưới hình phạt bằng cái chết, bí mật nghề trồng dâu nuôi tằm đã được giữ nguyên vẹn gần ba ngàn năm. Nhưng bí mật này không giữ được khi triều đình Trung Quốc gả công chúa cho hoàng tử Khotan xứ Tây Tạng vào thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên. Công chúa chỉ thuận lời về nhà chồng khi cho nàng mang theo những tấm tơ lụa mượt mà yêu thích. Lệnh cấm nghiêm ngặt cuối cùng bị phá vỡ tạo cơ hội cho thế giới biết đến một trong những sản phẩm làm đẹp cho con người đến tận ngày hôm nay.

Lúc đầu, tơ lụa chỉ phục vụ cho tầng lớp vua chúa, quý tộc trong xã hội Trung Quốc. Theo thời gian, loại hàng hóa này dần dần mở rộng ra toàn bộ nền văn hóa Trung Quốc cả về mặt địa lý và xã hội. Khi Trương Khiên trở về nước, cùng với việc ông tìm kiếm ra những khu đô thị mới

sầm uất ở phương Tây trên hệ thống Con đường tơ lụa, các thương nhân người Trung Quốc bắt đầu nghĩ đến việc vận chuyển tơ lụa sang những nước khác trên chính con đường ông đã trải qua. Cùng với việc những bí mật về nghề tơ lụa không còn được giữ kín, những mặt hàng này bắt đầu len lỏi khắp châu Á. Do đặc tính mịn màng, vẻ đẹp lộng lẫy, tơ lụa nhanh chóng trở thành một thứ hàng xa xỉ ở những vùng mà thương gia Trung Quốc có thể tới được. Nhu cầu về thứ lụa đẹp lạ kỳ này, rốt cuộc đã tạo ra con đường thương mại huyền thoại mà tên của nó gắn liền với thứ hàng hóa có giá trị thượng hạng thời bấy giờ. Tơ lụa quý giá được chuyên chở bằng lạc đà đến phương Tây, và các thương nhân sẽ mang vàng, bạc, len dạ... về phương Đông. Thời điểm này, tơ lụa được xem là thứ hàng hóa quý hơn cả vàng, và cũng chính con đường vận chuyển này đã tạo thêm giá trị cho loại hàng hóa đặc biệt chỉ được biết đến ở Trung Quốc ra thế giới.

Sản phẩm tơ lụa của Trung Quốc bắt đầu từ những nơi có điều kiện thổ nhưỡng trồng dâu nuôi tằm thuận lợi ở phía Nam sông Trường Giang, tức là khu vực Phúc Châu, Hàng Châu, Tô Châu ngày nay, và được vận chuyển lên Bắc Kinh theo con kênh đào cổ *Kinh Hàn Đại Vận Hà* được xây dựng từ thế kỷ thứ V trước Công nguyên. Từ đó, tơ lụa tiếp tục được các thương nhân vận chuyển lên kinh đô Trường An, chạy dọc qua hành lang Hà Tây và lòng chảo Tarim của Tân Cương Trung Quốc, vượt qua nóc nhà thế giới Pamir hùng vĩ để đến các quốc gia Trung Á Tajikistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Uzbekistan, Turkmenistan rồi tiếp tục xuống khu vực các nước Trung Đông là thị trường thương mại trọng điểm lúc bấy giờ thuộc Afghanistan, Syria, Iran, Iraq ngày nay. Từ đây hàng hóa được chuyên chở bằng đường bộ lên Thổ Nhĩ Kỳ hoặc dọc theo địa Trung Hải để đến phía bán đảo Sinai của Ai Cập và rồi đến Ý. Hàng hóa được vận chuyển ngoài mặt hàng chính là tơ lụa ra, thương nhân Trung Quốc còn mua bán những mặt hàng truyền thống khác như gốm sứ, hàng thủ công mỹ nghệ và những loại trà trứ danh. Ở La Mã và Syria có pha lê; còn len dạ, đá quý, san hô, hổ phách thì của Tây Á... cũng được trao đổi mua bán trên hệ thống con đường này. Đóng vai trò quan trọng trong việc làm trung gian trao đổi là các thương nhân Ba Tư và sau này là Ả Rập. Thông qua họ, hàng hóa từ Trung Quốc được đưa đi khắp nơi và ngược lại nhiều mặt hàng mới lạ cũng được nhập trở lại Trung Quốc. Bởi thế, trong quá trình tìm hiểu về Trung Đông, tôi đã từng mơ ước lạc bước trong văn hóa Ba Tư để được hiện diện qua những khu chợ sầm uất mà người dân nơi đây gọi là bazaar có niên đại hàng ngàn năm tuổi. Một trong những khu chợ ấy vẫn còn tồn tại để minh chứng nơi đây là đầu mối quan trọng của đoàn thương nhân đến từ phương Đông dừng chân mua bán trao đổi trước khi hàng hóa tiếp tục được vận chuyển đến phương Tây.

Con đường tơ lụa trên bộ thịnh đạt nhất dưới triều nhà Đường (618-907). Kinh đô Trường An rộn rịp cảnh mua bán sầm uất, cảnh đi lại của thương gia và sứ thần các nước. Hình ảnh các đoàn “thương nhân lạc đà” khua chuông rống rắn đi trên sa mạc được khắc họa trong các công trình

kiến trúc, trên các bức bích họa cổ, được ghi nhận trong thơ ca đương thời như một mốc son lịch sử của nhân loại.

Tuy nhiên, đến khoảng thế kỷ XIII thì nó dần dần bị Con đường tơ lụa trên biển thay thế. Có rất nhiều nguyên nhân lý giải cho vấn đề này, một được cho là xuất phát từ nội tại của lịch sử Trung Quốc và hai là do những yếu tố khách quan bên ngoài. Khi nhà Minh nắm quyền (1368-1644), triều đình đã đề ra một số luật lệ mới. Đánh thuế cao đối với những hàng hóa giao thương bằng đường bộ gây khó khăn việc tìm kiếm lợi nhuận của các thương nhân. Thời kỳ này, kỹ thuật đóng tàu của Trung Quốc cũng đạt đến một trình độ tương đối thịnh đạt cho phép vận chuyển những tuyến đường dài hơn với thời gian ngắn hơn đường bộ. Vì thế việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ được các thương nhân Trung Quốc chuyển dần sang đường thủy. Nếu như trước kia kinh đô Trường An tập nập các thương nhân thì lúc bấy giờ việc giao thương lại tập trung ở các thành phố phía Nam Trung Quốc như Quảng Châu, Dương Châu cho những cuộc hành trình trên biển qua Nhật Bản, Triều Tiên, xuôi xuống Đông Nam Á, đến Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. Thương cảng Hội An cũng là điểm dừng quan trọng trên tuyến hải trình vượt biển này. Mặt khác, vào thời kỳ này đế quốc hùng mạnh Byzantine đã chiếm cứ một vùng rộng lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ, ngăn cản sự giao thương mua bán từ Tây sang Đông của các thương nhân cùng với dịch bệnh lan truyền, cướp bóc liều lĩnh ở những khu vực hẻo lánh làm cho Con đường tơ lụa dần suy yếu vào thế kỷ XIV.

Tồn tại trong lịch sử khoảng 17 đến 18 thế kỷ, những gì mà Con đường tơ lụa đã đem lại cho văn minh nhân loại là không thể kể hết được. Đó là việc đưa văn hóa dân tộc của các quốc gia tiếp xúc với nhau, tạo điều kiện trao đổi và giao lưu giữa chúng. Trên thực tế, để đàm phán thành công, các thương gia đã phải học ngôn ngữ và phong tục của những nước họ đi qua. Tương tác văn hóa là một phần quan trọng trong trao đổi vật chất. Hơn nữa, nhiều lữ khách mạo hiểm lên đường để tham gia vào quá trình trao đổi tri thức và văn hóa diễn ra tại các thành phố dọc theo tuyến đường này. Những kiến thức về khoa học, công nghệ hay ngay cả bí quyết sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của từng vùng đã được chia sẻ, và bằng cách này, ngôn ngữ, nghệ thuật, văn hóa và tôn giáo cũng dần phát triển và ảnh hưởng lẫn nhau. Theo Con đường tơ lụa, các kỹ thuật sản xuất tiên tiến của nước ngoài như kỹ thuật làm giấy, in ấn, sản xuất len dạ, chế biến rượu, kỹ thuật canh tác cùng nhiều lĩnh vực học thuật khác như thiên văn học, lịch học, chiêm tinh học từ Ấn Độ, chữ số Ả Rập và phép tính thập phân cũng vào Trung Quốc rồi từ đây lại tỏa đi các quốc gia khác... Ví như trong nghệ thuật âm nhạc, vũ khúc mang âm hưởng Tây Vực cũng được người dân rất ưa chuộng, có những thời kỳ âm nhạc Tây Vực trở nên hết sức thịnh hành trong các buổi tiệc tùng của quan lại và vua chúa phong kiến ở Trung Quốc. Ngày nay đó vẫn là một trong những di sản văn hóa quý báu của nền văn minh Hoa Hạ.

Nói về vấn đề tôn giáo trên Con đường tơ lụa. Theo đó, các tuyến đường cũng là cầu nối trong việc phổ biến tôn giáo trên khắp lục địa Á Âu. Tôi cho rằng Phật giáo là một ví dụ điển hình. Các tác phẩm nghệ thuật khắc họa đậm nét Phật giáo và những ngôi chùa, đền thờ được tìm thấy ở những nơi cách nhau rất xa như Bamiyan ở Afghanistan, núi Wutai ở Trung Quốc, và Borobudur ở Indonesia. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Hỏa giáo cũng đã lan truyền theo dòng chảy lịch sử của con đường. Về sau này, Ấn Độ giáo và Hồi giáo còn được du nhập vào Indonesia và Malaysia do các thương gia đến từ Ấn Độ và Ả Rập trên Con đường tơ lụa trên biển.

Có một điều đặc biệt, Phật giáo sau khi từ cái nôi của văn minh Ấn Độ, qua Con đường tơ lụa truyền vào Trung Hoa, ngay lập tức đã trở thành một sản phẩm tinh thần mang đậm màu sắc của nền văn hóa Hán. Người Trung Quốc với tư duy tôn giáo rộng mở đã nhanh chóng đón nhận học thuyết về cái Khổ của Đức Thích Ca Mâu Ni từ đó sáng tạo phát triển thành rất nhiều tông phái và giáo phái khác nhau. Tinh thần Trung Hoa đã thổi vào tôn giáo này một luồng sinh khí mới làm cho Phật giáo trở nên đầy sức hấp dẫn và có một sức sống lạ kỳ, trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, vẫn là tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất ở khu vực châu Á. Mặc dù sản sinh từ Ấn Độ, nhưng chính Trung Quốc mới là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng Phật giáo và cùng với đó là cả một sự huy hoàng trong nghệ thuật kiến trúc đền chùa, hang động, điêu khắc, tạc tượng... mà các di tích đồ sộ ấy vẫn còn rải rác ở khu vực Tân Cương ngày nay.

Tôi khá băn khoăn về hành trình khám phá Con đường tơ lụa của mình vì lượng thông tin quá ít ỏi. Không khéo tôi có thể lạc bước đâu đó nơi thâm sơn cùng cốc trên dãy Pamir chót vót vì không tìm được phương tiện di chuyển phù hợp. Thông tin đường đi nước bước chủ yếu ở Trung Á, có chăng chỉ có một vài quyển sách tư vấn du lịch cho cung đường này nhưng cũng quá hiếm hoi. *Lonely Planet*¹ thì gộp thông tin du lịch cho bảy quốc gia Trung Á lại trong một cuốn duy nhất. Điều này cũng nói lên nhu cầu của các lữ khách đến vùng này cực kỳ thưa thớt. Ngày đi đã gần kề, nhưng thông tin về Con đường tơ lụa vẫn ít ỏi như lá mùa thu, có lẽ những gì còn lại bây giờ chỉ là những dấu vết mờ ảo mà tôi phải tự mày mò. Thôi đành vậy. Phía trước mỗi hành trình dài luôn là những con đường thênh thang, rộng lớn và nhiều cơ hội ở các ngã rẽ kia mà!

¹. Một trong những nhà xuất bản sách hướng dẫn du lịch lớn nhất thế giới.

Chương 3. Kuwait vàng son

Khắc Anh, cô học trò cũ đang làm việc ở sân bay Dubai cho lời khuyên khi biết tôi có ý định đặt chân đến Kuwait. “Thầy đừng đi, đất nước Kuwait nhỏ xíu à thầy, không có gì tham quan hết nếu so với Dubai hay Doha. Chi phí sinh hoạt ở đó thì đắt đỏ như mấy nước Bắc Âu. Thầy đi vào lúc tháng lễ Ramadan² nên phải nhịn ăn vào ban ngày vất vả lắm. Em đã từng qua đó vào tháng trước nhưng nỗi thất vọng lớn nhất là người dân ở đây không thân thiện. Ngay cả khi em tiếp xúc và làm việc với những người Kuwait ở đây thì thường họ tỏ ra rất trịch thượng, cái gì cũng muốn được phục vụ ưu tiên!” - cô nàng nhắn tin cho tôi qua facebook như thế. Khi đó, tôi cũng nghi ngờ ít nhiều về những điều phàn nàn từ Khắc Anh. Tôi chỉ nghĩ đơn giản: Kuwait là quốc gia một thời có chiến tranh với Iraq, họ được các nước trên thế giới ủng hộ như một nước yếu dưới sự đe dọa của một nước lớn thì hà cớ gì họ lại hành xử như vậy. Họ đã quên thế giới coi họ là nạn nhân và chịu nhiều thiệt hại nếu không có sự can thiệp của Mỹ ở vùng Vịnh hay sao? Hay những luật lệ Hồi giáo khắt khe khiến người Kuwait tỏ ra khó gần chăng?

Đất nước của NGƯỜI lao động nhập cư

Chiếc máy bay Cebu Pacific có đến hai phần ba là người Philippines qua Kuwait để làm việc. Không những ở sân bay Kuwait tràn ngập lao động từ Philippines mà tôi chứng kiến họ còn áp đảo ở các sân bay Trung Đông khác như Doha, Dubai hay từng tốp đông lên đến hàng trăm người chờ làm thủ tục ở sân bay Kuala Lumpur. Họ đi từng nhóm, khá trật tự theo các công ty xuất khẩu lao động được phân biệt qua màu áo đồng phục khác nhau. Rõ ràng Philippines đang chuyên nghiệp hóa trong thị trường lao động nhập cư. Trên đấu trường cạnh tranh này, công nhân Philippines có lợi thế là họ nói tiếng Anh tốt, được đào tạo bài bản hơn công nhân từ các nước như Bangladesh, Srilanka, Indonesia, Trung Quốc và kể cả Việt Nam. Người Philippines còn có tiếng là hiền lành, ít xảy ra các cuộc đánh đấm, nhậu nhẹt hay quấy rối ở nước ngoài. Có cả một bộ máy hành chính xung quanh họ. Bộ phận quản lý việc làm ở nước ngoài của Philippines giúp tìm kiếm việc làm ở các nước khác, khuyến khích họ đi xuất khẩu lao động.

Rodrigo, anh bạn trẻ ngồi kế bên tôi trong chuyến bay nói rằng: “Ở Philippines có rất nhiều công ty xuất khẩu lao động uy tín, có giấy phép hẳn hoi. Họ tiến hành tập huấn, đào tạo nghề cho công nhân trước khi lên đường làm việc. Họ trích phần trăm tiền lương trong những tháng đầu của chúng tôi để huấn luyện cho thành thục. Cụ thể sáu tháng cho vũ công, bốn tháng cho thuyền viên, hai đến ba tuần cho người giúp việc hay chính tôi đã học kỹ thuật điện trong ba tháng trước

khi lên đường.”

Còn nhớ có lần tôi tham dự một buổi hội thảo với nội dung đề cập đến những thách thức của thị trường xuất khẩu lao động Việt Nam so với một số quốc gia Đông Nam Á thì ngoài việc đào tạo những kỹ năng cho người lao động đã nói ở trên còn có nguyên nhân ở tầm vĩ mô khác. Trong hội nghị, một số ý kiến tham luận từ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động cho rằng chính phủ Philippines đã hỗ trợ và định hướng cho người lao động khi có nhu cầu làm việc ở nước ngoài. Các trung tâm phát triển kỹ năng và giáo dục kỹ thuật thường mở các lớp đào tạo miễn phí về gò hàn, lái xe tải hạng nặng, giúp việc gia đình, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Ngoài ra, họ còn đẩy mạnh việc quảng bá cho người lao động bằng cách đặt quan hệ ngoại giao khắp thế giới để giới thiệu và chăm lo cho các công nhân ở nước ngoài. Những người đem hoặc gửi tiền về nước chẳng những không phải trả thuế thu nhập mà còn được cung cấp những thiết bị và dụng cụ giá rẻ giúp họ sản xuất hay kinh doanh quy mô nhỏ. Với mức độ khuyến khích đó, ngành công nghiệp đã phát triển để kết nối công nhân với việc làm và cạnh tranh với thị trường lao động các nước trong khu vực trong đó có Việt Nam.

Quả thật sân bay ở Kuwait không hoành tráng, lộng lẫy như Doha hay Dubai, nhưng mức sống của người dân lại rất cao. Là nước xuất khẩu dầu mỏ lớn trên thế giới, nền kinh tế Kuwait phụ thuộc chủ yếu vào ngành công nghiệp này. Tài nguyên dầu mỏ đã biến Kuwait thành một trong những nước giàu có nhất trên bán đảo Ả Rập và là nước xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất vùng Vịnh từ những năm 50 của thế kỷ trước. Sự lớn mạnh về kinh tế dẫn đến việc thu hút ngày càng nhiều lao động nhập cư và người nước ngoài, chủ yếu thuộc các nước đang phát triển ở châu Á. Nhu cầu thuê lao động nước ngoài đặc biệt là lao động chân tay, nặng nhọc ngoài trời, giúp việc nhà hay công nhân điện như anh chàng Rodrigo là rất lớn. Hiện nay, trung bình cứ một người dân Kuwait bản xứ cần đến ba lao động làm thuê nước ngoài. Kể cả giới văn phòng trong các công ty hàng không cũng được thuê bằng người nước ngoài để chi phí trả lương sẽ giảm hơn phân nửa khi sử dụng nhân lực cùng trình độ trong nước. Người dân Kuwait hầu như không trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chủ yếu làm công chức nhà nước hoặc làm việc trong các tổ chức xã hội hay tôn giáo. Họ tham gia gián tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua Luật Bảo trợ của Kuwait. Tỷ dụ, người nước ngoài muốn sản xuất, kinh doanh trên đất Kuwait đều phải thông qua một hợp đồng với một người có quốc tịch Kuwait có đăng ký sản xuất, kinh doanh. Pháp nhân Kuwait này đứng tên trước pháp luật Kuwait để thương nhân nước ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh theo một tỷ lệ hoa hồng thỏa thuận giữa đôi bên. Người chủ pháp nhân Kuwait có thể không cần quan tâm đến việc sản xuất, kinh doanh, thuê mướn lao động nước ngoài... Họ sẽ đứng ngoài cuộc nếu như doanh nghiệp nước ngoài do họ bảo trợ trả lệ phí hoa hồng đầy đủ, đúng hạn. Và trường hợp doanh nghiệp tuyển dụng Rodrigo

tôi nghĩ cũng thế.



Một lao động nhập cư ở Kuwait

Câu chuyện của anh chàng Philippines 24 tuổi Rodrigo cũng không khác gì những câu chuyện của hàng triệu người Việt Nam đang sống nơi đất khách. Tôi nhớ đến những trường hợp tương tự khi bắt gặp trên hành trình khám phá của mình trước đây. Những gia đình người Việt sống lênh đênh trên biển Hồ ở Xiêm Riệp³, một gia đình trí thức khác di cư trước năm 1975 sống ở Quận 13 của Paris hoa lệ kinh doanh món Phở Việt làm say đắm thực khách khắp nơi hay một bạn du học sinh trẻ tranh thủ thời gian cuối tuần làm móng ở Maryland để trang trải chi phí sinh hoạt đắt đỏ ở Mỹ, ngay cả cô học trò Khắc Anh của tôi cũng phải xa quê để làm việc cho một hãng hàng không nước ngoài với mức lương lên đến hơn 1.200 đô-la một tháng, số tiền không dễ gì kiếm được khi còn ở Việt Nam. Rất nhiều hoàn cảnh người Việt xa xứ xuất phát từ những nguyên nhân và mục đích khác nhau nhưng điểm chung cũng vì cuộc sống cơm áo gạo tiền, họ phải tạm

xa quê hương để mưu sinh, cầu thực mà trong lòng lúc nào cũng quay quắt nơi chôn nhau cắt rốn. Và hành trình tôi cất bước hôm nay cũng thuộc hành trình của cuộc mưu sinh vĩ đại cách đây ngàn năm đến những miền đất hứa.

Nhịn ăn trong tháng lễ Ramadan

Tôi nhanh chóng bước vào khu vực dành cho khách du lịch xin visa tại cửa khẩu. Từ đầu năm 2015, Kuwait đã cho phép công dân Việt Nam mua visa tại sân bay với giá ba Kuwaiti dinar⁴ cho một lần nhập cảnh với thời gian lưu trú ba tháng. Một số khách du lịch chủ yếu là khách phương Tây cũng tập trung ở khu vực này để làm thủ tục. Nếu không có chuyện xin visa tại cửa khẩu thì tôi quên mất câu chuyện thiếu thân thiện của người Kuwait như lời Khắc Anh nói. Số là, khi đến sân bay vào thời điểm ăn trưa, tôi chia cho nhân viên ở đây quyền hộ chiếu và một số giấy tờ cần thiết để làm thủ tục mua visa nhập cảnh. Anh chàng thấp bé, khuôn mặt đậm chất Trung Đông hỏi tôi là người nước nào mà không thèm nhìn đến quyền hộ chiếu trước mặt. Tôi nói mình đến từ Việt Nam và được phép mua visa tại cửa khẩu. Anh chàng chật vắn lại là ai bảo tôi là người Việt Nam thì được quyền mua visa tại đây, thông tin đó tôi lấy ở đâu. Tôi cũng hơi bối rối về câu hỏi này vì thông tin trên mạng bảo thế và một số người bạn tôi gần đây từng quá cảnh ở Kuwait cũng cho tôi biết về việc người Việt được mua visa tại cửa khẩu. Tôi bình tĩnh đưa mắt quanh và thấy ngay trước quầy có đặt một tờ giấy liệt kê danh sách các quốc gia được phép làm thủ tục mua visa tại cửa khẩu do chính họ phát hành. Tôi nhanh trí chỉ ngay cho anh chàng là thông tin sờ sờ trước mắt anh đấy. Anh chàng chẳng thèm đoái hoài mà vẫn nhồm nhoàm miếng bánh biscuit. Tôi đỏ mặt tía tai trước thái độ làm việc thiếu thân thiện này. Chắc chắn anh chàng không phải là dân nhập cư, anh ta là người Kuwait hẳn hoi. Như vậy cô học trò Khắc Anh đã nói đúng. Kiểu cách làm việc thiếu tôn trọng, trịch thượng giống như lối nhà giàu thì không cần khách. Quả nếu như không có tấm vé rẻ bèo ba đô-la từ Manila do giá dầu gần như chạm đáy thì có thể tôi đã không chọn Kuwait là nơi xuất phát cho chuyến đi để đời của mình. Oái, mà cũng lạ, sao anh ta lại được phép ăn vào ban ngày nhỉ, khi đang là những ngày đầu của tháng Ramadan ở xứ Hồi giáo này. Tôi nghĩ hay quốc gia này luật lệ không nghiêm? Sau đó, tôi có nhắn tin thắc mắc với Khắc Anh qua facebook thì cô trò bảo: “Thầy ơi, giới trẻ nhà giàu Kuwait vào tháng Ramadan thì họ ra nước ngoài để ăn chơi vì trong nước luật lệ Hồi giáo rất nghiêm. Họ thường đến Dubai để hưởng thụ, thậm chí đi bar, uống rượu, nhảy đầm thâu đêm suốt sáng. Còn những người Kuwait ở trong nước nếu muốn ăn thì cũng phải rất kín đáo. Anh chàng ở sân bay làm việc theo cách khinh khỉnh ấy là vì họ biết luật và né luật, còn khách du lịch như thầy thì phải thật chú ý nếu không muốn bị cảnh sát phạt vì vi phạm luật lễ Ramadan nhé!”

Một Kuwait bắt đầu lạ lẫm đối với tôi...

Thời tiết Kuwait khá oi bức khi nhiệt kế trên chiếc điện thoại luôn hiển thị dao động ở những con số 44 đến 45 độ C. Một kiểu thời tiết hời hợt hơn nhiều so với mảnh đất miền Trung của Việt Nam khi bị cơn gió Lào hoành hành vào những tháng hè. Xuống sân bay tầm hai giờ chiều, thời điểm nóng nhất trong ngày, kiểu thời tiết sa mạc ngột ngạt ở Trung Đông dường như đã hút hết năng lượng của tôi sau một chuyến bay dài mệt mỏi. Kuwait là một trong những đất nước có diện tích nhỏ nhất trên thế giới với toàn bộ lãnh thổ nằm trọn trong sa mạc Ả Rập và phần phía đông giáp với vịnh Ba Tư. Cái nóng của sa mạc cùng với những cơn gió từ biển thổi vào đất liền làm cho người lạ không quen với kiểu thời tiết khắc nghiệt này dễ bị kiệt sức vì say nắng. Buổi chiều đầu tiên tôi trốn nóng trong một khách sạn ba sao sát biển mà không có sự lựa chọn nào khác.



Anh chàng Babu người Ấn đang giới thiệu về thành phố Kuwait.

Tôi quen với Babu, anh chàng tài xế taxi người Ấn Độ đưa tôi từ sân bay về khách sạn, và hẹn anh ta hôm sau đến đón tôi tham quan một số nơi ở Kuwait. Thành phố vẫn trong tầm kiểm soát nghiêm ngặt của cảnh sát khi cách đó hai hôm, thánh đường Hồi giáo Imam Al-Sadeq ở trung tâm thủ đô vừa bị nhóm khủng bố IS tấn công làm 27 người thiệt mạng và ít nhất 227 dân thường bị thương. Một con số thiệt hại khủng khiếp cho quốc gia Trung Đông ít dân này. Một số khu vực thành phố vẫn bị lệnh phong tỏa nên tôi quyết định không lang thang một mình như thường lệ. Babu cũng là một lao động nhập cư, có vợ và hai con. Anh chàng đã làm việc ở Kuwait được bốn năm và vợ con vẫn còn ở quê nhà.



Khu thánh đường Hồi giáo Imam Al-Sadeq vẫn còn niêm phong của cảnh sát sau hai ngày bị tấn công khủng bố.

Tôi vẫn còn ám ức chuyện ăn uống của anh chàng Kuwait hôm qua và hỏi Babu rằng anh ta hay tôi có phải thực hiện luật lệ của Ramadan không? Anh ta cười xòa và giải thích như có phần động viên tôi:

- Giờ là tháng Ramadan nên không được ăn uống vào ban ngày đâu anh bạn. Anh có thể ăn uống trong phòng và đừng để cho người khác thấy.

- Thế anh cũng theo đạo Hồi à? – Tôi thắc mắc hỏi.

- Không, tôi đạo Hindu nhưng cũng phải tuân thủ theo quy định đạo Hồi ở đây, nhập gia tùy tục mà! – Babu giải thích.

Thế đã rõ, tôi phải theo Babu cho lành nhưng đầu óc vẫn luôn nghĩ ngợi những điều không nghiêm ở một số bộ phận người Kuwait không theo những lời răn trong kinh thánh đạo Hồi.

Trước khi lên đường tôi cũng đã tìm hiểu về tháng Ramadan của người Hồi giáo. Đây là tháng thứ chín trong lịch âm Ả Rập, so với dương lịch thì ngắn hơn 11 ngày. Vì thế mặc dù tháng Ramadan luôn cố định theo lịch của họ nhưng so với dương lịch sẽ thay đổi theo từng năm. Trong suốt một tháng lễ này, tất cả các tín đồ đạo Hồi đều thực hiện nghiêm túc những quy định như không để bất cứ thứ gì vào miệng như không ăn, không uống, không hút thuốc và cả không quan hệ tình dục vào ban ngày, cụ thể là từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn. Việc nhịn ăn trong tháng lễ Ramadan, theo người Hồi giáo, nhằm giúp người theo đạo cảm thông với những người nghèo đói hoặc những tín đồ đồng đạo khác. Tìm hiểu về triết lý Hồi giáo thì tôi được biết thêm rằng hầu hết các tín đồ tin tưởng hành động nhịn ăn nhằm luyện cho con người một sự tiết chế, chống những cám dỗ vật chất, để thuận lợi cho việc lên thiên đàng sau này.



Một thánh đường Hồi giáo sáng đèn trong tháng lễ Ramadan.

Các nước Ả Rập đa phần nằm trên những vùng sa mạc rộng lớn có thời tiết nóng và khô nhưng suốt những giờ ban ngày họ không được động đến một giọt nước nào. Đây đúng là một sự rèn luyện ý chí kiên cường cho những tín đồ Hồi giáo trên thế giới. Người Hồi giáo cũng thực hiện nghiêm túc những quy định này bởi tháng Ramadan là điều thứ tư trong năm tín điều bắt buộc của người Hồi: một là tuyên đọc câu *Kalimah Sahadah*; hai là thực hiện lễ nguyện *Salah* tức là cầu nguyện một ngày năm lần vào các buổi bình minh, buổi trưa, buổi xế trưa, buổi chiều

và buổi tối; ba là bố thí; bốn là thực hiện tháng Ramadan; và điều cuối cùng là hành hương về thánh địa Mecca.

Tôi đến Kuwait vào lúc tháng Ramadan bước vào những ngày cuối của mức độ một, tức là từ ngày thứ nhất đến ngày thứ 10 hay những ngày *God's Mercy* tức ngày cầu nguyện để nhận được sự nhân từ của Allah. Từ ngày thứ 11 đến 20 là những ngày *God's Forgiveness* được hiểu là ngày xóa tội của Allah. Từ ngày thứ 20 đến 30 của Ramadan là *Salvation from Hellfire* được coi là những ngày cầu nguyện để tránh phải xuống địa ngục. Như vậy, theo lịch trình, có thể tôi sẽ có trọn vẹn tháng Ramadan ở Iran, Turkmenistan và Uzbekistan của người Hồi giáo, một trải nghiệm “đau khổ” cho những người ngoại đạo như tôi.



Ba ngọn tháp biểu tượng của một Kuwait vàng son.

Babu lái xe theo hướng đại lộ chính tiến ra khu vực trung tâm thành phố. Các công trình kiến trúc cao tầng dần xuất hiện trong lớp bụi mờ ảo từ sa mạc. Phố xá thênh thang rộng rãi. Hai bên đường là những lối đi dành cho người đi bộ được trồng hàng cây chà là thẳng tắp. Loài cây biểu tượng của các nước Ả Rập này không có nhiều tán lá để làm dịu bớt thời tiết oi bức ở Trung Đông, nhưng lại là loại cây thích hợp cho thổ nhưỡng sa mạc khô cằn. Sau bốn đến năm năm thì cây cho quả, thứ quả ngọt gắt, dẻo dẻo, bùi bùi như mít được xem là thứ thực phẩm khoái khẩu không thể thiếu được ở các chợ gia vị xứ Ả Rập. Babu chỉ cho tôi ba ngọn tháp cao được xem là biểu tượng của Kuwait. Thì ra đây là công trình tòa tháp Kuwait nổi tiếng được giới thiệu trên quyền tạp chí của hãng Cebu Pacific mà tôi vừa xem qua vào ngày hôm trước. Tòa tháp lớn nhất cao tới 187 mét gồm hai quả cầu nằm xếp chồng lên nhau. Quả cầu phía trên, nhỏ hơn, là một nhà hàng tự phục vụ. Từ nơi này, cứ mỗi nửa giờ, khách tham quan có thể nhìn thấy toàn cảnh thành phố Kuwait và vịnh Ba Tư. Quả cầu thứ hai phía dưới lớn hơn gồm bán cầu trên là ba nhà hàng và bán cầu dưới là bồn chứa 3.785.411,78 lít nước. Tòa tháp thứ hai là một quả cầu cũng chứa lượng dung tích nước tương tự như quả cầu của tòa tháp một được dùng để phục vụ cho thủ đô. Tòa tháp thứ ba là tòa tháp điện lực, giúp rọi sáng hai tòa tháp kia và lắp đặt thêm hệ thống

đèn pha bao quanh chân tháp. Babu bảo tôi nên trở lại khám phá tháp Kuwait vào ban đêm vì ba ngọn tháp sẽ được trang trí lung linh bằng hiệu ứng ánh sáng hiện đại nhiều màu sắc và xem người dân Kuwait vui chơi giải trí như thế nào vào những buổi tối. Babu lý giải rằng xã hội Kuwait ngày càng hiện đại, các trò chơi dân gian biến mất thay thế bằng các phương tiện giải trí hiện đại hơn. Khi hoàng hôn xuống, bên cạnh tháp Kuwait là những nhà hàng sang trọng sáng rực những biển hiệu nhiều màu của các loại đèn neon và khu vực công cộng được chính phủ đầu tư cho người dân vui chơi miễn phí, trong đó phần lớn là những lao động nhập cư như Babu.

– Anh ở Kuwait bao lâu? – Babu hỏi tôi.

– Mai tôi sẽ bay qua Iran – Tôi đáp.

– Sao anh đi gấp vậy? Kuwait không tốt à? – Babu hỏi dồn.

Tôi hơi lúng túng vì câu hỏi của anh chàng người Ấn. Thật sự, Kuwait cũng không có quá nhiều điều cho tôi lưu luyến vì tuy có khác Việt Nam nhưng đường phố, kiến trúc và cả văn hóa Hồi thì tôi không còn xa lạ có chăng là cuộc sống của những người di cư buồn bã như Babu hay Rodrigo. Nhưng tôi cũng cố trả lời anh ta theo kiểu xã giao.

– Không, vì kế hoạch của tôi chủ yếu là tham quan Iran.

Babu nhăn trán có vẻ như thất vọng vì chuyến cưỡi ngựa xem hoa của tôi ở Kuwait. Có thể anh chàng nghĩ rằng nhiều khách du lịch đến đây và ở lâu hơn sẽ giúp anh ta có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống nơi đất khách quê người. Thấy Babu im lặng nên tôi chủ động bắt chuyện:

– Thế Kuwait có gì hay không Babu hay chỉ phố xá thế này?

– Kuwait rất đắt đỏ nếu vui chơi ăn uống trong các nhà hàng đặc sản. Nếu anh muốn tham dự lễ hội thì hai ngày nữa là đến lễ Al-Qarqiaan. Lễ hội sẽ diễn ra ba ngày, đó là vào những đêm thứ mười ba, mười bốn và mười lăm của tháng Ramadan. Anh sẽ thấy rất nhiều trẻ em đi lang thang quanh các khu phố. Chúng sẽ hát vang và cầu nguyện Đấng tối cao Allah hãy bảo vệ trẻ em trong những khu nhà mà chúng ghé thăm. Các bà mẹ sẽ cho chúng kẹo và các loại hạt để thay lời cảm ơn trước sự chúc phúc của chúng. Nếu như các con tôi ở đây, chắc chắn chúng sẽ thích lễ hội này! – Babu chùng giọng ở câu cuối làm tôi cũng chạnh lòng. Một mảnh đời mưu sinh khôn khéo giữa phố xá vàng son ở Kuwait.

Xa xa, ẩn hiện một công trình kiến trúc với chiều cao nổi bật trong rừng các tòa nhà chọc trời ở thủ đô Kuwait. Tòa tháp ốp kính vàng màu đồng như quyển sách được uốn cong hé lộ những mảng tường trắng được thiết kế hoa văn rất độc đáo. Kiến trúc làm tôi gợi nhớ đến quyền kinh

Koran của người Hồi giáo. Khi mới hoàn thành, đây là tòa tháp cao nhất Kuwait và được xem là công trình cao thứ 15 trên thế giới. Không còn bàn cãi khi tài nguyên dầu hỏa dồi dào đã làm cho các nước ở Trung Đông mạnh dạn trong việc chinh phục độ cao bằng các tòa nhà hiện đại. Còn nhớ tòa nhà Taipei 101 ở Đài Loan cao 509 mét khi khánh thành là tòa nhà cao nhất thế giới chưa được bao lâu thì đã nhường lại vị trí này cho tòa tháp Buji Khalifa ở Dubai cao 828 mét. Cuộc chiến độ cao chắc chắn sẽ không dừng lại khi những dự án tòa nhà chọc trời trên thế giới vẫn đang tiếp tục triển khai, chủ yếu là sự cạnh tranh tầm cao của Trung Quốc và các quốc gia dầu mỏ ở Trung Đông.

Kuwait giờ đây là những con phố khang trang, những tòa tháp cao tầng hiện đại, những chiếc xe ô tô thể thao mui trần bóng lộn xuất hiện trên phố ngày càng nhiều. Nhưng tôi lại thương cảm đến số phận của những người nhập cư, đồng cảm với những tập tục tôn giáo truyền thống dường như chỉ là lớp sơn phấn bề ngoài. Đằng sau sự hào nhoáng của phố xá, sự khắt khe của luật lệ còn cho thấy một đất nước Trung Đông đang dần thay đổi về mọi mặt, giống như một nước Nhật đã chấp nhận hy sinh một phần bản sắc truyền thống để đổi lấy sự phát triển về kinh tế sau Thế chiến II. Nhưng người Nhật lại đi lên từ sự hoang tàn, không có tài nguyên, thiên tai luôn rình rập chỉ có tinh thần bền bỉ, sự chịu khó và đồng lòng là thứ vũ khí siêu hạng cho nước Nhật vươn lên về kinh tế. Còn Kuwait thì dường như được Thượng Đế ưu đãi hơn nhiều khi vùng đất từng là nền văn minh Lưỡng Hà lại sở hữu kho báu vàng đen khổng lồ mặc sức mà khai thác và hưởng thụ.

Từng cơn gió biển càng lúc càng nhật hơn như thử sức chịu đựng của lữ khách. Tôi chủ động nhờ Babu thả tôi xuống một trung tâm thương mại nào đó để trốn cái nóng ngày càng rát bỏng. Tôi tìm một góc khuất để lấy chai nước lọc 500ml rồi uống trong tích tắc, uống như chưa bao giờ được uống. Bỗng thấy mình như vừa thoát khỏi sa mạc mê mông cát và tìm được một ốc đảo xanh rờn. Tôi lại nhớ đến hành trình năm xưa của những đoàn người nhẩn nại. Họ di chuyển hàng tháng trời bằng qua các sa mạc khô cằn để đến những vùng đất mới cho quá trình sinh nhai của mình. Con đường tơ lụa có lẽ là cuộc mưu sinh vất vả nhất của người xưa trong quá trình làm giàu và vươn lên trong cuộc sống.

Bổ ngữ Kuwait

Kuwait là một quốc gia Trung Đông có diện tích thuộc hàng nhỏ nhất trên thế giới. Tên nước trong tiếng Ả Rập có nghĩa là “Pháo đài được xây dựng gần nước.” Đất nước nằm bên bờ vịnh Ba Tư thuộc phạm vi của nền văn minh Lưỡng Hà vang dội trong quá khứ. Chính vì thế, Kuwait được biết đến là một đất nước giàu có không chỉ nhờ vào trữ lượng vàng đen mà còn vì chứa đựng những yếu tố văn hóa truyền thống cổ xưa. Kuwait luôn gìn giữ mối liên kết chặt chẽ với

quá khứ và chính phủ nước này rất tự hào vì đã bảo tồn được các di tích lịch sử song song với việc gìn giữ các tác phẩm nghệ thuật và văn hóa hiện đại. Đằng sau những kiến trúc hào nhoáng ở Kuwait là cả một bề dày văn hóa được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Nền văn hóa Kuwait bao gồm nhiều hình thức nghệ thuật và diễn đạt khác nhau. Một nét nổi bật tượng trưng cho các xu hướng sáng tạo của Kuwait chính là hệ thống kiến trúc đa dạng, có thể thấy ở khắp nơi tại Kuwait, từ trung tâm thành phố với các tòa lâu đài hướng biển và các tòa nhà văn phòng của chính phủ cho đến những khu vực ngoại ô. Nét đặc trưng của kiến trúc nơi này thể hiện hầu hết mọi mặt trong đời sống văn hóa của Kuwait: đó là sự pha trộn giữa cũ và mới, giữa truyền thống và hiện đại, giữa khiêm nhường và khoa trương.

1. Visa

Việt Nam cùng công dân của 33 quốc gia/vùng lãnh thổ như: Ai-len, Andorra, Áo, Ba Lan, Bỉ, Brunei, Bồ Đào Nha, Canada, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Hy Lạp, Iceland, Luxembourg, Malaysia, Monaco, Na Uy, New Zealand, Nhật Bản, Pháp, Phần Lan, San Marino, Singapore, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Úc, Vương Quốc Anh, Vatican và Ý đủ điều kiện được cấp visa tại các cửa khẩu bằng đường hàng không và đường bộ. Với lệ phí ba Kuwaiti dinar bạn sẽ được cấp visa du lịch trong ba tháng cho một lần nhập cảnh. Nếu lưu trú quá thời hạn, khi làm thủ tục xuất cảnh bạn sẽ bị phạt hai Kuwaiti dinar mỗi ngày.

2. Phương tiện di chuyển

Từ Việt Nam, hiện tại chưa có đường bay trực tiếp đến Kuwait. Bạn có thể tìm vé máy bay nối tuyến sang các nước Đông Nam Á khác trước khi đến Kuwait. Một số hãng hàng không ở Đông Nam Á có đường bay đến Kuwait như: Cebu Pacific, Malaysia Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways hoặc bạn có thể sử dụng một số hãng hàng không Trung Đông và châu Á khác như: Jet Airways, Etihad Airways, Qatar Airways, Emirates Airlines, Turkish Airlines hay hãng hàng không quốc gia Kuwait Airways cũng có một số đường bay tới châu Âu, châu Á, châu Phi, Trung Đông và các quốc gia Đông Nam Á.

Nếu bạn cần một visa lúc đến sân bay, bạn không đi đến sảnh nhập cảnh ngay, mà phải tìm kiếm khu vực “cấp visa tại chỗ” đối diện với sảnh Dasman.

3. Khách sạn

Vì mức sống khá cao nên ở Kuwait rất ít dịch vụ dành cho khách du lịch bụi. Khách sạn tiêu chuẩn ở đây đa phần từ ba sao trở lên. Bạn có thể giữ phòng qua một số trang web đặt phòng trực tuyến như *Agoda.com* hay *Booking.com*. Phòng ở khách sạn ba sao có giá thấp nhất là 50 đô-la

Mỹ cho một đêm. Muốn đặt được giá này bạn phải giữ chỗ sớm. Đa phần các khách sạn tiêu chuẩn ba sao đều gần khu trung tâm, gần hệ thống xe điện ngầm đều có giá trung bình từ 70 đến 100 đô-la. Phòng ở được trang bị khá tiện nghi và sạch sẽ. Chăn, gối, ga giường đều được bọc nilông thơm mát và thơm phức. Một số khách sạn trang bị máy giặt, bàn là, bếp nấu ăn giành cho khách. Nếu bạn đi vào tháng chay Ramadan thì khách sạn sẽ không cung cấp bữa ăn sáng cho khách.

4. Ẩm thực

Nằm trong khu vực Trung Đông, văn hóa ẩm thực Kuwait bị ảnh hưởng bởi Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ và các món ăn vùng Địa Trung Hải. Món ăn truyền thống nổi tiếng của Kuwait là món cơm trộn *machboos*, một đặc sản được chế biến với thành phần chính là gạo *masmati* được nấu chín, ướp với các gia vị Trung Đông cùng thịt gà, thịt cừu, cá, trứng hay các loại rau.

Vì là quốc gia Hồi giáo nên Kuwait cấm giết mổ, ăn uống, nhập khẩu, lưu thông, mua bán thịt heo; cấm các sản phẩm có nguồn gốc hoặc được chế biến từ thịt heo dù là lượng rất nhỏ; cấm đồ uống có cồn. Trong các buổi tiệc, nước hoa quả, nước ngọt được thay thế cho rượu bia. Tuy nhiên với lợi thế nằm trên vịnh Ba Tư, ẩm thực Kuwait rất xem trọng nguồn thực phẩm từ biển. Vì thế, hải sản, đặc biệt là cá, đóng vai trò rất quan trọng trong chế độ ăn uống của Kuwait. Khách du lịch nên thưởng thức loại cá đặc trưng của địa phương như *hamour*, *safi* hay *sobaity* thường được các nhà hàng chế biến bằng cách nướng, rán và ăn kèm với cơm *biryani*.

Bánh mì tròn truyền thống của Kuwait được gọi là *khubz*. Đó là loại bánh mì dẹt được nướng trong những lò nướng đặc biệt. Người Kuwait rất thích dùng *khubz* chấm với nước mắm *mahyawa* trong các bữa ăn ở gia đình.

Ngoài ra, ở Kuwait có rất nhiều món ăn châu Âu, châu Mỹ, Nhật Bản, Trung Hoa do các đầu bếp quốc tế chế biến.

5. Một số lưu ý khác về tôn giáo, văn hóa

- Kuwait tuân theo quy định của luật Hồi giáo Shariya và quy định Halal của Liên minh Hồi giáo thế giới. Những hành vi báng bổ, phỉ báng Thánh Allah, Tiên tri Muhammad, Kinh Koran của người Hồi giáo, hay phá hoại nhà thờ, nơi linh thiêng đều bị kết tội rất nặng.
- Cấm nhập khẩu các sản phẩm văn hóa trái với quy định của đạo Hồi như: văn hóa phẩm đồi trụy, văn hóa phẩm thuộc các tôn giáo khác, có nội dung chống lại thuần phong mỹ tục truyền thống đạo Hồi, các loại tượng Chúa, tượng Phật...

- Thời gian làm việc thông thường ở Kuwait bắt đầu từ 8 giờ sáng (trong tháng chay Ramadan có thể từ 9 giờ) kết thúc khoảng hai giờ chiều và bắt đầu ăn trưa (đây là bữa ăn chính). Thứ Sáu là ngày linh thiêng của đất nước này, cơ quan nhà nước và các công ty nghỉ làm việc. Thứ Bảy là ngày cuối tuần của Kuwait và mọi hoạt động của tuần mới sẽ bắt đầu vào Chủ Nhật.
- Trong tháng Ramadan, người Kuwait cũng thực hiện việc kiêng khem như tất cả người Hồi giáo trên thế giới. Trong thời gian này các cửa hàng ăn đều đóng cửa vào ban ngày, bất kỳ hoạt động sát sinh nào cũng bị cho là tội lỗi và không được phép thực hiện. Vào lúc hoàng hôn, các gia đình người Kuwait và bạn bè tụ tập nhau để mừng lễ Iftar cho việc kết thúc thời điểm ăn chay trong ngày. Các lễ hội thường kéo dài suốt đêm. Nhìn chung, trong thời gian lễ Ramadan, mọi hoạt động diễn ra chậm hơn bình thường.
- Người Kuwait không phải là không hiếu khách (*sau khi tôi có dịp tiếp xúc nhiều người dân Kuwait hơn*) tuy nhiên điều quan trọng là phải cư xử theo chuẩn mực văn hóa của họ. Trong xã hội Kuwait, phụ nữ đóng vai trò quan trọng hơn so với phụ nữ các quốc gia Hồi giáo khác, có nhiều người làm việc tại các cơ quan nhà nước hay các công ty.
- Đàn ông Kuwait giữ kín thông tin nữ giới trong gia đình, dòng tộc. Người ngoài không nên đặt câu hỏi về vợ và những người phụ nữ trong gia đình họ.

6. Các điểm tham quan

Bạn có thể tham quan một số địa điểm nổi bật khi đến Kuwait như: tháp Kuwait, nhà thờ Hồi giáo (Grand Mosque), tháp Giải Phóng (Liberation Tower), tòa Tháp Al Hamra, cung điện Seif, bảo tàng quốc gia Kuwait, cung điện Bayan, chợ Mubarakeya, trung tâm trưng bày của Công ty dầu hỏa Kuwait (KOC)... để có thể chiêm ngưỡng một Kuwait vàng son.

2. Đây là tên gọi tháng thứ 9 của âm lịch Ả Rập. Tháng Ramadan theo dương lịch thay đổi từng năm, không có ngày thống nhất. Trong suốt một tháng lễ này, tất cả các tín đồ đạo Hồi đều thực hiện nghiêm túc quy định: không ăn, không uống, không hút thuốc... nghĩa là không được đưa bất kể thứ gì vào miệng (kể cả không sinh hoạt tình dục), nhưng chỉ áp dụng vào ban ngày – cụ thể là từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn mà thôi.

3. Một tỉnh thuộc tây bắc Campuchia.

4. Đồng Dinar, đơn vị tiền tệ của Kuwait

Chương 4. Tâm hồn Ba Tư

Hình ảnh đất nước Ba Tư huyền thoại luôn xuất hiện trong những giấc mơ đẹp đẽ của tôi từ thuở mới biết chạy chiếc xe đạp quanh quần trong xóm. Khi đó, nhà tôi có chiếc tivi 14 inch nhỏ xíu hoạt động nhờ vào chiếc bình ắc quy trên chiếc xe Daihatsu của ba tôi vì thời điểm đó điện thường xuyên bị cắt. Những lúc tối trời, những bộ phim hoạt hình về tám thám bay làm lũ con nít chúng tôi dán mắt vào màn hình không rời. Tôi ước một lần nào đó được bay trên tám thám thần của anh chàng Aladdin ở xứ Ba Tư thần thoại. Lớn lên chút tôi mới biết cái xứ Ba Tư ngày xưa chính là Iran, một quốc gia Hồi giáo ở Trung Đông mà thế giới nhắc đến như một lò thuốc súng với đầy rẫy thông tin về hạt nhân, chiến tranh, nạn phân biệt đối xử giới tính, hay khó nghe hơn là vấn đề về nhân quyền. Bây giờ, khi muốn lưu lạc về những vùng đất trên Con đường tơ lụa huyền thoại thì những thông tin về Iran lại mở ra cho tôi nhiều điều thú vị bất ngờ. Sự thú vị từ vùng đất Ba Tư được ẩn sâu vào những yếu tố văn hóa từ vật chất cho đến tinh thần. Tôi đã thử một việc mà từ trước đến nay không đời nào nghĩ tới vì luôn cho mình thuộc người theo chủ nghĩa vô thần, không mê tín là xem bói về chuyến đi của mình ngay trên vùng đất Ba Tư kỳ diệu. Và tôi đã nhận diện ra một tâm hồn Ba Tư rất đổi thân thương...

Iran có an toàn không?

Một số bạn bè thân khi biết tôi đi Iran đều hỏi câu ấy. Thật sự rất khó trả lời vì tôi đã đặt chân đến Iran đâu mà biết. Nhưng qua thông tin từ những người đi trước và quá trình gửi e-mail cho các lữ khách đi trước qua *Tripadvisor* thì tôi hoàn toàn tự tin cho quyết định của mình. Từng lang thang nhiều nơi trên thế giới, quyết định đến đâu đó tôi cũng tìm hiểu thông tin cho thật kỹ nhất là các quốc gia được mệnh danh là bất ổn, khủng bố hay tình trạng an ninh xã hội kém. Khi đã có được những thông tin cần thiết từ các bạn đồng hành đã và đang ở đấy thì cứ thế mà lên đường. Phần còn lại do chính bản thân mình định đoạt. Tôi thường nghĩ, an toàn hay không phụ thuộc chính kỹ năng sống của mỗi người. Cho dù bạn đến một quốc gia có tiếng là ít tội phạm như New Zealand hay Thụy Sĩ thì bạn cũng sẽ không tránh khỏi những hiểm nguy nếu không tự trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết. Ví như mặc dù là trai tráng nhưng tôi luôn không đi quá khuya vào chỗ vắng người, không mang theo quá nhiều tiền mặt và sử dụng thẻ khi thanh toán, không bắt chuyện với những người lạ, phải có óc quan sát và đặt niềm tin vào trực quan của mình. Với những kinh nghiệm vật ấy, tôi giảm thiểu tối đa những nguy hiểm mà người đi du lịch bụi thường gặp. Iran cũng không ngoại lệ. Một đất nước luôn tạo ra cho nhiều người niềm hoài

nghi về nó. Nào là một quốc gia Hồi giáo với những luật lệ khắc nghiệt, nằm trong khu vực bất ổn nhất trên thế giới khi có đường biên giới giáp với Iraq, Afghanistan và Syria, hay luôn có sự hiềm khích với phương Tây trong chương trình vũ khí hạt nhân. Tóm lại Iran được nhắc như trung tâm của lò thuốc súng ở Trung Đông. Những tin tức truyền thông từ phương Tây, những phát biểu cứng rắn của những nhà cầm quyền Iran luôn tạo ra một khoảng cách nhất định giữa họ và phần còn lại của thế giới.

Thật sự nhắc đến Iran, người Việt đều luôn e ngại đến sự an toàn. Mặc dù, Iran luôn chào đón khách du lịch trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng nhưng thật sự đến giờ chưa có các công ty lữ hành nào tại Việt Nam mạnh dạn khai thác các sản phẩm du lịch đến Iran. Cũng dễ hiểu vì người Việt luôn đề cao tính an toàn khi đi du lịch. Một đất nước có quá nhiều “tai tiếng” không thể là sự lựa chọn cho du khách Việt ít nhất trong giai đoạn này. Sự “tai tiếng” này trước khi đi tôi cũng không nghĩ mình sẽ là người có một phần trách nhiệm. Khám phá qua nhiều quốc gia ở năm châu lục khác nhau nhưng sau khi tôi trở về từ hành trình Con đường tơ lụa thì tôi nghĩ mình cần phải có trách nhiệm giải oan cho sự “tai tiếng” ấy. Vì sao? Bởi chính người Iran đã cho tôi có một cảm nhận khác về cuộc sống, về văn hóa, về tôn giáo và về con người ít nhất những nơi tôi đã đi qua trên đất nước này. Hành trình trải nghiệm của tôi đã có ý nghĩa hơn rất nhiều và không cần đợi đến khi ghi lời kết cho quyển sách này tôi cũng có thể khẳng định *“Iran là đất nước an toàn nhất mà tôi biết!”*

Hãy khoan vội tin cũng như phản bác khi bạn chưa đọc hết những ngày trải nghiệm tuyệt vời của tôi ở Iran ngay sau những con chữ này nhé.

Những câu chuyện lượm lặt ở Tehran

Câu chuyện thứ nhất: Đừng nghĩ chỉ có Singapore là sạch sẽ



Đường phố Iran sạch sẽ, thoáng đãng.

Đường phố Iran sạch sẽ là điều tôi cảm nhận đầu tiên khi đến thủ đô Tehran. Hai bên đường được trồng rất nhiều cây xanh để lấy bóng mát ở xứ Trung Đông thừa thãi sa mạc này. Tôi từng có cảm tình với Singapore bởi đây là đất nước gần gũi Việt Nam mà ai cũng biết đến vì môi trường xanh sạch đẹp. Phúc lợi ở Singapore cũng được chính phủ quan tâm bằng việc cung cấp nước uống công cộng ở một số nơi trong thành phố. Tuy nhiên, điều “lạ lẫm” này còn được Iran thực hiện tốt hơn nhiều. Cũng nói thêm, việc chính quyền cung cấp nước miễn phí cho người dân là một trong những điều tôi không tưởng tượng về Iran trước khi lên đường. Thành phố mặc dù nhiều khói bụi do các phương tiện vận chuyển, hoặc bão cát từ sa mạc thổi vào nhưng đường sá vẫn rất sạch sẽ, thùng rác được trang bị khắp mọi nơi. Tôi để ý thấy cứ khoảng 50 mét là có một thùng rác công cộng và một máy nước nóng lạnh bằng inox để cung cấp cho người dân. Cánh tài xế taxi, khách vắng lai đi đường, những học sinh trong giờ tan tầm đều có thể sử dụng hệ thống nước máy tiện lợi này. Mùa đông người dân có thể sử dụng nước nóng, còn những ngày hè nóng ran thì các máy nước công cộng này sẽ cung cấp dòng nước mát lạnh cho họ. Quả thật, đây là một đất nước đáng ngưỡng mộ khi người dân được quan tâm từ những điều thiết yếu nhất.

Câu chuyện thứ hai: Giá xăng dầu rẻ hơn nước lọc

Iran là một trong số những quốc gia có trữ lượng dầu hỏa lớn thứ tư trên thế giới và nằm trong Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC. Điều này không có gì khó khăn để lý giải vì sao giá xăng dầu ở đây rẻ hơn nước lọc. Chi phí bình quân cho một lít xăng ở Iran khoảng 7.000 *rial*, tức khoảng 5.200 đồng Việt Nam, rẻ hơn giá chai nước khoáng một lít có thương hiệu được bày bán

trong siêu thị Việt. Những ngày ở Tehran, tôi thường xuyên sử dụng các phương tiện công cộng kể cả taxi có chi phí rất rẻ để thăm thú các nơi trong thành phố. Vì giá xăng dầu rẻ nên cánh tài xế taxi chỉ đưa ra mức giá thương lượng với khách cho đoạn đường đi dựa vào công sức của họ chứ không lệ thuộc quá nhiều vào chi phí xăng dầu. Nhiều năm chịu lệnh trừng phạt của quốc tế liên quan tới chương trình hạt nhân gây tranh cãi, Iran đã chứng kiến nguồn thu từ xuất khẩu dầu của nước này đang cạn kiệt. Tình hình ngân sách bị dít, chính phủ đã phải cắt giảm trợ cấp giá xăng dầu kể từ năm 2010. Tuy vậy, đến nay, Iran vẫn luôn là một trong mười quốc gia có giá cả xăng dầu rẻ nhất trên thế giới bởi các chương trình trợ giá cho người dân. Thu nhập trung bình 14 đô-la Mỹ cho một ngày trong đó người Iran mất khoảng 2,54% thu nhập hàng ngày để đổ một lít xăng.

Câu chuyện thứ ba: Tehran đa sắc

Như đã nói, tôi có dịp dạo quanh thủ đô bằng nhiều phương tiện giao thông công cộng khác nhau từ xe buýt, taxi, xe điện ngầm để ngắm phố xá hay đến sứ quán để hoàn tất thủ tục visa cho chặng đường tiếp theo ở Trung Á. Những chuyến đi từ khu Nam, nơi nhà nghỉ tôi tọa lạc, đến khu Bắc cho thấy Tehran là một thành phố được quy hoạch khá bài bản và phóng khoáng. Tehran không có những kiến trúc cao tầng hoành tráng mà mang dáng vẻ của một thành phố lao động bình dân. Thành phố thủ phủ này rộng lớn và đông dân nhất nước với 14 triệu người, chủ yếu là giới trẻ. Tôi có dịp trải nghiệm bằng xe buýt trên đại lộ Fali Qasr (trước Cách mạng Hồi giáo năm 1979 được gọi là đại lộ Bahlawi theo tên của quốc vương Iran thời ấy), chạy suốt từ cực Nam đến cực Bắc thành phố. Người Tehran tự hào cho rằng đây là đường phố dài nhất cả vùng Trung Đông.



Tehran như một đô thị bình dân với nhiều tòa nhà màu sữa trông cổ điển.

Bắt đầu từ khu trung tâm mang dáng dấp rõ nét kiểu kiến trúc đô thị châu Âu cổ. Đó là những cao ốc màu sữa, tất cả đều có dạng hộp diêm. Đặc điểm kiến trúc này có nguồn gốc từ ảnh hưởng của đế quốc Anh thế kỷ XIX, khi NasruDeen Shah, một quan cai trị có tiếng của thời đại Gajari, đã đưa kiến trúc phương Tây xâm nhập vào Iran.

Thành phố gây cho tôi cảm giác ngạc nhiên vì tính đa dạng mà mỗi khu vực lại mang một sắc thái riêng. Phía Bắc thành phố khác với phía Nam, cũng chẳng giống phía Đông và hoàn toàn khác biệt với phía Tây. Từ xa xưa, khu Nam đã là trung tâm thương mại của Tehran.

Hiện nay, trong các chính sách mở rộng đô thị, khu Bắc đang cạnh tranh với khu Nam về vị trí trung tâm của hoạt động kinh doanh, thương mại và các dự án mới. Khu trung tâm tập trung các quảng trường, cơ quan bộ, bảo tàng, cao ốc văn phòng và khách sạn. Thế mạnh và bản sắc thật sự của Tehran thể hiện ở khu Nam và khu Bắc thành phố. Ở khu Nam Tehran có những viện bảo tàng danh giá nhất đất nước như Bảo tàng Quốc gia Iran, Bảo tàng Quốc gia về các báu vật và Dinh Jalsatan, một pháo đài được xây dựng từ thời đại Safawi, nhưng đến thời NasruDeen Shah đã biến thành một lâu đài theo kiểu kiến trúc phương Tây.

Việc xây dựng này cũng tương tự với các trào lưu mở rộng đô thị của các thành phố đông dân ở châu Á, điển hình là khu bờ đông, bờ tây ngăn cách bởi con sông Hoàng Phố ở Thượng Hải hay chính sách mở rộng khu đô thị Thủ Thiêm để giảm áp lực khu trung tâm hiện hữu ở Sài Gòn.



Một bến xe buýt công cộng với kiến trúc độc đáo ở khu Bắc thành phố.

Chỉ với khoảng một giờ chạy xe từ phía Nam, qua trung tâm lên phía Bắc Tehran, tôi cảm thấy như mình đang đi qua những thành phố khác nhau ở Iran. Ở khu Bắc cũng tập trung các đại sứ quán nước ngoài nằm trong những khu phố với nhiều kiểu dinh thự biệt lập dưới những tán cây cổ thụ xum xuê. Khu Bắc cũng tập trung các trung tâm thương mại tràn ngập hàng hóa của châu Âu, châu Mỹ mà nghe nói vài ba chục năm trước vẫn là thôn quê vắng vẻ, nay trở thành những mảnh đất vàng đắt giá nhất thủ đô. Kề bên khu Bắc, dưới chân núi *Al-Bourz* là những quần thể du lịch xây dựng theo kiểu làng quê Thụy Sĩ. Nhiều tiệm ăn thanh lịch và những quán bar thơ mộng rải rác trên sườn núi. Các siêu thị ở đây bán đủ loại hàng hóa sang trọng, từ quần áo đến đồ điện, đồ trang trí nội thất cao cấp, kể cả những mặt hàng Ba Tư truyền thống.

Cư dân của khu Bắc thủ đô là tầng lớp khoa học kỹ thuật Iran, các thương gia giàu có, các nhà kinh doanh tư nhân, kỹ sư tiếng tăm, bác sỹ tài ba, nhà văn nổi tiếng, các diễn viên điện ảnh giàu sự... Họ thường có dịp sang châu Âu, châu Mỹ và các quốc gia Ả Rập vùng Vịnh để du lịch hay mua sắm những hàng hóa xa xỉ, đắt tiền. Tôi có dịp tản bộ để tìm đại sứ quán Uzbekistan tọa lạc tại khu vực này để phát hiện thêm một Tehran duyên dáng khác. Đó là hình ảnh các nữ sinh đến trường với khuôn mặt trang điểm kỹ lưỡng, trang phục hợp thời với quần jean, áo khoác lửng, những đôi giày boots sang trọng, những cặp kính mát đắt tiền và khăn choàng đầu sắc sảo. Tôi không thấy nhiều phụ nữ với trang phục *chador* truyền thống của người Hồi giáo Iran ở khu bắc thành phố này. Đúng là một thủ đô đa sắc trong một quốc gia kỳ diệu.



Tháp truyền hình là biểu tượng của một Tehran hiện đại

Câu chuyện thứ tư: Thành phố như những khu chợ trời

Tuy không đông đúc, ngột ngạt như thủ đô Bangkok của Thái Lan hay Jakarta ở Indonesia, Tehran cũng có hơn hai triệu chiếc ô tô đang dần quá tải với hệ thống đường sá của thành phố trong những năm gần đây. Tôi thấy không khác Việt Nam là bao khi lái xe ở Tehran là một thử thách sinh tử vì các phương tiện giao thông cứ chạy lung tung, không xin đường, cũng không giảm tốc độ khi qua những giao lộ lớn hay trong các con hẻm nhỏ đông dân cư. Chỉ có khác là họ không bóp còi tán loạn khi lưu thông như ở xứ mình. Tôi đã từng hú vía khi phải tránh những

thanh niên trẻ tuổi phóng bạt mạng trên chiếc xe gắn máy phân khối lớn lên tận lề đường dành cho người đi bộ đang tấp nập qua lại trên phố.

Tai nạn giao thông ở Iran vào loại cao nhất thế giới như lời thừa nhận của anh tài xế lái taxi. Nguy cơ tai nạn tập trung cao ở Tehran, nhất là khu phía Bắc, bởi có nhiều đường dốc khúc khuỷu bao quanh các ngọn đồi. Tôi từng can thiệp vào cách điều khiển xe của tài xế khi chạy trên đường thì nhận được câu trả lời tron tuột: “Đây là cách lái xe ở Iran. Chúng tôi quen như thế rồi.”

Sau cách mạng Hồi giáo, chính quyền Tehran đã thực hiện thu phí những ô tô đi vào khu trung tâm thành phố. Hàng trăm đường mới đã được xây dựng trong nội ô, đường tàu điện ngầm cũng được đưa vào sử dụng từ hơn 10 năm trước với sức chở hơn nửa triệu lượt khách mỗi ngày, tuy nhiên chưa cải thiện được bao nhiêu tình trạng ách tắc giao thông nan giải ở thành phố đông dân cư này.

Đa phần ô tô riêng ở Tehran có thể được dùng để chở khách lấy tiền mà không cần giấy phép hoặc một thủ tục đặc biệt nào. Buổi chiều hoặc ban đêm có thể thấy những xe hơi sang trọng của tư nhân được dùng làm taxi. Ở đây, việc này không vi phạm pháp luật, chủ xe không bị một ràng buộc nào và cũng không phải nộp thuế thu nhập dùng xe riêng làm taxi như lời tài xế giải thích cho mức giá hơi khi khách di chuyển bằng các loại xe này.

Giống như một số nước Hồi giáo Trung Đông khác, hệ thống xe buýt và xe điện ngầm ở Tehran thường chia hai khu vực riêng biệt cho đàn ông và phụ nữ. Tuy nhiên, phần lớn những nơi công cộng khác như rạp chiếu phim, quán giải khát, nhà hàng, đa phần các giảng đường đại học... đều không tách biệt nam nữ.

Bazaar (chợ) là nét văn hóa đặc trưng ở Iran từ thời xa xưa. Tehran là thủ đô có nhiều khu bazaar sầm uất nhất cả nước, kể cả khu vực Trung Đông rộng lớn. Đối diện khu hostel của tôi là một bazaar với bảng hiệu lớn phía trước ghi hai dòng chữ Iran và tiếng Anh “khu chợ phụ tùng ô tô lớn nhất Trung Đông.” Rõ ràng, đây là khu vực của các chợ đầu mối ở thủ đô, nơi có truyền thống tập trung nhiều loại hàng hóa rồi tỏa ra tứ xứ. Cách đó không xa là khu chợ Grand Bazaar của Tehran, được xem là trung tâm thương mại của thủ đô. Đây là khu chợ lâu đời nhất và lớn nhất Tehran. Hiện nay, trong chợ còn nhiều công trình xây dựng và những bức tường tới 400 năm tuổi. Nhưng phần lớn kiến trúc ở đây mới hình thành trong vòng 200 năm trở lại. Người ta ước tính thành phố này chiếm tới 30% tổng số lưu lượng thương mại của cả nước. Các thương gia xuất thân cho nước ngoài có nguồn vốn bằng ngoại tệ mạnh. Họ như những chủ ngân hàng, có thể cho vay lấy lãi và là một thế lực quan trọng có tầm ảnh hưởng đến các chính sách kinh tế,

chính trị của đất nước.



Một góc khu chợ gia vị ngoài trời ở Grand Bazaar.

Đối với du khách thì *Grand Bazaar* là một mê cung với các khu phố ngóc ngách dọc ngang chằng chịt, chẳng khác nào hệ thống mạng nhện khổng lồ na ná như khu Chợ Lớn ở Sài Gòn. Chợ chia thành nhiều phố ngành hàng, mỗi phố dành riêng cho một ngành hàng riêng biệt. Có phố bán thảm, phố bán vàng, bạc và đồ trang sức bằng đồng. Đồ gia dụng được chiếm trên một con phố lớn. Phố khác là quần áo, nước hoa và hàng thủ công truyền thống. Có cả một phố riêng cho quần áo nhái nhãn mác của những thương hiệu nổi tiếng thế giới. Tuy phong phú về hàng hóa nhưng nếu không có người bản xứ biết ngoại ngữ hướng dẫn thì khách du lịch và người nước ngoài chỉ có thể ngắm các cửa hàng mà không mua được gì vì tại đây chỉ có một ngôn ngữ được sử dụng là tiếng *Farsi*. Đôi lần tôi cũng gặp một số thanh niên Iran trẻ tuổi gọi chuyện bằng tiếng Anh cốt để giới thiệu cho một cửa hàng bán thảm trong chợ. Một điều dễ thấy nữa là các sạp hàng đều không ghi giá bán. Không riêng gì tại *Grand Bazaar* mà các siêu thị, cửa hàng lớn nhỏ tại Tehran nói chung đều không ghi giá các mặt hàng. Tôi phải rút kinh nghiệm nhiều lần mới có thể hiểu rõ cách tính toán và giao tiếp thương mại của người Iran. Tỷ dụ như khi được hỏi giá, chủ cửa hàng đa phần nói giá bằng đơn vị *toman* chứ không dùng đơn vị *rial*. Vì hiện nay mệnh giá đồng *rial* khá nhỏ nên trong giao dịch người dân thường dùng đơn vị tính là *toman* để rút gọn theo nguyên tắc một *toman* bằng 10 *rials*. Phải đến ngày cuối cùng ở Tehran, tôi mới có thể thuận thực chuyển đổi khi người Iran nói 20.000 cho một món hàng nào đó có nghĩa là tôi phải thanh toán 200.000 *rial* cho họ.



Giới thương nhân cầu nguyện trong một thánh đường Hồi giáo ở Grand Bazaar.

Giữa khu chợ là một giáo đường kèm theo một dinh quản lý để hoàn thiện triết lý văn hóa và kiến trúc “có chợ thì phải có giáo đường và dinh thự.” Các thương gia đều tập hợp trong giáo đường vào giờ cầu kinh hằng ngày. Xong việc cầu kinh, họ thường ngồi lại đàm đạo những việc cùng lưu tâm. Họ thường phối hợp với nhau trong mọi chuyện, kể cả việc bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử. Trong khung cảnh những chuyển biến lớn lao của đất nước cả về kinh tế và chính trị, nhiều thương gia ở chợ cũng đã chuyển lĩnh vực hoạt động. Một số người chuyển qua đầu tư địa ốc. Một số khác sang ngành đồ điện tử hay điện gia dụng của các thương hiệu nổi tiếng châu Á. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy những khó khăn mà giới thương gia của chợ đang phải đối phó

và sự suy giảm địa vị kinh tế - xã hội của tầng lớp này. Mặt khác, đây cũng là dấu hiệu có sự chuyển đổi tư tưởng vốn rất cố hữu của họ. Do tình trạng kinh tế suy giảm và ngành du lịch mất nhiều khách, thương gia ở *Grand Bazaar* không thể bám mãi vào ngành hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống vốn giá thành rất cao.

Ngày nay, cuộc “tấn công” của hàng Trung Quốc giá rẻ chất lượng thấp đã biến khu thương mại truyền thống lịch sử này thành một chợ bình dân. Phần lớn hàng thủ công Iran đã bị thay thế bằng hàng Trung Quốc. Một thương gia ở chợ nói với tôi: “Tôi làm thế nào được khi mọi người đều thích rẻ. Không thể bán hàng Iran được nữa. Có lẽ anh bạn chỉ nhìn thấy chúng trong các bảo tàng mà thôi.”

Tôi xem Tehran là thành phố như những khu chợ trời đầy thú vị.

Câu chuyện sau cùng: Người con gái Iran

Ngày cuối cùng ở Tehran, vừa bước chân ra khỏi ga xe điện ngầm tôi bắt gặp một cô gái Iran với đôi mắt đen huyền, mê hoặc bởi hàng mi cong vút đặc trưng của Trung Đông. Cô ấy khoác trên người bộ trang phục đen truyền thống của phụ nữ Hồi giáo, không che mặt nên để lộ nụ cười rất duyên. Cô thở thè bằng tiếng Anh khá rành rọt:

– Anh muốn tìm trạm xe lửa phải không?

Theo quán tính, tôi giật mình và nhìn vào mắt cô ấy. Tôi vốn thích ngắm những đôi mắt thuần Trung Đông không cần phải mascara như một số cô nàng châu Á khác. Rồi tôi tự nhủ: “Tại sao cô ấy biết mình đang tìm trạm xe lửa nhỉ?” Tôi chợt nhớ thì ra trước khi bước chân ra khỏi nhà ga, tôi có hỏi thăm anh chàng bảo vệ đường đến trạm xe lửa gần đây. Có lẽ cô nàng này nghe lỏm và cố tình đợi tôi ở cửa ra. Hiểu được mọi chuyện, tôi gật đầu trả lời:

– Yes!

– Anh có thể đợi em chút xíu, em đang đợi người bạn đến đón, khoảng năm phút thôi. Chúng em đến sẽ dẫn anh đến trạm xe lửa ở gần đây.

Tôi sửng sốt về lời đề nghị giúp đỡ dễ thương từ cô gái mà cứ ngỡ những luật lệ Hồi giáo khắc khe sẽ làm cho người phụ nữ “giữ kẽ” hơn với nam giới, đặc biệt là người lạ. Chúng tôi bắt đầu rôm rả và hỏi thăm nhau một số thông tin cá nhân, về chuyến du lịch của tôi đến đất nước cô ấy rồi cô say sưa kể về chuyến du lịch lần đầu ra nước ngoài của mình đến Hàn Quốc vào mùa thu năm ngoái.

Vài phút sau đó, một anh chàng cao to diện mạo giống người Nam Á hơn là người Iran bước đến. Họ dẫn tôi hướng về phía trạm xe lửa dưới cái nóng hầm hập của những ngày hè ở Tehran. Từ trạm xe điện ngầm đến ga xe lửa với quãng đường khá xa nhưng cuộc nói chuyện của chúng tôi dường như rút ngắn khi nào không hay. Họ đưa tôi đến quầy bán vé và giúp hỏi thông tin để mua vé lên Tabriz. Tuy nhiên, phòng vé chỉ bán những vé vào giờ chót, còn nếu đi vào ngày hôm sau như dự định của tôi thì phải đến các công ty du lịch để mua. Họ sốt sắng hỏi thông tin để tiếp tục tìm công ty du lịch ở gần đó. Tôi mua được một vé giường nằm khá tốt trên tàu vì được cô gái phiên dịch giúp. Trước khi chia tay, tôi đề nghị chụp chung một tấm ảnh lưu niệm với họ và tất nhiên nhận lại cái gật đầu không chút do dự từ cô gái. Sự nhiệt tình của đôi bạn trẻ Iran không dừng lại ở đó. Họ quyết đưa tôi về lại khách sạn khi cho rằng tôi sẽ bị lạc mất khi tự tìm đường về mặc dù họ có chỉ dẫn tường tận như thế nào đi nữa. Chúng tôi lại quay về nhà ga xe điện ngầm. Lần này cô nàng không vào khu vực dành cho nữ giới mà đứng cùng tôi trò chuyện cho đến những trạm xe điện cuối cùng.

– Mai em nghỉ phép. Nếu anh muốn, em sẽ đưa anh đi lòng vòng Tehran bằng bất cứ phương tiện nào anh thích: xe buýt, xe điện, xe gắn máy hay thậm chí xe đạp – Cô nàng nhìn tôi bền lên.

Tôi bất ngờ nhưng cũng cố gắng nhìn anh bạn trai cao to sẽ có thái độ như thế nào trước lời đề nghị của cô bạn gái. Anh ta nở một nụ cười thân thiện, nháy mắt với cô bạn gái như cả hai đã thỏa thuận sẵn sàng tiếp một lữ khách phương xa. Tôi chết trân vì thái độ quá duyên này nhưng chưa biết phải trả lời sao vì hành trình đã lên lịch từ trước. Tôi lại tự suy diễn. Giá như tôi có nhiều thời gian hơn ở Tehran. Giá như ngày mai tôi không phải làm visa Uzbekistan. Hay... hay giá như tôi có thể thay đổi kế hoạch khám phá Con đường tơ lụa của mình... Nhưng rồi tôi cũng không thể có đáp án cho nhiều cái “giá như” ấy. Thế là tôi đành phải từ chối và không quên xin địa chỉ e-mail để gửi cho cô ấy và người bạn trai tấm hình kỷ niệm.

Trong suốt chuyến đi dọc theo Con đường tơ lụa, không ít lần tôi nhận được sự chào đón thân thiện, giúp đỡ nhiệt tình của người dân bản địa chứ không phải họ chỉ tò mò về sự lạ lẫm của du khách nước ngoài. Một cậu trai chỉ biết tiếng Anh bập bõm bán rau củ ngoài chợ sẵn sàng chở tôi ra bến xe khách cách đó cả chục ki-lô-mét bằng chính chiếc xe ô tô cà tàng mưu sinh của gia đình. Một chủ tiệm bánh dúi cho tôi một vài chiếc bánh ăn dọc đường khi biết tôi là khách du lịch đến từ Việt Nam. Một gia đình Iran kể lể chuyện của họ một cách say sưa với một vị khách hoàn toàn xa lạ. Một nhân viên ở ngân hàng trong giờ làm việc sẵn sàng xin sếp tạm nghỉ để hướng dẫn bằng được tôi tới nơi của sứ quán Uzbekistan ở Tehran... Có thể xã hội Iran ngày càng hiện đại, người theo đạo Hồi cởi mở và cần được thế giới quan tâm, chia sẻ nhiều hơn?!

Phiên chợ Ba Tư ở Tabriz

Iran có nhiều khu chợ, bởi đây là những điểm dừng chân quan trọng trên vùng đất Ba Tư nhộn nhịp, giàu có xưa kia. Từng đoàn thương nhân từ phương Đông trải qua hàng nghìn ki-lô-mét, vượt qua bao nhiêu núi cao hiểm trở, những sa mạc rộng lớn để đến với những phiên chợ Ba Tư sầm uất từ hàng ngàn năm trước. Hầu như thành phố nào cũng có những bazaar khổng lồ với vô số các mặt hàng được bày bán bên trong. Tôi rất háo hức để đến với phiên chợ Ba Tư truyền thống ở thành phố biên ải Tabriz vì đây là ngôi chợ xuất hiện cùng thời với Con đường tơ lụa. Tabriz là thành phố lớn thứ tư ở Iran và là thủ phủ của tỉnh Đông Azerbaijan nằm ở phía Bắc Iran. Tabriz là cửa ngõ quan trọng trên Con đường tơ lụa khi vào đất nước Ba Tư nên nơi đây từ lâu đã hình thành những khu chợ có quy mô bậc nhất thế giới thời bấy giờ. Từng đoàn lạc đà sau khi vượt một chặng đường dài gian khổ, chúng mang hàng hóa từ phương Đông chủ yếu là lụa là, gốm sứ, đá quý, lâm sản để mua bán, trao đổi lấy vàng bạc, len dạ, pha lê, rượu từ phương Tây. Hàng hóa sẽ được tập kết ở các *caravanserai*, nơi trọ của các đoàn thương nhân sau hành trình dài. Tại đây, họ sẽ ăn uống, vui chơi và tự thưởng cho mình những cuộc vui thâu đêm suốt sáng trước khi mang vật phẩm, vàng bạc trở về phương Đông. Các thương nhân Ba Tư là đầu mối trung gian để vận chuyển hàng hóa tiếp tục đi về La Mã, Phi châu, nơi tầng lớp quý tộc rất thích các mặt hàng tơ lụa từ Trung Quốc. Tabriz là ngôi chợ đầu mối giao thương nhộn nhịp vào thời bấy giờ. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của các thương gia từ khắp nơi trên thế giới đổ về, chợ Tabriz được xây dựng rất bề thế, có kiến trúc mái vòm kiên cố và lộng lẫy. Nơi đây cũng được chia thành các khu chợ nhỏ theo các mặt hàng riêng biệt. Chợ Tabriz có hơn 20 khu chợ nhỏ như thế: chợ Amir chuyên về mặt hàng vàng bạc và đồ trang sức, chợ Mozzafarieh chuyên về thảm Ba Tư, chợ gia súc, chợ giày dép, chợ gia vị, chợ thuộc da, chợ vải vóc... Những khu chợ này tạo thành một mê cung rộng lớn trên phạm vi hơn bảy ki-lô-mét vuông.



Khu chợ vàng Amir tập nập kẻ mua người bán.

Tôi dành trọn vẹn một ngày để lang thang mọi góc ngách của một phiên chợ Ba Tư ở thế kỷ XXI. Vì là dịp lễ Ramadan nên một số cửa hiệu đóng cửa, phần lớn các cửa hiệu còn lại đến tận trưa mới mở. Bắt đầu từ cổng chính, khứu giác dẫn tôi đến khu vực chợ gia vị sặc sụa mùi hương. Trong các phiên chợ Trung Đông, gia vị là mặt hàng quan trọng luôn được bày bán ở những lối trung tâm và được trang trí đẹp mắt. Gia vị được phân chia theo từng màu, từng loại riêng biệt, xếp thẳng hàng và được người bán vun cao có ngọn chóp như những kim tự tháp Ai Cập. Nếu như ở Việt Nam ẩm thực tuân theo hai nguyên lý là *Âm dương phối triển* và *Ngũ hành tương sinh* thì người Iran nhìn việc ăn uống dưới ba góc độ triết học, y học và văn hóa. Các thầy

thuốc và triết gia xem thức ăn, thức uống là hai yếu tố quan trọng duy trì sự sống của con người. Sự nhìn nhận này đã trải qua hàng nghìn năm làm cho người Iran luôn tạo một thói quen thích tự nấu ăn ở nhà hơn là thưởng thức ở các nhà hàng. Bên cạnh việc chủ động chọn thực phẩm tốt cho sức khỏe, họ có thể chủ động tạo ra những bí quyết riêng của từng món ăn trong gia đình và những bí quyết này sẽ được truyền từ đời này sang đời khác như một thứ di sản văn hóa quý giá.

Tôi tần ngần trước khu vực cửa hàng bán thực phẩm khô với vô vàn các loại chà là, trà, các loại hạt, nhục đậu khấu, bánh kẹo, mứt... Mật tủa ra từ các loại mứt không chỉ quyến rũ loài ong mà còn có thể kích thích vị giác của bất cứ người nào dù họ không hảo ngọt. Ông chủ cửa hàng nhìn tôi cười thân thiện. Ông đưa cho tôi nếm thử một mẫu mứt được làm từ cánh hoa hồng mà không quên lời giải thích: “Người Iran thích dùng những loại thực phẩm chua chua ngọt ngọt để tâm hồn thanh tịnh hơn.” Sau khi mua một ít chà là khô và món mứt hoa hồng khoái khẩu, ông chủ tốt bụng còn dúi thêm vào tay tôi một vài viên kẹo bọc đường. Ông ra hiệu cho tôi chụp cho ông một vài kiểu ảnh lưu niệm tại cửa hàng. Việc người bán hàng thân thiện và thích chụp ảnh khác xa những gì tôi gặp khi lang thang chụp choẹt trong các khu Medina⁶ ở Ma Rốc.



Một cửa hàng bán các loại hạt đặc trưng xứ Ba Tư xưa.

Thật sự chợ Tabriz rộng hơn tôi tưởng với nhiều ngõ ngách đan xen như một mê cung không lối thoát. Hàng hóa được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ khác hẳn với những khu chợ châu Á khác mà tôi từng đặt chân đến. Không khí ở chợ giữa trưa có phần huyền ảo bởi âm thanh của kẻ bán người mua í ới chào mời, trả giá. Nhiều phụ nữ Iran trong trang phục đen truyền thống, che mặt dùng khăn lượt qua bỏ lại sau lưng đôi mắt biết nói và mùi hương thơm phức của nước hoa. Tôi đang loay hoay tìm lối vào khu chợ bán thảm Ba Tư Mozzafarieh thì có

một ông cụ trạc 70 tuổi kéo tay tôi lại. Ông đưa cho tôi xem một bưu thiếp với hình ảnh về ngôi chợ nổi tiếng này. Ông già chỉ lên trần nhà và ra hiệu ở đây không là gì so với kiến trúc bề thế ở bên trong. Ông nắm tay tôi và nhanh nhẹn len qua dòng người đông đúc và ra dấu sẽ dẫn tôi đến khu chợ Mozzafarieh. Thật sự, tôi không quá ngạc nhiên với kiểu nhiệt tình của người Iran như những ngày đầu đặt chân đến đất nước này bởi đã nhiều lần tôi được giúp đỡ nồng hậu như thế. Tuy nhiên, sự tận tình của ông già bán hàng tạp hóa làm cho tôi đi theo như một người bị thôi miên cho đến khi sức nhớ không biết giữa tôi và ông có thật sự hiểu nhau hay không do bất đồng ngôn ngữ.



Những tấm thảm Ba Tư sắc sảo đủ mọi kích cỡ.

Trước mắt tôi hiện hiện không gian rộng lớn của khu chợ thảm Ba Tư như trong tiềm thức lúc nhỏ. Mái vòm cao với nhiều họa tiết được điêu khắc tinh tế. Khu vực này vừa được trùng tu nên trông có vẻ mới hơn so với khu chợ gia vị tôi vừa đi qua. Tôi chưa thấy ở đâu mà trưng bày nhiều thảm như ở đây. Thảm lớn, thảm nhỏ đủ mọi kích cỡ và hoa văn khác nhau được treo phủ khắp các cửa hàng. Những cuộn thảm khổng lồ được dựng sát hai bên lối đi trong lòng chợ rộng chừng bốn mét, một số khác chất đống trong những ki ốt hoặc đang được vận chuyển bởi các loại xe đẩy thô sơ hòa cùng dòng người rời khỏi chợ để vận chuyển khắp các tỉnh thành ở Iran. Đây đúng là không khí nhộn nhịp của một phiên chợ Ba Tư đầy màu sắc mà tôi từng thả hồn khi nghe bài hát kinh điển *In a Persian Market* của nhạc sĩ người Anh Albert W.Ketelbey. Mãi mê ngắm nhìn và tưởng tượng nên tôi đã quên khuấy ông già đã biến mất từ lúc nào mà tôi chưa kịp gửi lời cảm ơn.

Thoạt nhìn không gian này, tôi nhớ đến những mẫu truyện dân gian nhuộm màu thần thoại

trong tập truyện *Nghìn lẻ một đêm* đã đọc đến thuộc lòng khi còn nhỏ. Lớn lên một chút bắt đầu làm quen với nhiều loại hình nghệ thuật khác như phim ảnh, nhạc kịch, hội họa thì những câu chuyện ấy càng lôi cuốn tôi hơn. Cách dẫn chuyện cuốn hút tạo sự tò mò cho người đọc của *Nghìn lẻ một đêm* đôi khi còn được tôi áp dụng trong công việc giảng dạy của mình. Cứ đưa lên cao trào rồi dừng lại để thôi thúc người học phải tự tìm hiểu hoặc mong chờ cho phần tiếp theo. Tôi đọc đi đọc lại các tác phẩm *Alibaba và bốn mươi tên cướp*, *Nhà buôn và thần linh* hay *Aladdin và cây đèn thần* với tấm thảm bay Ba Tư kỳ diệu. Những câu chuyện ấy luôn xuất hiện không gian nhộn nhịp của các khu chợ Ba Tư với những đoàn lạc đà đầy ắp hàng hóa trên lưng. Những tấm thảm Ba Tư được nhắc đến nhiều như một thứ văn hóa không chỉ của riêng người Iran mà còn lan sang cả vùng Trung Đông hay châu Á rộng lớn.

Nếu như Trung Quốc có bí kíp sản xuất lụa tơ tằm thì người Ba Tư cũng có những bí truyền riêng không kém cho nghề dệt thảm độc đáo của mình. Năm 1949, tại thung lũng Pazyryk thuộc dãy núi Altai ở Siberia, các nhà khảo cổ đã tìm được bức thảm Ba Tư thế hệ đầu tiên có tên là Pazyryk. Các nhà khoa học kiểm tra carbon phóng xạ cho thấy thảm Pazyryk được dệt vào thế kỷ thứ V trước Công nguyên. Những họa tiết hoa văn trên thảm giúp con người ghi nhận về lịch sử lâu đời cũng như trình độ dệt thảm của người Ba Tư cổ. Qua hơn 2.500 năm lịch sử, nghề sản xuất thảm được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như một bảo vật của quốc gia. Ở Iran, mỗi vùng miền sẽ có nhu cầu sở thích khác nhau về các loại thảm vì vậy sản phẩm thảm Ba Tư ngày càng phong phú và đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng. Thảm được dùng phổ biến trong các gia đình của Iran từ thành thị đến nông thôn, từ người giàu đến người nghèo, từ tầng lớp thượng lưu hay những người lao động phổ thông, từ khu vực phía Bắc lạnh giá vào mùa đông đến những sa mạc nóng bức ở phía Nam vào mùa hè. Mỗi nhà đều có ít nhất đôi ba tấm thảm Ba Tư để lót sàn và trang trí. Vì thế, nghề làm thảm cổ truyền độc đáo ở Fars và Kashan đã được vinh danh là di sản phi vật thể của nhân loại. Tuy nhiên, Tabriz vẫn là đầu mối giao thương quan trọng trong và ngoài nước nên hầu hết các sản phẩm thảm ở Iran đều có mặt ở khu chợ cổ này.

Thấy tôi đứng như bị thôi miên trước một tấm thảm Ba Tư thể hiện hình ảnh từng đoàn lạc đà dưới ánh hoàng hôn trên những đụn cát dài, ông già người Iran với bộ râu quai nón bạc phơ dài hơn gang tay kéo tôi vào cửa hàng hỏi chuyện.

– Cậu từ đâu đến?

– Dạ, từ Việt Nam.

– Việt Nam số một, số một – Ông già trố mắt, vỗ vai tôi bốp bốp kèm theo nụ cười sảng khoái.

Nói rồi ông chỉ cho tôi một tấm thảm có kích cỡ nhỏ treo ở góc trái cửa hàng. Tấm thảm mô tả hình ảnh của một con nai có bộ sừng bệ vệ đang đeo lá cờ Iran trên lưng và chân nó bị thương bởi bầy sói rất đông ở phía sau. Bầy sói hung tợn với máu me đầy miệng nhưng vẫn lộ ra những hàm răng sắc nhọn đang rượt đuổi chú nai đơn độc. Trên lưng bầy sói là hình ảnh lá cờ của Mỹ. Ông già muốn cho tôi thấy sự ví von đầy chủ đích. Con nai to lớn nhưng đơn độc đó là Iran, bầy sói đó chính là phương Tây và Mỹ. Có thể đây là góc nhìn thiên cận của một người Iran nhưng cũng cho thấy sự bất đồng hiện tại và không có tiếng nói chung giữa Iran và phương Tây. Ông già vừa nói vừa cười vang thành tiếng:

- Việt Nam thắng Mỹ, Iran cũng thắng Mỹ đấy!

“Quái lạ!” – tôi nhủ thầm – “Không lẽ người Việt Nam chỉ có giỏi đánh đấm thôi sao? Còn nhiều thứ hay ho về Việt Nam sao họ không nhắc đến?” Thật sự tôi đi du lịch nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều người bản địa, khi giới thiệu mình là người Việt Nam thì đa phần họ chỉ biết đất nước qua cuộc chiến với Mỹ. Rất ít người nước ngoài có thể biết Việt Nam nằm ở đâu trên bản đồ thế giới. Thậm chí, một số còn tỏ ra thương cảm, nhìn tôi ái ngại vì cứ ngỡ Việt Nam rất nghèo đói, chiến tranh liên miên. Đôi lần tôi còn ứa nước mắt khi nghe những câu động viên kiểu như “Mày ổn chứ?!” hay “Người Việt Nam mà cũng đi du lịch đến xứ này à?” Thật ra, lúc đầu tôi cũng có phần ảm ức nhưng rồi riết quen. Khi đó, tôi chỉ có thể nói rằng: “Việt Nam đang phát triển kinh tế mạnh mẽ và hội nhập với thế giới. Đất nước tao rất thanh bình có nhiều danh lam thắng cảnh được xếp vào hàng kỳ quan đấy.” Còn lần này, vì có thiện cảm với người Iran nên tôi tỏ vẻ đồng tình, gật đầu lia lịa.

– Bác đã đến Việt Nam chưa ạ?

– Chưa, chưa bao giờ - Ông già lắc đầu nguây nguậy.

– Vậy bác nên đến Việt Nam đi, Việt Nam cũng đẹp và bình yên như Iran vậy đó.

Tôi và ông già cùng cười như đã đạt được thỏa thuận xã giao là ông sẽ đến tham quan Việt Nam trong một tương lai gần. Ông mời tôi dùng tách trà nóng thoang thoảng mùi hương hoa hồng rồi tiện tay lấy một bức tranh cỡ nhỏ làm ví dụ, chậm rãi giới thiệu cho tôi về các sản phẩm thảm Ba Tư đầy tự hào của người Iran.

Ông bảo để dệt một tấm thảm Ba Tư có giá trị cần hai yếu tố đó là nguyên liệu để dệt và người nghệ nhân làm nên tấm thảm đó. Theo đó, len, lụa, cotton là những chất liệu được ưu tiên hàng đầu để dệt lên những tấm thảm. Phần màu nhuộm được sử dụng hoàn toàn từ các loại hạt, hoa quả, thân cây, vỏ cây, rễ cây hay những nguyên liệu thiên nhiên khác nhau và tuyệt đối

không sử dụng hóa chất. Đây là nguyên nhân chính giúp tuổi thọ của một tấm thảm Ba Tư kéo dài hàng trăm năm mà không bị xỉn màu hay hư hỏng. Để tấm thảm sinh động và có hồn thì phải nhờ vào công của người nghệ nhân tạo ra tác phẩm ấy. Quá trình làm ra một tấm thảm chính là sự thể hiện tính kiên nhẫn của những người thợ dệt thảm. Để dệt được một tấm thảm đòi hỏi sự kiên nhẫn của người thợ bởi trong từng cen ti mét vuông là hàng triệu mũi dệt rất tinh tế. Để có được những tấm thảm đẹp, tinh xảo, thợ thủ công cần phải phân loại các sợi chỉ theo từng màu sắc trong số hàng trăm nhóm màu khác nhau.

Tôi xin phép ông được đưa tay sờ vào tấm thảm mà tôi tạm gọi là bức “Con đường tơ lụa” khá lớn được treo ngay trung tâm cửa hàng vừa tầm mắt với khách. Lốp nhung mịn màng, êm ái, đường nét uyển chuyển như một bức tranh lụa hơn là một tấm thảm dệt. Tôi xuýt xoa và dùng tay ra dấu “số một” để bày tỏ sự ngưỡng mộ các tác phẩm nghệ thuật của xứ Ba Tư. Ông cho tôi biết thêm để tạo ra tấm thảm trang trí trong phòng khách có diện tích khoảng chừng ba mét vuông nghệ nhân phải dệt gần hai tuần với hàng triệu mũi kim. Tấm thảm này không quá nhiều màu sắc như những tấm khác mô tả những buổi tiệc xa hoa của các bậc Đế vương hay những câu chuyện thần thoại cổ xưa. Bức tranh ấy có nhiều hoa văn và được thể hiện bằng lối tiểu họa đặc trưng của nghệ thuật Ba Tư thời xưa nên giá cả của nó cũng đắt hơn gấp nhiều lần. Ông chỉ cho tôi một tấm thảm treo tường có chiều dài 2,4 mét và chiều ngang 1,6 mét thể hiện câu chuyện thần thoại của các ông hoàng bà chúa của xứ Ba Tư có tổng cộng đến 68 màu. Ông nói, bức này được dệt mất hai tháng và có giá 15.000 euro. Một cái giá mà ông cho rằng sẽ không cao nếu khách hàng hiểu đúng giá trị thật sự của nó.

Thấy tôi vẫn mê mê bức “Con đường tơ lụa”, ông già bảo rằng bức này sẽ rẻ hơn nhiều do ít màu sắc nhưng lại là bức có nguồn gốc chính từ Tabriz. Ông nói thảm Ba Tư ngày nay rất nhiều chủng loại nên khi mua cũng phải biết rõ nguồn gốc xuất xứ từ đâu, xem độ tinh xảo và tính duy nhất của sản phẩm. Nếu khách hàng ham rẻ thì có thể vớ lấy một sản phẩm thảm Ba Tư không chính gốc mà là loại sản xuất hàng loạt bằng máy từ Trung Quốc tràn lan vào Iran trong thời gian gần đây.

- Cậu có lấy tấm này thì tôi để giá đặc biệt cho?
- Giá bao nhiêu vậy ông? - Tôi háo hức hỏi.
- Một nghìn euro thôi, giảm 20% rồi đấy vì cậu đến từ Việt Nam.

Tôi hốt hoảng nhưng cũng cố trấn tĩnh tinh thần để nở nụ cười ngượng ngượng vì biết chắc rằng những sản phẩm đắt đỏ này thậm chí giảm giá còn 20 hay 30% thì tôi cũng không dám mơ được sở hữu chúng.

– Dạ, con đi du lịch bụi nên không có nhiều tiền ông ạ.

– À, vậy sao? - Ông già chau mày hỏi.

– Hành lý của con chỉ là cái ba lô đeo sau lưng nên không thể mang vác gì hơn – Tôi cố giải thích thêm.

Ông già dường như hiểu ra mọi chuyện và mời tôi uống thêm ngụm trà còn đang dở trước khi bận rộn đón một gia đình địa phương cũng đang tìm những tấm thảm Ba Tư độc đáo của cửa hàng.

Rời cửa hàng, tôi lần vào bên trong để cố chiêm ngưỡng bằng hết những thảm Ba Tư sắc sảo ở khu chợ di sản này. Chúng như những tác phẩm nghệ thuật sống động khi người thưởng lãm sờ vào bề mặt mịn như nhung nài, ngửi được mùi thơm của len dạ và hồi ức những câu chuyện truyền thuyết xa xưa. Mỗi tấm thảm thể hiện một điển tích khác nhau và sự tâm huyết của người nghệ nhân Ba Tư gửi gắm vào. Tôi say mê chúng suốt cả một buổi chiều cho đến khi bên tai văng vẳng hành khúc vội vã của Albert W.Ketelbey. Hình như những đoàn lạc đà hối hả rung chuông từ phương Đông đã đến Tabriz để trốn chạy ánh hoàng hôn đuổi dấn phía sau.

Hành trình xuôi về một nửa của thế giới

Từ Tabriz, tôi xuôi về miền Trung Iran để chạm mặt cố đô Esfahan. Đến ga xe lửa thì không còn vé khởi hành trong ngày hôm đó nên tôi đành mua vé về lại Tehran rồi nối tuyến đến Esfahan bằng hãng xe *Hamsafar*. Ở Iran, ngoài xe lửa là phương tiện vận chuyển đường dài còn có rất nhiều hãng xe buýt đi khắp nơi trong đất nước. Nối các tỉnh thành phố lớn tạo thành mạng lưới giao thông khá hữu hiệu cho người dân và cũng tiện cho khách du lịch nước ngoài. Tôi thường mua vé xe lửa cho những tuyến lộ trình vào ban đêm để tiết kiệm thêm chi phí ngủ và việc vận chuyển đêm sẽ an toàn hơn là lựa chọn xe buýt. Còn như di chuyển giữa các thành phố vào ban ngày tôi lại ưu ái cho xe buýt để được ngắm cảnh, dừng lại bên đường và chụp ảnh khi cần. Iran có rất nhiều hãng xe buýt chất lượng cao chạy những tuyến đường dài như Phương Trang, Mai Linh hay Thành Bưởi ở Việt Nam. Chất lượng cũng có hai loại để cho khách hàng chọn lựa. Loại chất lượng cao dạng thường và loại VIP. Tất cả xe đều là những xe có chất lượng tốt, máy điều hòa được mở suốt, hệ thống ghế bật tiện nghi cho khách nghỉ ngơi, ghế được bọc nệm nhung hoặc da rất êm ái. Nếu mua vé VIP, ghế ngồi rộng rãi hơn loại xe thường và chắn chắn vé cũng sẽ đắt hơn. Tôi mua một vé từ Tehran đến Esfahan loại thường là 270.000 *rial* trong đi đó loại VIP là 350.000 *rial*. Giá cả được niêm yết trên bảng trước mỗi nhà xe ở bên trong khu vực bến rất tiện lợi cho hành khách so sánh và lựa chọn.

Sau 6 giờ đồng hồ tôi đã có mặt ở Esfahan, nơi được xem là một nửa của thế gian. Tôi gọi thế xuất phát từ câu thành ngữ cửa miệng của người Ba Tư xưa kia “*Esfahān nesf-e jahān ast*” có nghĩa “Esfahan là một nửa thế giới” khi người dân tự hào nói về sự vĩ đại của thủ đô mình thời ấy.

Không ai biết chính xác Esfahan trở thành một khu đô thị từ khi nào. Nhưng lịch sử của Iran ghi nhận rằng Esfahan đã hai lần được chọn làm thủ đô của Iran. Lần đầu tiên là dưới triều đại nhà Đại Seljuk (1037-1192) khi người Turkmen thuộc Thổ Nhĩ Kỳ bành trướng Iran. Lần thứ hai là dưới triều đại Safavid (1501-1736) khi Esfahan trở thành một kinh đô cực thịnh, huy hoàng với rất nhiều đền đài, cung điện, các kiến trúc tôn giáo bề thế, các quảng trường mênh mông, các khu chợ sầm uất cùng các đại lộ rộng lớn được lát đá tắm tấp.

Tôi tản bộ về hướng khu vực thánh đường Hồi giáo Jamed trong một khu bazaar sầm uất. Tương tự như các khu chợ ở khắp Iran, chúng được bao bọc bởi các dãy hành lang có mái vòm và trưng bày nhiều loại hàng hóa khác nhau từ thực phẩm đến các mặt hàng nhu yếu phẩm sử dụng hằng ngày. Nhìn những khu chợ như thế này mới thấy những đổi thay đã len lỏi trong đời sống xã hội ở một quốc gia sệt tôn giáo truyền thống như Iran. Một xã hội với những luật lệ bất nhất dần dần không còn hiện hữu rõ nét. Có thể tình trạng “*cấm nhưng vẫn bán*” đã trở thành phổ biến tại Iran. Mọi thứ bị cấm đoán vẫn có thể tìm kiếm dễ dàng ở khu chợ này. Từ cấm sử dụng ăngten thu vệ tinh trực tiếp, đến cấm một số loại phim ảnh, băng đĩa nhạc, sách báo và những ấn phẩm “đen.” Một số loại trang phục hở hang, kiểu cách lòe loẹt cũng nằm trong danh sách cấm đoán này. Tuy nhiên, có những bộ phim bị kiểm duyệt hoặc bị cấm nhưng vẫn thấy bày bán tại các chợ Iran, có thể dễ dàng mua được nguyên bản, không hề bị cắt xén. Các loại nhạc phương Tây như rap, jazz, hip hop cũng chính thức bị cấm, nhưng chính các loại nhạc này lại được thanh niên Iran nghe nhiều nhất trong xe hơi mỗi đêm họ lượn lờ trên đường phố. Hiện nay Iran là một trong những quốc gia có người sử dụng internet nhiều nhất ở khu vực Trung Đông nên việc cấm đoán cũng rất khó mà kiểm soát được. Rất nhiều người Iran biết cách vượt qua các “bức tường lửa” của chính quyền, nhưng họ chủ yếu quan tâm tới các website âm nhạc, phim ảnh và sách báo chứ không phải là vấn đề chính trị đối lập.

Tôi dừng lại trước một xe đẩy bày bán những quả táo tròn đỏ mọng ở đầu khu chợ hướng về phía cổng của thánh đường Jameh.

– “Salam!” – Một cụ ông mặc thước với đôi mắt sáng, vàng trán cao, mặc trên người chiếc áo sơ mi nhạt màu nhưng rất phẳng phiu. Ông nở nụ cười phúc hậu chào tôi bằng kiểu chào quen thuộc của người Iran.

– “Salam!” – Tôi cúi đầu chào lại.

– Cháu từ đâu đến? – Ông hỏi tiếp.

– Dạ, từ Việt Nam, Sài Gòn ạ! - Tôi cố giải thích luôn về nơi mà tôi đang sinh sống. Tôi thường sử dụng địa danh Sài Gòn trong những chuyến du lịch bụi bởi lẽ người nước ngoài quen sử dụng tên gọi này hơn là thành phố Hồ Chí Minh.

– Thành phố Hồ Chí Minh phải không cháu? – Ông già cười hiền và nháy mắt với tôi. Tôi thật ngạc nhiên vì một người Iran ở một thành phố xa xôi thế này mà họ nhắc đến tên thành phố, quê hương của mình như họ đã hiểu rất rõ về lịch sử Việt Nam hay chí ít đã từng qua Việt Nam du lịch hay làm việc trước đây vậy.

– Dạ đúng ạ.

– Cháu thăm đền Jameh chưa? – Ông già hỏi tôi và tiện thể chỉ tay về phía ngôi đền.

– Có ạ, cháu định mua vài quả táo rồi vào thăm ngay.

– Mua đi cháu, loại táo ngon nhất ở Esfahan này đây!

Ông già chọn được túi táo khá to ước chừng hai cân. Ông nói đây là loại trái cây gia đình rất thích nên ông mua để ăn dần trong tuần. Tôi thì chỉ cần mua một vài quả để lót dạ tạm trong ngày vì tôi lười mang nặng và trái cây ở Iran cũng được mua bán khá phổ biến trong tháng lễ Ramadan. Ông dẫn tôi không theo lối cổng chính mà đi dọc theo phía bên phải để đi vào cổng nhỏ ở phía sau, nơi người dân địa phương thường đi vào trong đền thờ Jamed để làm lễ.

– Sao ông nói tiếng Anh tốt thế? – Tôi tò mò hỏi.

– À, trước đây tôi là giáo viên dạy tiếng Anh ở Esfahan, giờ về hưu hơn 15 năm rồi.

– Ông đã từng qua Việt Nam chưa?

– Chưa bao giờ – Ông lắc đầu, cười hiền.

– Vậy sao ông biết thành phố Hồ Chí Minh có tên là Sài Gòn trước kia? - Tôi hỏi để giải đáp cho những ngạc nhiên thú vị về kiến thức của ông đối với Việt Nam.

– Khi dạy học, tôi cũng có nghiên cứu về lịch sử của một số quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và cuộc chiến tranh Việt Nam trước năm 1975 – Ông từ tốn trả lời và ra dấu cho tôi

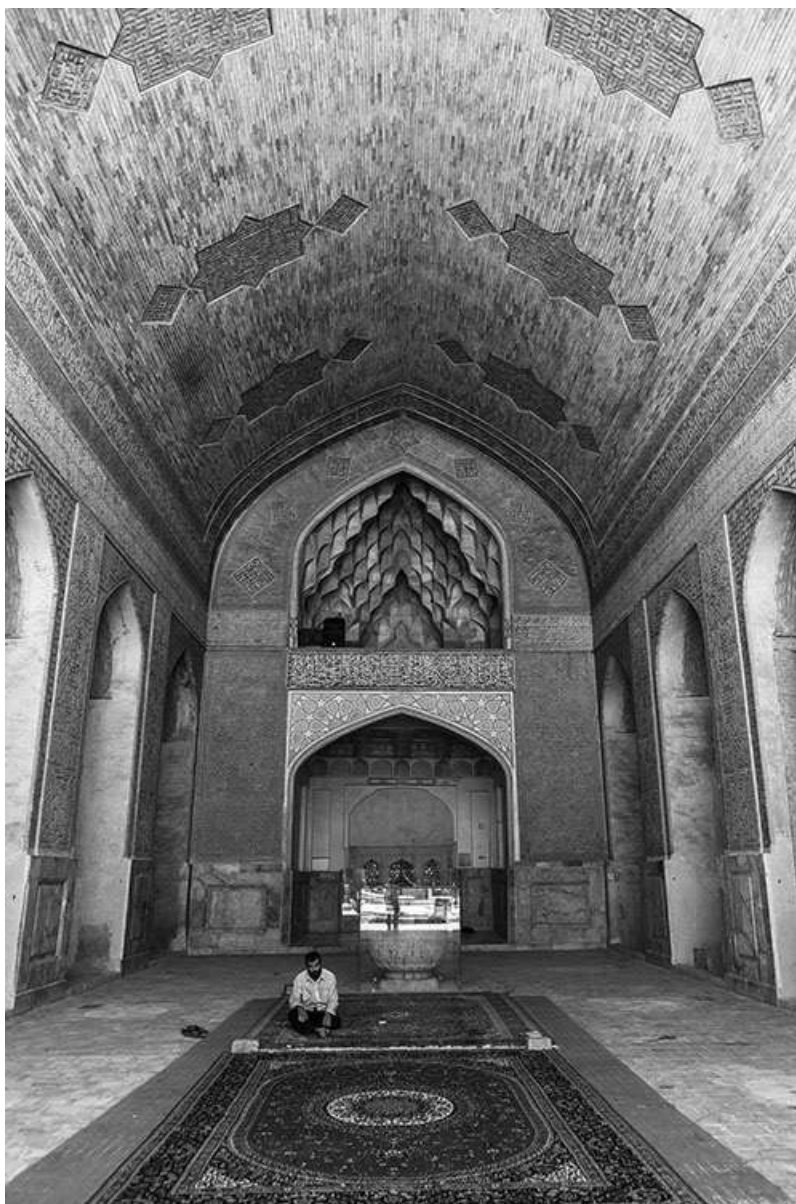
ngồi xuống khu vực bệ đá có mái che ở trước cổng đền để tránh cái nóng như thiêu khi mặt trời đã ở trên đỉnh đầu. Tôi nghĩ bụng đây là một may mắn hiếm có khi tôi có dịp tìm hiểu rõ hơn về tôn giáo và lịch sử Iran thông qua ông.

– Jameh là ngôi đền thiêng ở Esfahan phải không ông? – Tôi bắt đầu hỏi dồn.

– Đúng thế. Nếu như khách du lịch và người dân thường đến quảng trường Naghsh’e Jahan để tham quan hoặc sinh hoạt gia đình thì Jameh là nơi hành lễ thật sự của tín đồ người Ba Tư chúng tôi.

– Hiện nay sao không gọi là người Iran thay vì là người Ba Tư ông nhỉ? – Tôi thắc mắc hỏi vì tôi thấy ông và nhiều người Iran thường hay sử dụng chữ Persian tức người Ba Tư hơn là người Iran khi nói về họ.

– Chúng tôi luôn xem mình là người Ba Tư với lịch sử hàng nghìn năm trước. Toàn bộ các đế chế Babylon, Akkadians, Assyria, Sumer, Hitites, Bactrians, Scythia, Parthia, Elamites kể cả Ai Cập, Ethiopia... trước khi bị người La Mã xâm chiếm đều là lãnh thổ thuộc về đế quốc Ba Tư chúng tôi. Chúng tôi về cơ bản thống nhất toàn bộ Trung Á trong đó bao gồm rất nhiều nền văn hóa khác nhau, các vương quốc, đế quốc và các bộ tộc. Ba Tư trở thành đế quốc lớn nhất trong lịch sử cổ đại nhất là dưới thời Cyrus Đại Đế từ những năm 559 trước Công nguyên. Ba Tư khi đó bao trùm khoảng 8 triệu ki-lô-mét vuông và trở thành nơi mà nhiều người nước ngoài muốn đến để tìm hiểu lịch sử về đất nước Ba Tư xưa kia.



Kiến trúc mái vòm bên trong thánh đường Jameh.

Trước khi chia tay, tôi và ông hỏi tên của nhau. Ông tên là Naris. Đôi mắt hằn vết thời gian títt lại khi nhận tờ giấy bạc 1.000 đồng Việt Nam mới coóng mà tôi trao tặng. Ông nói đây là món quà quý giá vì đúng với sở thích sưu tầm tiền khắp nơi trên thế giới của ông. Ông hy vọng một ngày nào đó sẽ đến thăm Sài Gòn, thăm Việt Nam nơi có rất nhiều điểm tương đồng với đất nước Iran. Ông chỉ tôi lối đi tắt phía sau của nhà thờ không quên cái vỗ vai nhẹ. Tôi nghĩ có thể đây là cử chỉ động viên một lữ khách đơn độc trên hành trình khám phá hay là nỗi đồng cảm cho người Việt Nam có điều gì đó giống giống như người Ba Tư.

Buổi trưa, trời Esfahan trong xanh không một gợn mây. Thỉnh thoảng vài ba ngọn gió lẻ loi thổi ngược làm những chiếc khăn trùm đầu của người phụ nữ Iran phơ phất nhẹ giữa những con phố nhỏ vắng vẻ ở Esfahan. Cuộc sống ở một nửa thế gian bình yên đến kỳ lạ.

Cách Jameh chỉ một vài dãy phố là quảng trường Naghsh'e Jahan. Từ thời Shah Abbas đệ nhất (1571-1629), Naghsh'e Jahan được xây dựng theo khối vuông hình chữ nhật với chiều dài 500 mét và chiều rộng là 165 mét. Một diện tích rất rộng đủ để nó trở thành quảng trường có chu vi bờ tường khép kín lớn thứ hai thế giới cho đến ngày hôm nay sau Thiên An Môn ở Trung Quốc, gấp hai lần quảng trường Đỏ ở Nga và lớn gấp bảy lần quảng trường Mark tại Venice của Ý. Điểm nhấn trong khu vực quảng trường là bốn công trình kiến trúc nổi bật thời Safavid theo bốn phía: phía Đông là nhà thờ Hồi giáo hoàng gia Sheikh Lotfollah, phía Tây là cung điện Ali Qapu, phía Nam là nhà thờ Hồi giáo dòng Shiite Shah, phía Bắc của quảng trường là khu bazaar Esfahan rộng lớn. Bốn công trình cũng nói lên sự gắn kết bốn thế lực trong xã hội Ba Tư ngày trước: giới thần quyền, chính quyền, dân quyền và giới thương nhân, một thế lực mạnh có thể chi phối đời sống xã hội Iran thời bấy giờ. Cả bốn công trình được gắn kết với hệ thống những dãy *caravanseraï* từng là nơi các đoàn thương nhân dừng chân bốc dỡ hàng hóa, nghỉ ngơi mà ngày nay trở thành khu chợ chuyên bán những mặt hàng thủ công mỹ nghệ cho khách du lịch.

Đi dọc hành lang hình vòm của các *caravanseraï* tôi quan sát có hàng trăm cửa hiệu san sát bán những mặt hàng thủ công mỹ nghệ tinh xảo đặc trưng của xứ Ba Tư xưa. Có thể nói không nơi nào mà nhiều mặt hàng mỹ nghệ như ở đây. Tôi nghĩ đùa, Esfahan có thể là một nửa thế giới về các mặt hàng lưu niệm ấy chứ!

Ali, một anh bạn Iran vừa quen, dẫn tôi đến một cửa hàng ở phía Bắc của quảng trường, cạnh khu chợ Esfahan khi biết tôi muốn tìm hiểu về các mặt hàng truyền thống của xứ Ba Tư. Đó là cửa hiệu của gia đình Ali bán ở khu chợ này trên 50 năm với các mặt hàng mỹ nghệ do chính họ làm ra được truyền từ đời này sang đời khác. Phía trước cửa hàng là những món hàng nhiều màu sắc, kiểu dáng lạ được trưng bày trong các tủ kính. Phía sau là một xưởng sản xuất tại chỗ có khoảng mười mấy nhân công đang thao tác. Một tách trà nóng được mang ra như nét văn hóa tiếp khách quen thuộc của người Iran. Ali giới thiệu cho tôi nghe về nguồn gốc nghề gốm Iran khi tôi buộc miệng hỏi chúng có khác gì so với gốm sứ nổi tiếng của Trung Quốc. Ali cho rằng gốm sứ có lịch sử cách đây hơn 10.000 năm trong khi một vài mẫu vật được tìm thấy ở dãy núi Zagros của Iran có hơn 8.000 năm tuổi. Ali đưa cho tôi xem một đĩa cận lòng được trang trí hoa văn đối xứng, chính giữa là cảnh tiệc tùng của hoàng gia Ba Tư ngày xưa được vẽ tay rất tinh xảo. Anh ta giới thiệu đây sản phẩm loại Sultanabad, một trong hai hình thức gốm sứ truyền thống của Iran (loại còn lại là Lajvardina), được tạo tác không giống bất kỳ một sản phẩm nào khác ở Iran. Nếu tôi tìm được sản phẩm nào tương tự thì chắc chắn đó là hàng giả được sản xuất

hàng loạt ở đâu đó ngoài Iran. Mỗi nghệ nhân Iran sáng tác theo cảm hứng và sự điều luyện riêng. Các tác phẩm đều gắn liền với những thần thoại, văn hóa tín ngưỡng hay các công trình kiến trúc nổi bật ở Esfahan. Ali còn lấy tay cọ sát bề mặt của các hoa văn để minh chứng cho việc các màu sắc được sử dụng tô vẽ trên sản phẩm được làm bằng những nguyên liệu tự nhiên và không dễ phai màu theo thời gian.

Anh chàng giới thiệu thêm cho tôi loại hình điêu khắc trên gỗ độc đáo của người Iran là *khatam*. Một vài tác phẩm ở đây do chính anh ta làm trong những lúc vắng khách. *Khatam* là nghệ thuật khảm độc đáo của người Ba Tư có hàng trăm năm.



Ali đang tạo tác một sản phẩm lưu niệm bằng kim loại.

Ở triều đại Safavid, nghệ thuật khảm trên các vật liệu đã đạt đến một trình độ cao. Người Iran khảm trên đá, trên kim loại và đặc biệt là trên gỗ. Từ các công trình kiến trúc đồ sộ của các mái vòm nhà thờ Hồi giáo đến các hoa văn cầu kỳ trên những mảng tường của cung điện hoàng gia; từ hình viền tinh tế li ti được khảm trên hộp đựng kinh Koran đến các hộp đựng các trang sức quý giá hay những khung tranh cổ đều do nghệ thuật *khatam* tạo tác. Vật liệu được khảm cũng rất phong phú và đa dạng từ ngà voi, xương lạc đà, kim loại quý đến các loại gỗ quý được khảm lên các vật dụng trang trí nội ngoại thất từ nhỏ đến lớn khác nhau. Quy trình tạo ra một tác phẩm *khatam* cũng khá phức tạp. Nghệ nhân phải chọn lựa chủ thể để khảm trang trí lên trên đó. Những chủ thể đó bản thân đã là một vật trang trí có giá trị. Việc khảm lên chủ thể càng tôn vinh sự độc đáo có một không hai cho chủ thể đó. Sau đó, nghệ nhân sẽ vẽ phác thảo những bức tranh theo các câu chuyện thần thoại, các điển tích lịch sử, chân dung nổi tiếng hay phong cảnh thiên nhiên lên chủ thể. Đây là bước sáng tạo đầu tiên rất quan trọng để tác phẩm của người Ba Tư không nhầm lẫn với các loại hình khảm trang trí ở các quốc gia khác. Bức tranh càng nhiều chi tiết thì càng có giá trị bởi nó sẽ gây khó khăn cho người nghệ nhân ở giai đoạn sau. Giai đoạn quan trọng nhất tạo ra phần hồn cho tác phẩm là người nghệ nhân sử dụng các miếng trang trí được mài giũa từ vàng, bạc, đồng thau, nhôm hay đá quý, xương động vật, thủy tinh. Mỗi cen ti mét có thể khảm lên từ 100 đến 150 miếng kim loại bằng loại keo đặc biệt. Ali cho biết, bộ hộp gỗ nhỏ năm cái kích cỡ bề mặt khảm từ 100 đến 500 cen ti mét vuông mà Ali thực hiện gần một tháng trời. Tác phẩm càng nhiều chi tiết, thời gian thực hiện càng lâu và giá trị càng cao. Có thể nói, nếu như từ thời Cảnh Thái nhà Minh (1450-1457) ở Trung Quốc rất thịnh hành đồ mỹ nghệ bằng đồng được khảm sứ độc đáo còn gọi là Cảnh Thái Lam thì ở xứ Ba Tư lại sáng tạo nghệ thuật khảm *khatam* độc đáo không kém. Bởi ngoài sự sáng tạo, khéo léo, tỉ mỉ của nghệ nhân, sản phẩm còn lưu giữ những câu chuyện quá khứ đậm nét văn hóa và tôn giáo Ba Tư mãi tận sau này.



Một số sản phẩm lưu niệm độc đáo của người Ba Tư

Ali bảo tôi đợi anh ta vài phút để tặng tôi một món quà kỷ niệm. Đó chính là tấm danh thiếp bằng đồng thau với mặt sau được khảm lên một vài viên đá màu vàng cam tạo thành dòng chữ Salam rất độc đáo. Một món quà có một không hai nhưng trên hết là sự hiếu khách quen thuộc của người Iran. Chào Ali bằng chính tiếng địa phương, tôi tiếp tục dạo bước theo dòng người đang thưa dần trong khu vực hành lang hình vòm của quảng trường Naghsh'e Jahan. Tôi đã có một ngày no nê về văn hóa Ba Tư qua những món hàng lưu niệm độc đáo ngay chính quê hương của chúng.

Lúc này, một số cửa hàng lưu niệm cũng bắt đầu đóng cửa khi những tia nắng yếu ớt cuối cùng ở quảng trường chỉ còn vương trên các kiến trúc hình củ hành của nhà thờ Sheikh Lotfollah. Bên ngoài nhộn nhịp hơn bởi trên bờ cỏ hắt nắng là những gia đình Iran đang vui vẻ, nói chuyện rôm rả với nhau. Một số gia đình còn chuẩn bị ăn uống khi thời khắc Ramadan trong ngày sắp kết thúc. Đám con nít cùng nô đùa té nước lẫn nhau xung quanh khu vực hồ nước trung tâm bây giờ đã được thắp sáng bằng những ngọn đèn nhiều màu sắc.

Thật thiếu sót nếu tôi bỏ qua những cây cầu cổ ở cố đô Esfahan. Đó chính là một nửa thế giới khi tôi đặt câu hỏi cho anh chàng Ali vì sao Esfahan lại được ưu ái gọi như thế. Những cây cầu bắc qua con sông chính Zayanderud chảy qua thành phố được xem là những kiến trúc tuyệt vời tô điểm cho Esfahan thêm phần lãng mạn và trữ tình. Cầu ở Esfahan đa phần được xây dựng từ triều đại Sasanian từ thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ VII sau Công nguyên, sau đó được trùng tu vào thế kỷ thứ X và XI bởi các triều đại Buyids và Seljuk. Chiếc cầu đầu tiên có tên là Shahrestan nằm phía Đông của thành phố từng nối giữa ngôi làng cùng tên ở bờ Bắc và những cánh đồng trồng lúa trắng tấp ở bờ Nam. Chiếc cầu hiện nay chủ yếu dành cho người dân đi bộ nhưng không ai nhớ đến ý nghĩa lịch sử của cây cầu này. Chiếc thứ hai là Marnan được xây dựng từ năm 1599. Chiếc cầu thứ ba là Siosepol được xây dựng năm 1632. Chiếc cầu thứ tư là Khaju, cây cầu nổi tiếng nhất Esfahan được xây dựng từ năm 1650. Cầu Joui với 147 mét chiều dài là chiếc cầu cổ độc đáo được xây dựng khoảng thế kỷ XVII.

Tôi không còn nhiều thời gian để tham quan hết thấy năm cây cầu nên chỉ đi dọc bờ sông Zayanderud để đến được cây cầu điểm lệ nhất, cầu Pol-e Khaju. Cũng xin nói thêm “Pol” trong tiếng Ba Tư cổ có nghĩa là “cầu nổi.” Cầu Khaju được xây dựng dưới thời của Shah Abbas Đế nhị. Cầu dài hơn 130 mét, rộng tầm 12 mét có tất cả 14 mái vòm và hai tầng. Tầng hai được xây dựng dốc vòng cung có lối đi bộ hai bên, phần đường trung tâm dành cho ngựa và xe. Giữa cầu có cấu trúc mái hiên được trang trí bằng gạch được điêu khắc bởi những bức tranh nghệ thuật độc đáo. Đây là nơi các Shah (vua) ngồi ngắm nhìn dòng sông Zayanderud cuộn cuộn bên dưới. Vào thời kỳ Safavid, các môn thể thao phát triển thì đây cũng là nơi mà triều đình tổ chức các cuộc đua thuyền truyền thống với sự hiện diện của Shah và các quan lại trên cây cầu Khaju lịch sử này.

Tôi đi dọc dòng sông cạn trơ đáy, vắng vắng tiếng quạ đuổi nhau về tổ khiến khung cảnh càng trở nên u tịch. Có thể hạn hán và việc điều khiển dòng chảy ở các đập làm cho nước sông không còn cuộn cuộn như hàng chục năm trước. Một bạn trẻ người Iran bảo rằng, chính quyền thành phố sẽ mở đập nước vào tuần sau, có nghĩa thời điểm này sẽ không có tầm ảnh đẹp lung linh soi bóng của Khaju khi hoàng hôn buông xuống, như các bưu thiếp được bày bán khắp quảng trường Esfahan. Nhưng bù lại, tôi vẫn thấy lâng lâng như say khi thấy khoảnh khắc quả cầu lửa lọt thỏm

trong các ô vòm của Khaju rồi chìm dần trong nền trời tím thẫm.



Cây cầu hò hẹn Khaju ở Esfahan.

Hệ thống đèn vàng được thiết kế làm nổi bật những khối kiến trúc đối xứng độc đáo của cầu Khaju. Khi chúng được thắp lên cũng là thời khắc các bạn trẻ Iran đi từng tốp lên cầu, ngồi dọc hai bên thành cầu để hóng gió, trò chuyện. Cũng có không ít những đôi uyên ương trẻ chọn Khaju để hẹn hò. Khaju giờ đây lại mang một trọng trách đáng yêu hơn khi trở thành một chiếc cầu nối cho tâm hồn của đôi lứa. Tôi cũng cố nán lại để tìm một cảm giác riêng khi lang thang độc bước khắp nơi. Đó chính là thời khắc quý giá của mỗi hành trình. Nó giúp tôi nghĩ lại về chính mình và những người thân như khi tôi đang trên đỉnh Phousi ngắm Luang Prabang thơ mộng năm nào, khoảnh khắc thả hồn trên sa mạc trắng huyền ảo của Ai Cập lúc chiều buông hay nằm dài trên triền cỏ xanh rờn ở Mông Cổ... Còn lần này, tôi lại cố tìm một ánh mắt, một nụ cười, một dáng hình ở một nửa của thế gian.

Linh hồn Ba Tư hiện hữu ở Shiraz

Tôi không còn ngạc nhiên lắm về đường phố vắng vẻ ở Iran vào buổi sáng sớm, Shiraz cũng không ngoại lệ. Nhưng đến gần 7 giờ sáng mà đường phố vẫn lặng như tờ giống Sài Gòn ngày

mùng một Tết thì tôi bắt đầu cảm thấy là lạ. Dù vẫn còn trong những ngày Ramadan cao điểm nhưng không đến nỗi buổi sáng chỉ có tiếng hót của lũ chim vắng vắng đâu đó ở những khu vườn Ba Tư xanh xanh trong sương sớm. Hay đây là thành phố được mệnh danh là thi ca nên không gian lãng đãng của nó nói lên điều đó? Giờ này, đường phố không có một xe buýt công cộng nào xuôi ngược chỉ có vài chiếc xe gắn máy vút nhanh trên phố. Tôi vội hỏi ông chủ nhà trọ thì biết rằng cả ngày hôm nay thành phố sẽ dừng tất cả các hoạt động để người dân tham gia buổi biểu tình phản đối Israel và ủng hộ người anh em Palestine trên các đường phố chính của Shiraz. Ông ấy còn thông tin cho tôi là chính quyền Shiraz sẽ tổ chức ở quảng trường trung tâm của thành phố, người dân và khách du lịch đều có thể tham gia. Hiện tại, đám đông đã tập trung từ rất sớm ở khu vực quảng trường chỉ cách khách sạn khoảng 200 mét. Thì ra đây là lý do làm cho Shiraz hôm nay vắng bóng người một cách lạ thường. Tôi cũng muốn tìm hiểu và tận mắt chứng kiến mối quan hệ không hữu hảo giữa Iran và Israel trong suốt những thập kỷ vừa qua.

Cũng xin nhắc đến vấn đề đổi hộ chiếu của tôi trước khi kể về cuộc biểu tình chống Israel và Mỹ ở Shiraz. Số là, khi bắt đầu lên kế hoạch khám phá Con đường tơ lụa từ Trung Đông, tôi đã có thông tin về việc Iran và một số quốc gia Ả Rập khác sẽ không cấp visa dành cho khách du lịch vào nước của họ nếu đã có visa Israel trong hộ chiếu. Tôi đã phải thay nhanh quyền hộ chiếu của mình vì tấm visa Israel nằm ngay những trang đầu tiên trong chuyến đi vào mùa xuân năm trước. Sự thù địch giữa Israel và Iran cũng như thế giới Ả Rập theo đạo Hồi xuất phát từ những quan điểm bất đồng về tôn giáo, lãnh thổ và an ninh khu vực.

Mọi việc bắt nguồn từ sau thế chiến thứ hai, người Anh đã thông báo ý định rút lui khỏi lãnh thổ ủy trị Palestine của mình. Đại hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc đề xuất việc phân chia Palestine thành hai nhà nước, một nhà nước Ả Rập và một nhà nước Do Thái, với Jerusalem sẽ thuộc quyền quản lý của Liên Hiệp Quốc. Đa số người Do Thái tại Palestine chấp nhận đề xuất này, trong khi đa số người Ả Rập tại Palestine phản đối nó. Người Ả Rập hoàn toàn bác bỏ ý tưởng về một nhà nước Do Thái tại Palestine. Bạo lực giữa cộng đồng Ả Rập và Do Thái nổ ra hầu như sau đó ngay lập tức. Tới cuối thời kỳ ủy trị của Anh, người Do Thái dự định tuyên bố thành lập một nhà nước riêng rẽ, một động thái mà người Ả Rập quyết tâm ngăn chặn. Năm 1948, những lực lượng Anh cuối cùng rời khỏi Palestine, và người Do Thái, dưới sự chỉ đạo của David Ben Gurion, đã tuyên bố thành lập nhà nước Israel theo kế hoạch phân chia. Tuy nhiên, ngay sau việc tuyên bố thành lập Israel, các lực lượng Ai Cập, Syria, Iraq, Jordan, và Li Băng tấn công nhà nước mới ra đời từ mọi hướng. Trong một cuộc chiến liêu lĩnh và đẫm máu bởi việc sử dụng nhiều loại vũ khí và những chiến thuật mưu mô, Israel cuối cùng đã đẩy lùi các lực lượng thù địch, và sau đó tiến quân chiếm một số vùng lãnh thổ vốn được quy định dành riêng cho người Ả Rập. Cho đến ngày nay, sự thù địch giữa Israel và thế giới Hồi giáo Ả Rập trong đó có

Iran đã biến Trung Đông thành lò thuốc súng luôn trong tình trạng chực chờ bùng phát.



Phụ nữ Shiraz trong trang phục truyền thống tham gia cuộc biểu tình.



Một bé gái tham gia biểu tình ở Shiraz.

Đến gần 8 giờ sáng, tất cả dòng người đã tập trung vào khu vực quảng trường trung tâm với hàng loạt các biểu ngữ, cờ xí rợp trời. Các đội kèn trống cũng đã phát lên những âm thanh cổ động inh ỏi. Shiraz hôm nay như một ngày hội thật sự chứ không thuần là cuộc biểu tình tranh giành quyền lợi hay chính trị đa phần kích động như một số nơi khác trên thế giới mà tôi từng chứng kiến. Người dân từ mọi thành phần xã hội kể cả những người già, phụ nữ, trẻ em, những vị đại diện sắc tộc hay tôn giáo đều mặc trang phục truyền thống đứng ngời trật tự dọc hai bên những tuyến đường chính. Biểu ngữ được giăng kín dọc các tuyến phố với nội dung ủng hộ tinh thần quật cường của người Palestine trước Israel hay người Iran luôn ủng hộ người Palestine

trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Xe cảnh sát bắt đầu hụ còi và dẫn đầu đoàn biểu tình chậm chậm di chuyển trên các trục đường chính. Từng đoàn người tay cầm cờ Iran cùng bức chân dung giáo chủ Ruhollah Khomeini, người sáng lập nước Cộng hòa Hồi giáo Iran, hô vang khẩu hiệu phản đối Israel trong việc đàn áp người Palestine hay việc trả lại ngôi đền thiêng trong thành Jerusalem cho người Hồi giáo anh em của họ. Đoàn biểu tình hô vang khẩu hiệu đến đâu thì người dân hai bên đường đồng thanh ủng hộ đến đó. Họ hòa vào đám đông tạo thành dòng người dài như vô tận.

Tôi không cảm giác lo lắng về an ninh bởi trên gương mặt của người dân cho thấy đây là cuộc biểu tình ôn hòa. Họ giăng băng rôn, biểu ngữ, cổ động bằng trống kèn, hình ảnh lãnh tụ, quốc kỳ và bằng chính niềm tin của họ. Rất nhiều thùng quỳên góp được chính quyền thành phố đặt sẵn dọc các tuyến phố để dân chúng thể hiện sự giúp đỡ hay ủng hộ người Palestine bằng các hoạt động vật chất thiết thực hơn. Một người dân tham gia biểu tình nói với tôi rằng, thế giới chỉ biết họ là nước sở hữu hạt nhân, đất nước an ninh luôn bất ổn, đất nước bất bình đẳng giới nhưng thế giới chưa biết một Iran rất nhân văn bằng việc ủng hộ từ vật chất đến tinh thần với những nước láng giềng hay những người đồng đạo chưa từng quen biết với họ. Hình ảnh những cụ già trên chiếc xe lăn, các em bé được bố mẹ động viên bỏ những tờ bạc vào thùng quỳên góp một cách hoàn toàn tự nguyện, không gò bó, ép buộc hay những lời kêu gọi sáo rỗng của giới chính quyền. Những tia nước được bắn thẳng vào dòng người biểu tình làm tôi giật thót mình tưởng như đang bị trấn áp. Nhưng tôi đã lầm. Nước tung tóe vào đám đông đến đâu thì tiếng reo hò phấn khích của người dân rền vang đến đấy. Họ đang được tắm mát bởi những vòi nước được ban tổ chức chuẩn bị chu đáo để làm dịu đi thời tiết mùa hè oi bức trên đường phố. Shiraz biểu tình cũng rất thơ như danh xưng của thành phố mà tôi từng được biết.

Nếu như không có cuộc biểu tình ban sáng thì Shiraz đúng là một thành phố êm đềm và thơ mộng của Iran. Thành phố giúp người ta liên tưởng đến những hình ảnh lãng mạn trong những đoạn thi ca bất hủ. Chính nơi đây là quê hương của Hafez, một nhà thơ lớn của Ba Tư thời Trung cổ. Nếu như ở ta có *Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du thì ở xứ Ba Tư này có *Divan* của Hafez, một tập thơ về tình yêu, về men say, về vẻ đẹp của đất trời, về hoa hồng và cả loài họa mi bé bỏng. Ngay cả trong một thế hệ người Iran hiện đại, trong mỗi gia đình đều sở hữu hai cuốn sách quý đó là cuốn kinh Koran và tập thơ đầy quyền rũ của Hafez như là những báu vật giúp người Iran hướng về cội nguồn của văn hóa, truyền thống và tôn giáo. Ba Tư xưa có nhiều nhà thơ nổi danh trên thế giới, nhưng chỉ có Hafez gieo vào lòng người những hình ảnh dân gian gần gũi, đề cập tới mọi khía cạnh của đời sống xã hội từ ngàn năm và vẫn giữ cho đến ngày nay.



Lăng mộ của Hafez.

Hôm sau, tôi dành thời gian để đến công trình kiến trúc độc đáo ở Shiraz, đó là lăng mộ Hafez và tiện thể bốc thơ Hafez để thử thời vận mà ông chủ nhà trọ đã tư vấn.

Khu quần thể lăng mộ Hafez được thiết kế như một khu vườn Ba Tư ngập ánh nắng, cây cối, hoa cỏ được cắt tỉa cẩn thận và du dương tiếng chim ca quen thuộc. Hafez sinh năm 1321 và mất năm 1390 ngay trên quê hương Shiraz – cũng chính là nguồn cảm hứng thi ca của ông. Ông mồ côi cha từ nhỏ nhưng tinh thần hiếu học đã giúp ông trở thành một trong những người hiếm có đương thời học thuộc lòng kinh Koran (Hafez) mà từ đó trở thành bút danh của mình. Sống trong thời kỳ loạn lạc của lịch sử Iran ở thế kỷ XIV, Hafez từng nhiều lần được các vị hoàng đế trong và ngoài Ba Tư mời làm thi bá và đọc kinh Koran cho triều đình nhưng ông đã từ chối vì không muốn rời xa Shiraz. Đến năm 1773, hoàng đế Karim Khan đã cảm những vần thơ quyến rũ của Hafez nên cho xây dựng lại phần mộ bằng cẩm thạch trên nền của phần mộ cổ để tưởng nhớ nhà thơ. Chính Karim đã biến thành phố thi nhân này trở thành kinh đô hùng mạnh của đế chế Ba Tư trong thời gian cầm quyền ngắn ngủi của mình từ năm 1750 đến năm 1779. Sau này, một số công trình của lăng như mái vòm bát giác được xây dựng năm 1935, do một kiến trúc sư người Pháp thiết kế. Sáng nay, có rất nhiều đoàn học sinh của thành phố đến râm ran đọc những vần thơ bên trong khuôn viên khu lăng mộ của Hafez. Việc học này rất có hiệu quả bởi cảm nhận được những hình ảnh quen thuộc được nhắc trong tập thơ của ông. Có thể nói, người Iran ngày nay xem Hafez như là vị thánh thi của dân tộc.

Tôi được một bạn trẻ Iran dẫn vào trong khu nhà điều hành của khu di tích khi biết tôi có nguyện vọng tìm hiểu về loại hình dân gian bốc bằng thơ Hafez. Cũng giống như hình thức bốc

Kiều ở miền Bắc nước ta, bói thơ Hafez để đoán việc quá khứ và tương lai. Quê bói có thể soi cho ta thấy tương lai có thể xảy ra như thế nào hoặc quê bói không phải là một cái gì tiền định bất biến và không thể thay đổi mà chỉ là lời cảnh báo để ta suy nghĩ và xét lại những gì đã làm và sắp sửa làm. Đối với người dân ở Iran, việc bói thơ Hafez thường vào dịp lễ lạt, năm mới hay vào tháng chay Ramadan. Vẫn phong cách hiếu khách khi gặp người nước ngoài, họ vui vẻ gieo cho tôi một quẻ. Quẻ bói về chuyến đi khám phá đang diễn ra tôi cho là hợp lý nhất. Họ yêu cầu tôi suy ngẫm về chuyến đi đó, những gì liên quan đến hành trình của mình. Họ bảo tôi lật một trang thơ của Hafez. Về cách thức, quyển sách bói thường gồm hai phần, một trang là bản nguyên gốc thơ của Hafez, bên kia là trang giải nghĩa và bình phẩm. Nếu như ở ta, trang Kiếu bằng chữ Nôm không phải người Việt nào cũng hiểu rõ nghĩa, hay nếu là một trang thơ dịch thì cũng cần có người bình phẩm để giải bói cho người đi xem thì bói thơ Hafez cũng thế. Người dân có thể nắm lòng những đoạn thơ cổ dân gian này nhưng để giải thích tương ứng với cuộc sống ngày nay thì cần có người bình phẩm. Họ giải thích cho tôi bằng trang thơ giải nghĩa bên cạnh. Họ bảo chuyến đi của tôi sẽ có nhiều bất ngờ, có nhiều niềm vui nhưng sẽ gặp chút trục trặc ở những chặng đường cuối. Họ còn nói rằng, số tôi luôn được quý nhân giúp đỡ, mặc dù sẽ khó khăn nhưng cũng dễ dàng vượt qua những trở ngại trên đường. Tôi không bao giờ xem bói vì không tin vào những lời bói toán có phần mê tín, không căn cứ khoa học nhưng lần này lại khác khi hành trình đơn độc của mình không có gì là không thể và nhất là đang xem những quẻ bói ngay trong khuôn viên phần mộ của thi nhân lỗi lạc như Hafez. Sau khi rời khỏi căn phòng bói thơ tôi mới âm ứ vì không tiện thể xu quẻ luôn về duyên phận. Đã qua rất nhiều chuyến đi mà tôi vẫn đơn độc một mình. Lần này cơ hội vàng trước mắt mà lại quên. Chắc cũng là tùy duyên mà thôi.

Dòng người viếng mộ Hafez ngày một đông đúc hơn, những người dân địa phương vẫn ngồi tụ thành từng nhóm đọc những câu thơ của Hafez một cách say sưa quên cả tiếng họa mi vẫn đang hót giữa khu vườn ngập trong hương thơm của hoa hồng. Như thể thơ ca chính là phần linh hồn Ba Tư hiện hữu trong mỗi người Iran ngày nay vậy.

Cách Shiraz 70 km về phía Đông Bắc, tôi cố gắng tranh thủ buổi chiều đi bằng xe buýt địa phương để khám phá cố đô Persepolis lừng lẫy một thời của đế quốc Ba Tư cổ đại. Không thể không đến đây vì người Iran ngày nay vẫn xem đây là kinh thành vĩ đại nhất của họ. Để hoàn tất một thủ đô Persepolis bề thế với các cung điện, dinh thự, sảnh đường, phải mất một thời gian dài và trải qua nhiều đời vua. Persepolis được cho đã khởi công từ những năm đầu của triều đại Darius Đại Đế (năm 521 - năm 486 trước Công nguyên) với mục đích xây dựng một cung điện mùa hè ngay chính quê hương của ông. Công trình đồ sộ này tiếp tục xây dựng dưới thời của Cyrus Đại Đế (năm 485 - năm 465 trước Công nguyên) và kéo dài đến tận triều đại Artaxerxes

Đại Đế (năm 464 - năm 424 trước Công nguyên) mới cơ bản hoàn thành. Dưới sự trị vì của hoàng đế Cyrus Đại Đế, đế chế Ba Tư phát triển hưng thịnh. Ông không những mở rộng lãnh thổ bằng ý chí, mà còn tạo uy thế cho vương quốc qua các công trình xây dựng hoành tráng như một số công trình chính của Persepolis hoàn thành chủ yếu dưới triều đại của ông.

Cung điện Apadana là công trình lộng lẫy nhất của Persepolis. Cung điện có chiều rộng theo hướng Đông Tây là 300 mét và chiều dài theo hướng Nam Bắc là 460 mét. Cung điện được bắt đầu xây dựng vào năm 515 trước Công nguyên và hoàn tất sau 30 năm, là nơi các vị vua Ba Tư tổ chức hội họp và đón tiếp sứ thần các nước. Theo mô hình được mô phỏng lại của các nhà khoa học, nơi đây từng được gọi là Bách Trụ Cung, tức cung điện có 100 cây cột đá khổng lồ được điêu khắc cực kỳ tinh xảo thể hiện quyền uy của xứ Ba Tư thời đó.



Bách Trụ Cung vẫn còn khá nguyên vẹn sau hàng ngàn năm.

Persepolis còn có những công trình phụ cận mang tầm vóc vĩ đại không thua gì Apadana. Cầu thang lớn có tay vịn được đẽo từ những tảng đá nguyên khối và cũng là cổng vào trong cung điện. Ngay cổng vào hiện vẫn còn sót lại một vài cổng trụ bằng đá, bên trên có chạm khắc hình các con vật. Chúng là biểu trưng cho sức mạnh và sự thịnh vượng của Persepolis. Từng đường nét chạm khắc hài hòa, sinh động đã phô diễn tài năng của những thợ thủ công Ba Tư cổ đại. Persepolis không chỉ là công trình phục vụ cho vương triều lúc bấy giờ, mà còn là một kiệt tác kiến trúc, thể hiện qua những cột đá được chạm khắc tinh xảo. Những cột đá cao ngạo ngẩng khiến người ta liên tưởng đến ngôi đền Parthenon ở Hy Lạp, nhưng nếu tinh mắt sẽ thấy dáng dấp hình ảnh của những cây cọ đặc trưng ở vùng đất Ba Tư. Trên đỉnh các cột đá là hình ảnh của những con vật như bò tót biểu hiện sức mạnh của đế chế Ba Tư. Tôi từng đứng tận gần trước

các công trình bằng đá tinh xảo tại một số nơi trên thế giới như đền Angkor Thom với nụ cười Bayon bí ẩn, lâu đài mỹ miều Taj Mahal của một vị vua xây tặng cho thiếp của mình ở Ấn Độ nhưng chỉ có Persepolis đã cho tôi thấy được phần hồn thông qua những tác phẩm kiến trúc đồ sộ của công trình. Linh hồn Ba Tư vẫn hiện diện đâu đây trên những di tích còn sót lại dù đã trải qua hàng ngàn năm với nhiều biến cố lịch sử.



Những điều khắc độc đáo của Persepolis.

Ngoài những cột trụ đá cao tầm 20 mét được xem là một phần di tích còn sót lại của cổng giao tế ở cung điện, Persepolis vẫn còn giữ lại những bức tường được chạm khắc vô số hình ảnh. Chúng vừa là tác phẩm nghệ thuật, vừa là bức tranh sống động về cuộc sống của vương triều Ba Tư cổ đại. Hằng năm, Persepolis đều có tổ chức nghi lễ cúng tế thần linh, họ cầu cho vương quốc thịnh vượng, dân chúng ấm no hạnh phúc. Ở Persepolis còn diễn ra một số lễ hội mang tính chất cộng đồng như lễ mừng năm mới. Vì thế, nơi đây còn được xem là cố đô của tâm linh người Ba Tư cổ.



Các di tích chứng tỏ một Persepolis hùng mạnh trong quá khứ.

Thời hoàng kim của đế chế Ba Tư rồi cũng đến hồi kết thúc, cố đô Persepolis cũng cùng chung số phận. Vào năm 332 trước Công nguyên, Hoàng đế Alexander của xứ Macedonia đã xâm chiếm Persepolis. Tương truyền, ông cho phóng hỏa đốt thành phố như một hành động mang ý nghĩa phá hủy quyền lực của Ba Tư. Toàn bộ tài sản quý giá của Persepolis được Alexander vơ vét chất trên hàng nghìn con la và lạc đà mang về tận Macedonia. Thành phố lộng lẫy giờ chỉ còn là một phế tích với những phiến đá khổng lồ được xếp thành vòng tường thành bao quanh, những cột đá cẩm thạch, hay những bức phù điêu được chạm khắc tinh xảo hàng ngàn năm không lay chuyển. Tuy nhiên, dù thời hoàng kim của Persepolis đã qua, nhưng những giá trị văn hóa cũng như kiến trúc của cố đô vẫn chiếm vị trí quan trọng trong lòng nhiều người, đặc biệt là người dân Iran.

Tôi đã đến Shiraz để cảm về phần hồn của người Ba Tư xưa kia và ngay cả hiện tại.

Vùng đất thánh Mashhad

Tôi từng đặt câu hỏi vì sao người Iran đa phần lại theo dòng Hồi giáo Shia trong khi trên thế giới có đến 90% lại theo dòng Hồi giáo Sunni. Có điều gì đặc biệt giữa hai dòng này trong đạo Hồi, một tôn giáo chỉ đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Kitô và hiện là tôn giáo phát triển nhanh nhất.

Người Hồi giáo Iran theo dòng Shia có tạo nên sự khác biệt gì trong tính cách, văn hóa, tín ngưỡng của người Iran hay không? Trước khi đến Mashhad tôi không có cơ hội để giải đáp những thắc mắc này. Tôi hy vọng thành phố linh thiêng Mashhad cho tôi những đáp án trước khi

tiền về vùng đất Trung Á kỳ bí.

Đối với người Iran, được đến thành phố linh thiêng Mashhad hành lễ được xem là một thỏa nguyện trong cuộc đời của họ. Khi đó họ sẽ trở thành *Mashti*, một tín đồ chân chính của Hồi giáo. Điều này tương tự với những tín đồ Hồi giáo khắp nơi trên thế giới một lần đến được thánh địa Mecca ở Ả Rập Xê Út, nơi được xem là thực hiện điều răn dạy cuối cùng trong năm điều cần làm của người Hồi để trở thành một *Haji* thực thụ.



Biểu tượng quyền kinh Koran ở thành phố linh thiêng Mashhad.

Không chỉ người Hồi giáo Iran theo dòng Shia mong muốn đến Mashhad, mà nơi đây trở thành nơi hành hương chính của những tín đồ khắp khu vực Trung Á, Tây Á và cả Nam Á. Hằng năm, các tín đồ khắp nơi trên thế giới hành hương về thánh địa Mashhad khiến cho thành phố ngày một đông đúc hơn và trở thành thành phố lớn thứ hai thế giới sau thủ đô Tehran. Thành phố nằm ở Đông Bắc, sát biên giới với Turkmenistan và Afghanistan. Nơi đây cũng là điểm dừng chân trên Con đường tơ lụa nổi tiếng khi đoàn thương nhân tiến vào đất nước Ba Tư xưa.

Tôi được Kamran, ông là một hướng dẫn viên tiếng Anh kiêm luôn chủ nhà cho thuê dịch vụ homestay, gợi ý cho tôi cách đến đại thánh đường Imam Reza, thánh địa hành hương chính của tín đồ Hồi giáo Iran ở Mashhad. Có thể nói thánh đường Reza là nơi duy nhất trên thế giới dành cho những tín đồ Hồi giáo cầu nguyện nhưng cũng mở rộng cửa đón những du khách nước ngoài tham quan, tìm hiểu. Mà hầu như trên khắp đất nước Iran, họ mở rộng cửa đón những du khách hay người ngoại đạo vào bên trong thánh đường nghe các tín đồ đọc kinh cầu nguyện. Không ít lần tôi đã được vào tận khu vực giáo đường hành lễ của người Hồi giáo Iran ở Shiraz, Yazd, Esfahan hay thủ đô Tehran như những tín đồ thực thụ.

Mashhad là thành phố biên giới nên ngoài việc đến hành hương của các tín đồ, nơi đây còn nhộn nhịp như là nơi giao thương hàng hóa của Iran và khu vực Trung Á. Đường phố tập nập các phương tiện giao thông công cộng đưa du khách đến khu vực trung tâm nơi tọa lạc quần thể thánh đường Imam Reza rộng lớn.

Từ *Homestay Vali* của Kamran tôi bắt xe buýt đến khu vực trung tâm thánh đường Imam Reza thay vì sử dụng hệ thống xe điện ngầm gần đây. Tôi muốn cảm nhận quang cảnh nhộn nhịp của thành phố biên ải Mashhad. Tất cả các con đường đều hướng về trái tim của thành phố, đó chính là đại thánh đường Riza. Kamran nói với tôi vào mùa hành hương chính mọi ngã đường đến Riza đều bị phong tỏa để dành riêng cho các tín đồ hành hương. Các khách sạn xung quanh thì không còn một phòng trống mặc dù giá phòng lên đến hàng trăm đô-la cho một đêm. Những khách sạn có ban-công nhìn vào đại thánh đường thì chỉ dành cho giới nhà giàu Iran hoặc tài phiệt Ả Rập khi chịu bỏ ra hàng nghìn đô-la để thuê một phòng đẹp. Hơn 15 phút, tôi đã có mặt tại cổng chính của thánh đường. Dòng người tấp nập ra vào khu vực cổng chính, phụ nữ thì khoác bộ *chador* đen tuyền từ đầu đến chân còn cánh đàn ông thì khoác lên người bộ đồ lễ truyền thống màu trắng. Đây là trang phục được chính quyền yêu cầu những người theo đạo mặc khi bước chân vào khu vực hành lễ của Imam Reza. Đối với khách du lịch thì ăn mặc kín đáo, lịch sự, riêng phụ nữ phải có khăn trùm đầu để che mái tóc của mình.

Tôi được Yaser, anh chàng có hàm râu quai nón đặc trưng của Iran, hướng dẫn gửi hành lý trước khi vào bên trong thánh đường Imam Reza. Tất cả máy ảnh, túi xách được yêu cầu gửi bên ngoài. Thấy tôi có vẻ thất vọng vì buộc phải gửi máy ảnh, cách duy nhất để tôi có thể ghi lại những hình ảnh đẹp về những nơi mình đi qua, Yaser rất tâm lý bảo rằng: “Anh vẫn có thể chụp ảnh bằng điện thoại di động. Đừng quá lo lắng!”

Yaser dẫn tôi vào bên trong thánh đường Hồi giáo rộng nhất thế giới với những tòa tháp hình chóp được dát vàng sáng rực ẩn hiện sau những vòng thành. Yaser để tôi ngó nghiêng mọi thứ rồi chậm rãi kể về Imam Reza khi chúng tôi đang đứng trước một sân lễ rộng như một sân bóng đá ngoài trời.

– Chúng ta đang đứng trước một trong bảy sân hành lễ bao quanh ngôi đền chính. Tổng diện tích của Imam Reza gần 600.000 mét vuông, là nhà thờ lớn nhất thế giới về diện tích và thứ hai thế giới về sức chứa sau thánh địa Mecca của Ả Rập Xê Út. Toàn bộ khu phức hợp của Imam Reza bao gồm nhà thờ Hồi giáo Goharshad, một viện bảo tàng, thư viện, bốn chủng viện, một nghĩa trang, trường Đại học Khoa học Razavi Hồi giáo, một phòng ăn cho khách hành hương, phòng cầu nguyện rộng lớn, và các tòa nhà khác. Nếu muốn tham quan hết các công trình ở đây chắc chúng ta mất ít nhất ba ngày. Yaser hóm hỉnh kết câu nói khi biết chắc rằng một khách du

lịch ngoại đạo thuần túy như tôi sẽ không bao giờ có nhiều thời gian đến thế.

– Vậy hôm nay anh sẽ đưa tôi đi tham quan ở đâu Yaser?

– À, tôi sẽ hướng dẫn anh tham quan bảo tàng, khu thánh đường chính của Goharshad và phòng cầu nguyện bằng thủy tinh độc đáo nhất của Imam Reza.

Yaser giới thiệu anh ta là giảng viên thần học thuộc trường Đại học Khoa học Razavi Hồi giáo, nằm trong khuôn viên rộng lớn của Imam Reza. Ngoài việc giảng dạy, Yaser kiêm luôn công việc hướng dẫn cho các đoàn du khách nước ngoài bằng tiếng Anh.

– Sức chứa của Imam Reza là bao nhiêu người vậy Yaser? – Tôi hỏi Yaser trong khi đang bước theo Yaser vào khu vực bảo tàng của Imam Reza.

– Đây là bức ảnh chụp vào dịp Imam Reza đón khách hành hương nhiều nhất vào năm 2010, sức chứa có thể lên đến một triệu người cùng lúc – Yaser chỉ tay lên bức ảnh cỡ lớn được treo trang trọng ngay lối đi chính. Một năm, trung bình chúng tôi đón tiếp khoảng 20 triệu khách du lịch hành hương khắp nơi trên thế giới. Bất kể mùa đông hay mùa hè, mùa xuân hay mùa thu lượng khách đến thăm viếng không ngại về vấn đề thời tiết. Những cuộn thảm Ba Tư được chất đống ngoài hành lang được sử dụng cho các tín đồ cầu nguyện vào mùa đông.

– Reza có thể chìm trong tuyết.

Nói rồi Yaser đi bước lên tầng một và bắt đầu kể cho tôi nghe về Imam Reza, một trong mười hai vị Imam đáng kính của người Hồi giáo theo dòng Shia ở Iran.

– Ở Iran, dòng Hồi giáo Shia được chia làm nhiều nhánh, nhưng nhánh Mười hai Imam là có đông tín đồ nhất. Trong đó, những tín đồ như chúng tôi thường chỉ tưởng niệm ba vị Imam: vị Imam đầu tiên Ali, vị Imam thứ ba Husain và vị Imam thứ tám Reza. Imam Reza cũng là vị duy nhất trong số mười hai Imam qua đời ở Iran và được an táng tại thành Mashhad này. Chính điều này đã khiến Mashhad trở thành thành phố linh thiêng của người Hồi giáo dòng Shia ở Iran và khắp Trung Đông đến tận Nam Á và Trung Á.

– Như vậy giáo phái Mười hai Imam có khác gì so với các giáo phái khác thuộc dòng Shia? – Tôi thắc mắc.

– Tín đồ như chúng tôi tin rằng sau khi ngôn sứ Muhammad qua đời, sự dẫn dắt tinh thần cho các tín đồ được thực hiện bởi mười hai ngôn sứ kế tục còn gọi là mười hai Imam. Imam ở đây có nghĩa là bậc thánh hay người dẫn lối - Yaser từ tốn giải thích.

– Đây có phải cũng là căn nguyên khác biệt của triết lý của những người theo dòng đạo Hồi Sunni và Shia? - Tôi tiếp tục chất vấn Yaser.

– Đây là một câu chuyện dài về niềm tin tôn giáo. Mặc dù người theo đạo Hồi nói chung rất tôn kính nhà tiên tri Muhammad và những điều răn dạy trong kinh Koran nhưng vẫn có một số bất đồng trong việc những người đủ tư cách để dẫn dắt tín đồ cho những tư tưởng của Hồi giáo. Mọi bất đồng bắt đầu từ năm 632 sau Công nguyên, nhà tiên tri Muhammad đã qua đời đột ngột mà không chỉ định ai là người kế nhiệm của mình. Abu Bakr, cha của một trong những người vợ của Muhammad đã trở thành *Caliph* của người theo đạo Hồi. Ông đã cho viết những lời khai sáng của Muhammad thành kinh Koran và hoàn thành nó vào năm 650. Abu Bakr được sự ủng hộ của người Sunni, trong khi đó người Shiite lại tin rằng Abu không phải là người kế nhiệm chính thức mà phải là người khác, con rể của Muhammad cũng đồng thời là người em họ có huyết thống với nhà tiên tri tên là Ali. Chỉ bởi vì mâu thuẫn này mà hai dòng Sunni và Shia đã dần tách biệt khỏi nhau cho tới ngày nay. Hiện cách ăn mặc hay cách tu tập cũng khác nhau. Cuộc chiến này lên tới đỉnh điểm khi năm 656 những người ủng hộ Shia đã giết chết giáo chủ đời thứ ba còn sau đó thì những người Sunni đã giết chết con trai của Ali là Husain, tức vị Imam thứ ba mà người Shia tại Iran rất tôn kính. Hằng năm, ở Iran tổ chức lễ hội Ashura vào ngày thứ 10 của tháng Moharram theo lịch Hồi giáo. Lễ được tổ chức khắp nơi ở Iran. Vào những ngày này, các tín đồ kể cả người dân hay nhân viên công sở đều mặc toàn y phục đen để tưởng nhớ vị lãnh tụ tinh thần tử vì đạo Imam Husain – Yaser giải thích cặn kẽ cho tôi như đang giảng dạy về dòng chảy Hồi giáo trong một lớp học chính quy của anh ta. Mặc dù, Yaser là một tín đồ Hồi giáo ngoan đạo của dòng Shia nhưng cách giải thích của anh ta vẫn đứng trung lập để những người ngoại đạo dễ hình dung một cách khách quan về một chủ đề tôn giáo luôn là lĩnh vực nhạy cảm. Nhưng nếu để ý, anh ta đã rất khéo léo trong việc thu hút và lôi cuốn người khác nhằm khẳng định niềm tin tôn giáo chủ quan của mình một cách trung dung hơn.

– Anh nhắc đến vấn đề tử vì đạo, vậy tinh thần này đã có từ thời các vị Imam đúng không Yaser?

– Đúng thế. Hành động tử vì đạo của mười hai vị Imam có ảnh hưởng lớn đến tinh thần hy sinh quên mình của những tín đồ Hồi giáo Iran. Vì vậy, nếu có dịp tham dự lễ hội này, bạn sẽ thấy một số tín đồ Hồi giáo tự nguyện chịu đau khổ, cực hình bằng việc đi chân trần qua than đỏ, tự dùng kiếm xuyên qua da thịt để chia sẻ nỗi đau hy sinh mà mười hai vị Imam đã trải qua – Yaser khẳng định với tôi và bất ngờ hỏi lại khi tôi vẫn còn mãi say sưa, há hốc mồm với màn độc diễn của anh chàng như một bài thuyết trình gốc rễ về tôn giáo.

– Thế anh theo tôn giáo nào?

– À, à... tôi không theo tôn giáo nào cả? – Tôi áp ứng trả lời vì biết như thế sẽ gây một sự khó hiểu cho người đối diện. Đặc biệt ở một nơi mà niềm tin tôn giáo là bất diệt, là căn nguyên cho mọi sự sinh tồn trong cuộc sống đối với những quốc gia Hồi giáo như Iran. Đôi khi, họ còn xem trọng đáng tối cao hơn cả những người thân ruột thịt trong gia đình.

– Là sao? Tôi không hiểu. Không ai trên thế giới này mà không tin vào một đáng tối cao? – Yaser ngạc nhiên và nhìn tôi chằm chằm như thể anh ta đang kiểm chứng một người không có niềm tin tôn giáo thì sẽ có diện mạo khác lạ như thế nào vậy.

– Thật sự ở Việt Nam cũng có nhiều tôn giáo như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo và một số đông người dân không theo tôn giáo tuy nhiên mọi người vẫn có tục thờ cúng tổ tiên. Đối với người Việt, phong tục thờ cúng tổ tiên gần như trở thành một thứ tín ngưỡng, không gia đình nào không có bàn thờ tổ tiên trong nhà, nhưng không phải là một tôn giáo mà là do lòng thành kính của người Việt Nam chúng tôi đối với cha mẹ, ông bà, cụ kỵ. Đây là một tín ngưỡng rất quan trọng và không thể thiếu trong phong tục của Việt Nam. – Tôi cố giải thích trong khi Yaser cứ tròn xoe mắt vì ngạc nhiên.

– Thế ... thế những người theo Hồi giáo hay Thiên Chúa Giáo ở Việt Nam vẫn có tục thờ tổ tiên à?

– Đúng vậy Yaser. Đây là nét văn hóa riêng của người Việt chúng tôi. Riêng tôi nghĩ tôn giáo nào cũng tốt, cũng hướng con người đến cái thiện. Mọi quan điểm bất đồng cũng chỉ do con người mà ra, không xuất phát từ những điều tốt đẹp từ trong kinh Phật hay Koran chẳng hạn.

Yaser cũng đồng ý với tôi về vấn đề này. Sau đó, anh chàng tiếp tục giới thiệu những phòng trưng bày những hiện vật quý hiếm trong bảo tàng cũng như những ngôi mộ của những vị giáo sĩ đáng kính được trưng bày rất trang trọng. Đa phần những hiện vật đều làm bằng vàng, bạc cùng vô số các loại đá quý ở xứ Ba Tư lắm tiền nhiều của từ thời xưa.

Chúng tôi tiếp tục đến thánh đường Goharshad, khu vực cầu nguyện chính của các tín đồ Hồi giáo Iran khi đến Mashhad. Hàng ngàn tín đồ ngồi trải dài phía trước sân dẫn vào tận bên trong thánh đường chính. Yaser nói rằng vào dịp tháng chay Ramadan, người Hồi giáo khắp nơi đổ về Mashhad để cầu kinh. Họ tin rằng, được gần mộ Imam Reza, tức là họ đang gần với đức tin Hồi giáo. Reza sẽ phù hộ cho cuộc sống của họ ấm no, hạnh phúc. Ngay cả các cặp đôi cưới nhau, được cầu nguyện trước sự chứng giám của Reza thì hạnh phúc của họ sẽ trường tồn mãi mãi. Ngay khi chết đi, họ mơ được chôn cất trong nghĩa trang thuộc thánh đường Imam Reza giúp họ được cận kề với giáo chủ, với đức tin của họ. Điều này giống như đức tin của người Ấn về con sông Hằng linh thiêng. Họ cũng có niềm tin được trầm mình trong dòng sông Mẹ từ lúc mới

chào đời đến khi lập gia đình và chết đi để linh hồn được siêu thoát lên thiên đàng.

Sau khi dẫn tôi đến khu nhà nguyện được trang trí bằng hàng triệu miếng thủy tinh hình thoi bé bằng đốt ngón tay dát trên tường như một cung điện lộng lẫy, Yaser nói rằng anh ấy sẽ dành cho tôi một bất ngờ trước khi chia tay. Đó là những món quà vô cùng đặc biệt dành cho lữ khách đến từ một đất nước anh chưa từng tiếp xúc trước đây. Xấp bừa thiếp về Imam Reza mà Yaser nói rằng đây là phần đền bù cho tôi vì nguyên tắc không được chụp ảnh về Imam Reza. Một quyển sách giới thiệu về lịch sử của thánh đường Imam Reza và một miếng ấn nhỏ có khắc tên vị giáo chủ Imam Reza đáng kính. Đây là những món quà quý giá mà sẽ khiến tôi tìm hiểu nhiều hơn về thế giới tâm linh mà Yaser đã giảng dạy cho tôi về Reza.

Kinh Koran lại vang lên khắp thánh đường. Yaser tiễn tôi ra tận cửa khi ánh hoàng hôn bắt đầu thấp thoáng trên các mái vòm. Anh ta chào tạm biệt không quên chúc tôi thượng lộ bình an cho những chặng đường tiếp theo. Yaser trấn an: “Ngay cả trong cuộc chiến đẫm máu Iran-Iraq thì Mashhad và người dân ở đây không hề hấn gì vì có Imam Reza che chở, nên khi anh đến đây chắc chắn cũng sẽ được giáo chủ chúng tôi sẽ phù hộ cho anh lên đường may mắn và bình yên!” Tôi cảm ơn những người bạn Iran nhiệt tình dễ mến. Chợt tôi nghĩ những lời chúc của anh có liên quan gì đến những quý nhân phù hộ cho tôi trong suốt hành trình còn lại như lời của quẻ bói thơ Hafez ở Shiraz không. Imam Reza bỗng lung linh, rực rỡ hơn về đêm khi những sợi đèn nhiều màu bắt đầu chớp tắt liên hồi như những dãy ngân hà dài vô tận.

Con gió mát hiếm hoi thổi từ ngoài vào hất tung tấm màn che cửa màu ghi ở khu nhà trọ *Homestay Vali*. Mashhad hôm nay lạ lùng, thời tiết dịu hắt, bầu trời như cao hơn với hàng triệu triệu vì sao lấp lánh trong đêm. “*Ông Tổ xê dịch*” chắc làm điều này để khiến tôi phải lưu luyến vùng đất thiêng của người Ba Tư đây mà.

Xin chào Iran

Nhắc đến Iran là nhắc đến những câu chuyện nhuốm màu thần thoại Ba Tư được truyền miệng từ đời này sang đời khác. Trước đây Iran có tên gọi là Ba Tư, là một quốc gia nằm ở phía Tây Nam châu Á bao quanh bởi núi và sa mạc. Phía đông Iran được hình thành bởi các lưu vực sa mạc không có người ở và các hồ muối. Phía bắc giáp với biển Caspian và phía nam tiếp giáp với vịnh Ba Tư và Oman rộng lớn. Với vị trí đặc biệt này, Iran cũng là đất nước nằm trong nền văn minh Lưỡng Hà rực rỡ. Iran cũng như lịch sử của chính nó đã kế thừa những dấu ấn cổ xưa nhất của nhân loại. Qua nhiều năm, các nền văn hóa có ảnh hưởng khác nhau tới văn hóa của người Iran. Các cư dân từ khắp nơi trên thế giới đã đi du lịch qua tuyến đường thương mại lịch sử gọi là Con đường tơ lụa với sự đa

dạng và vinh quang của các đế quốc lớn.

Đến thăm Iran là đến với cái nôi văn hóa độc đáo. Tự hào với ba thiên niên kỷ ghi lại lịch sử, Iran được kế thừa một sự hoang tàn với các lối kiến trúc riêng biệt và sáng tạo. Những tòa thánh đường được chạm khắc tinh xảo, những bảo tàng với hàng nghìn hiện vật quý, những lâu đài nguy nga tráng lệ, những quảng trường rộng lớn cùng với thiên nhiên tươi đẹp là điểm thu hút hàng triệu khách du lịch đến với Iran mỗi năm. Iran là một trong những đất nước hiếm hoi ở Trung Đông sở hữu khối di sản văn hóa đồ sộ của nhân loại.

Có thể nói, đất nước Iran rất thích hợp đối với khách du lịch bụi mặc dù hơi khó khăn liên quan đến việc cấp visa cho họ khi họ đã từng du lịch ở một số quốc gia vương yếu tố chính trị. Ví dụ mối quan hệ không hữu hảo giữa Israel và Iran khiến cho du khách sẽ không được nhận visa du lịch của nước này nếu trong hộ chiếu đã có visa của nước kia. Một số thông tin không được kiểm chứng rằng nếu một du khách Việt Nam đi du lịch Iran thì sẽ khó mà được duyệt visa khi đi du lịch Mỹ. Tuy nhiên, với cảnh quan thiên nhiên đa dạng theo từng mùa, địa hình phong phú, khối di sản đồ sộ, ẩm thực độc đáo cùng kiểu Hồi giáo thân thiện khiến bạn phải đến thăm ngay đất nước thuộc một trong những cái nôi văn minh của loài người cách đây hơn sáu thiên niên kỷ.

Visa Iran

- Xin visa ở Việt Nam: bạn có thể nộp hồ sơ theo yêu cầu của Đại sứ quán Iran tại Việt Nam theo địa chỉ 54 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội hoặc qua số điện thoại +84.4.3823.2068; số fax +84.4.3823.2120; hộp thư điện tử iriemb@fpt.vn. Hồ sơ sẽ được duyệt trong bảy ngày làm việc. Bạn sẽ nhận được visa Iran, nhập cảnh một lần với mục đích du lịch trong 30 ngày. Nên lưu ý nếu bạn đã từng có visa Israel trong hộ chiếu thì đại sứ quán Iran sẽ không cấp visa cho bạn.
- Xin visa tại cửa khẩu: bạn không cần phải xin visa ở Việt Nam trước khi đi du lịch đến Iran. Iran đang áp dụng chính sách cấp visa tại sân bay đối với công dân Việt Nam khi đi du lịch bằng đường hàng không. Bạn sẽ nhận được visa 15 ngày với mục đích du lịch khi bạn nhập cảnh các sân bay quốc tế như: sân bay Imam Khomeini hoặc Mehrabad ở Tehran, sân bay Mashhad, sân bay Shiraz, sân bay Tabriz hoặc sân bay ở Isfahan. Bạn cần chuẩn bị hộ chiếu bản chính còn hạn trong 6 tháng và 1 bản sao, 2 ảnh 3*4, đặt phòng khách sạn, lịch trình tham quan Iran và phí visa 40 *euro*.

Ăn mặc ở Iran

Là một quốc gia Hồi giáo, Iran cũng khuyến cáo khách du lịch trong cách ăn mặc để tránh ảnh hưởng đến tôn giáo của họ.

- Nam giới tránh mặc quần soóc và những hoa văn họa tiết, ký hiệu, câu chữ có ý nghĩa xúc phạm, dung tục.
- Nữ giới nên có khăn che tóc khi đi ra phố, những khu vực công cộng hay vào tham quan các thánh đường Hồi giáo. Bạn nên mặc quần hoặc váy dài đến gót cũng như có thể mặc quần jeans hoặc kaki để thuận tiện cho việc tham quan, khám phá của mình.

Truy cập internet ở Iran

Iran có hệ thống thông tin liên lạc được đầu tư rất tốt và lớn nhất khu vực Trung Đông. Hầu như tất cả các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng được trang bị internet và wifi tốc độ cao. Bạn có thể mua sim điện thoại ở sân bay để gọi nội hạt trong những ngày tham quan ở Iran hoặc sử dụng skype để điện thoại về gia đình hoặc bạn bè ở Việt Nam. Tuy nhiên, bạn hãy cẩn thận khi sử dụng thuê bao roaming⁸ vì cước phí sẽ rất cao. Mạng xã hội facebook ở Iran cũng bị kiểm soát nghiêm ngặt do cấm vận. Bạn nên nhờ nhân viên ở khách sạn tư vấn cài thêm một số phần mềm để có thể sử dụng facebook dễ dàng.

Ẩm thực Iran

Ẩm thực Iran chịu ảnh hưởng của khá nhiều nền văn hóa như Trung Đông, Trung Á, Nga và châu Âu, vì thế có nhiều loại thức ăn đồ uống đa sắc, đa vị. Một đặc điểm chung của ẩm thực Iran là trong các món ăn thường trộn lẫn nhiều nguyên liệu khác nhau, thường thấy nổi bật là rau, củ, hạt quả với nghệ, quế, gừng, diếp, mộc qua, óc chó, lựu, nho, táo, mận khô, chanh, ớt chuông, cà chua, lá cải bắp, lá nho, đậu ván, bí ngô, bí đao, cà rốt, dưa chuột và hành. Người dân rất thích ăn rau ghém nên cũng có nhiều thứ xà lách xanh trộn dầu ô liu, nước chanh, muối, hạt tiêu và tỏi. Có hai món rất phù hợp với người Việt Nam là món cơm nàng hương nấu từ gạo thơm berenj và món thịt nướng kebab. Đây cũng là những món ăn chính có mặt trong mọi bữa ăn ở Iran. Không giống như một số nước Trung Đông và Trung Á khác, Iran có hơn 40 loại bánh mì từ màu nhạt đến màu đậm nhất. Đây cũng là món ăn được bày bán nhiều nhất trên đường phố Iran. Nếu bạn thấy nơi nào xếp hàng dài ngoài phố, đó chắc chắn là một tiệm bánh mì nổi tiếng cho ra lò những ổ bánh ngon và thơm lừng nhất. Iran cũng có rất nhiều loại trái cây để du khách thưởng thức như dưa hấu, dưa lê, nho, táo, mận, đào... nên bạn không sợ đói khi không hợp khẩu vị Trung Đông. Đừng quên hỏi món thịt nướng kebab khi vào nhà hàng nhé. Bạn sẽ nghiệm nó như tôi đây.

Thời gian tốt nhất để ghé thăm Iran

Thời tiết và khí hậu ở Iran đa dạng theo từng mùa. Mùa xuân thì ấm áp, mùa hè rất nóng, mùa thu mát mẻ nhưng hơi ẩm ướt và mùa đông thì cực kỳ lạnh đặc biệt khu vực phía bắc. Vì thế bạn có thể dễ dàng lựa chọn thời gian phù hợp để du lịch Iran. Đối với người Việt Nam thì thời gian thích hợp nhất và tốt nhất để bạn khám phá Iran là từ giữa tháng Ba đến tháng Sáu và cuối tháng Chín đến đầu tháng Mười Một. Thời gian này thời tiết khá đẹp, không lạnh, ấm áp và cuối tháng Ba lại là dịp năm mới của người Iran nên có nhiều lễ hội địa phương. Còn nếu bạn muốn tìm hiểu về tháng Ramadan của Iran thì hãy đến đây vào tầm tháng Tám. Đây là tháng ăn kiêng của người Hồi Giáo Iran, nhiều người không thích du lịch Iran trong khoảng thời gian này, thế nhưng nó lại là một trải nghiệm thú vị và đôi khi bạn vẫn có thể tìm nhiều nhà hàng phục vụ du khách nước ngoài từ bình minh cho đến tận nửa đêm.

Những hoạt động không thể bỏ qua khi đến Iran

- Nằm trong khu vực của nền văn minh Lưỡng Hà nên Iran sở hữu nhiều công trình kiến trúc có từ hàng ngàn năm lịch sử. Bên cạnh đó, Iran – trước kia là Đế quốc Ba Tư hùng mạnh – là điểm đến trên Con đường tơ lụa từ phương Đông nên sở hữu nhiều di sản vô giá. Hiện nay, Iran có tổng cộng 19 di sản văn hóa do Unesco công nhận và một vài trong số đó là các di sản thuộc hệ thống Con đường tơ lụa cổ. Nếu là người yêu thích văn hóa và các công trình cổ, bạn có thể khám phá Iran theo lộ trình của những di sản nổi tiếng này.
- Nếu bạn yêu thích các loại hình du lịch mạo hiểm thì tham gia một số hoạt động leo núi vào mùa hè và trượt tuyết vào mùa đông. Damavand, Alam Kooh, Sahand và Sabalan nằm trong số những đỉnh núi cao, hùng vĩ nằm phía bắc của Iran thu hút nhiều khách du lịch mạo hiểm mỗi năm.
- Khám phá đời sống của người dân ở những thành phố, thị trấn cổ có tuổi đời hàng ngàn năm như ngôi làng trong hốc đá Kandovan nằm ở tỉnh đông Azerbaijan, ngôi làng Abyaned ở Esfahan, ngôi làng Kharanagh ở Yazd...
- Ở nhà dân và tìm hiểu văn hóa ẩm thực của Iran.
- Trò chuyện với người bản địa.
- Tìm hiểu các ngôi chợ ở Iran.

Khách sạn ở Iran

Là một khách du lịch bụi nên đôi khi bạn chỉ cần chỗ ngủ không quá rộng, tiết kiệm, sạch sẽ, gần với các khu chợ, các điểm tham quan, kết nối wifi thông suốt, có nhà bếp nấu ăn. Chỉ vậy thôi thì các hostel ở Iran sẽ phục vụ tốt cho những ngày tham quan khám phá của bạn. Chi phí khoảng 10-15 đô-la Mỹ cho một giường trong hostel tùy theo thành phố. Nếu bạn ở Yard và

Esfahan thì chi phí rẻ hơn đôi chút.

Tôi cũng khuyên bạn ở nhà dân. Ví dụ ở thành phố Mashhad, bạn có thể ở chung với người dân địa phương, chi phí khoảng 10 đô-la Mỹ, nếu ăn sáng bạn phải trả thêm hai đô-la, ăn tối là năm đô-la khi bạn không có thời gian để nấu nướng. Chủ nhà sẵn sàng đi chợ để bạn nấu những món ăn Việt Nam và cùng thưởng thức với chủ nhà.

Ngoài ra, đến Iran, nếu có điều kiện hãy lưu trú tại các khách sạn cổ đã tồn tại hàng trăm năm, là nơi nghỉ ngơi của các thương nhân nước ngoài buôn bán qua Con đường tơ lụa. Sự cổ kính, phức hợp của các *caravanserais* sẽ tạo cho bạn cảm giác thích thú như mình đang được trở về thời kỳ quá khứ xa xưa của đế chế Ba Tư. Nếu bạn đi từ Tehran đến Mashhad có thể lưu trú hệ thống này trải dài đến 105 km nằm ở phía đông của thành phố Shahrood.

Mua sắm ở Iran

Ở Tehran và các thành phố khác của Iran đều có các khu chợ rộng lớn vừa bán sỉ vừa bán lẻ rất nhiều các mặt hàng địa phương hấp dẫn khách du lịch nước ngoài. Tại đây du khách có thể mua từ những thứ quý giá như vàng, đá quý, ngọc trai, thảm Ba Tư truyền thống, đồng hồ các loại cho đến hương liệu, thực phẩm, vải sợi, quần áo, giày dép, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ bằng đồng được tạo tác bằng tay tinh xảo... Nếu là người thích mua sắm khi đi du lịch thì Iran là thiên đường cho bạn lựa chọn. Bạn có thể dành thời gian tham quan mua sắm tại bazaar khi ở Tehran, Esfahan, Tabriz, Mashhad hay Shiraz cả ngày mà không chán. Bạn hãy mua hàng lưu niệm ở cổ đô Esfahan và một tấm thảm Ba Tư ở Tabriz nhé!

Giá phương tiện vận chuyển rẻ

Là một trong những quốc gia trong tổ chức xuất khẩu dầu hỏa OPEC có trữ lượng dầu hỏa đứng hàng đầu trên thế giới nên chi phí phương tiện vận chuyển ở Iran khá rẻ. Bạn nên chọn đi xe buýt chất lượng cao từ thành phố này sang thành phố khác hay có thể sử dụng taxi khi di chuyển nếu như trên tuyến đường đó không có phương tiện vận chuyển khác. Giá taxi du khách có thể thương lượng trực tiếp với tài xế với chi phí chỉ bằng 1/3 so với ở Việt Nam.

Không thể hiện công khai tình cảm nơi công cộng

Các cặp vợ chồng, các đôi tình nhân xin vui lòng lưu ý vấn đề này ở quốc gia Hồi giáo khu vực Trung Đông. Không giống như phương Tây, người Iran không thể hiện tình cảm nơi công cộng.

Bắt tay

Nếu là đàn ông, bạn nên tránh chủ động bắt tay với phụ nữ mà bạn chưa quen biết hoặc người phụ nữ nào không phải là người thân trong gia đình hoặc bạn bè của mình. Chỉ cần một lời chào đơn giản khi gặp mặt và chia tay bằng tiếng địa phương Salam. Tương tự như vậy, nếu bạn là phụ nữ, bạn cũng tránh bắt tay với những người đàn ông không liên quan đến mình.

Người Iran rất hiếu khách

Người dân Iran rất hiếu khách đặc biệt khi biết bạn đến từ Việt Nam. Mặc dù là một quốc gia Hồi giáo, nhưng bạn sẽ thường xuyên bắt gặp những nụ cười thân thiện trên phố. Bạn sẽ được giúp đỡ tận tình khi có yêu cầu, thậm chí họ còn mời bạn những bữa ăn truyền thống địa phương hoặc mời lại nhà họ chơi. Đặc biệt, bạn cũng có thể sử dụng lưu trú hình thức *couchsurfing* để có thể tìm hiểu, tiếp cận với đời sống của người bản địa. Người Iran thân thiện nên chắc chắn bạn sẽ được tiếp đãi một cách nhiệt tình khi ở nhà họ. Nếu bạn đi trên phố, khi biết là khách du lịch họ sẵn sàng mời bạn ăn uống thậm chí họ có thể giành phần trả tiền trong một nhà hàng, đây được xem như một cử chỉ hiếu khách của họ đối với du khách.

An toàn

Bất cứ thành phố nào trên thế giới cũng có những vấn đề về an ninh trật tự riêng. Vì thế khi đi du lịch bạn cần trang bị một số kỹ năng nhất định đặc biệt là việc đi du lịch tự túc một mình. Tuy nhiên ở Iran, lực lượng cảnh sát an ninh ở khắp mọi nơi và được quản lý bởi hệ thống camera an ninh chặt chẽ. Hầu hết ở những khu vực đông người qua lại đều gắn thiết bị theo dõi để đảm bảo an toàn cho người dân và du khách.

Bạn sẽ thoải mái chụp ảnh

Không giống như một số nước Hồi giáo khác như Ma Rốc hay một số ở Trung Á, người Iran rất thích chụp ảnh. Bạn sẽ thoải mái tác nghiệp mọi lúc mọi nơi trừ một vài chỗ thuộc cơ quan chính quyền, cảnh sát, trong xe điện ngầm... Thậm chí, phụ nữ Iran cũng sẽ vui vẻ chủ động mời bạn chụp hình chung. Tuy nhiên có một số trường hợp bạn bị cấm chụp ảnh như: chụp phụ nữ Hồi giáo khi họ chưa cho phép, trong ga xe điện ngầm hay khu vực sân bay...

Các điểm tham quan nổi bật

Cùng với Iraq, đông Syria và đông nam Thổ Nhĩ Kỳ, một phần Iran ngày nay là vùng đất của nền văn minh Lưỡng Hà xưa kia đã ghi dấu ấn rất lớn trong sự phát triển của nhân loại. Đất nước Iran cũng nằm trên Con đường tơ lụa nổi tiếng vận chuyển hàng hóa từ phương Đông sang phương Tây. Vì thế ngày nay, Iran sở hữu những công trình vĩ đại, những di chỉ khảo cổ, những

lâu đài nguy nga tráng lệ, những quảng trường rộng lớn và những nhà thờ Hồi giáo có kiến trúc độc đáo cùng với văn hóa Ba Tư từ nghìn năm trước. Chính những yếu tố này đã trở thành di sản văn hóa của nhân loại và được chính phủ Iran bảo tồn hoàn hảo.

Các di sản thế giới minh chứng cho một đất nước Ba Tư giàu bản sắc như: quảng trường Naghsh-e Rostam ở Esfahan, cố đô Persepolis, khu phức hợp cổ Tchogha Zanbil, địa điểm khảo cổ học cổ đại Takht-e Soleyman, thành phố cổ Bam, cố đô Pasargadae, lăng Oljaytu tại Soltaniyeh, khu khảo cổ Bisotun, quần thể nhà thờ của người Armenia, công trình thủy lực lịch sử tại Shushtar, quần thể khu chợ lịch sử Tabriz, Sheikh Safi al-din Khanegah và quần thể lăng mộ tại Ardabil, vườn Ba Tư, lăng mộ Gonbad-e Qabus, thánh đường Jameh của Esfahan, cung điện Golestan, phế tích Shahr-i Sokhta, cảnh quan văn hóa ở Mayland và thành phố cổ Susa.

Nào! Hãy đến Iran... Salam Iran... Xin chào Iran!

5. Rial là đơn vị tiền tệ chính thức của Iran. Một rial bằng 100 dinar, tuy nhiên đồng rial ngày nay có giá trị quá thấp nên phần lớn của rial không còn được dùng trong kế toán. Trên thực tế, ngày nay người Iran sử dụng đơn vị toman có giá trị tương đương 10 rial. (Theo Wiki)

6. Medina hiểu đơn giản là khu phố cổ có tường thành bao quanh. Ở Ma Rốc và các quốc gia Trung Đông, mỗi thành phố đều hình thành những khu Medina từ hàng trăm đến hàng nghìn năm trước. Đây là nơi sinh sống, làm việc, các khu chợ trao đổi mua bán các sản vật địa phương, những làng nghề thủ công mỹ nghệ độc đáo được hình thành trong khu vực này và được chia ra theo từng khu vực như khu chạm khắc gỗ, khu thuộc da, hàng mã, đồ đồng...

7. Caliph, hay Khalip có nghĩa là “người kế tục”, được xem là “người kế tục Muhammad” để làm thủ lĩnh chính trị và tinh thần của các tín đồ Hồi giáo.

8. Tức dịch vụ Chuyển vùng quốc tế (CVQT/Roaming), dịch vụ cho phép khách hàng dùng chính thẻ SIM và số thuê bao di động của mình để liên lạc khi đang di chuyển ở các quốc gia khác.

Chương 5. Turkmenistan khép mình với thế giới

Điều lạ lắm đầu tiên khi tôi đến đất nước này là đâu đâu cũng có ảnh chân dung của vị Tổng thống đương nhiệm được treo trang trọng ở cửa khẩu, sân bay, khách sạn, siêu thị, trường học, công ty và kể cả trong khoang hành khách trên các chuyến bay của hãng hàng không quốc gia Turkmenistan Airlines. Mỗi ngày, các tờ báo địa phương đều đưa tin và bài viết về hoạt động của vị Tổng thống này không quên kèm theo những hình ảnh của ngài ở trang bìa. Mỗi bìa báo biên tập hình ảnh của ngài khác nhau. Tôi thấy khi ngài dưới hình ảnh như một dũng tướng với trang phục thời trung cổ đang cưỡi con chiến mã Akhal-Teke⁹, khi thì trong một bộ veston đom đống đang thao thao bất tuyệt trên nghị trường, khi đang thành kính làm lễ ở một nhà thờ Hồi giáo, khi vận trang phục bác sỹ thảo luận về chuyên môn trong bệnh viện cùng các đồng nghiệp, khi thì mặc thường phục bế trên tay một đứa trẻ nhỏ lem luốc... Tôi thắc mắc với Eziz, anh chàng tài xế chở tôi từ thủ đô Ashgabat đến “cổng địa ngục” Derweze, về chuyện này. Anh ta cười gượng gạo và buông một câu trả lời ngắn gọn: “Đất nước chúng tôi lạ lùng như vậy đó!”

Trên đường đến Mary

Cửa khẩu Serhetabat thuộc thị trấn Sarakhs rất ít khách du lịch. Hầu hết hành khách qua lại cửa khẩu là những người Iran hoặc Turk với mục đích làm việc hoặc mua bán. Tôi nhanh chóng làm thủ tục hải quan bên phía Iran sau khi bộ phận an ninh kiểm soát máy ảnh và thẻ nhớ. Họ kiểm tra xem những bức ảnh chụp có vi phạm đến công tác an ninh, bí mật quốc gia hay những ấn phẩm “đen” không được phép truyền bá. Từ khu vực kiểm soát hải quan bên Iran qua đến bên phần của Turkmenistan khá xa nên ở đây chính phủ hai nước đầu tư những chuyến xe buýt trung chuyển cho du khách khi không muốn đi bộ với hành lý của mình. Giá tiền cho đoạn đường 5 km giữa hai biên giới là 100.000 *rial*, bằng với số tiền tôi trả chi phí cho chuyến taxi ghép từ Mashhad đến Sarakhs.

Cổng chào với dòng chữ to *Welcome to Turkmenistan* đã hiện ra trước mắt. Tôi định lấy chiếc máy ảnh chụp vội vài tấm ảnh ở khu vực biên giới nhưng chợt nhớ đây là một trong những điều cấm kị của chính phủ nên thôi. Chân dung Tổng thống đương nhiệm được treo trang trọng ở cổng biên giới làm tôi liên tưởng đến hình ảnh của một đất nước thời Xô Viết trước đây. Đã hơn 24 năm kể từ khi Liên Xô tan rã, Turkmenistan đã qua hai đời Tổng thống với nhiều sự thay đổi đáng kể về kinh tế, bằng chứng là việc giao thương hàng hóa ở các cửa khẩu tấp nập hơn mặc dù đây không phải là cửa khẩu quốc tế chính bằng đường bộ nối liền giữa Iran và Turkmenistan.

Tôi gặp lại Bastien, anh bạn người Thụy Sĩ ở chung nhà trọ *Homestay Vali* vào ngày đầu tiên ở Mashhad, đang đợi xin visa cùng một số người Iran và người Turk đứng nhón nháo ở khu vực nhập cảnh. Không xa là những túi đồ linh tinh của Bastien được tháo ra khỏi yên xe đạp để dễ dàng cho nhân viên kiểm tra an ninh. Có thể anh chàng đã nghỉ một đêm ở thị trấn biên giới Sarakhs trước khi đến khu vực cửa khẩu vào sáng nay.

– Chào Bastien, lại gặp anh ở đây? – Tôi chủ động mở lời khi anh ấy đang loay hoay sắp xếp lại một số giấy tờ trong chiếc bìa nhựa nhẵn nhúm.

– Xin chào! – Anh ta cười tí mắt khi gặp tôi và hài hước chào tôi bằng cái giọng tiếng Việt lơ lớ mà tôi đã dạy anh ta hôm trước.

– Anh đợi ở đây lâu chưa?

– Gần hai tiếng rồi.

– Anh có thư mời không?

– Có chứ, nhưng dường như họ rất ít làm thủ tục cho những khách du lịch xe đạp như tôi. Họ cứ lóng ngóng và hỏi tôi đủ điều.

– Họ hỏi gì anh?

– Địa chỉ khách sạn, số điện thoại công ty gửi thư mời, lịch trình tham quan, tùm lum thứ nữa... - Anh ta hóm hỉnh trả lời.

– Tôi nghĩ ở đây chắc ít khách du lịch đi qua cửa khẩu này nên họ chưa quen thôi.

– Anh bạn nộp 12 đô-la chưa?

– Lệ phí visa hả Bastien?

– Không, anh qua quầy ngân hàng kế bên để nộp 10 đô-la lệ phí nhập cảnh cùng hai đô phí ngân hàng gì gì đó rồi qua đây nộp hồ sơ. Nhớ kèm giấy nộp tiền ấy nhé! – Bastien tư vấn cặn kẽ cho tôi và chỉ tay sang quầy bên cạnh có năm sáu người Iran đang chen chúc nhau trước ô cửa sổ bé tí.

–Ồ, cảm ơn Bastien.

Tôi nhanh chóng bước qua quầy bên cạnh đóng tiền như lời Bastien nói. Chỉ có hai nhân viên

làm, không có máy vi tính và họ viết biên lai nhận tiền bằng tay. Một anh chàng nhân viên đưa cho tôi một liên biên nhận được sao bằng giấy các-bon (giấy than), nói tiếng Nga đủ để tôi đoán là hãy tiếp tục nộp qua bàn bên cạnh để xin visa. Ôi, giống Việt Nam mười hay mười lăm năm trước khi mà các cơ quan nhà nước còn sử dụng giấy các-bon để giữa hai biên lai bán hàng.

Gần đến trưa, dòng người vào làm thủ tục nhập cảnh có phần đông hơn buổi sáng. Quầy làm visa kiêm luôn việc đóng dấu nhập cảnh chỉ có hai nhân viên phục vụ cho đám đông đã lên đến vài chục mà nhìn trang phục cũng nhận thấy họ là những lao động qua lại biên giới hằng ngày. Một anh chàng hải quan béo bụng và một cô nàng hải quan dáng dong dong cao được phân chia công việc khá rõ ràng. Cô nhân viên chịu trách nhiệm làm thủ tục cho những khách chủ yếu là thương mại hoặc việc làm. Anh chàng kia phụ trách cho những du khách nước ngoài xin visa tại cửa khẩu. Anh chàng béo bụng mân mê bộ hồ sơ của tôi và một vài biker khác gần cả giờ đồng hồ, hết gọi điện rồi xì xầm với cô dong dong cao bên cạnh. Cuối cùng, anh chàng nhìn lên đồng hồ và bảo tôi: “Một giờ chiều qua quầy bên cạnh đóng tiền và lại đây nhận visa.” Quái gì thế, sao lại là một giờ chiều khi bây giờ mới là mười một giờ rưỡi. Một số anh chàng người Iran nói đến giờ ăn cơm trưa nên đầu giờ chiều họ mới quay lại làm việc. Tôi thật sự thất vọng vì phải chờ đợi khi mà bụng dạ biểu tình liên hồi vì sáng giờ chưa có gì bỏ bụng và khu vực này lại không có nổi một cái ghế ngồi dành cho khách. Rõ đây là cách thức “phục vụ” của một quốc gia theo kiểu bao cấp, quan liêu đặc trưng của thời kỳ Xô Viết cũng tương tự như việc tôi ngồi cùm nùm ở cái hành lang nhỏ hẹp để chờ nộp đơn xin visa Uzbekistan ở Tehran vào hai tuần trước.

Thế rồi tôi cũng nhận được visa Turkmenistan nền màu xanh lá với biểu tượng hình bát giác bên góc trái, bên trong là hình trăng khuyết với những ngôi sao nhũ kim tuyến độc đáo. Cảm “báu vật” trên tay, tôi quên đi những mệt mỏi và cơn đói làm mờ cả mắt. Vậy là tôi đã chính thức đặt chân vào đất nước cửa ngõ của Trung Á, một trong những nước bí hiểm đối với khách du lịch vừa làm tôi một phen khổ sở.

Đất nước Turkmenistan sở hữu vùng sa mạc Karakum rộng lớn, vậy mà có gần 1.400 địa điểm lưu lại dấu tích cổ xưa. Trong đó phần lớn đều gần với dãy núi cao, khu vực sông ngòi vùng giáp biên giới đều liên quan mật thiết đến hệ thống Con đường tơ lụa cách đây hàng ngàn năm. Con đường đã đem đến cho vùng đất này nhiều của cải nhưng cũng dẫn theo cả những đội binh xâm lược hùng mạnh tới, hủy hoại sự phồn vinh, thịnh vượng, gây chết chóc tai ương bởi các cuộc chiến tranh liên miên. Cộng thêm trận động đất lớn năm 1948 đã san bằng thủ đô Ashgabat, những kiến trúc cổ đại còn giữ được đến ngày nay thật sự không dễ chút nào.

Đoạn đường từ Serhetabat đến Mary băng qua sa mạc Karakum gồ ghề đất đá. Thi thoảng mới có một chiếc xe tải ngược chiều làm hất tung lớp bụi dày mù mịt. Hai bên đường cảnh vật không

có gì ngoài những đám cỏ sẫm màu vì bị đốt cháy dưới thời tiết nóng bức, khắc nghiệt nhất trong năm. Trên cả vùng đất bao la, không có một dấu hiệu về sự sống, không có những cánh đồng hoa màu, không có lấy một sinh vật di chuyển trên mặt đất vào ban trưa. Thi thoảng chỉ vài cái bóng lạc đà oằn mình trên cát nóng. Bao trùm lên tất cả sa mạc mênh mông hiện giờ chỉ có tiếng gió rít từng cơn dồn dập.



Người nông dân bán dưa giữa sa mạc Karakum nóng bỏng vào mùa hè.

Tắm cách nhiệt phát huy hết tác dụng nhưng vẫn không giảm được nhiệt độ trong xe là bao nhiêu. Turkmenistan là đất nước với hơn 70% diện tích là sa mạc và bán sa mạc nên rất ít các loại cây trồng chịu được thời tiết hanh khô như thế này. Tôi ăn vội hai thanh sô-cô-la được giấu kỹ dưới đáy ba lô phòng khi quá đói nhưng vẫn có cảm giác không thèm ăn do mệt và nóng. Những cơn gió mạnh thổi tung lớp cát sa mạc quện vào lớp bụi đường làm cho tầm nhìn hạn chế chỉ còn vài mét. Cứ cách độ vài mươi ki-lô-mét lại là những gò dưa đủ loại, từ dưa gang, dưa hấu, dưa hoàng kim, đến những trái dưa lưới đủ kích cỡ được nông dân chở ra bán bên vệ đường. Những quả dưa bị phủ một lớp bụi dày nhưng cuống vẫn còn tươi xanh do mới thu hoạch. Gió thét gào từng hồi làm những người phụ nữ một tay vịn vào thành chiếc xe bán tải của họ, tay kia cố níu chiếc khăn trùm đầu thật chặt để tránh bị hất tung bởi những cơn bão cát. Tôi nghĩ nếu không làm thế thì trong lúc hớ hênh có thể hất tung họ lên không trung như những trái bóng bị xì hơi. Tài xế chỉ cho mọi người xem cái vòi rồng đường kính bằng cây cổ thụ hai người ôm, xoắn tròn ốc lên cao độ chừng 25-30 mét, rê qua mặt đường một cách chậm chạp khi xe chúng tôi cách đó không xa. Xe chạy chậm dần và dừng hẳn để con quái vật sa mạc từ từ di chuyển qua phía trái con đường. Tài xế khẽ cười ra hiệu cho chúng tôi an tâm vì đây cũng là chuyện bình thường ở vùng đất này. Xe dừng hơn 10 phút, gió bớt thổi mạnh làm cho con quái vật mất đi

nguồn năng lượng để nó hình thành, tồn tại và phát triển. Nó nhỏ dần rồi mất hút như một làn khói mỏng nhưng không quên làm mọi thứ bay tung tóe khi đi qua. Những người nông dân bắt đầu mang những quả dưa to tròn, dùng dao cắt từng miếng nhỏ mời chúng tôi dùng thử. Có thể do thổ nhưỡng bán sa mạc với những loại đất bùn và cát đặc biệt ở đây làm cho dưa ngọt lịm, nhưng thanh. Một số khách và lái xe mua một vài quả có trọng lượng từ năm đến bảy ki-lô-gam mà giá chỉ một hai đô-la, loại hoa quả đặc trưng ở Trung Á này có giá rẻ mạt, chả bỏ công người nông dân cực khổ trồng trọt, thu hoạch, buôn bán dưới cái nóng như thiêu như đốt. Chiếc xe tiếp tục lắc lư trên con đường hoang vắng bỏ lại phía sau lớp bụi mù đặc quánh như khói tàu.

Ốc đảo Merv giữa sa mạc Karakum

Có hai thành phố được nhắc nhiều trên Con đường tơ lụa, đó là Merv ở Turkmenistan và Samarkand thuộc láng giềng Uzbekistan. Bởi đây là những thành phố quan trọng mà các thương nhân phương Đông dừng chân trước khi bước vào khu vực Tây Á. Mặt khác, Merv được xem là cửa ngõ vào Trung Á của các thương nhân Ba Tư từ thế kỷ IX-X sau Công nguyên từ đó đến các thành phố Samarkand, Bukhara và Khiva luôn tấp nập khách thập phương.

Mary đón tôi nhẹ nhàng bằng những cơn gió thoảng làm dịu đi không khí nóng bức của mùa hè. Bầu trời xanh và cao hơn làm nổi bật những kiến trúc hình chóp màu trắng như những lâu đài trong câu chuyện cổ tích xa xưa. Mary là thành phố trực thuộc tỉnh cùng tên, một trong năm tỉnh thành của Turkmenistan hiện tại. Thành phố được xem là một ốc đảo khổng lồ giữa sa mạc Karakum, nằm bên dòng sông Murghab mà hiện tại chỉ gần 200.000 dân nên phố xá thưa thớt bóng người. Nhưng tôi lại thích sự vắng vẻ ấy. Bởi Mary cho tôi cảm giác yên bình với những hàng cây bạch dương lao xao bên đường, không ồn ào, không xô bồ như một số đô thị ở Trung Đông, cũng để minh chứng cho một quốc gia được xem là biệt lập nhất trên thế giới.



Thánh đường Hồi giáo uy nghi ở Mary.

Tiền thân của Mary là Merv, một thành phố cổ nằm trên hệ thống Con đường tơ lụa. Năm 1884, thành phố đã bị chiếm đóng bởi Đế quốc Nga và gây ra sự cố Panjded chấn động khu vực vào thời đó. Theo đó, Sa Hoàng Alexander Đệ Tam, vị Sa Hoàng áp chót của Đế Quốc Nga, được sử sách ghi nhận là vị Sa Hoàng có tư tưởng phản động và đàn áp dân chúng, đã ra lệnh cho tướng Alexander Komarov đánh chiếm khu vực phía Nam sông Amu Darya của Afghanistan, xung quanh ốc đảo Panjded thuộc Serhetabat của Turkmenistan. Điều này đã ảnh hưởng đến lợi ích của Thực dân Anh vốn có nhiều thuộc địa ở khu vực Nam Á như Afghanistan và Ấn Độ. Sự việc này đã làm mối quan hệ giữa Nga và Anh ngày càng xấu đi. Nhưng cuộc chiến may mắn tránh khỏi thông qua con đường ngoại giao của bá tước Dufferin, toàn quyền Anh ở Ấn Độ giai đoạn 1884-1888. Ông đã có được một hiệp ước thỏa thuận với người Nga mà theo đó ốc đảo Panjdeh một phần thuộc Đế chế Nga, nhưng người Nga cam kết sẽ tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ của Afghanistan trong tương lai. Một năm sau đó, chính quyền Nga cho xây dựng tiền đồn về quân sự và hành chính để quản lý Merv. Đến năm 1894, không chỉ riêng Mary mà toàn bộ lãnh thổ Turkmenistan chịu sự quản lý và kiểm soát của Đế quốc Nga trong công cuộc chinh phục Trung Á. Sự kiện Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và sự chia rẽ chính trị sau đó đã dẫn tới việc tuyên bố vùng đất này trở thành một trong sáu nước cộng hòa thuộc Liên bang Xô Viết, hình thành nên ranh giới Turkmenistan hiện đại mà Mary là tỉnh biên giới phía Nam của đất nước.

Lịch sử của Mary sóng gió như chính đất nước Turkmenistan trước đây. Nhưng vào năm 1986 từ khi phát hiện mỏ khí đốt có trữ lượng khổng lồ cách Mary 20 km, thì thành phố có sự thay da đổi thịt. Mary đã trở thành thành phố công nghiệp của Turkmenistan dựa trên hai ngành xuất

khẩu chủ lực là khí thiên nhiên và bông vải. Ngoài ra, Mary cũng là đầu mối thương mại cho các sản phẩm ngũ cốc, thuộc da, len dạ nổi tiếng khắp Trung Á giống như ngàn năm trước khi Merv cũng từng là đầu mối giao thương trên Con đường tơ lụa từ phương Đông.

Sự thay đổi làm tôi không khỏi ngạc nhiên khi cái định kiến vừa mới đây thôi về một quốc gia qua cách làm việc đủng đỉnh, quan liêu, cơ sở phục vụ nghèo nàn ở khu vực cửa khẩu đã xóa tan khi thấy một Mary được quy hoạch bài bản như một thành phố nhỏ ngăn nắp ở Châu Âu. Tôi nghe anh tài xế bảo, Mary đã thay đổi nhiều hơn từ những năm 2000. Thành phố được trồng nhiều cây xanh, những công trình tôn giáo, rạp hát, công viên, tượng đài, sân vận động... tất cả được xây mới chỉnh chu; hệ thống đường sá nội đô rộng rãi, các trạm xe buýt tiện nghi, sạch sẽ cũng được chính phủ tập trung đầu tư với ngân sách lớn. Cách đây đúng hai năm, tại Phủ Tổng thống Turkmenistan ở Ashgabat, dưới sự chứng kiến của lãnh đạo hai nước Trung Quốc và Turkmenistan cùng sự hiện diện đưa tin của giới báo chí trong và ngoài nước, Bí thư Thành ủy Tây An và Thị trưởng thành phố Mary đã cùng ký thỏa thuận hợp tác hữu nghị. Sự kiện này một lần nữa mở ra cho sự gắn kết hai thành phố cổ cùng nằm trên Con đường tơ lụa một trang mới trong việc thúc đẩy phát triển vành đai kinh tế. Người Mary hôm nay kế thừa truyền thống cha ông, rất nhiều doanh nhân phát đạt nhất ở Turkmenistan đều sinh ra và lớn lên ở thành phố này. Nhiều người trong số họ đã mang các sản phẩm từ Trung Quốc, Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ và Iran về tiêu thụ tại thị trường trong nước. Nhìn ánh mắt của họ, tôi nhận thấy người dân rất tự hào nơi thành phố mình sinh sống vì giờ đây Mary không chỉ là thành phố xinh đẹp của đất nước mà còn là thành phố văn hóa kiểu mẫu của cả vùng Trung Á.



Những phế tích minh chứng Merv là thành phố thịnh vượng trên Con đường tơ lụa.

Cách Mary 30 km là thành phố cổ Merv. Thành phố này đã có nhiều cách gọi khác nhau theo từng thời kỳ lịch sử như Muru, Menge, Maru, là thành phố ốc đảo giữa sa mạc cổ đại. Con

đường tơ lụa xưa từ Trung Quốc vượt qua những rặng núi tuyết cao để đi đến Samarkand của Uzbekistan, qua Merv của Turkmenistan, rồi mới vào Mashhad của Iran và Baghdad của Iraq. Tuyến đường xuyên từ bắc chí nam ở Turkmenistan là lối chính quan trọng của Con đường tơ lụa.



Lăng Seljuk Sultan Sanjar ở Merv.

Thổ nhưỡng màu mỡ bên hai bờ sông Murghab đã nuôi dưỡng người dân Merv tự bao đời. Các đời vua thống trị xưa kia khi lên ngôi chỉ xây dựng cung điện của mình bên cạnh quần thể kiến trúc cũ, vì thế diện tích của Merv khá rộng rãi. Theo tài liệu ghi lại, tại đây đã từng có gần một triệu người sinh sống, một con số không tưởng vào thời kỳ đó. Khi đó kinh tế phồn vinh, giao thương nhộn nhịp, văn hóa càng trở nên tiên tiến. Người Ả Rập đều đến đây học hỏi kỹ thuật tưới tiêu. Về thương mại, Merv không những nhập khẩu trà và tơ lụa của Trung Quốc mà còn xuất khẩu vàng bạc, đá quý, dược liệu. Đáng quý hơn, người dân nơi đây còn nắm được kỹ thuật gia công tơ lụa, sản xuất ra sản phẩm và xuất khẩu đi nơi khác. Thế kỷ XII, Merv đã phát triển trở thành thủ đô phồn vinh của vương triều Seljuk. Một trong những điểm nhấn dưới thời Seljuk là việc xây dựng hệ thống lăng Seljuk Sultan Sanjar vẫn được bảo tồn cẩn thận cho đến ngày hôm nay. Theo kiến trúc sư và sử gia Turkmenistan Ruslan Muradov, lăng này có đường kính hơn 17 mét và bản thân nó cũng là một cuộc cách mạng về thiết kế. Theo đó, việc thiết kế mái vòm của lăng đã “đi trước tới 300 năm so với các ý tưởng của kiến trúc sư vĩ đại thời Phục Hưng Filippo Brunelleschi”, người đã thiết kế mái vòm lớn trong nhà thờ Florence ở Ý. Tôi có ngẩng cổ lên mái vòm và lớn tiếng chào salam của người Hồi, âm thanh phản hồi vang vọng khắp bên trong lăng và có thể ngân xa hàng chục ki-lô-mét giữa sa mạc hoang vắng.



Những phụ nữ địa phương thân thiện tại một thánh đường Hồi giáo ở Merv.

Tuy nhiên, đến thế kỷ XIII, bước vào triều đại Khwarezm, thì Merv dần bị hủy diệt. Năm 1221, con trai thứ tư của Thành Cát Tư Hãn là Đà Lôi đem quân đánh Merv (khi đó gọi là Maru), hạ lệnh tàn sát hàng loạt dân thành, kết quả là giết hại gần triệu dân, biến thành trì thành tro bụi. Cả tòa thành đồ sộ chỉ lưu lại hai kiến trúc là mộ của Sungkar và Muhammad Bin Eyda. Năm 2012, ngôi mộ Sungkar trên bãi đất hoang đã được tu sửa lại như lời của bác soát vé. Khu mộ khác là của Muhammad Bin Eyda được bảo tồn khá nguyên vẹn, cho tới tận bây giờ, người đến thăm ngôi mộ vẫn nối đuôi nhau thành hàng dài, trên cành cây cạnh đó thắt đầy những dải băng cầu phúc. Ngày nay, sau vài trăm năm, chính phủ Turkmenistan đã huy động nhân lực và vật lực để sửa sang và khai quật quần thể kiến trúc cổ Merv. Thành phố Merv được công nhận là khu di

tích lịch sử và văn hóa trở thành di sản văn hóa thế giới từ năm 1999.

Sau buổi sáng lang thang ở Merv, tôi tiếp tục khám phá phế tích Gonur-Tepe cách Merv không xa. Những gì còn lại của Gonur-Tepe là dấu hiệu cho thấy sự giàu có về các công trình khảo cổ trên hệ thống Con đường tơ lụa của Turkmenistan.

Hơn bốn thiên niên kỷ trước, thị trấn pháo đài Gonur-Tepe có thể đã là một nền văn minh hiếm hoi trước khi nó bị chôn vùi trong hàng thế kỷ dưới cát bụi của sa mạc Karakum. Các nhà nghiên cứu cho rằng Gonur-Tepe là điểm định cư chính của khu vực Margush và là nơi chứa đựng một trong những nền văn minh rực rỡ nhất nhưng ít được biết tới trong thời đồ đồng. Sau khi được các nhà khảo cổ Liên Xô cũ tìm thấy vào thế kỷ trước, Gonur-Tepe, nơi từng là trung tâm của một khu vực phát triển mạnh mẽ có đến hàng ngàn người sinh sống, đã dần hé lộ các bí ẩn của nó cùng các cổ vật mới được tìm thấy sau mỗi đợt khai quật vào mùa hè.



Trong khu vực Gonur-Tepe có hơn 350 di chỉ khảo cổ và 95% trong số đó cho tới nay vẫn chưa được các chuyên gia nghiên cứu.

Quy mô của di chỉ này vô cùng rộng lớn, trải dài trên 30 ha mà người ta chỉ có thể ngắm nhìn nó một cách đầy đủ từ trên mô đất cao. Các tòa nhà cũ kỹ của thị trấn trông giống như một mê cung trong sa mạc, được bao quanh bởi các bức tường thành vững chãi. Gonur-Tepe đã mở ra một chiến dịch khám phá đầy thú vị cho các nhà khảo cổ trên thế giới. Mỗi mùa khảo cổ diễn ra ở Gonur-Tepe thường mang tới các khám phá quan trọng, cho thấy trình độ chế tác thủ công điêu luyện của các nghệ nhân thời đồ đồng trong thị trấn này. Họ có thể nấu chảy kim loại, tạo tác thành các thỏi vàng và bạc, tạo nên các vật liệu phục vụ thờ cúng, biết cách chế tác xương thú và đá. Các di vật được tìm thấy ở Gonur-Tepe tạo ra một sự bất ngờ lớn cho các nhà nghiên cứu như

các loại đồ khảm được tìm thấy xung quanh khu vực này có niên đại còn sớm hơn thời đại chế tác đồ khảm ở La Mã và Hy Lạp. Dù ở Turkmenistan hay Trung Á rộng lớn không có những công trình bằng đá đồ sộ như pháo đài Sacsayhuaman ở Cusco, Chichen Itza ở Mexico hay Petra ở Jordan nhưng nghệ thuật khảm ở đây lại đưa con người đến với thế giới khác, huyền bí hơn, muôn màu hơn.

Hình ảnh về Con đường tơ lụa đã thật sự mờ nhạt theo thời gian, có chăng chỉ còn một vài công trình hiếm hoi được trùng tu, sửa chữa. Những bờ thành kiên cố, những cung điện uy nghi, những thánh đường long lầy hay những khu chợ sầm uất giờ có thể đã nằm sâu vĩnh viễn dưới lòng đất của Merv nhưng tôi vẫn nghe rõ mồn một âm thanh của đoàn lạc đà trong cuộc trường chinh vĩ đại vang vang trên sa mạc Karakum in bóng của những bụi cỏ khô sẫm màu. Merv giờ đây đôi khi còn hoang vắng hơn nghìn năm trước.

Ashgabat hồi sinh

Tôi quyết định mua một chiếc vé máy bay đến thủ đô Ashgabat. Giá vé tương đối rẻ vì chính sách trợ giá của chính phủ thông qua nguồn tài nguyên nhiên liệu dồi dào. Sân bay Mary nhỏ nhưng đều có những cổng kiểm tra an ninh khi hành khách vào khu vực sảnh làm thủ tục lên máy bay. Vé ở đây cũng không cần phải đặt trước quá lâu do nhu cầu đi lại bằng phương tiện này khá ít ỏi. Vì thế, luôn có một quầy bán vé ở tại sân bay để bán những chiếc vé vào giờ chót. Chỉ mất một giờ bay để đến thủ đô Ashgabat, tôi không kịp chợ măt nghỉ trưa thì tiếng tiếp viên thông báo máy bay sắp hạ cánh. Những tòa nhà màu trắng mọc san sát, thẳng tắp như những mô hình logo lấp ló sau làn mây trắng. Một thành phố mới đang hồi sinh từng ngày.



Sân bay ở thủ đô Ashgabat với hình Tổng thống đương nhiệm được treo trang trọng.

Tọa lạc tại rìa sa mạc Karakum, Ashgabat là một thành phố hiện đại, hào nhoáng. Những hình ảnh đập ngay vào mắt tôi là đường sá được quy hoạch rộng rãi với những hàng cây xanh được tỉa tót cẩn thận, những tòa nhà bằng đá trắng được dát mái vàng, những khu vườn được chăm sóc kỹ lưỡng, đài phun nước, quảng trường rộng lớn với những tượng đài bệ vệ của những anh hùng dân tộc trong quá khứ hay những chính khách đương thời. Nhìn vẻ bề ngoài, thành phố không hề thua kém những quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây. Ashgabat là một thành phố mới cũng bởi lẽ sự kiện thiên tai năm 1948, trận động đất lớn xảy ra vào năm này đã biến Ashgabat thành bình địa. Nhà cửa bị san phẳng, hơn 110.000 người thiệt mạng đã làm cho vùng đất này trở về thời nguyên thủy. Trận động đất khủng khiếp khiến cho nền kinh tế Turkmenistan trở nên èo uột nhất trong các quốc gia thuộc liên bang Xô Viết thời bấy giờ. Năm 1991, sau khi Liên Xô tan rã, Saparmurat Niyazov trở thành vị Tổng thống đầu tiên của nhà nước Turkmenistan mới. Ông tiến hành kế hoạch xây dựng lớn nhằm đưa đất nước vào “thời đại hoàng kim như thời Turkmenistan từng là trung tâm của Trung Á” dựa vào việc khai thác tài nguyên dầu lửa dồi dào. Những công trình kiến trúc hiện đại bắt đầu dần mọc lên như nấm sau mưa như cổng chào Trung Lập, công viên Độc Lập, cung Hôn Lễ, hay những tòa nhà chung cư cao hàng chục tầng đã làm thay đổi diện mạo thủ đô. Không quá bình yên như Mary, Ashgabat hào nhoáng từ những công trình bằng đá cẩm thạch trắng với mái tháp hình tròn dát vàng nổi bật. Tôi không nghĩ đây là một thủ đô của một đất nước xa xôi ở Trung Á mà là một thành phố hiện đại nào đó ở châu Âu pha lẫn kiến trúc Hồi giáo của Trung Đông huyền bí. Một bạn sinh viên người địa phương đi cùng tuyến xe buýt giới thiệu tôi công trình du quay bằng đá trắng khổng lồ trước mặt.



Du quay Alem góp phần tăng tính độc đáo cho diện mạo thủ đô Ashgabat.

– Nó có tên là Alem, biểu tượng cho sự phát triển của thủ đô của chúng tôi đây.

- Đẹp quá anh bạn, nó được xây dựng lâu chưa?
 - Alem được khánh thành năm 2012, là nơi vui chơi giải trí của người dân Ashgabat. Công trình được chính phủ đầu tư đến 315 triệu manat.
 - 315 triệu manat tức là khoảng 90 triệu đô-la Mỹ à?
 - Đúng thế, từ khi khánh thành Alem là đu quay lớn nhất thế giới.
 - Ồ, tôi đã từng thấy đu quay ở Singapore nhưng Alem độc đáo thật. Đất nước bạn quả là có nhiều kiến trúc lạ mắt.
 - Thành phố này mang dấu ấn rất rõ của Tổng thống tiền nhiệm của chúng tôi đây. Ông là người đam mê kiến trúc và hầu hết các công trình ở Turkmenistan đều có cách thể hiện lạ, không giống bất cứ nơi đâu trên thế giới.
 - Ông Niyazov phải không? Anh có thể chia sẻ một vài thông tin về vị Tổng thống này không?
 - Được chứ!
 - Tôi thấy rất nhiều tượng đài, hình ảnh cá nhân được treo trang trọng ở khắp đất nước Turkmenistan. Đây có phải là việc tôn sùng chủ nghĩa cá nhân hay các quy định vô tiền khoáng hậu của ông Niyazov từ khi ngài là Tổng thống?
- Tôi đánh liều để hỏi cậu sinh viên trẻ một đề tài khá nhạy cảm. Anh chàng có vẻ ngập ngừng trước câu hỏi của tôi nhưng cũng khéo léo nhỏ giọng trả lời vừa đủ để tôi có thể nghe khi trên xe buýt chỉ có khoảng chục người dân địa phương không quan tâm lắm về cuộc nói chuyện bằng tiếng Anh của chúng tôi.
- Ông là vị Tổng thống đầu tiên của chúng tôi từ khi đất nước tách ra từ liên bang Xô Viết. Thế anh đã từng nghe từ Turkmenbashi chưa nhỉ?
 - Đó có phải là tên của một cảng biển ở Turkmenistan?
 - Rõ ràng là thế. Turkmenbashi theo tiếng của chúng tôi là “Cha của người Turkmenistan.” Tổng thống Niyazov muốn chúng tôi gọi ông như thế. Ông cho dùng danh xưng này đặt cho tên của tháng giêng trong năm, ngọn núi cao nhất đất nước, thánh đường Hồi giáo, công viên giải trí cho trẻ em, cả mảnh thiên thạch rơi xuống đất nước và tất nhiên là tên của cảng biển mà anh biết.

- Còn những luật lệ đặc biệt nào đối với người dân không?
- Lúc ấy tôi bé lắm. Ba mẹ tôi nói rằng ông còn ban hành lệnh cấm hát opera, múa ba lê, trồng răng vàng, để râu rậm và cho mở một chiến dịch đặc biệt để chống nạn hát nhép trong mọi sự kiện văn hóa...

Nghe đến đây tôi thật sự buồn cười vì tại sao lại cấm hát opera và múa ba lê khi loại hình nghệ thuật kinh điển này rất phát triển ở thời kỳ Xô Viết mà Nga là một mẫu quốc trong cộng đồng các quốc gia độc lập SNG. Hay như việc trồng răng vàng cũng bị cấm đoán mà tôi nghĩ đây có thể là đỉnh cao của những quy định kỳ quặc nhất mà tôi từng nghe thấy. Anh chàng sinh viên tiếp tục hạ giọng:

- Chúng tôi có một quyển sách *Ruhnama* gồm toàn những tư tưởng, suy nghĩ và những lời răn đạo đức do ông đề xuất phát hành. Tất cả các trường học ở Turkmenistan đều phải đưa cuốn sách này vào chương trình giảng dạy và bắt học sinh phải đọc hằng ngày. Chúng tôi đọc nó ba lần mỗi ngày để được lên thiên đàng như lời tổng thống nói.
- Tôi thấy hình Tổng thống đương nhiệm được treo khắp nơi...

Tôi chưa kịp hết câu thì anh bạn trẻ cắt lời.

- Chuyện này xuất phát từ thời tổng thống tiền nhiệm đấy. Anh có thể thấy tượng đài của ông được dựng mọi nơi, đặc biệt là quê nhà của ông ở Turkmenabat. Ở thủ đô này có một bức tượng đặc biệt bằng vàng được đặt trên một trục xoay tự động theo hướng ánh nắng mặt trời. Nói tiếp đến thời của Tổng thống đương nhiệm Gurbanguly Berdimuhamedow cũng như thế, hình ảnh ông như là một biểu tượng quốc gia được đề nghị treo khắp nơi như anh thấy đấy.



Tượng đài cố Tổng thống Niyazov ở Ashgabat.

Tôi không định hỏi thêm gì nữa khi nhận ra những điều không tưởng về một đất nước mà vẻ bề ngoài được xem là một nơi hạnh phúc, đáng sống trên thế giới nhưng bên trong đó vẫn còn hiện diện những quy tắc, luật lệ dựa trên những quan điểm cá nhân. Người dân Turkmenistan dường như cũng hiểu rõ một số vấn đề chính trị do chính phủ gần đây có phần ngả hướng về phương Tây. Thông tin được chia sẻ nhiều hơn nhất là những tầng lớp tri thức trong xã hội. Họ vẫn cảm nhận được những thứ lạ đời của đất nước nhưng sự cai trị độc tài hiện tại vẫn chưa đủ sức để họ công khai bày tỏ quan điểm cá nhân. Chia tay chàng sinh viên Turkmenistan có mái tóc hớt cao, đôi mắt sáng tôi xuống xe để hòa vào dòng người đang đi về phía khu chợ địa phương nằm ngay trung tâm thủ đô Ashgabat nhưng trong lòng vẫn còn bứt rứt qua câu chuyện với anh bạn trẻ.



Phụ nữ Hồi giáo trong một khu chợ Nga ở Ashgabat.

Khu chợ Nga khá rộng, sạch sẽ và ngăn nắp. Ở đây bày bán những sản phẩm tươi sống từ hoa quả, bánh các loại, dưa muối, thịt và các sản phẩm từ sữa khác. Vào chợ mới thấy sự đan xen đa sắc của một quốc gia Hồi giáo ở Trung Á từng một thời gian dài thuộc Xô Viết. Tôi không thể tin đây là quốc gia có đến hơn 85% dân số là người theo đạo Hồi, nơi quốc giáo được hình thành từ 13 thế kỷ trước. Tin làm sao được được khi nhan nhản các cô gái người Turk điệu đà với mái tóc búi cao và trùm những chiếc khăn sặc sỡ không giống bất kỳ một phụ nữ Hồi nào trên thế giới. Các quầy hàng bia rượu và thịt lợn được bày bán công khai khắp nơi, người dân thì đa phần không nhất thiết tuân thủ tháng nhịn ăn của người Hồi giáo. Đây có thể là bằng chứng cho thấy một xã hội Turkmenistan ngập ngừng, chưa nhất quán sau thời kỳ thoát ly Xô Viết kể cả trong vấn đề tôn giáo. Xung quanh khu vực nhà lồng chợ là những plaza, kiot bán quần áo, giày dép, mỹ phẩm và thức ăn. Hàng hóa đa phần xuất xứ từ Nga và Trung Quốc nên chẳng có gì hấp dẫn, ít nhất đối với cá nhân tôi. Tôi định tìm mua một vài hàng hóa lưu niệm đặc trưng ở xứ này nhưng không tìm được sản phẩm ưng ý. Phải chăng du lịch Turkmenistan chưa phát triển nên những sản phẩm lưu niệm bán cho khách du lịch còn khá ít ỏi nếu không muốn nói là rất hiếm để tìm thấy, ngoài sản phẩm dệt với hoa văn đặc trưng của họ có giá trị cao được bày bán trong các cửa hiệu sang trọng.

Thủ đô Ashgabat đang từng ngày phát triển về diện mạo và kiến trúc nhưng đằng sau sự thay đổi hào nhoáng ấy là một đất nước Hồi giáo đang trên đường tìm lại bản sắc một thành phố cửa ngõ lưng lầy trong quá khứ.

Giải mã cánh cổng địa ngục Derweze

Thời gian không cho phép tôi về khách sạn nghỉ ngơi và quyết định tiếp tục khám phá một địa danh du lịch nổi tiếng ở Turkmenistan mặc dù nó chẳng liên quan gì về văn hóa hay các di chỉ còn sót lại của Con đường tơ lụa. Nó đơn giản là một địa danh du lịch từ thiên nhiên, “cánh cổng địa ngục” nằm giữa lòng chảo Karakum mà người dân địa phương thường gọi với một cái tên đơn giản là hố Derweze.

Xe bon bon chạy ra khỏi ngoại ô thủ đô Ashgabat để tiến về phía Bắc, xuyên qua sa mạc Karakum rộng lớn để đến với cánh cổng địa ngục. Xe đẩy tốc độ rất cao vì đây là đoạn đường cao tốc mà chính phủ cho xây dựng trong những năm gần đây nối thủ đô với thành phố cực bắc Dashoguz. Xe chạy hơn 15 phút, thành phố trắng bị bỏ lại phía sau, giờ đây chỉ là xa lộ rộng lớn với xung quanh bốn bề là cát. Tài xế cho xe dừng lại bên một cây xăng bên đường. Ban đầu tôi cứ nghĩ ông chuẩn bị đổ xăng cho chặng đường 260 km từ Ashgabat đến cánh cổng địa ngục

nhưng hóa ra là bảo tôi nên mua một số thực phẩm và nước uống vì đây là điểm dừng cuối cùng để chuẩn bị bước vào sa mạc hoang vu rất ít người dân sinh sống. Tôi mua vội một vài chai nước và quay trở lại xe ngay vì không chịu nổi những cơn gió nóng, rất mặt ở Karakum giữa mùa hè.



Những tấm chắn cát bằng cỏ khô được xếp ô vuông như những bàn cờ.

Đã ba giờ chiều nhưng cái nắng ở sa mạc chưa dịu đi chút nào. Những cơn gió nóng liên tục thổi bay những đụn cát hai bên đường. Nhiều đoạn, cát tràn lên cả mặt đường. Bác tài chỉ cho tôi những rào chắn được làm bằng những nhánh cỏ khô cao khoảng 40 centimet được xếp ô vuông như bàn cờ để hạn chế phần nào những cơn bão cát làm ảnh hưởng đến việc lưu thông của các phương tiện vận chuyển. Thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt và con người cũng vẫn phải sống và chế ngự nó. Tôi chợt nghĩ đến từng đoàn lạc đà quần mình vượt qua sa mạc Karakum xưa kia dưới những cơn bão cát dữ dội mà thấy nghèn nghẹn cho cuộc mưu sinh vất vả của con người từ hàng nghìn năm trước. Xe chạy được hơn hai giờ thì chúng tôi đến địa điểm mà hiện nay đã làm cho thế giới biết nhiều hơn về đất nước khép kín ở Trung Á này. Quả thật, khi lên đường để tìm kiếm những địa danh về Con đường tơ lụa, tôi lại thấy nhiều thông tin hơn về cánh cổng địa ngục này trên mạng. Một lý do đơn giản là hiện nay một số ít công ty lữ hành Turkmenistan cũng muốn dùng địa danh này để quảng bá về du lịch bên cạnh sự nổi tiếng của những thành phố cổ xưa như Merv hay Nisa. Sự đặc biệt hiếm có đã kích thích sự tò mò không chỉ các nhà khoa học mà còn cho cả những người đam mê khám phá.

Tài xế ra hiệu cho tôi gần đến nơi khi cua tay lái rẽ phải vượt qua những đụn cát để vào trung tâm của lòng chảo Karakum. Trời chiều đã bắt đầu nhuộm màu vàng hung nhưng lũ gió sa mạc

vẫn rít không nguôi. Cánh cổng địa ngục¹⁰ đã dần hiện ra trước mắt. Một hố rộng hơn 60 mét xuất hiện từ phía xa làm từ trong xe, tôi có thể cảm nhận được hơi nóng của nó bốc lên. Hình ảnh hố lửa làm tôi có thể liên tưởng đầy đủ về cổng địa ngục trong các bộ phim kinh dị hay khoa học viễn tưởng đã từng được xem. Thật ra, vào năm 1971, một nhóm các nhà khoa học Liên Xô cũ đến sa mạc Karakum để tiến hành một cuộc thăm dò về địa chất nhằm tìm kiếm những giếng khí đốt tự nhiên xuất hiện ở đất nước giàu về tài nguyên này. Cuộc thăm dò gây ra một tai nạn sạt lở nghiêm trọng làm thoát một lượng khí có thể gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Các nhà khoa học bàn bạc và đưa ra quyết định châm lửa đốt lượng khí rò rỉ. Họ nghĩ rằng trong một khoảng thời gian ngắn, lượng khí sẽ bị tiêu tan và lửa sẽ lụi tàn. Tuy nhiên, đã hơn 40 năm trôi qua, hố lửa vẫn cháy ngày đêm tạo ra một cảnh tượng ngoạn mục về thiên nhiên. Không gian xung quanh làm tôi đang liên tưởng mình có mặt trên sao Hỏa hay ít nhất là miệng một ngọn núi lửa khổng lồ đang hoạt động hay một Hỏa Diệm Sơn có thể đốt cháy toàn bộ xung quanh. Xe đậu cách miệng hố hơn 100 mét. Tôi nhanh chóng ra khỏi xe và bắt đầu đi bộ xung quanh. Không gian vắng lặng và chỉ có tiếng gió thổi vù vù. Những ngọn lửa hung tợn theo chiều gió tạt vào người bỏng rát. Tôi không hình dung được sức nóng bao nhiêu nhưng chỉ đi chừng năm phút thì mồ hôi tuôn ra như tắm. Chiếc điện thoại di động của tôi báo hiệu là cần phải làm mát thiết bị ngay nếu không muốn nó bị vô hiệu khi không chịu nổi sức nóng khủng khiếp từ hố lửa. Tôi nhanh chóng trở về xe trước khi chụp vội những bức ảnh với khung cảnh siêu thực được thấy một lần trong đời.

Anh chàng tài xế Eziz cười để lộ vài cái răng cửa bật vàng khi nhìn thấy tôi chạy thực mạng vào xe vì không chống chọi nổi với cái nóng khủng khiếp thoát ra từ miệng hố lửa.

- Anh may mắn vì được xem hố Derweze này đây – Eziz nhún vai nói.
- Sao là may mắn? – Tôi thắc mắc hỏi lại.
- Vì những năm gần đây, do e ngại về vấn đề ô nhiễm môi trường xung quanh nên Tổng thống yêu cầu lấp miệng hố. Tuy nhiên vẫn chưa có giải pháp nào khả thi để dập tắt hoàn toàn ngọn lửa ở đây – Anh ta giải thích.
- Nhưng nhờ vào hố Derweze mà nhiều khách du lịch trong đó có tôi biết đến Turkmenistan nhiều hơn chứ?
- Đúng vậy, vì thế mà chần chừ mọi việc. Tôi hy vọng nhà nước có một giải pháp tốt vừa không ảnh hưởng đến đời sống xung quanh vừa thu hút được nhiều khách du lịch. Chúng tôi cũng có thu nhập nhiều hơn.
- Vậy khách có thể ở đây qua đêm không?
- Tất nhiên là có, nhưng mùa hè lượng khách đến đây rất ít. Mùa đông khi thời tiết lạnh hơn,

khách du lịch thường ngắm hồ lửa vào ban đêm. Họ sẽ được ngủ trong những cái Yurt ở đây kia.

Tôi hướng nhìn theo cánh tay của Eziz về phía những khu nhà lều tròn truyền thống của người Turkmenistan xa xa và tự hỏi liệu có giải pháp nào đó để vừa duy trì hồ ga vừa có các biện pháp hữu hiệu kiểm soát môi trường để công địa ngục vẫn rực cháy như một chảo lửa khổng lồ giữa lòng sa mạc Karakum. Tôi lại bước ra khỏi xe để cố tận hưởng một lần nữa cái bóng râm từ Derweze để nhận ra sự may mắn thật sự của mình khi khám phá thêm một trong những điều kỳ diệu của thế giới.

Mặt trời như quả cam chín mọng đang đưa xuống chậm dần trên sa mạc. Quả cầu lửa hôm nay không quá lớn giữa không gian mênh mông mà dường như nhỏ lại rồi bị nuốt chửng bởi hồ địa ngục khổng lồ như một hiện tượng ngược quy luật tự nhiên. Những quy tắc khó lý giải như chính đất nước Turkmenistan kín cổng cao tường.

Hãy mở cửa chào đón du khách

Lãnh thổ Turkmenistan có một lịch sử lâu dài và sóng gió, hết đội quân từ đế chế này đến đội quân của đế chế khác đi qua đây trên hành trình tìm kiếm những lãnh thổ thịnh vượng hơn. Alexander Đại Đế đã chinh phục vùng đất này vào thế kỷ thứ IV trước Công nguyên trên con đường tới Nam Á, khoảng cùng thời gian Con đường tơ lụa hình thành và trở thành cầu nối thương mại chính giữa châu Á và vùng Địa Trung Hải. Có thể nói Turkmenistan là vùng đất sở hữu nhiều di tích lịch sử liên quan đến hệ thống con đường thương mại cổ xưa trên trái đất. Những di tích lịch sử còn lại ở Merv, Urgench hay Nisa chứng minh thời kỳ cực thịnh của vùng đất Turkmenistan trong quá khứ. Khi Liên Bang Xô Viết sụp đổ, Turkmenistan muốn tự thân xây dựng một nhà nước cải tiến dựa trên nguồn tài nguyên dồi dào của mình từ khí đốt. Nhưng đối với hoạt động du lịch, Turkmenistan lại là đất nước ản mình với du khách bằng các chính sách thắt chặt visa, không khuyến khích du khách nước ngoài.

Giống như Bắc Triều, Turkmenistan là một quốc gia gần như biệt lập với thế giới. Với chế độ điều hành đất nước độc tài, kiểu cách đã làm du khách nước ngoài hay e dè khi nghĩ đến. Tuy vậy, quốc gia này lại giữ vị trí cửa ngõ kết nối giữa Trung Á và vùng Trung Đông, khu vực luôn khơi gợi sự tò mò cho khách du lịch. Turkmenistan là điểm đến không thể bỏ qua đối với những ai đam mê khám phá những di tích cổ trên Con đường tơ lụa xuyên qua vùng đất Trung Á kỳ bí.

Hãy mở rộng cánh cửa để đón du khách nước ngoài đến khám phá những di tích trên Con đường tơ lụa vang danh năm xưa.

Visa

Hiện nay, Turkmenistan là một trong mười quốc gia có số lượng khách du lịch quốc tế đến ít nhất trên thế giới với gần 9.000 lượt khách trong năm. Đây là quốc gia “đóng cửa” khách du lịch nước ngoài bằng chính sách visa khó khăn. Turkmenistan có 24 cơ quan lãnh sự ở nước ngoài và không có một lãnh sự quán nào ở các quốc gia Đông Nam Á. Quốc gia gần nhất ở khu vực Châu Á mà người mang hộ chiếu Việt Nam có thể xin visa Turkmenistan là Trung Quốc. Nếu bạn đi theo cung Con đường tơ lụa thì có thể xin visa ở các nước như Afghanistan, Iran, Uzbekistan, Kazakhstan, Tajikistan, India, Syria, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ. Lãnh sự Turkmenistan luôn yêu cầu các bạn phải có thư mời từ các cá nhân hoặc tổ chức ở Turkmenistan. Vì thế cách dễ nhất là bạn có thể nhờ một đại lý du lịch làm dịch vụ thư mời cho bạn. Bạn có thể nộp hồ sơ trực tiếp ở các cửa khẩu đường hàng không hoặc đường bộ để nhận visa. Bạn sẽ phải mất chi phí 12 đô-la Mỹ cho lệ phí nhập cảnh được đóng trước khi nộp hộ chiếu vào quầy làm thủ tục xin visa tại cửa khẩu, lệ phí visa dành cho người Việt Nam là 55 đô-la Mỹ cộng hai đô-la lệ phí dành dịch vụ cho ngân hàng có văn phòng ngay tại khu xuất nhập cảnh.

Một số địa chỉ sứ quán Turkmenistan ở nước ngoài:

- Bắc Kinh, Trung Quốc: Kings Garden Villa D-1 18 Xiaoyun Road, Beijing, China; số điện thoại: (+86) (10) 6532 6975; hộp thư điện tử: *embturkmen@netchina.com.cn*
- Tehran, Iran: No 34, Barati Street, Vatanpour Street Dr. Lavasani , Tehran, Iran; số điện thoại: (+98) 21 2220 6731 / (+98) 21 2220 6306; hộp thư điện tử: *tmnteh@afraimail.com*
- New Delhi, Ấn Độ: C-11, West End Colony New Delhi 110021 India; số điện thoại: (+91) 11-2467 6527; hộp thư điện tử: *turkmen@airtelmail.in / turkmind@starith.net*
- Dushanbe, Tajikistan: Akhunbabaeva, Dushanbe, Tajikistan; số điện thoại: (+992) 372 242 660 / (+992) 372 241 162; hộp thư điện tử: *embturkm@tjinter.com*

Chú ý sức khỏe

- Hãy mua bảo hiểm y tế khi đi du lịch Turkmenistan. Ở đây các cơ sở điều trị kém hiệu quả vì thiếu trang thiết bị y tế hiện đại. Các trung tâm y tế và bác sỹ đầu ngành chỉ tập trung ở thủ đô Ashgabat.
- Thương hàn và viêm gan A là hai loại bệnh phổ biến ở đất nước này. Bạn nên đảm bảo việc

tiêm phòng của bạn trước khi đến. Bạn nên uống hoặc sử dụng nước đun sôi, nước lọc hoặc nước đóng chai. Tránh uống đá và sữa chưa tiệt trùng.

- Vào mùa hè nhiệt độ có thể lên tới 50°C trong bóng râm, vì thế nên uống nhiều nước và xoa kem chống nắng.
- Số lượng cho dịch vụ xe cứu thương địa phương trong trường hợp khẩn cấp là 03. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng các tổng đài trực chỉ có thể nói được tiếng Nga hoặc Turkmen. Bạn nên liên hệ với công ty bảo hiểm để nhận được sự hỗ trợ y tế kịp thời.

Phong tục địa phương

- Sở hữu và sử dụng loại thuốc gây nghiện là bất hợp pháp. Nếu bạn bị kết tội, bạn có thể đối mặt với án tù dài.
- Hoạt động tình dục đồng giới nam là bất hợp pháp và có thể bị phạt tù.
- Vẫn còn nhạy cảm xung quanh mối quan hệ giữa những người đàn ông nước ngoài và phụ nữ địa phương. Người nước ngoài có thể bị phạt và trục xuất khỏi Turkmenistan nếu bị phát hiện là dụ dỗ, quan hệ không lành mạnh đối với phụ nữ bản địa.
- Cấm chụp ảnh một số nơi. Bạn hãy kiểm tra chắc chắn trước khi chụp ảnh gần các điểm nhạy cảm như sân bay, doanh trại quân đội, cảnh sát, tòa nhà chính phủ, đại sứ quán và Phủ Chủ tịch.
- Cấm hút thuốc một số khu vực công cộng.

Tiền tệ

Tiền ở Turkmenistan gọi là *manat*. Có rất ít các máy ATM quốc tế tại Turkmenistan. Thẻ visa được chấp nhận trong một số các khách sạn lớn, và có thể được sử dụng để rút tiền mặt tại ngân hàng Vnesheconom ở Ashgabat. MasterCard có thể được sử dụng tại ngân hàng Senagat ở Ashgabat. Đồng đô-la Mỹ có thể được sử dụng trong các khách sạn lớn và trong một số cơ sở du lịch khác. Bạn nên mang theo đồng đô-la Mỹ để tiện việc trao đổi, các đồng tiền khác ít được sử dụng ở Turkmenistan.

An toàn

Hệ thống an ninh ở Turkmenistan khá tốt. Rất hiếm những trường hợp trộm cắp, cướp giật ở đất nước khép kín này. Cảnh sát và quân đội kiểm soát rất chặt chẽ ở các thành phố lớn, biên giới và các điểm tham quan du lịch. Tuy nhiên, các bạn nữ cũng tránh ra đường vào ban đêm vì đôi khi có thể gặp những anh chàng Turk say khướt. Bạn cũng được khuyên là không tham gia vào

các cuộc biểu tình và tụ tập đông người vì lý do an toàn.

Những thông tin về du lịch

- Ở một số vùng của đất nước, đặc biệt là khu vực biên giới, đôi khi bạn cần có được giấy phép đặc biệt để tham quan những khu vực này. Các đường biên giới với Afghanistan và Iran là đặc biệt nhạy cảm. Trong khi đó, thủ đô Ashgabat, cảng Caspian của Turkmenbashi, và các thành phố trên Con đường tơ lụa cổ xưa Merv, Nusay, Yzmykshir thì khách du lịch có thể tham quan dễ dàng.
- Bạn có thể thuê xe tự lái ở Turkmenistan với bằng lái xe quốc tế.
- Đường sá ở Turkmenistan khá xấu, nhất là đoạn từ biên giới Iran đến thành phố Mary. Bạn nên cẩn thận nhất là lái xe vào ban đêm khi hệ thống chiếu sáng một số nơi và các biển báo giao thông cũng rất ít được đầu tư.
- Nên thắt dây an toàn khi đang di chuyển trên đường vì xe có thể đi qua những đoạn cao tốc và những đụn cát ở sa mạc để tham quan những thành phố cổ hay hồ ga bí hiểm.
- Bạn có thể di chuyển trong thành phố bằng taxi màu vàng đã được cấp phép chính thức. Mặc dù taxi có đồng hồ đo khoảng cách, nhưng tài xế sẽ thường hỏi người nước ngoài cho một khoản phí khoảng 5-10 *manat*. Taxi ở sân bay thì có chi phí đắt hơn và các tài xế thường không nói được tiếng Anh.
- Đường sắt ở Turkmenistan không tiện nghi bằng ở đất nước láng giềng Iran hay Uzbekistan.
- Bạn có thể sử dụng phương tiện hàng không cho hoạt động di chuyển tham quan khám phá của mình ở Turkmenistan khi thời gian ở đây không nhiều. Đất nước có tài nguyên về gas và dầu hỏa nên chi phí hàng không tương đối rẻ. Bạn có thể mua thông qua các đại lý du lịch hoặc đến sân bay xếp hàng mua trực tiếp, kể cả các chuyến bay khởi hành trong ngày. Sân bay quốc tế Ashgabat nằm ngay trong trung tâm thủ đô.
- Công ty điện thoại quốc doanh Altyn Asyr ở Turkmenistan cung cấp dịch vụ di động, tuy nhiên không cung cấp dịch vụ chuyển vùng, và chất lượng của mạng là thấp. Chi phí roaming rất đắt bởi bạn sẽ tốn nhiều chi phí chuyển vùng khi Turkmenistan sử dụng nhà cung cấp dịch vụ của Nga, MTS, từ năm 2012. Bạn có thể mua một thẻ sim địa phương để sử dụng.

Khách sạn

Là một quốc gia rất ít lượng khách du lịch nước ngoài nên hệ thống lưu trú ở Turkmenistan rất ít ỏi. Chủ yếu là những khách sạn từ ba sao đến năm sao ở các thành phố lớn như Ashgabat,

Mary, Turkmenabat hay Dashoguz. Khách chủ yếu của Turkmenistan là khách Nga, Iran và một vài quốc gia Trung Á láng giềng. Khách Tây ba lô chủ yếu là đi từ Iran qua Turkmenistan bằng đường bộ và một vài người sử dụng xe đạp để di chuyển. Hostel ở Turkmenistan cực kỳ hiếm. Giá phòng khách sạn ba sao trung bình cho một đêm là 50 đô-la Mỹ.

Các điểm tham quan du lịch ở Turkmenistan

Turkmenistan là trung tâm của những di tích lịch sử độc đáo. Ngày nay, một trong những sản phẩm du lịch được các công ty lữ hành khai thác là tour khám phá “Con đường tơ lụa ở Turkmenistan” với rất nhiều điểm đến về văn hóa, kiến trúc, tôn giáo tuyệt đẹp. Hầu như giữa những thành phố lớn như Ashgabat, Mary, Turkmenabat, Dashoguz, Balkanabat đều là di tích trên hệ thống Con đường tơ lụa năm xưa và các danh lam thắng cảnh độc nhất vô nhị trên thế giới.

- Parau, một khu định cư thời trung cổ từ thế kỷ XII với Parau-Bibi và Parau-Ata;
- Dekhistan, một khu vực lịch sử ở phía tây của Turkmenistan gồm các nghĩa trang Mashat lớn với lăng Shir-Kabir (thế kỷ X) và những tàn tích của thành phố Missirian từ thế kỷ thứ X-XV;
- Abiverd, một thành phố thời trung cổ với những tàn tích của một pháo đài còn sót lại, một nhà thờ Hồi giáo, các tòa nhà của thế kỷ X-XVIII;
- Sarakhs, một khu định cư cổ đại với một pháo đài và lăng mộ của Abul-Fazl và Yarty-Gummez;
- Dayakhaty, một trạm dừng chân của đoàn thương nhân khoảng thế kỷ XI gần Turkmenabat;
- Tasharvat, một trạm dừng chân của đoàn thương nhân cách Balkanabat 38 km. Nó là một pháo đài hình chữ nhật với một bức tường đá với một ngôi nhà đồ sộ nằm đằng sau nó;
- Nhà thờ Seyitdzhemaleidin được xem là một kiệt tác của kiến trúc Hồi giáo của thế kỷ XV;
- Địa danh “Cánh cổng địa ngục” ở sa mạc Karakum;
- Thành phố bình yên mang phong cách Châu Âu Mary;
- Thủ đô Ashgabat với nhiều công trình kiến trúc hiện đại, độc đáo;
- Khám phá những dấu tích độc đáo của thành phố cổ Merv;
- Tham quan thành phố cổ Kunya Urgench với các công trình kiến trúc độc đáo như: lăng mộ Torebeg Hanyim từ thế kỷ XI, tháp cổ Minaret Gutlik-Temir cao 60 mét, công trình độc nhất vô nhị này còn được xây dựng vào năm 1368, còn trước cả tháp giáo đường Jam của Afghanistan, khu lăng mộ II-Arslan, cổng một lữ quán xưa và một nghĩa địa lớn từ thời

Trung Cổ. Năm 2005, Kunya Urgench được Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới, một trong các di sản độc đáo nằm trên hệ thống Con đường tơ lụa ở Trung Á;

- Pháo đài Parthian Nisa. Hiện nay, nơi đây trở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng của Turkmenistan khi du khách dừng chân ở thủ đô Ashgabat. Một số công trình có phần bị đổ nát, nhưng vẫn còn lại các di tích quý báu như tường thành bằng đất, đền thờ Hỏa giáo (hay còn gọi là đạo Zoroastrianism) và vết tích các trụ cột.

[9.](#) Akhal-Teke là giống ngựa có nguồn gốc từ Turkmenistan, nơi chúng được tôn vinh làm biểu tượng quốc gia. Đây là giống ngựa thuần chủng có tốc độ phi mã rất cao được mang tên từ ốc đảo Akhal và tộc người Teke sinh sống ở vùng đất Trung Á này.

[10.](#) “Cánh cửa Địa ngục” là tên gọi của một mỏ khí thiên nhiên ở Derweze, tỉnh Ahal, Turkmenistan.

Chương 6. Ánh hào quang văn hóa trên con đường tơ lụa

Mùa hè năm trước tôi có dịp đến khám phá dọc từ Nam chí Bắc của đất nước Mông Cổ, xứ sở của những bầy gia súc hàng nghìn con được chăn thả trên các thảo nguyên mênh mông tích chân trời. Người dân ở đây rất sùng kính Đại Hãn, vị anh hùng dân tộc làm rạng danh đất nước du mục được nhiều người biết đến. Một trong những chiến công hiển hách của ông là chinh phục một vùng Trung Á nổi tiếng vào thế kỷ XIII. Khi đó, Trung Á được xem là vùng đất trù phú với những sản vật quý giá khắp mọi nơi tề tụ thông qua Con đường tơ lụa. Những thành phố cổ mua bán sầm uất, thịnh vượng có mặt khắp Trung Á. Từ Samakand, Bukhara, Khiva đến Merv, vó ngựa của đế chế Đại Hãn san bằng mọi nơi nhất là vùng đất Uzbekistan ngày nay sở hữu nhiều di tích trên con đường ấy. Có rất nhiều quan điểm khác nhau về cuộc xâm chiếm của người Mông Cổ. Nhiều người cho rằng đây là một trong những cuộc chiến đẫm máu và tàn ác nhất trong lịch sử loài người khi những thành trì, cung điện, nhà thờ, làng mạc bị bình địa trong chớp mắt. Nhưng cũng có nhiều ý kiến lại cho đó chỉ là một cơn sóng dữ trong dòng chảy của lịch sử và chính cơn sóng ấy đã mang đến những điều mới lạ về văn hóa, tôn giáo và những tập quán khác biệt của con người nơi đây. Dẫu như thế nào đi nữa, Uzbekistan cũng là nơi tôi ngửi được mùi ngai ngái của đoàn lạc đà đang nghỉ ngơi, gặm cỏ ở một góc chợ trong thành phố sau một hành trình dài.

Nhanh chóng vượt biên ải

Hành trình tìm dấu vết lạc đà trên Con đường tơ lụa của tôi lại tiếp tục những chặng đường mới. Những ngày ở Turkmenistan giúp tôi hiểu hơn về lịch sử của vùng Trung Á từ thời điểm vàng son, loạn lạc trong quá khứ hay quá trình phát triển từ những khó khăn về kinh tế đến lúc người dân sung túc như hiện tại. Mỗi đất nước đều có những bước ngoặt lịch sử khác nhau nhưng bản chất văn hóa của vùng đất đó, đất nước đó vẫn không thay đổi qua thời gian. Turkmenistan cho tôi rất nhiều cảm nhận về cuộc sống của con người trong một quốc gia vẫn có nhiều sự khác biệt về tôn giáo, văn hóa, chính trị. Bắt đầu nhận ra những giá trị văn hóa của những vùng đất xa xôi mà có mơ cũng chưa nghĩ mình sẽ đặt chân đến. Nó như một liều thuốc tinh thần giúp tôi sẽ trải nghiệm tiếp những hành trình trước mắt, hành trình về vùng đất Uzbekistan nằm ở trung tâm của vùng Trung Á.

Từ Turkmenabat, thành phố biên ải của Turkmenistan, tôi di chuyển khoảng 30 km xuyên qua những cánh đồng bông bạt ngàn để đến khu vực biên giới. Tôi vẫn nhớ như in lời của chàng sinh

viên trẻ tuổi ở Ashgabat khi tôi hỏi về vấn đề kinh tế của đất nước trước khi chia tay. Khi đó, bông là một trong những cây trồng công nghiệp có giá trị kinh tế cao ở quốc gia này. Với diện tích hơn 550.000 ha, ngành bông của Turkmenistan được người dân xem như một loại “vàng trắng” vì mang lại công ăn việc làm và nâng cao cuộc sống còn đang khó khăn cho người dân. Không riêng ở Turkmenistan, quốc gia láng giềng Uzbekistan cũng có phần lớn diện tích dành cho loại cây trồng có giá trị này. Thấy tôi chăm chú nhìn những cánh đồng bông như những đám mây trắng là đà trên mặt đất, anh tài xế bảo rằng hình ảnh này còn sẽ được lặp lại nhiều lần nữa khi đến Uzbekistan. Anh ta nói rằng tháng sau sẽ là thời điểm thu hoạch bông nên sẽ có hàng trăm nghìn người đổ xô ra đồng vui như trẻ con. Những người tham gia đủ mọi thành phần trong xã hội. Hằng năm, các công nhân, giáo viên, bác sỹ, y tá, bộ đội và cả nhân viên công sở đều phải từ bỏ công việc thường nhật trong vài tuần lễ để tham gia thu hoạch bông. Gần đến khu vực cửa khẩu Farap - Alat, xe tiếp tục dọc theo con đập nổi tiếng dài hàng chục ki-lô-mét nằm giữa biên giới Turkmenistan và Uzbekistan. Đây cũng là công trình dẫn nước từ sông Amu Daryo của chính phủ hai nước có từ thời Xô Viết. Đây chính là con sông bắt nguồn từ dãy Pamir mà tôi sẽ có dịp gặp lại các chi lưu của nó khi đến phần đất Tajikistan 20 ngày sau đó. Nhanh chóng làm thủ tục nhập cảnh Uzbekistan, tôi và các hành khách nước ngoài khác bị hải quan soi hành lý rất kỹ, nhất là máy tính xách tay, máy chụp hình, thuốc men y tế và lượng ngoại tệ mang vào. Tất cả các khách du lịch nước ngoài đều phải mở hành lý để họ kiểm tra từng chiếc một.

Bên ngoài khu vực cửa khẩu là trạm xe taxi chuyên vận chuyển khách từ biên giới về thành phố cổ Bukhara. Tôi thương lượng với một chiếc taxi bốn chỗ vừa từ Bukhara đưa khách ra khu vực biên giới và đang chờ khách để quay về. Tôi cùng anh bạn người Turk làm việc ở Bukhara chia khoản tiền với giá 25 đô-la Mỹ cho quãng đường gần 100 km để đến nhà trọ nằm ngay trong khu vực phố cổ. Giá cả khá đắt vì đây là cửa khẩu đường bộ heo hút, ít khách du lịch qua lại.

Vẻ đẹp tinh thần của thành cổ Bukhara

Bukhara những ngày cuối tháng Bảy thời tiết dịu hơn một số nơi khác nhưng nắng nóng vẫn còn ngoan cố bám đuổi. Người dân theo đạo Hồi cũng vừa trải qua tháng Ramadan truyền thống nên nhiều quán ăn đã hoạt động bình thường. Đâu đó trên đường là những xe đẩy đầy ắp các loại trái cây đặc trưng ở xứ này. Thành phố Bukhara được các nhà khoa học xác định có niên đại khoảng hơn 2.500 năm qua các di chỉ khảo cổ được phát hiện tại đây. Với vị trí địa lý nằm giữa hai sa mạc rộng lớn trải dài từ Trung Quốc đến Ấn Độ, Bukhara bấy giờ là điểm dừng chân quan trọng của đoàn thương nhân lạc trên Con đường tơ lụa. Bukhara còn là hiện thân của một thành phố Trung Cổ điển hình ở Trung Á bởi nhiều công trình kiến trúc được xây dựng từ những năm đầu của thiên niên kỷ thứ nhất đến những năm phồn vinh nhất vào thế kỷ thứ X, rồi những năm

sau đó vào thế kỷ XVII-XVIII với những công trình kiến trúc còn được bảo tồn cho đến ngày hôm nay. Điển hình là các khu lăng mộ, các tháp gạch, nhà thờ Hồi giáo, quần thể các cung điện, khu chợ cổ đã khiến cho Bukhara trở thành một khu bảo tàng sống động về một khu đô thị cách nay hàng ngàn năm hiển hiện trước mắt.

Tôi từng nghe anh bạn Uzbekistan nói rằng: “Samarkand là vẻ đẹp của thiên đường, nhưng Bukhara là hiện thân vẻ đẹp của tinh thần.”



Khuôn viên khu nhà trọ đậm chất Trung Á.

Khu nhà trọ của tôi nằm ngay cổng vào của khu phố cổ, một trong những nhà trọ có tiếng ở Bukhara vì vị trí thuận tiện, tiện nghi và lối trang trí truyền thống đặc trưng nhưng đậm chất du lịch bụi. Bằng chứng là trước khu vực tiếp tân họ trưng bày chứng nhận được khách du lịch của trang web đặt phòng trực tuyến *Booking.com* đánh giá 8.6 điểm trên thang 10.

Tôi tắt bật nhận phòng rồi lại bước đi theo thói quen như thể chỉ cần chậm chân chút thôi thì hình ảnh từng đàn lạc đà đã nhanh chóng ngủ vùi đâu đó ở Bukhara sau hành trình mệt mỏi. Tôi lang thang vào bên trong khu vực trung tâm thông qua những cổng vòm to lớn được xây bằng gạch có niên đại hàng trăm năm. Không gian ở Bukhara được tái hiện như một thành phố nhộn nhịp bày bán rất nhiều các mặt hàng lưu niệm truyền thống cách đây hàng thế kỷ. Tôi có thể mừng rỡ ra không khí mua bán, trao đổi, nghỉ ngơi của từng đoàn người ở đây khi họ dừng chân trong hành trình xuôi xuống Ba Tư.

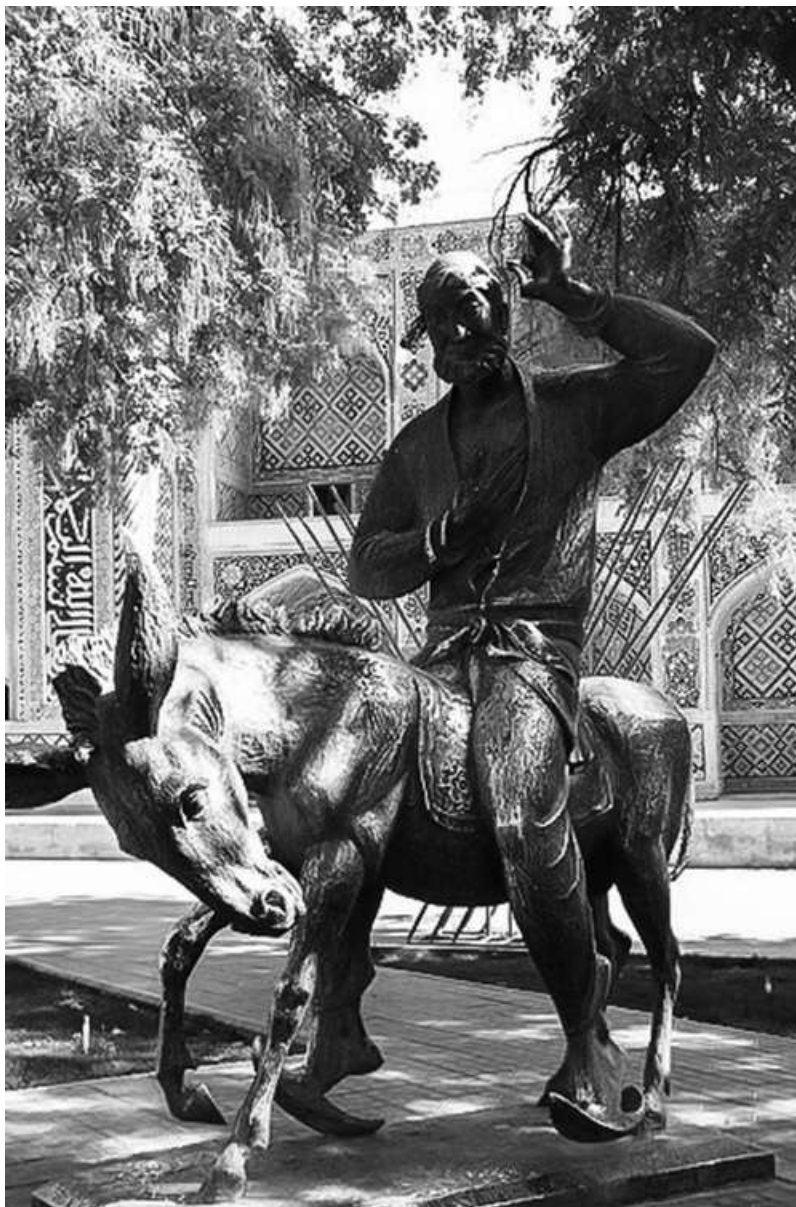
Theo cảm nhận ban đầu của tôi, Bukhara giống khu đô thị cổ Hội An xinh xắn của ta, một thương cảng sầm uất một thời trong suốt thế kỷ XVII-XVIII bên con sông Hoài êm ả.

Nhưng Bukhara vắng vẻ hơn nhiều vì ít du khách, chỉ có tiếng bước chân của tôi và tiếng gió lao xao của hàng cây liễu ven đường.

Lịch sử của Bukhara và Trung Á ghi nhận rằng một trong những yếu tố tạo nên những thành phố vĩ đại như Bukhara đều có liên quan đến những cuộc xâm lược của đế chế Mông Cổ ở thế kỷ XIII. Tôi đã đọc rất nhiều tài liệu trước khi lên đường tìm hiểu những thành phố thịnh vượng thời ấy như Yazd, Bam, Merv, Samarkand hay Bukhara men theo Con đường tơ lụa. Theo đó, Khwarizmian là đế chế rộng lớn nằm ở khu vực Trung Á và Trung Đông ngày nay bao gồm phần lớn các nước Uzbekistan, Turkmenistan, Iran, một phần Kazakhstan, Tajikistan, Kyrgyzstan, Pakistan và phía Tây Afghanistan. Triều đại này do chiến binh gốc người Turk ở Ba Tư thành lập vào năm 1190 và nhanh chóng bị đế quốc Mông Cổ thôn tính 30 năm sau đó. Đây cũng là cuộc xâm lược mở đầu cho cuộc chinh phục hàng loạt các quốc gia Hồi giáo của đoàn kỵ binh Thành Cát Tư Hãn và lan rộng ra phần lớn lục địa Á Âu thời bấy giờ. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cuộc xâm chiếm Trung Á đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử bởi hình thành nên một đế chế Đại Hãn hùng mạnh bành trướng khắp mọi nơi.

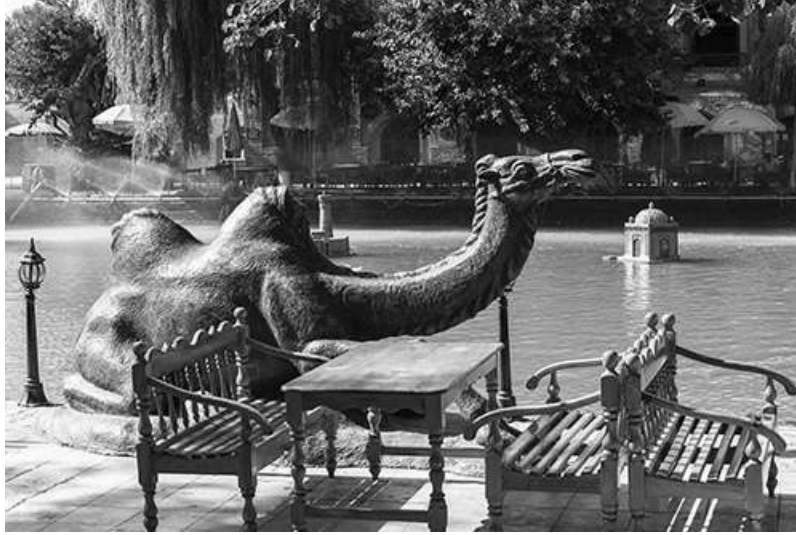
Nguyên nhân khởi đầu từ việc một đoàn sứ giả người Mông Cổ bị đế quốc Khwarezmia giết hại ở Otrar, một thành phố thương mại thuộc miền nam Kazakhstan ngày nay. Thành Cát Tư Hãn xem đây là một điều sỉ nhục đối với đất nước sống trên lưng ngựa và ngũ lều tròn. Ông bắt đầu phát động cuộc tấn công Khwarezmia mặc dù trước đó từng có thiện chí xây dựng mối quan hệ hữu hảo với quốc gia láng giềng. Người Mông Cổ khi đó được cho là rất cẩn thận trong việc chuẩn bị cho cuộc chiến nên đã phái rất nhiều gián điệp, tình báo dọc trên con đường của những thương nhân người Hoa để nghiên cứu tình hình đối phương. Ông đã dùng máy bắn đá được xem là vũ khí tối tân của Trung Quốc thời bấy giờ chứ không đơn thuần dùng gươm đao như trước đây. Khi lực lượng được chuẩn bị đầy đủ, đội quân Mông Cổ đã vượt dãy Thiên Sơn để bắt đầu chinh phạt những thành phố quan trọng của Khwarezmia khi đó do Shah Ala ad-Din Muhammad cai trị. Thành Cát Tư Hãn đã khôn ngoan chọn lựa thành phố sầm uất Bukhara để bắt đầu cuộc xâm chiếm tàn bạo nhất trong lịch sử. Ông cùng đoàn chiến binh thiện nghệ đi về phía Tây, vượt qua rất nhiều dãy núi tuyết cao sừng sững, vòng qua thủ đô Samarkand rồi băng qua sa mạc Kyzyl Kum rộng lớn để tiến đến thành trì Bukhara. Đội kỵ binh hơn năm vạn của Hãn quốc đến Bukhara mà không hề bị phát hiện. Các sử gia cho rằng đây là một trong những cuộc đột nhập bí hiểm và thành công nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới. Bukhara thời điểm đó là một thành phố quan trọng về thương mại bậc nhất của Khwarezmia vì là điểm dừng chân của đoàn thương nhân sở hữu những kiện hàng quý giá. Hình ảnh những đoàn lạc đà quần lưng từ phương Đông hiện diện khắp ngày đêm ở Bukhara. Người Mông Cổ rất có lý khi chọn thành phố giàu có Bukhara để khai hỏa cho cuộc chiến. Là một thành phố giao thương nhộn nhịp với công trình

kiến trúc bề thế về văn hóa, tôn giáo nhưng Bukhara lại không có hệ thống phòng thủ kiên cố, đặc biệt khi xảy ra chiến tranh. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn bị vây hãm, Bukhara không còn khả năng chống cự. Đội quân Thành Cát Tư Hãn đã nhanh chóng xâm chiếm Bukhara chỉ một vài ngày sau đó. Họ đốt nhà, giết hại dã man những người chống đối, bắt người dân làm nô lệ, mang những nghệ nhân và người thợ lành nghề về Mông Cổ phục dịch. Hàng hóa bị cướp bóc, xác người vương vãi khắp nơi. Bukhara thất thủ và trở nên điêu tàn như một con lóc có cường độ cực mạnh thổi qua làm mọi thứ biến mất trên đường đi của chúng. Cũng chính cuộc chiến ở Bukhara, Thành Cát Tư Hãn được người đời xem là một bạo chúa tàn ác trong lịch sử nhân loại.



Một biểu tượng của thành phố cổ Bukhara.

Quên đi quá khứ đau thương, Bukhara trước mặt tôi giờ đây mang dáng vẻ của một thành phố cổ kể qua người lại đầy thi vị, bởi nơi đây trở thành một trong bốn di sản nổi tiếng cùng với Samarkand, Khiva và Shakhrisyabz thu hút nhiều lữ khách nước ngoài khi đến đất Uzbekistan.



**Tượng lạc đà gợi nhớ đến Bukhara từng là điểm dừng chân của đoàn thương nhân trên
Con đường tơ lụa.**



Tháp Kalyan như ngọn “hải đăng” dẫn đường cho đoàn thương nhân tiến vào thành phố.

Tôi bước chậm rãi vào khu vực quảng trường trung tâm trong khu phố cổ. Hình ảnh một bức tượng đồng thương nhân người Hoa cười đùa cao lớn đang tiến về Bukhara gọi cho tôi về một thành phố mua bán thịnh vượng cách đây hơn một thiên niên kỷ. Một số người dân địa phương từ nơi khác đến cũng tranh thủ chụp những bức ảnh mang tính hiệu tượng này. Trung tâm quảng trường là một hồ nước rộng in bóng hàng liễu rủ khẽ đong đưa theo những cơn gió nhẹ. Một nhà hàng lớn được bày trí theo phong cách những quán rượu cổ với những sập gỗ được lót những tấm thảm hoa văn sắc sảo, những tấm màn the đủ để thực khách chìm đắm vào những nhan sắc hầu rượu bên trong. Ven hồ nước là tượng của đoàn lạc đà đang nghỉ ngơi dưới những rặng liễu

sau một hành trình dài. Tiếng đàn réo rắt, tiếng trống thúc giục rộn rã của những tổ khúc dân ca truyền thống của người Uzbekistan làm cho không gian xưa của Bukhara tái hiện ngay trước mắt.

Dừng chân trước một ngọn tháp cao, tôi nghe thêm những câu chuyện về Bukhara từ cô hướng dẫn viên địa phương đang thuyết minh cho đoàn du khách nước ngoài. Cô ấy giới thiệu đây là ngọn tháp Kalyan, một công trình mang tính biểu tượng của Bukhara được xây dựng cách đây khoảng 2.300 năm. Trong một thời gian dài, Kalyan còn là công trình cao nhất khu vực Trung Á thời bấy giờ. Nó được xem là “ngọn hải đăng” vì vào ban đêm những ngọn đuốc trên đỉnh tháp sẽ được thắp sáng dẫn đường cho những đoàn thương nhân đi vào thành phố. Cũng chính nơi đây, Thành Cát Tư Hãn sau khi đã chinh phạt Bukhara, ông đã tuyên bố với người dân rằng ông đã được Thượng Đế phái xuống thay trời hành đạo vì tội ác người dân đã gây ra trước đó ở Otrar.

Cô hướng dẫn nói thêm: “Bukhara cũng là nơi sinh ra và lớn lên của nhà bác học vĩ đại Avicenne, ông sinh năm 980 và mất năm 1037. Bên cạnh triết học và y học, ông còn có các công trình bao gồm các bài viết về thiên văn học, giả kim thuật, địa lý, tâm lý học, thần học Hồi giáo, logic, toán học, vật lý và cả làm thơ. Có một giai thoại về ông cũng liên quan đến Con đường tơ lụa nổi tiếng. Khi đó, ông phát hành những quyển sách hướng dẫn nấu những món ăn địa phương được các *caravanseraï* thời đó áp dụng. Trong thời gian cực thịnh của Con đường tơ lụa đi qua khu vực này, hơn 60 *caravanseraï* ở đây đã cung cấp những quyển sách được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau theo chân đoàn lữ khách khắp nơi trên thế giới.”



Lựu đỏ mọng nước ở Bukhara.

Rảo bước sâu vào khu phố hẹp là những quầy chạp phô bày bán thuốc lá, gia vị, trái cây khô, nho, mận, dưa và lựu. Đặc biệt, lựu ở Bukhara là đặc sản nổi tiếng khắp vùng bởi hạt to, mọng nước, màu đỏ thẫm, ngọt thanh và thơm lừng. Người Bukhara cho rằng, lựu Trung Quốc ngày nay có xuất xứ từ vùng đất này. Ngoài các loại trái cây và rau quả, Bukhara hấp dẫn nhất là các gian hàng thủ công mỹ nghệ màu sắc rực rỡ đầy ma lực hấp dẫn lữ khách. Những tấm thảm đủ kích cỡ được dệt bằng sợi len có nguồn gốc từ những cánh đồng bông bạt ngàn ở Uzbekistan. Nếu như thảm Ba Tư thường dệt thành những bức tranh mô tả những điển tích, những truyền thuyết của xứ sở *Ngàn lẻ một đêm* còn ở Uzbekistan những tấm thảm lại được trang trí bằng những họa tiết hoa văn tinh tế đặc trưng của vùng Trung Á.



Sản phẩm lưu niệm đa dạng và giá cả rất phải chăng trong khu phố cổ Bukhara.

Đồ trang sức và lụa cũng là những mặt hàng rất nổi tiếng ở đây. Tôi thấy rất nhiều công ty sản xuất lụa và đồ trang sức đều đặt những cửa hàng trưng bày sản phẩm rất bắt mắt trong khu phố cổ. Vì là vùng sa mạc hẻo lánh nên rất nhiều sản phẩm màu đỏ và màu vàng được ưa chuộng để tượng trưng cho mặt trời và những đụn cát mênh mông. Những nhân vật thần linh, những vị thần may mắn, những gia súc phổ biến được làm từ gỗ hoặc đất sét trưng bày khắp khu phố Bukhara với giá rất rẻ. Sau này khi đến những thành phố còn lại ở Uzbekistan hay các quốc gia khác ở Trung Á, tôi mới nhận ra một điều giá mà tôi có thể mua nhiều hơn những sản phẩm lưu niệm ở Bukhara.



Một kiến trúc Hồi giáo đặc trưng ở thành cổ Bukhara.

Tôi lang thang mãi cho tới khi mặt trời đã lặn sâu dưới chân tháp Kalyan. Không thể chỉ trong một buổi chiều mà tôi có thể tham quan hàng trăm di tích lớn nhỏ vẫn hiện diện ở Bukhara. Nhưng cũng không cần thiết phải xem nhiều vì bản thân không gian của Bukhara đã tô vẽ cho tôi nhiều sự tưởng tượng về một vùng đất thiên đường, nơi tâm hồn tôi sẽ được trôi thả theo từng góc phố, từng mái vòm vòng cung pha ánh đèn vàng rực rỡ, từng điệu nhạc réo rắt trong đêm, từng dáng người thong thả bước đi trong quá khứ. Tôi quyết định không về nhà nghỉ vội mà nán nà chờ đợi thêm những điều gì đó về Bukhara. Tôi tìm cho mình một góc khuất bên cạnh một thánh đường Hồi giáo để quan sát được về con người Bukhara. Họ thanh đạm, nhàn nhã, phẩm giá nhưng lại có một chút u sầu, một chút thiền định và một chút lạnh lẽ giữa một Bukhara ngập tràn những hoài niệm về quá khứ.

Trăng đã treo cao, tôi nghe tiếng khịt mũi của bầy lạc đà đâu đó chắc đang chìm vào giấc ngủ sau một hành trình dằng dặc. Riêng tôi, hôm nay tôi sẽ có giấc ngủ sâu trong cái nôi tinh thần nền nã của Bukhara.

Chốn thiên đường trên con đường tơ lụa

Nhà sử học người Ba Tư Ata-Malik Juvayni ở thế kỷ XIII từng viết rằng: “Nếu trên thế giới này có thiên đường hiện hữu thì đó chỉ có thể là Samarkand.”

Tôi bước theo Alex, anh bạn vừa mới quen trên chuyến tàu hỏa từ Bukhara đến Samarkand, để bắt chiếc taxi về nhà anh ấy nằm cách trung tâm thành phố chừng 5 km. Chỉ ba tiếng đồng hồ mà chúng tôi đã bắt chuyện với nhau như những người anh em. Mọi chuyện thường diễn ra bất

ngờ đối với những du khách bụi có thể xoay chuyển tình thế một cách dễ dàng. Tôi bèn hủy phòng hostel đã đặt trước đó để theo chân Alex khi anh chàng quyết cho tôi thấy vì sao Samarkand được nhiều lữ khách ví như là thiên đường. Số là trên tàu, anh chàng phát ngán khi gặp phải những câu hỏi của tôi. Nào là Samarkand như thế nào? Ngoài những thánh đường Hồi giáo, các công trình kiến trúc cổ thì Samarkand còn có những gì? Nếu chỉ là những di tích lịch sử thì Samarkand có khác gì Bukhara? Phụ nữ Samarkand quyến rũ ra sao? Sao lại gọi Samarkand là thiên đường nhỉ? Anh chàng Alex chỉ phán gọn một câu: “Đi theo tôi, anh sẽ thấy vì sao người châu Âu từ lâu xem Samarkand là biểu tượng đích đến tuyệt diệu của giới xê dịch.” Đi thì đi, tôi sợ gì nào!

Alex là một bác sỹ nha khoa, quê anh ta ở Bukhara và hiện tại đang có một phòng khám tư tại cố đô Samarkand này. Alex không về quê mà tìm kiếm cơ hội phát triển sự nghiệp ở thành phố Samarkand sầm uất hơn. Đây cũng chính là nơi anh ta học suốt quãng đời đại học. Alex thích không gian yên tĩnh, khí hậu trong lành ở Samarkand hơn Tashkent nên cũng không có ý định lên thủ đô làm việc. Alex có một căn nhà gạch nhỏ ở ngoại ô Samarkand sau bao năm tích cóp từ việc mở phòng khám nha khoa cùng với một người bạn đồng môn. Anh ta thuê mặt bằng để mở phòng khám gần khu vực trung tâm thành phố, cách quảng trường Registan chưa đầy ki-lô-mét. Công việc làm ăn tương đối thuận lợi vì nhu cầu về nha khoa thẩm mỹ ở Uzbekistan ngày càng gia tăng. Hầu hết người dân đều bịt răng vàng như một nhu cầu làm đẹp ngoài việc bảo vệ chúng cho chắc chắn. Alex hào hứng cho rằng khi dân số Uzbekistan ngày càng tăng thì nhu cầu về nha khoa cũng phát triển theo. Biết đâu, trong năm tới anh ta cùng người bạn của mình sẽ mở thêm một phòng khám nữa.

Nhà Alex nằm trong một con hẻm trải nhựa, thoáng đãng, dưới những tán cây cổ thụ xanh um. Đã thế, phía trước hiên còn trồng giàn nho trĩu quả như một máy điều hòa thiên nhiên giúp căn nhà mát mẻ vào mùa hè. Căn nhà một trệt, một lầu được sơn màu xanh ngọc với chiếc cổng bằng gỗ nâu trông thật xinh xắn. Nhìn vào căn nhà tôi trêu Alex rằng đây không phải là căn nhà của một người đàn ông độc thân. Anh chàng gật gù và cười bí hiểm.

- Anh chắc là thầy bói rồi, cô ấy thường đến dọn dẹp vào ngày cuối tuần, chúng tôi sắp lấy nhau. Đây là thiên đường của chúng tôi đấy! – Anh chàng ra vẻ kênh kiệu.

“Thiên đường đấy à? Mà quả là xinh thật? Nhưng đừng vì cái thiên đường riêng tư này mà đánh đồng Samarkand là thiên đường đấy nhé. Tôi không dễ bị thỏa hiệp vậy đâu!” – Tôi nghĩ thầm và có vẻ cảnh giác cao độ với những gì Alex nói trước đó về Samarkand.

- Anh muốn đi khám phá Samarkand luôn không? – Alex để vội chiếc túi xách vào chiếc tủ

gỗ và cất giọng hỏi.

- Được vậy tốt quá, vì thú thật tôi cũng không còn nhiều thời gian Alex ạ!
- Vậy chúng ta sẽ khám phá Samarkand ngay, đến chiều tối tôi sẽ đón Jen đi cùng. À, anh muốn ăn bên ngoài hay lại về thiên đường này? – Alex lắc đầu.
- “À... cho tôi tạm hưởng thụ thiên đường của anh vậy!” – Tôi bật cười.
- Sẵn sàng vì anh bạn. Nhưng trước hết thử cốc lựu ép do Jen làm nhé!

Alex lái chiếc xe Corolla đời 2000 chở tôi lao vút ra phố. Kể từ khi rời khỏi Iran thì đây là lần thứ hai tôi nhận được sự giúp đỡ thân thiện từ người dân địa phương. Alex bật mí, thời sinh viên anh ta cũng từng hướng dẫn một vài nhóm bạn du lịch ba lô từ Nga, Anh, và một vài người từ Pháp. Riêng Việt Nam thì đây là lần đầu. Vừa lái xe, Alex vừa giới thiệu cho tôi về thành phố Samarkand, nơi anh ta xem như là quê hương thứ hai của mình. Để hiểu rõ vì sao Samarkand được người phương Tây ví như là thiên đường thì phải trở ngược về quá khứ. Alex tự hào cho rằng chính yếu tố lịch sử của thành phố này khiến nơi đây tập trung mọi tinh hoa của cả vùng đất Trung Á trù phú.

Samarkand là một thành phố đặc biệt có gần 3.000 năm lịch sử. Ít ai nghĩ rằng nó cùng thời với các thành phố lẫy lừng khác như Rome, Athen, Babylon hay ngay cả Bukhara. Samarkand từ lâu đã trở thành một trong những thành phố lớn nhất thế giới nhờ vào vị trí tự nhiên thuận lợi. Thành phố là một ốc đảo khổng lồ trồng nhiều cây xanh cùng với hệ thống tưới tự nhiên từ con sông Amu – con sông lớn ở Trung Á có nguồn nước dồi dào từ dãy Pamir – làm cho đất đai canh tác của vùng này phù sa màu mỡ. Từ thế kỷ thứ VII trước Công nguyên, Samarkand là thành phố nối kết các con đường giao thương quan trọng. Đến những cuộc viễn chinh của Alexander Đại đế vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên đã mang đến cho Samarkand có nhiều công trình kiến trúc theo phong cách Hy Lạp vĩ đại. Khi ấy, Samarkand trở thành trung tâm của cả vùng Trung Á rộng lớn cho đến thế kỷ thứ I sau Công nguyên. Những kiến trúc Hy Lạp cổ điển vẫn tiếp tục được phát triển hàng trăm năm sau đó tại đây và còn lan rộng đến Pakistan và Ấn Độ. Alex cũng nhắc tôi đến chi tiết nhà sư Trần Huyền Trang đã đến vùng đất này vào thế kỷ thứ VII sau Công nguyên trên hành trình đến Tây Trúc. Có một số bức tranh và các di vật khảo cổ tại khu vực này được các nhà khoa học tìm thấy cho thấy vào thời kỳ này cùng với việc phát triển về mặt kinh tế, Samarkand còn là nơi giao lưu về văn hóa và tôn giáo. Cao tăng Huyền Trang từng có những buổi thuyết giảng về Phật giáo ở đây, và có rất nhiều tài liệu vào thời kỳ này ghi chép sự hiện diện của các công trình kiến trúc Phật giáo nổi tiếng ở Samarkand. Thời kỳ sau đó, Samarkand bị tấn công bởi những người Hồi giáo Ả Rập đã mang đến cho vùng đất này một tư tưởng tôn giáo mới. Hồi giáo xuất hiện và phát triển hầu khắp vùng Trung Á như ngày nay. Nhưng để đến được

Samarkand, tận mắt chiêm ngưỡng những đô thị hoa lệ, những cung điện uy nguy, những đền thờ vĩ đại ở tận phương Đông thì người phương Tây phải trải qua rất nhiều gian khổ và thử thách. Họ phải vượt qua những dãy núi tuyết cao sừng sững, những con sông dữ tợn, những sa mạc mênh mông cát mồi mong đặt chân đến được thành phố này. Cho nên Samarkand một thời được người châu Âu thách thức cho những ai đam mê xê dịch có trái tim quả cảm.

Alex vỗ nhẹ vai tôi nói:

– Khi nhắc đến Trung Á từ thế kỷ thứ XIII là không thể không nói đến Thành Cát Tư Hãn và cuộc chinh phạt Trung Á tàn bạo.

Vào năm 1220, sau khi Bukhara thất thủ, Đại Hãn tiến quân tới thủ đô của Khwarezmi là Samarkand thời bấy giờ. Samarkand được tổ chức phòng thủ tốt hơn nhiều so với Bukhara với khoảng mười vạn quân tinh nhuệ được trang bị vũ khí đầy đủ. Khi Thành Cát Tư Hãn bắt đầu vây thành, các con trai ông là Sát Hợp Đài (Chaghatai) và Oa Khoát Đài (Ogedei) cũng đến hợp quân với cha mình sau khi bình địa xong Otrar. Quân Mông Cổ bắt đầu tấn công dồn dập thủ đô và bắt tù nhân làm lá chắn sống. Vào ngày thứ ba của cuộc chiến, quân đồn trú ở Samarkand mở một cuộc phản công dữ dội. Giả vờ rút lui, Thành Cát Tư Hãn đã lừa khoảng năm vạn quân ra ngoài pháo đài của Samarkand và thẳng tay tiêu diệt họ trong trận này. Hoàng đế Shah Muhammad cố gắng giải vây thành phố hai lần, nhưng đều bị đẩy lui. Đến ngày thứ năm của cuộc chiến, ngoại trừ khoảng 2.000 lính, số còn lại đã đầu hàng. Những người lính còn lại, trung thành đến chết với Shah, đã cố thủ trong pháo đài. Sau khi pháo đài thất thủ, Thành Cát Tư Hãn đã nuốt lời hứa với những người đầu hàng và xử tử tất cả bọn họ. Trong khi đó, người dân ở Samarkand được lệnh sơ tán và tập trung ở một khu đất trống ngoài thành phố, ở đó họ cũng bị sát hại không thương tiếc. Đầu của họ được chất thành hình kim tự tháp như là biểu tượng chiến thắng của người Mông Cổ.

Vào khoảng thời gian Samarkand thất thủ, Thành Cát Tư Hãn ra lệnh cho Tốc Bất Đài (Subutai) và Triết Biệt (Jebe) – hai tướng giỏi của mình – truy bắt vua Shah. Ngài đã chạy trốn về phía Tây với một số người lính trung thành và con trai là Jalal al-Din, đến một đảo nhỏ trong biển Caspia. Ở đó, vào tháng Mười hai năm 1220, vua Shah qua đời. Hầu hết các học giả cho rằng ông chết vì bệnh viêm phổi, một số khác thì cho rằng ông chết vì quá sốc với việc để mất Đế chế một cách nhanh chóng vào tay Đại Hãn.

Thời hoàng kim của Samarkand là vào khoảng năm 1370 khi thành phố ốc đảo này trở thành trung tâm chính trị, văn hóa và tôn giáo của cả châu Á. Khi đó, Hoàng đế Timur Lenk (1336-1405) đã chọn Samarkand làm thủ đô vương quốc Timur của mình, một vùng đất rộng lớn gồm

Ba Tư và Mông Cổ, Trung Á, phần lớn Trung Quốc và phía Bắc của Ấn Độ ngày nay. Những lâu đài nguy nga tráng lệ, những công trình kiến trúc Hồi giáo, những khu chợ khang trang được xây dựng đã biến Samarkand trở thành đô thị lớn của thế giới thời Trung Cổ. Hàng thế kỷ trôi qua, một số công trình kiến trúc này vẫn còn được bảo tồn khá nguyên vẹn cho đến ngày hôm nay.

- Anh bạn đến vào đúng dịp thành phố sắp diễn ra lễ hội âm nhạc quốc tế truyền thống “*Sharq Taronalari*” đây. Anh ở đây bao lâu? – Alex hỏi tôi.
- Chỉ hai ngày thôi. Mà sao Alex?
- Vậy là anh không tham dự lễ hội được rồi. Một tuần nữa lễ hội sẽ diễn ra dưới sự bảo trợ của Unesco được tổ chức hai năm một lần. Năm nay có hơn 50 quốc gia tham dự biểu diễn những tiết mục dân gian đặc sắc. Mỗi kỳ, tôi đều mua vé giúp một số người bạn đến từ Nga hay Kyrgyzstan.
- Ôi tiếc quá, thiên đường của tôi!
- Ồ, không đâu, thiên đường của anh vẫn còn đây, không sút mẻ gì đâu.

Alex và tôi cùng cười vang nhưng rõ ràng trong lòng tôi thì đầy tiếc nuối.

Quả thật, Samarkand hôm nay nhộn nhịp như dịp đón năm mới. Cờ phướn được treo dọc những tuyến đường chính trong nội ô để quảng bá cho lễ lạt. Thành phố thì nép mình dưới những rừng cây cổ thụ được trồng từ hàng trăm năm. Môi trường sống ở Samarkand được nhiều người nhắc đến như một *thành phố xanh* hay dưới cái tên lãng mạn hơn là *thành phố nằm trong rừng* ở Trung Á. Hèn gì anh chàng Alex phải bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để gây dựng sự nghiệp ở thành phố thiên đường này. Tôi nghĩ thầm: “Phố xá Samarkand làm tôi miễn cưỡng công nhận đây là thiên đường thôi đấy!”

Do quảng trường trung tâm Registan đang được niêm phong để chuẩn bị cho màn tổng duyệt hoành tráng với hàng trăm diễn viên thực hiện nên Alex dẫn tôi đi vòng qua lối bên cạnh để đến với thánh đường Bili-Khanym nổi tiếng nằm ở ngay phía sau. Ở Samarkand, ngoài Registan được xem là quảng trường công cộng rộng nhất thế giới thì Bili-Khanym cũng không thua kém bởi đây là nhà thờ Hồi giáo lớn nhất thế giới thời bấy giờ.

- Bibi Khanym được xây dựng từ năm 1399 và phải mất năm năm để hoàn thành. Thánh đường được dùng để tổ chức những lễ cầu nguyện trọng đại nên có chu vi rất lớn. Chỉ khu vực sân trong đã có diện tích gấp rưỡi một sân bóng đá theo tiêu chuẩn quốc tế. Các cổng được bao bọc bởi đôi cột gốm cao hơn 40 mét. Anh thấy mỗi góc của tòa thánh đường được dựng bốn ngọn tháp cao không? – Alex vừa giới thiệu vừa thị phạm cho tôi về không gian

kiến trúc của Bibi Khanym.

- Thế ngôi sao trên cùng ngọn tháp cao có ý nghĩa gì thế Alex?
- Đó chính là ngọn hải đăng của Bibi Khanym. Ngôi sao lớn nên từ xa khiến cho khách hành hương hay đoàn thương nhân có thể nhận ra được dấu hiệu của tòa thánh đường.
- Tôi có đọc tài liệu về Samarkand, thánh đường có phải là do vua Timur xây dựng?
- Đúng ra là Timur triển khai thực hiện theo ý tưởng của vợ mình. Số là, Bibi Khanym, tên của người vợ Timur, muốn xây một thánh đường tặng cho chồng sau chuyến đi Ấn Độ. Nhưng ông là người quyết định chọn vị trí gần chợ để xây dựng nó. Vị trí thuận lợi, thu hút được sự chú ý của nhiều người dân địa phương và giới thương gia buôn bán từ khắp nơi. Tại khu chợ, họ có thể quan sát sự công phu của thánh đường khi dùng đến 100 con voi để chuyên chở vật liệu xây dựng. Công trình này được sự phối hợp bởi hàng trăm kiến trúc sư, thợ thủ công, thợ lắp ráp bậc thầy và hàng ngàn nô lệ trong cả nước. Đứng trên ngọn tháp cao, Timur đã tung tiền và thực phẩm cho công nhân và dân chúng bên dưới. Vị trí thuận lợi, sự công phu của quá trình xây dựng, quy mô rộng lớn và tình yêu của dân chúng đối với Timur thông qua hành động này là những nguyên nhân khiến thánh đường Bibi Khanym nổi tiếng thế giới vào thế kỷ XV.
- Tôi có nghe những truyền thuyết về tình yêu và bóng hồng xung quanh thánh đường Hồi giáo này? Liệu điều đó có liên quan đến Bibi Khanym, người vợ yêu quý của Timur không Alex?

Alex cười giòn. Anh ta vừa bước chậm vừa được dịp bày tỏ.

- Anh biết nhiều đấy anh bạn. Thánh đường Bibi Khanym được lưu truyền trong dân gian không chỉ bằng quy mô mà nó còn được biết đến với nhiều câu chuyện truyền thuyết về tình yêu và người đẹp. Người dân xứ này cho rằng tòa thánh đường được hoàn thành có liên quan đến câu chuyện nộ hôn của kiến trúc sư Persian người Ả Rập.
- Sao sao, có liên quan đến người đẹp thật à? – Tôi hấp tấp hỏi tới.

Alex phá lên cười lớn rồi tiện thể vỗ vai tôi một cái đau điếng.

- Từ từ anh bạn. Số là vị kiến trúc sư Persian đã say mê sắc đẹp của nàng và tìm mọi cách để trì hoãn việc xây dựng. Ông đã đưa ra điều kiện nếu nhận được nộ hôn của nàng thì thánh đường sẽ nhanh chóng hoàn thành. Bibi Khanym với tình yêu dành cho chồng dĩ nhiên không đồng ý. Nàng cố tình làm khó người kiến trúc sư và chỉ miễn cưỡng khi ông ta giải được câu đố từ nàng. Nhưng trước sự thông minh tài trí của ông, câu đố của Bibi Khanym

được giải đáp một cách bất ngờ. Thế là nàng đành ưng thuận cho Persian hôn lên má mình. Nhưng nụ hôn ấy quá nóng nên để lại trên má nàng một dấu vết ửng hồng. Timur sau khi đi Ấn về rất hài lòng với món quà của vợ nhưng ngài đã nhận ra vết hằn trên gương mặt xinh đẹp của vợ mình. Con ghen nổi lên, ngài đã truy đuổi Persian đến đỉnh của ngọn tháp khiến tình địch chết ở đó. Lúc ấy, đôi cánh xuất hiện trên vai và Persian đã bay về phía Mesh – phía Tây Bắc Iran. Timur ôm hận nên đã ra lệnh cho tất cả phụ nữ mang mạng che mặt chỉ để người chồng biết đến họ. Tuy là câu chuyện dân gian nhưng nó được hình thành trên những sự kiện có thật và cái tên của nơi này là tên người thật nên người dân địa phương tin rằng có câu chuyện như thế. Câu chuyện được lan truyền đi, thánh đường Bibi Khanym được nhiều người biết đến và trở thành nơi tổ chức những đại lễ quan trọng của Hồi giáo.

- Cảm ơn Alex, anh đã kể cho tôi một câu chuyện rất hay về Samarkand.
- Không có chi anh bạn. Đây cũng là câu chuyện dân gian của người Samarkand truyền tụng từ ngàn đời... Thôi, cũng không còn sớm. Chúng ta mua một số đồ ăn về nhâm nhi tối nay ở khu chợ kế bên nhé!
- À, chúng ta còn đi đón Jen nữa đây.

Phía trước Bili-Khanym là những khu chợ địa phương quen thuộc. Trời đã xế, một số sạp hàng ở đây đã đóng cửa, một số khác vẫn tiếp tục bán nốt trong phiên chợ muộn. Không nhiều sản phẩm địa phương truyền thống như Bukhara, chợ ở đây chỉ bày bán những mặt hàng thực phẩm, gia vị, rau củ, hoa quả và một số ít bán những sản phẩm áo quần xuất xứ từ Trung Quốc. Alex và tôi dừng lại một xe đẩy ở cuối chợ để mua một ổ bánh mì tròn dẹt đặc trưng ở Uzbekistan do chính những gia đình làm thủ công bán ở chợ. Alex giải thích mỗi gia đình làm ở đây đều đóng lên ổ bánh mì những kí hiệu riêng như để bảo chứng với khách hàng. Dường như, tận khi chợ tàn, những hoạt động cuối cùng trong ngày ở khu chợ vẫn đang tiếp diễn. Tiếng chân vội vã của những người mua hàng, tiếng mời chào của những sạp hàng không bao giờ đóng cửa vẫn vang lên đều đặn. Khu chợ vẫn là trái tim đang đập của Samarkand từ hàng ngàn năm nay. Đây là nơi gặp gỡ của tất cả mọi người, tại đây có đủ mọi thứ kể từ khi những lái buôn trên Con đường tơ lụa trao đổi hàng hóa đủ chủng loại từ những sản phẩm vật chất cho đến sản phẩm tinh thần.



Món bánh mì tròn dẹt đặc trưng của người dân Uzbekistan được bày bán khắp nơi.

Mua một số thực phẩm xong, tôi nói Alex cho tôi đợi anh ta ở cổng trước của thánh đường trong khi chờ đợi lấy xe. Tôi nấn ná nhìn Bibi Khanym kiêu hãnh một lần nữa. Tuy Bibi Khanym chỉ rực rỡ trong vòng một thế kỷ nhưng ngày nay nó vẫn trở thành một địa điểm thu hút khách du lịch hàng đầu ở Samarkand. Thời đại huy hoàng đã qua, cái đông đúc của tòa thánh đường bên chợ không còn tồn tại. Nhưng đứng trước kiến trúc lộng lẫy, rộng lớn cùng những truyền thuyết dân gian, tôi có cái nhìn thấu đáo hơn sự sáng tạo và tình yêu của người Samarkand. Thánh đường hôm nay tựa chốn thiên đường trong những tia nắng vàng cam chạng vạng.

Một đêm với ánh trăng non, lãng đãng trong điệu kèn harmonica của Alex, với hương volka thoảng mùi lựu chín được chính Jen pha chế. Chúng tôi đang tận hưởng thiên đường thật sự ở Samarkand.

Sáng hôm sau, tôi khước từ sự đề nghị của Alex khi anh chàng muốn lái xe chở tôi đến thành phố cổ Shakhrisyabz. Thật sự là tôi ngại. Điều nữa là tôi luôn thêm cảm giác trải nghiệm một mình ở một thành phố mới. Alex dặn dò tôi đủ thứ nhất là biết tôi không biết tiếng Nga để có thể giao tiếp với người dân. Anh chàng dọa tôi là ở Uzbekistan không phải như xứ Turkmenistan mà đôi khi gặp được đôi ba người dân có thể giao tiếp bập bõm tiếng Anh. Thuyết phục không xong, Alex và tôi chia tay nhau nhưng anh chàng vẫn đưa tôi ra bến xe gần đây để bắt taxi đến Shakhrisyabz.

- Cảm ơn Alex, cảm ơn Jen. Các bạn đã cho tôi cảm giác tuyệt vời ở Samarkand. Tôi bịn rịn bắt tay Alex đầy xúc động.
- Đừng khách sáo anh bạn. Nếu có điều kiện đến Việt Nam, anh sẵn sàng làm chủ nhà cho

chúng tôi chứ?

- Ô tất nhiên rồi!
- À, Jen có gửi cho anh một lá thư, nhưng khi nào đến Khiva anh mới được mở ra xem đây. Chúng tôi muốn dành cho anh một sự bất ngờ.

Tôi cầm lá thư Alex trao mà trong lòng phần khích bởi dòng chữ được ghi cẩn thận trên bì thư gây sự tò mò cho người nhận. *“Hãy mở phong thư này nếu thật sự bạn có một ngày trọn vẹn ở Khiva.”*

- Thật sao, chắc chắn chúng ta lại phải gặp nhau thôi. Anh hứa chứ Alex? – Tôi ghen ghen.

Alex chỉ im lặng. Anh chàng trả lời bằng một nụ cười rất tươi và cái siết tay thật mạnh thay cho lời hứa. Nhưng biết đâu tôi sẽ là người trở lại Samarkand một lần nữa để gặp Alex?



Ngọn đèo Takhzakaracha uốn khúc.

Từ Samarkand tôi lại bắt taxi đi cùng một số người dân địa phương với chi phí khá rẻ 20.000 som cho hai lượt đi và về đến Shakhriyabz. Thành phố này trước đây có tên là Kesh và được gọi là Shakhriyabz ở những năm đầu thế kỷ XX. Đoạn đường đến Shakhriyabz hơn 80 km với ngọn đèo Takhzakaracha uốn khúc chắn giữa. Anh tài xế đôi lần dừng lại để làm mát máy xe và tiện thể cho khách ngắm toàn cảnh vùng trũng từ đỉnh đèo hay thưởng thức một vài ngụm nước mát lạnh được dẫn xuống từ những ngọn núi cao. Anh ta kể, người dân địa phương thường uống những loại nước từ thiên nhiên khi đi trên đường. Thậm chí họ còn bỏ đi những phần nước đang dở trong chai nước khoáng để lấy nước từ những con suối trời ban này.

Theo tiếng bản địa, Shakhrisyabz được gọi là thành phố xanh bởi màu của những vườn cây ăn trái bạt ngàn và vương quốc của giống nho ngọt lịm của Uzbekistan. Thành phố đầy bụi bẩn, rất ít cây xanh, đang trong quá trình tôn tạo, sửa chữa nhưng đây cũng là yếu tố để các công trình cổ của thành phố nổi bật khi nhìn thấy từ phía xa. Điều này nghịch lý với cái tên của thành phố. Hôm qua, Alex có cho tôi biết thông tin về thành phố này khi biết ý định tôi đến thăm. Đây là nơi sinh của Timur Lenk, vị hoàng đế nổi tiếng của triều đại Timur. Shakhrisyabz chính là nơi đã định hình tính cách của một vị hoàng đế lừng lẫy một thời trong lịch sử Uzbekistan. Ông đã xây dựng một đế quốc hùng mạnh và trở thành người cuối cùng của các nhà lãnh đạo du mục vĩ đại. Nếu như người Mông Cổ tự hào Thành Cát Tư Hãn là một đại đế dũng mãnh khó thay thế trong lịch sử thì người Uzbekistan lại kính trọng vua Timur như một vị thánh trong lòng họ. Bởi thế, quê hương Shakhrisyabz được xem là thủ đô thứ hai sau Samarkand dưới thời trị vì của vua Timur.

Xe trả khách ở dọc đường. Tài xế chỉ còn chở mình tôi đi tham quan các di tích của thành phố theo thỏa thuận ban đầu. Tôi cảm thấy đói nên chủ động mời anh tài xế dùng bữa trưa với món kebab địa phương đổi lại cho việc anh ta sẽ chờ tôi khám phá thành phố. Quán kebab đông nghịt người vào buổi trưa vì đây là món ăn khoái khẩu của người Uzbekistan. Anh tài xế bảo rằng đây là quán bình dân nhưng rất đông khách vì bí quyết ướp món kebab làm từ thịt cừu thơm ngậy ăn kèm với hành tây ngâm giấm không nơi nào có kể cả Samarkand. Anh ta thường ăn ở quán này khi có dịp đưa khách xuống đây và không quên mua về cho vợ con thưởng thức.

Sau bữa trưa, tôi tham quan một số công trình tiêu biểu nơi đây mà hầu như các di tích không tồn tại nguyên vẹn như ở Samarkand hay Bukhara. Cung điện Mùa hè là công trình vĩ đại nhất trong số các công trình do vua Timur xây dựng. Nó được khởi công vào năm 1380 bởi các nghệ nhân đến từ ốc đảo Khwarezm. Nhưng công trình này đã bị phá hủy, chỉ còn lại dấu tích của cổng tháp khổng lồ cao 65 mét, dựng bằng đá xanh được khảm rất tinh xảo. Các công trình ở Shakhrisyabz hầu hết liên quan đến vị vua Timur oai hùng như cung điện, lăng mộ Người và con trai Jehangir, quần thể nhà thờ Hồi giáo Kok Gumbaz... Các công trình này đều thể hiện quá khứ vàng son của một đế chế hùng mạnh ở Trung Á và thế giới.

Trời ngả về chiều, chiếc taxi đưa tôi trở lại Samarkand để kịp đón chuyến tàu đêm đến Urgench. Samarkand vẫn hiện hữu như một thiên đường không phải vì các công trình đồ sộ được bảo tồn tốt mà là có những người bạn thân thiết như Alex và Jen.

Chuyến tàu đêm xinh xịch xé màn đêm đến hướng về Khiva. Toa tàu với khoang sáu người khá thoải mái nhưng tôi không chớp mắt được phần nhớ vùng đất này, nhớ những người bạn mới quen và cả sự hồi hộp từ lá thư bí mật. Tôi lẩm nhẩm bài thơ của *James Elroy Flecker* mà tôi đã

dịch ra trước khi đến Samarkand khi con tàu chưa kịp lướt xa khỏi chốn thiên đường đang hiện hữu.

Con đường vàng đến Samarkand

Thưa Ngài, chúng tôi là những khách hành hương lang bạt;

Chúng tôi đi, đi mãi, có thể nay mai đây

Vượt qua bao ngọn núi xanh chấn lồi đầy tuyết phủ,

Băng qua biển cả lấp lánh hào quang mà quá đỗi giận dữ kia,

Ở ngai vàng trên ngôi cao lộng lẫy hay ẩn mình trong tận đáy hang sâu.

Có hình bóng một nhà tiên tri thấu hiểu được tất cả

Tại sao con người được sinh ra, và rằng chúng ta thật dũng mãnh,

Trên con đường vàng đến Samarkand.

Khởi hành êm ái trong buổi tối đầy sương

Khi màn đêm vẫn còn bao trùm trên biển cát,

Nghe đâu đó giữa không gian thinh lặng của hoang vắng

Là tiếng chuông reo dọc theo con đường vàng đến Samarkand.

Chúng tôi đi, chẳng phải chỉ là đi;

Mà đi là bởi vì ngọn gió nóng thổi bùng lên trong trái tim rực lửa,

Những khát khao bỏng rát tìm đến những nơi chưa bao giờ biết

Rồi từ đó, chúng tôi đã tạo nên con đường vàng đến Samarkand.

Sống chậm ở Khiva

Chuyến tàu đêm đưa tôi ngược về hướng Tây Bắc đến Urgench. Đây là thành phố mà Thành Cát Tư Hãn khó khăn lắm mới chiếm được sau khi thôn tính Samarkand. Thành phố cũng chịu nhiều tổn thất nhất trong chiến tranh vì bị quân Mông Cổ thảm sát tàn bạo. Nhà học giả Ba Tư

Juvayni nhận định rằng trận chiến ở Urgench được xem là cuộc thảm sát đẫm máu trong lịch sử loài người. Tuy nhiên, trải qua hàng ngàn năm, các di tích lịch sử ở thành phố không còn nguyên vẹn. Tôi quyết định lướt qua thành phố lịch sử này để đến Khiva ngay cũng vì anh chàng Alex khuyên tôi nên dành nhiều thì giờ “sống chậm” ở đây. Đã rất nhiều chặng đường tôi phải cố tranh thủ thời gian bằng việc di chuyển ngày đêm nên lần này tôi sẽ thông thả khám phá cuộc sống bình thân ở một thành phố cổ như Khiva. Tàu đến ga Urgench khá hiện đại do được chính phủ nâng cấp gần đây. Tôi nhanh chóng di chuyển ra ngoài sân đến và không khó để tìm một xe buýt địa phương về thẳng nhà trọ ở Khiva.

Thành phố Urgench với một vài tòa cao ốc hiện đại nhanh chóng bỏ lại phía sau. Chiếc xe buýt cũ kỹ như thời những năm đổi mới ở Việt Nam chở chúng tôi qua con đường tỉnh lộ hẹp dưới bóng nắng của những hàng cây bạch dương. Những cánh đồng dưa tắm tấp hai bên đường nhường dần cho những vùng đất bán sa mạc với những bụi cỏ gai tua tủa. Xe dừng lại đôi lần để đón và trả khách trên đoạn đường chưa đầy 30 km. Vùng đất Khiva màu mỡ dần hiện ra trước mắt tôi là hình ảnh của một bức tranh làng quê đang vào mùa thu hoạch.



Toàn cảnh thành phố cổ Khiva.

Khiva là thị trấn biên giới gần với Turkmenistan với khoảng năm mươi ngàn dân sinh sống. Nó nằm giữa ốc đảo Khorezm với sa mạc cát đen Karakum phía Tây và sa mạc cát đỏ Kyzyl Kum phía Đông và không xa là con sông Amu có dòng chảy xiết. Giống như các thành phố cổ Samarkand và Bukhara, Khiva là một di tích lịch sử quan trọng trên Con đường tơ lụa, nằm trên phần phía Nam của vùng đồng bằng Amu Darya và là điểm dừng chân cuối cùng cho các đoàn lữ hành trước khi băng qua sa mạc Karakum để đến Ba Tư.

Xe buýt dừng lại điểm đỗ sau cùng sát ngay hệ thống tường thành đồ sộ ở Khiva. Nhà trọ của tôi chỉ cách trạm xe buýt khoảng 200 mét và có vị trí đối diện với cổng chính phía Tây vào khu

di tích. Khiva ngày nay được chia thành hai phần: thành phố cổ Ichon-Qala hay còn gọi là Itchan Kala, khu vực này nằm trong vòng tường thành cao với hơn 50 di tích lịch sử và 250 ngôi nhà cổ bên trong, và thành phố mới Dichon-Qala nằm bên ngoài tường thành nơi nhà nghỉ tôi tọa lạc.



Cuộc sống bên ngoài thành cổ Khiva.

Nhân viên nhà trọ đón tôi là một bạn trẻ tầm ngoài hai mươi tuổi tên là Amur. Cậu ấy giúp tôi mang hành lý lên phòng và cung cấp thông tin về các dịch vụ trong khu trọ. Tôi chọn loại phòng gồm sáu giường ngủ để tiết kiệm thêm 5 đô-la Mỹ thay vì ở một phòng riêng. Phòng ốc sạch sẽ được trải những tấm ráp giường trắng tinh, thơm tho mùi bột giặt. Thật ra, đây là khu nhà trọ

được Alex gọi điện đặt cho tôi từ hôm trước. Đã đến Khiva rồi nhưng tôi vẫn ngậm ngùi vì vẫn chưa mở được lá thư bí ẩn mà Alex trao. Ngày mai tôi mới có thể xem bên trong lá thư ấy là gì. Phải là một ngày trọn vẹn tôi sống ở Khiva kia.

Tôi bắt đầu dạo quanh tường thành ở Khiva khi mặt trời xuống dần treo trên đỉnh tháp. Ngay từ đầu, lịch sử của Khiva có nhiều điều khiến tôi phải chú ý. Từ thế kỷ thứ IV sau Công nguyên, khi đó vùng này gọi là thị trấn Choresmia với vị trí địa lý gần nguồn nước của sông Amu đã làm cho đất đai nơi đây phì nhiêu hơn các vùng khác. Hoạt động canh tác thuận lợi làm cho Khiva trở thành vùng đất trù phú với những cánh đồng cỏ để chăn nuôi gia súc, những khu vườn trồng cây trái xanh rì, và những cánh đồng hoa màu bạt ngàn. Khiva lần đầu tiên bị những người Ả Rập xâm chiếm năm 712 và sau đó bị thôn tính bởi Đế quốc Mông Cổ. Đến năm 1388 Đại đế Timur đã sáp nhập thành phố vào vương quốc của mình. Năm 1510, Khiva chịu sự cai trị bởi triều đại Safavids hùng mạnh của Ba Tư. Một năm sau đó, nhóm người Uzbek tổ chức những cuộc nổi loạn chống lại đế chế Ba Tư và thành lập nhà nước như một Hãn quốc của đế chế Mông Cổ trước đây. Năm 1619, Hãn quốc Astrakhan đã chọn Khiva là kinh đô cho đế chế của mình. Mãi đến tận năm 1917, Khiva là thị trường nô lệ quan trọng ở Trung Á. Năm 1967, Khiva trở thành bảo tàng di sản của Uzbekistan bởi những di tích lịch sử hiếm có được bảo tồn khá nguyên vẹn. Một số vấn đề tệ nạn như trộm cướp, nạn buôn bán nô lệ đã được kiểm soát bởi các luật lệ nghiêm khắc từ thời Xô Viết. Khiva như được hồi sinh sức sống. Người dân lại quay về quần cư sinh sống ở một thành phố có bề dày lịch sử này. Họ thường tổ chức lễ cưới truyền thống ở Itchan Kala như mong muốn xua tan bóng đen u ám của lịch sử ẩn khuất sâu trong lớp tường thành bằng nguồn ánh sáng hạnh phúc giăng phủ trên các đỉnh tháp cao ở Khiva.

Trước mặt tôi giờ đây, phía bên phải của cổng thành chính là bảng pano cực lớn, trên đó vẽ bản đồ về dự án Con đường tơ lụa. Những thành phố quan trọng trên hệ thống con đường được chấm đen rất rõ như Esfahan, Mashhad, Merv, Bukhara, Samarkand, Khiva, Tashkent, Bishkek và đến tận Kiev ở Ukraine hay Arga ở Ấn Độ. Dự án nhằm khôi phục các giá trị văn hóa trên tuyến đường thương mại cổ xưa danh tiếng này. Hiện nay, hệ thống Con đường tơ lụa bước đầu chỉ được công nhận là di sản văn hóa thế giới từ Tân Cương theo dãy hành lang Thiên Sơn đến các di tích thuộc Kyrgyzstan và Kazakhstan. Hàng loạt các quốc gia Trung Á khác đang tích cực hoàn thiện hồ sơ, trùng tu những công trình kiến trúc, phục hồi các giá trị văn hóa để tiếp tục được thế giới công nhận. Điều này sẽ thúc đẩy không chỉ việc bảo tồn các di chỉ nghìn năm tuổi, mà còn giúp các nhà khoa học giải mã những câu chuyện bí ẩn trên hệ thống Con đường tơ lụa đã đi qua. Dự án còn là một cơ hội cho ngành du lịch của những quốc gia Trung Á khởi sắc, nơi đời sống còn thật sự khó khăn khi chỉ dựa vào một số ngành xuất khẩu chủ lực. Xa hơn nữa, việc liên kết du lịch giữa các quốc gia Trung Á còn là cái cớ để các nước xích lại gần hơn khi mà

quan điểm về chính trị, biên giới, văn hóa, tôn giáo vẫn còn ít nhiều bất đồng do thời kỳ trước để lại. Các giá trị di sản đã đi qua trên hệ thống con đường này thật sự đã làm tôi ngỡ ngàng về mọi thứ. Tuy những công trình kiến trúc về quy mô không như Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc, không huyền bí, tinh tế như Petra của Jordan hay không lừng lẫy như lâu đài Taj Mahal của Ấn Độ nhưng chúng lại cho thấy sự vươn lên mọi khó khăn của con người giữa những sa mạc hoang vu hay những dãy núi đá cao hiểm trở.

Tôi dạo quanh bên ngoài tường thành của Itchan Kala. Đó là những khu nhà dân có kiến trúc bằng gạch được tô lớp vữa bùn trộn với rơm cho thích nghi với thành cổ. Những khu nhà khá yên ắng, tĩnh mịch. Chỉ có một vài trẻ nhỏ nói cười ríu rít khi thấy người khách lạ đang tò mò ngắm chúng hay thăm soi khu nhà chúng ở. Một vài ngôi nhà được người dân sử dụng để làm dịch vụ homestay cho khách du lịch nước ngoài. Ở đây, họ sống chủ yếu dựa vào du lịch. Một số hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú, một số khác có quầy hàng lưu niệm trong khu thành cổ Itchan Kala, một số khác mở nhà hàng với những món ăn địa phương thu hút khách nước ngoài. Tuy nhiên, nhìn những em bé đang chơi đùa tôi cũng đủ nhận ra cuộc sống của chúng cũng không quá đầy đủ. Những món đồ chơi rẻ tiền, quần áo lấm lem cho thấy cuộc mưu sinh của cha mẹ chúng. Đây là mùa du lịch thấp điểm vì thời tiết quá nóng ở Khiva. Hầu như chỉ có dân du lịch bụi mà khả năng chi tiêu của họ còn hạn chế do tiết kiệm hơn những đoàn khách rủng rỉnh tiền từ các hãng lữ hành. Những đoàn khách du lịch thừa thớt vào khu vực thành cổ cũng là lý do làm cho cuộc sống của người dân ở đây bấp bênh, không ổn định.

Hoàng hôn lại sắp phủ kín Itchan Kala. Tôi nhanh chóng trở về phòng trọ, mở toang cánh cửa sổ từ phòng ngủ để hít thở những con gió chiều hiếm hoi. Pha tách trà quế, tôi ra ngoài ban công nhìn về thành cổ rực sáng dưới ánh đèn vàng. Hồi hộp mở lá thư và chờ đợi. Trong đó có thể là một bài thơ, một câu chuyện, hay một bức ảnh bí mật nào đó của chúng tôi chẳng?! Thật bất ngờ. Thì ra, họ muốn tôi dành một ngày trọn vẹn để giới thiệu về một người họ hàng của Jen ở Khiva. Đó là ông chú họ sinh sống trong khu vực thành cổ cùng cô con gái 19 tuổi. Cô bé đang học đại học ở Samarkand. Ông góa vợ gần 10 năm và sống bằng nghề làm những con rối bằng tay truyền thống từ khi còn nhỏ. Một nghề gia truyền của người Khiva. Jen muốn tôi đến chỗ ông để trò chuyện và hiểu thêm về cuộc sống hiện tại của người dân bên cạnh những di tích lịch sử nổi tiếng có tuổi đời cả ngàn năm. Bên trong phong thư Jen còn cẩn thận đặt một phong thư nhỏ khác nhờ tôi gửi cho ông chú khi gặp mặt. Jen đã hướng dẫn tôi rất rõ khi vào khu vực thành cổ để tìm nơi ở của ông. Một món quà quý mà tôi chưa từng nhận được trong hành trình này. Đêm nay, tôi sẽ cố vẽ để gửi tặng lại cho Jen một bức ảnh để tỏ lòng biết ơn đôi bạn ấy và chờ đợi một ngày sống chậm ở Khiva vào sớm mai.

Ngày hôm sau, tôi dậy thật sớm đón những tia nắng đầu tiên len lỏi qua các tòa tháp của

Itchan Kala mặc dù hôm qua ngủ muộn với biết bao cảm xúc đông đầy. Amur đang hý hoáy chuẩn bị bữa ăn sáng cho các lữ khách trong khu nhà trọ. Bữa sáng của tôi được xếp chung với nhóm bạn trẻ người Nga. Họ vừa đến Khiva chiều qua và thuê hẳn một phòng riêng để lưu trú. Chúng tôi làm quen với nhau thì biết nhóm bạn này ở Moscow và đã từng qua Nha Trang mùa hè năm trước. Họ kể cho tôi nghe chuyện đi thú vị ở Việt Nam khi được đắm mình trong những bãi biển đẹp ở vịnh Nha Phu, lặn ở Hòn Mun, tắm bùn khoáng trên đảo và thưởng thức món nem cuốn trứ danh của Ninh Hòa mà họ đã quên tên gọi của nó. Mỗi năm họ đều dành những ngày nghỉ phép của mình để đi du lịch. Năm nay, họ đến Uzbekistan trong chuyến nghỉ dưỡng một tuần của mình. Theo lời họ kể, người Nga thường đi du lịch các nước thuộc Liên Xô cũ vì sự khác lạ về cảnh quan, văn hóa, tôn giáo và đặc biệt là họ có thể sử dụng tiếng Nga trong giao tiếp với người địa phương. Tôi thấy họ nói chuyện với Amur giống như những người bản địa. Hầu như các quốc gia Trung Á đều có tiếng nói riêng, nhưng người dân ở đây đều nói sõi tiếng Nga do từ thời liên bang Xô Viết. Các bạn trẻ ở các quốc gia Trung Á cũng ảnh hưởng đa phần từ nước Nga bởi làn sóng du nhập văn hóa như sách, thời trang, điện ảnh, băng đĩa nhạc tràn ngập ở đây. Ngay cả những tài xế cũng mở những đĩa nhạc Nga trên xe taxi hay xe buýt để phục vụ hành khách.

Tôi cầm thư của Jen và bắt đầu dò dẫm vào thành cổ Itchan Kala tìm người chú họ. Itchan Kala rất rộng với diện tích tầm 30 ha được bao quanh một vòng tường thành hình chữ nhật cao khoảng từ 8 đến 10 mét, bề dày từ 6 đến 8 mét với chu vi 2.200 mét. Vòng tường thành bằng gạch bùn với 40 pháo đài kiên cố được xây dựng với khoảng cách đều đặn bên trên. Xưa kia, những pháo đài này là nơi của đội lính canh hùng hậu quan sát mọi hoạt động ra vào thành phố. Itchan Kala có bốn cửa được đặt theo bốn hướng: Bachtscha Darwase ở phía Bắc dẫn đến Urgench, Palwan Darwase ở phía Đông giáp với khu chợ địa phương và con sông Amu huyết mạch, Dascht Darwase ở phía Nam đối mặt với sa mạc Karakum, và Ata Darwase ở phía Tây dẫn đến pháo đài Kunya-Arch. Ngày nay hầu hết các du khách tham quan Itchan Kala bằng cổng phía Tây được xây dựng lại vào năm 1975 sau khi cổng nguyên bản đã bị phá hủy năm 1920 để xây dựng những con đường dành cho xe cơ giới chạy vào thành phố. Cổng phía Bắc trước đây là những công trình bảo vệ kiên cố được xây dựng như những trạm kiểm soát hải quan cho các đoàn thương nhân đến từ Urgench. Về phía Nam, cổng được xây dựng từ những năm 1830, trước đây là điểm đến cho các đoàn lữ hành từ khu vực Caspian, băng qua sa mạc Karakum để tiến vào thành phố. Cổng được xây dựng lại trong triều đại của Allah Kuli Khan bao gồm một bốt canh sát và hải quan. Về phía Đông theo hướng mặt trời, cổng là nơi những tuyên ngôn của Hoàng gia đã được công bố vào đầu thế kỷ XIX và đã từng là lối vào chợ nô lệ. Những cánh cổng trước đây thường được đóng kín bởi lo sợ những cuộc xâm chiếm, phá phách của dân du mục và những cơn bão cát từ sa mạc Karakum thổi vào.

Tôi tiến vào Itchan Kala từ cổng phía Tây theo trục đường xương sống dẫn đến khu chợ địa phương ở cổng đối diện phía Đông. Itchan Kala có hơn 200 công trình lớn nhỏ hầu hết được xây dựng từ thế kỷ XVIII và XIX. Những công trình được sắp xếp hai bên trục trung tâm khiến tôi liên tưởng đến sợi dây lịch sử còn phảng phất qua những nét điêu khắc cũ mới đan xen trên các cung điện, đền đài, lăng tẩm, các tòa tháp hay thánh đường tôn giáo tôn nghiêm. Ở thời điểm này, một số các công trình ở Itchan Kala đã định hình một lối kiến trúc đặc trưng ở ốc đảo Khoresm, bởi đường nét hoa văn tinh tế, nghệ thuật khảm, điêu khắc đồ sành, gỗ, đá cẩm thạch và thạch cao. Một số cây cột bằng gỗ to lớn được điêu khắc cầu kỳ trong các ngôi đền, những hoa văn trang trí trên những mái vòm trong cung điện, thánh đường cho thấy nghệ nhân Khiva xưa đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao trên thế giới. Những cột tháp khổng lồ được khảm men với hoa văn đều đặn như thảm dệt, cách phối màu gạch lam đậm nhạt trong tổng thể xanh đặc trưng như tan vào màu trời xanh ngắt của Itchan Kala. Cái hồn của Itchan Kala không chỉ những công trình kiến trúc độc đáo này mà còn là những con hèm cụt len lỏi trong các công trình. Những ngôi nhà địa phương với vài cây lựu trước hiên, những tấm chắn rực rỡ màu sắc được phơi sau nhà để đón những ánh nắng sớm mai đã thổi hồn bức tranh tĩnh mịch của Itchan Kala.



Những con rối nhiều màu sắc ở Khiva.

Tôi theo hướng dẫn của Jen và không khó để tìm đến nơi sinh sống của ông chú họ. Đó là một ngôi nhà thấp, bề ngang chừng 3 mét, nằm góc phải của thành cổ, kề sát khu chợ ở cổng phía Đông. Phía trước nhà treo hàng trăm con rối lớn nhỏ nhiều màu sắc cùng với cây lựu quen thuộc có chừng chục quả đỏ trước sân. Tôi bước vào bên trong nhưng phải cúi đầu để tránh va phải những con rối được treo lủng lẳng từ phía trên trần nhà. Một người đàn ông chừng 60 tuổi, dáng người ốm trong trang phục truyền thống Hồi giáo với áo vạt dài quá gối và đội mũ trên đầu đang

dùng cộ trang trí cho những con rối của mình.

- Chú có phải là Baxrom?
- Tôi là Baxrom, có người giới thiệu anh đến xem các con rối à?
- Vâng, cháu là bạn của Alex và Jen. Jen có gửi cho chú lá thư đây.

Chú Barro tạm ngưng công việc để nhận lá thư từ tôi. Ông mở ra đọc rồi nhìn tôi cười hiền. Dường như chú Baxrom hiểu được mọi chuyện. Có thể trong thư là lời giới thiệu của Jen về tôi cho ông chú của cô ấy.

- Chú Baxrom không nhận thêm học trò à?
- Có đấy anh bạn, tôi cũng có nhận vài ba đứa nhỏ trong xóm để truyền nghề. Nhưng buổi sáng chúng nó đi học cả nên anh bạn chỉ thấy mình tôi ở đây.
- Cháu chưa có dịp gặp con gái chú ở Samarkand, cô bé học ngành gì thế chú?
- Y tá anh bạn ạ, cũng là nghề liên quan đến bệnh viện, phòng khám như cậu Alex. Anh bạn dùng trà nhé, tôi thì ngày nào cũng làm vài ấm để còn tỉnh táo làm vài chục con rối một ngày.
- Dạ, cảm ơn chú!



Nghệ nhân đang tạo hình cho những con rối.

Tôi đảo mắt một vòng quanh căn nhà, có rất nhiều những con rối được sắp xếp, bày biện như một phòng triển lãm thu nhỏ. Một thế giới của rối nhỏ, rối to, rối nam, rối nữ, rối thể hiện các nhân vật từ hiện đại đến những ông hoàng bà chúa xưa kia, từ những người dân thường ngày đến những vị thần linh thần bí. Tất cả đều được sơn phết bằng những màu sắc sống động, đầy tính nghệ thuật. Những con rối chủ yếu làm bằng giấy báo cũ, trộn với lớp hồ, phơi một thời gian cho khô lại rồi được nghệ nhân tạo hình, trang trí. Lớp hồ làm cho con rối cứng cáp không khác gì được nung đúc bằng thạch cao.

- Ở Bukhara cháu thấy rất nhiều các mặt hàng lưu niệm, nhưng hầu như không có loại rối làm bằng giấy như của chú?
- Đây là sản phẩm đặc trưng ở vùng này đây. Khiva từ xưa đã là vùng đất nổi tiếng về thủ công mỹ nghệ đặc biệt là nghề làm những con rối truyền thống này. Ngoài rối giấy ra thì Khiva cũng rất có tiếng về nghề vẽ tranh và chạm khắc trên gỗ và sứ. Thật ra, tôi cũng là một nghệ nhân điêu khắc gỗ, một vài công trình trùng tu của nhà nước trong khu vực này tôi cũng góp phần. Nhiều người như chúng tôi chuyển đổi qua làm các sản phẩm lưu niệm cho khách du lịch khi số lượng khách đến Khiva ngày một nhiều. Tôi thì có may mắn là được truyền nghề từ gia đình khi còn bé. Tôi cũng thích nghệ thuật và làm những công việc lọ mọ như thế này.
- Cháu thấy rất nhiều công trình kiến trúc không chỉ ở Khiva mà còn ở Samarkand hay Bukhara được xây dựng mà không thiếu các cột gỗ được điêu khắc tinh tế. Chắc hẳn cũng xuất phát từ nghề điêu khắc chạm trổ ở Khiva?
- Hội nghệ nhân ở Khorezm duy trì và phát triển nghệ thuật chạm khắc trên gỗ và sứ khắp cả nước đây anh bạn. Điểm đặc biệt của nghệ thuật chạm khắc trên gỗ của Khiva là trang trí cửa, cột và các đồ gia dụng. Đa phần các nghệ nhân điêu khắc trên chất liệu gỗ được trồng tại địa phương.



Hàng cột gỗ trong nhà thờ Djouma tương truyền là nơi dùng để cột ngựa của Thành Cát Tư Hãn khi xâm chiếm Khiva.

Ngày nay, trong chính sách khôi phục trùng tu các công trình cổ trên toàn lãnh thổ Uzbekistan, các nghệ nhân được chính phủ trọng dụng để tôn tạo các công trình kiến trúc quý hiếm như các cung điện, nhà thờ hay các công trình quan trọng của nhà nước. À, anh bạn có thể tham quan nhà thờ Hồi giáo Djouma ở khu vực trung tâm của Itchan kala thì sẽ thấy 218 cây cột được trạm trổ công phu, hoa văn trang trí không cây nào giống cây nào. Có một điều thú vị là trước đây nhà thờ này đã không bị Thành Cát Tư Hãn tàn phá khi ông kéo quân qua đây, chỉ đơn giản bởi vì ông dùng những cây cột này để buộc ngựa.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau hàng giờ trong khi chú Braxom làm riêng cho tôi một con rối thể hiện hình tượng Đại đế Timur oai phong lẫm liệt. Sau đó, chú còn hướng dẫn tôi tự sơn phết, đính hạt, kết lông, đội mũ cho “vua.” Chú bảo, thông thường những công đoạn tạo hình, vẽ mặt là do người nghệ nhân chính thực hiện. Đây là khâu quan trọng để tạo ra những con rối có nét độc đáo riêng, không con nào giống con nào. Mỗi nghệ nhân sẽ có cách tạo hình về dòng rối theo phong cách bí truyền riêng của họ, không lẫn lộn với những nghệ nhân khác. Các công đoạn còn lại sẽ do học trò đảm nhiệm cho đến khi hoàn thành tác phẩm. Trong khi hướng dẫn tôi thao tác thì chú Braxom đã tạo hình thêm năm con rối nữa. Đoạn chú trầm tư thờ dài và nói: “Giá như con bé cũng đam mê cái nghề của cha nó!” Tôi chỉ biết an ủi chú rằng nghề y cũng rất tốt, ít nhất là ổn định cuộc sống cho tương lai và không bấp bênh như nghề làm rối truyền thống. Bởi tôi thấy từ sáng đến giờ rất ít khách du lịch đến ghé cửa hàng rối của chú. Ông chú cười gượng: “Tôi biết chứ, nhưng nghề truyền thống của tổ tiên mà không giữ gìn thì cũng xót lắm anh bạn ạ!”



Một gia đình đang cầu nguyện cạnh thánh đường Hồi giáo nhỏ ở Khiva

Không quá rộng và nhiều góc ngách như Bukhara, nhưng Itchan Kala lại ngồn ngộn khoảng thời gian của tôi để hồi tưởng lại một không gian xưa qua từng lối đi, từng hoa văn họa tiết trên những công trình cổ, ngồi hàng giờ bên một thánh đường nhỏ nghe người địa phương đọc kinh, cầu nguyện hay lang thang, trò chuyện với các cô bé, cậu bé bán những tấm bưu thiếp rẻ tiền. Với tôi, Itchan Kala là một báu vật trong hành trình khám phá của mình ở Uzbekistan.

Dự đám cưới ở Tashkent

Chuyến tàu đêm cuối cùng ở Uzbekistan đưa tôi đến thủ phủ Tashkent ở phía Bắc. Tôi chọn hostel có vị trí nằm gần nhà ga xe lửa để tiện hành trình đến Osh vào ngày hôm sau. Hostel xinh

xắn, được trang trí bằng hàng nghìn chữ ký, biểu tượng, câu chào của hàng trăm thứ tiếng trên những mảng tường rất chất theo phong cách du lịch bụi. Anh chàng chủ hostel với mái tóc xoăn, dài ngang vai thông báo cho tôi là *dorm* đã hết. Chỉ còn có hai lựa chọn là tôi có thể ngủ trên tầng gác lửng hoặc trong một phòng riêng được trưng dụng từ phòng thể thao của nhà trọ. Ngủ gác lửng thì giá là chín đô-la Mỹ còn phòng riêng tôi phải trả 20 đô-la. Dĩ nhiên là tôi sẽ chọn cách thứ nhất để tiết kiệm. Và lại, tôi chỉ ở một đêm tại Tashkent, mai tôi lại tìm đường đến với Kyrgyzstan bằng đường bộ rồi.

Atai là cô bạn tôi vừa quen ở hostel. Cô nàng 28 tuổi nhưng trông khoảng ngoài 20 bởi đôi mắt một mí trẻ trung. Cô ấy giới thiệu với tôi là người New Zealand gốc Malaysia. Cô và gia đình đã định cư ở New Zealand từ khi cô nàng bé xít. Hiện giờ Atai đang nghỉ việc để lên kế hoạch đi vòng quanh thế giới một năm. Cô cũng vừa ở Iran ba tuần trước khi bay đến thủ đô Tashkent. Cả hai chúng tôi vừa trải qua khoảng thời gian đẹp ở Iran nên tranh thủ kể cho nhau nghe những kỷ niệm ở đây. Chúng tôi cứ hỏi qua lại với nhau là đã sử dụng phương tiện di chuyển gì, có gặp khó khăn nào ở Iran không, người dân giúp đỡ như thế nào. Quả thật, cô nàng có cả những trải nghiệm mà tôi chưa từng thử ở Iran. Atai bỏ nhỏ cho tôi biết cô là thành viên của một hội kín về tôn giáo ở Iran, chủ yếu liên hệ thông qua những trang mạng xã hội và email. Ở Iran có rất nhiều hội kín như thế, chủ yếu họ tuyên truyền những vấn đề về tôn giáo, bình đẳng giới, nhân quyền và một số vấn đề chính trị. Tất nhiên để có thể tham gia, Atai đã đôi lần dò xét kỹ lưỡng những tiêu chí hoạt động của hội, sự an toàn hay giúp đỡ của họ trong trường hợp cô nàng đến Iran. Theo Atai, ban đầu cô cũng có phần lo lắng nhưng sự nhiệt tình thân thiện trong lần gặp gỡ đầu tiên tại sân bay với các thành viên trong hội làm cô nàng an tâm hơn. Atai quyết định nhận sự giúp đỡ của họ cho những ngày tiếp theo ở Iran. Các thành viên thay phiên hỗ trợ cô về mọi thứ từ chỗ ngủ, ăn uống, đến đưa đi tham quan một số nơi trong thành phố. Tất nhiên Atai cũng được tham dự những buổi nói chuyện về tôn giáo ở quốc gia này. Nghe Atai kể mà tôi khâm phục vô cùng. Một cô gái trẻ, nhiệt huyết, dám thực hiện ước mơ của mình nhưng điều cốt lõi vẫn là việc cô nàng được đào tạo bởi một hệ thống giáo dục bài bản. Ngay từ nhỏ, họ đã được trang bị khả năng tự lập những kỹ năng xử lý các tình huống trong mọi hoàn cảnh. Vì thế, họ có một thái độ tự tin khi thực hiện những chuyến du lịch bụi có nhiều rủi ro. Tôi cũng chia sẻ với cô ấy về lần trải nghiệm ở New Zealand vào độ thu về lãng mạn và êm đềm như thế nào. Những thành phố rợp bóng lá vàng, lá đỏ, trời trong xanh ngấn ngát làm cho tôi lãng đãng một thời. Tôi nói đùa với Atai rằng, nếu chọn một nơi nào đó trên thế giới này để tận hưởng tuổi già thì tôi không ngần ngại chọn New Zealand, đất nước của cô ấy. Cô nàng cười tí mắt và cho tôi biết một bí mật. Sau hành trình qua Trung Á, đến Mông Cổ rồi Trung Quốc, cô ấy sẽ ngược xuống Việt Nam. Nhưng có thể là sau ba hay bốn tháng nữa. Lịch trình những người du lịch bụi thì luôn biến động. Tôi hiểu điều đó.

- Anh tư vấn giúp em nên thăm thú gì ở Việt Nam?

Tôi như mở cờ trong bụng vì vợ được một câu hỏi quen thuộc của các bạn trẻ trong các buổi tư vấn về du lịch. Tôi lẩm nhẩm, nếu ba tháng sau khi Atai đến Việt Nam thì lúc đó Hà Nội đang bước vào thu chẳng? Tôi hỏi lại Atai để tư vấn cho phù hợp.

- Vậy tháng Mười hay Mười một Atai sẽ qua Việt Nam đúng không?”
- Có thể anh à? – Cô nàng cười khẽ.
- Nếu từ Trung Quốc, em có thể đi bằng đường bộ qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai, biên giới giữa Trung Quốc và Việt Nam bằng đường bộ rất dễ dàng, từ đó bắt đầu hành trình khám phá Việt Nam từ phía Bắc. Mà Atai dự định ở Việt Nam trong bao lâu?
- Em cũng chưa biết nữa, anh tư vấn đi? – Atai riu rít hỏi.

Tôi lại tiếp tục luyện thuyên như một tên dẫn tour chuyên nghiệp.

- Anh nghĩ em tham quan ba tuần ở Việt Nam nhé. Việt Nam có chiều dài trải qua những địa hình khác nhau nên hình thành cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, phong tục tập quán và con người mỗi nơi có nét đặc trưng riêng. Mỗi miền một tuần để có cái nhìn tổng thể về đất nước và con người Việt Nam.

Thấy Atai chăm chú lắng nghe tôi lại cao hứng:

- Sau khi em đến Việt Nam, hãy tham quan vùng núi phía Bắc của Việt Nam qua các địa danh như Sapa, Sơn La. Em có thể thuê xe gắn máy đến Hà Giang để chiêm ngưỡng những ruộng bậc thang tuyệt đẹp hay những cánh đồng hoa tam giác mạch phủ tím hồng cả những sườn đồi. Em có thể ở nhà những người đồng bào dân tộc để trải nghiệm thật sự về cuộc sống của họ. Việt Nam có 54 dân tộc, có tiếng nói, phong tục tập quán khác nhau nên đây là một khám phá thú vị cho khách nước ngoài. Sau khi về lại Hà Nội, Atai nên đi bộ khám phá thủ đô vào mùa thu, thưởng thức các món ăn đặc sản và hít mùi thơm của hoa sữa. Ngoài ra em nên dành một ngày để khám phá danh thắng Tràng An ở Ninh Bình, cách Hà Nội khoảng 90 km. Phong cảnh trữ tình ở đây khiến em sẽ làm thơ cho xem?
- Ôi trời ơi, làm thơ ư? – Atai phá lên cười lớn lộ rõ chiếc răng khểnh rất duyên.
- Chứ sao, vì thiên nhiên ở đây rất lãng mạn. À, hãng phim Mỹ ở Hollywood đã lựa chọn nơi này để quay bộ phim *Peter Pan* đình đám hay phần hai *Kong: Skull Island* của siêu phẩm *Kinh Kong* đấy!

Tôi tiếp tục bô lô bô la về kế hoạch khám phá của Atai trong thời gian tới ở Việt Nam. Cô

nàng không biết nói gì ngoài việc lặp đi lặp lại những từ “*oh my God*” hay “*really*” để bày tỏ sự ngạc nhiên và thích thú của mình. Có lẽ cô nàng đã bị hạ gục bởi một kế hoạch khám phá Việt Nam mà tôi đề nghị. Đối với những chuyến du lịch bụi như thế này tôi cũng như những đồng nghiệp khác luôn muốn kết bạn làm quen với những con người trẻ có niềm đam mê khám phá thế giới. Các bạn ấy dám nghĩ dám làm và quyết tâm thực hiện những ước mơ của mình. Đôi khi, cuộc nói chuyện ngoài việc làm quen, chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm, thậm chí giết chết thời gian trong lúc chờ đợi tàu còn là một cuộc hội ngộ để tìm kiếm những niềm đam mê đồng điệu, niềm đam mê khám phá thế giới xung quanh. Chúng tôi tạm gác câu chuyện về chuyến đi Việt Nam sắp tới vì nghĩ rằng cái gì cũng có cái duyên của nó. Không phải chuyện đơn giản mà tôi có được điểm phúc kết bạn đồng hành trên chuyến đi với bất kỳ ai đó. Thế giới thì rộng lớn bao la nên tất cả các cuộc gặp gỡ đều có do thiên định. Tôi và Atai hẹn nhau buổi chiều chúng tôi sẽ đi khám phá Tashkent để hôm sau, tôi lên đường đi Osh, còn cô nàng tiếp tục những ngày độc bước ở Uzbekistan.

Thủ đô Tashkent là thành phố đông dân nhất của Uzbekistan. Nơi đây thu hút nhiều người nước ngoài sinh sống và làm việc chủ yếu đến từ khu vực Trung Á. Tên của thành phố bắt nguồn từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, trong đó “Tash” có nghĩa là “đá” và “Kent” có nghĩa là “thành phố.” Tashkent được hiểu là “*Thành phố Đá*.” Tuy nhiên, có một số tài liệu cho rằng “Tash” trước kia bắt nguồn từ chữ “Chanh” mà sau này được chuyển hóa thành chữ “Tash” trong tiếng của người Ả Rập vì trong ngôn ngữ và chữ viết của họ không có chữ “H” và sự phối hợp các ký tự tạo nghĩa trong tiếng của người Thổ.



Nhà thờ Hồi giáo trung tâm ở thủ đô Tashkent.

Nằm ở phía đông, dưới chân của dãy núi Thiên Sơn, Tashkent nằm gọn trong thung lũng Chirchik ở độ cao 440-480 mét so với mực nước biển. Đây là điểm dừng chân lấy sức của đoàn thương nhân lạc đà khi vượt qua những dãy núi cheo leo hiểm trở. Vì thế Tashkent đã có lịch sử hơn 2.500 năm. Những di tích cổ xưa hầu như không còn bởi những biến cố lịch sử và quá trình đô thị hóa ở một thủ đô đông dân nhất khu vực Trung Á. Các công trình kiến trúc cổ dần bị thay thế bởi những con đường hiện đại, các công viên cây xanh, hệ thống giao thông ngầm hiện đại hay những tòa nhà cao tầng dần xuất hiện nhiều ở khu vực trung tâm.

Đâu đó chỉ là các kiến trúc Hồi giáo đặc trưng đã được trùng tu mới hoặc vừa mới xây dựng trong những năm gần đây. Chúng tôi ra khu chợ Chorun nổi tiếng bằng xe điện ngầm với giá vé một *som* cho một lần lên xuống tàu. Đây là một trong những hệ thống xe điện ngầm duy nhất ở các quốc gia Trung Á được Liên Xô hỗ trợ xây dựng trong thời kỳ Xô Viết. Được khánh thành năm 1977, thời kỳ tái thiết thành phố sau trận động đất lịch sử 1966, ga tàu được thiết kế như một cung điện nguy nga, tráng lệ nằm sâu trong lòng đất. Tất cả hệ thống mái vòm của nhà ga chính đều được khảm cầu kỳ với những hoa văn Hồi giáo đặc trưng để phân biệt hệ thống xe điện ngầm nổi tiếng ở Moscow hay Saint Petersburg của Nga. Chúng tôi dạo quanh khu vực chợ có kiến trúc mái vòm hình nấm, mỗi tai nấm lớn là những khu chợ bán những sản phẩm đặc trưng riêng như khu thực phẩm tươi sống; khu chợ rau, hoa quả; khu chợ quần áo, mỹ phẩm; khu chợ bánh kẹo, thực phẩm khô đều được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nằm trong quần thể chợ Chorom nổi tiếng ở thủ đô. Cả hai tiếp tục định bắt taxi đến khu phức hợp đền thờ Hồi giáo của thành phố thì nghe vang vang đâu đó tiếng kèn trống phát ra từ khu phố ven đường. Chúng tôi tò mò lần theo những âm thanh vui nhộn đó trong một con hẻm rộng. Thì ra đó là một đám cưới địa phương.



Atai trong một gian phòng của nhà gái.

Cũng giống như ở Turkmenistan hay Iran, chúng tôi được chào đón như những người thân bởi những người dân hiếu khách. Những người hàng xóm thì vây quanh chúng tôi để chỉ trỏ và hỏi han. Một ông lão người nhỏ thó, ăn mặc trịnh trọng với áo sơ mi trắng, quần xếp ly thẳng thớm và mang đôi giày Tây bóng lộn. Ông đội chiếc nón của người Hồi được trang trí hoa văn nhũ vàng đẹp mắt. Ông kéo tay chúng tôi vào nhà mà sau đó một vài quan khách giới thiệu cho chúng tôi biết ông chính là vị trưởng tộc bên nhà gái. Ông lão dẫn chúng tôi đi hết phòng này đến phòng khác để xem mọi người chuẩn bị cho giờ phút long trọng nhất của lễ cưới đó là nghi thức rước dâu. Atai thì được dẫn vào phòng cô dâu xem mọi người đang chuẩn bị cho một cô gái trẻ ở

Uzbekistan về nhà chồng như thế nào. Còn tôi, được dẫn vào khu vực chuẩn bị của chú rể. Anh chàng được một số bạn bè thân hữu giúp chỉnh sửa bộ trang phục để chuẩn bị giờ phút đón dâu. Nét mặt chú rể lộ rõ vẻ hồi hộp xen lẫn háo hức cho ngày trọng đại của đời mình. Sau đó, chúng tôi được mời vào phòng khách. Một gian phòng nhỏ được trải bởi tấm thảm màu đỏ thẫm, trang trí bởi những đường thêu hoa văn màu sắc tươi sáng. Chính giữa phòng đặt một chiếc bàn cao khoảng bốn tấc, dài ba mét, bên trên là những mâm hoa quả, chà là, bánh kẹo và những tách trà nghi ngút khói. Các cụ, các bà, các chị khoác lên mình những bộ trang phục truyền thống nhiều màu sắc với khăn trùm đầu được đính những chiếc nút cài kim loại óng ánh, sang trọng. Họ đang ngồi xung quanh bàn tiệc và dành những giây phút cầu nguyện cho đôi bạn trẻ. Các cụ vui vẻ cười nói rôm rả và mời chúng tôi ngồi vào bàn trò chuyện. Thật sự chúng tôi không biết tiếng Nga, nhưng những cử chỉ đón tiếp nồng hậu làm chúng tôi không còn khoảng cách với gia chủ. Atai nhờ tôi chụp một vài tấm ảnh cho cô ấy và các thành viên trong gia đình. Cô ấy bảo rằng đây có thể là kỷ niệm không quên của cô ấy trong chuyến đến Uzbekistan lần này. Chúng tôi lại được mời ra phía ngoài, nơi các mâm cỗ được dọn sẵn để thết đãi khách khứa của nhà trai. Chúng tôi được sắp xếp ngồi vào bàn của đội kèn trống. Những anh chàng trong độ tuổi 25 hay 30 gì đó, trên người đeo những chiếc kèn đồng khổng lồ, một đôi đàn gõ cổ dài, một vài người lớn tuổi thì khur khur những chiếc trống da đặc trưng nói cười vui vẻ.



Cô dâu trẻ chào tạm biệt mọi người trong chiếc ôm chúc phúc của vị Trưởng lão.

Buổi tiệc nhanh chóng kết thúc để đến với phần chính của tiệc cưới. Chú rể trẻ tiến tới phòng cô dâu, nắm tay nàng và tiến ra phía cửa. Cả hai bước đến gia đình nhà gái cúi đầu từ biệt. Tôi thấy mắt cô dâu bắt đầu ngấn lệ sau tấm voan che mặt khi ôm hôn thành viên trong gia đình. Những người lớn tuổi là hàng xóm hay khách mời chấp hai tay đưa lên trước mặt đọc kinh chúc

phúc cho bạn trẻ theo truyền thống đạo Hồi. Điệu nhạc *shashmaqam* truyền thống thường được hòa tấu trong các buổi lễ tiệc của người Uzbek lại trỗi lên mạnh mẽ theo từng bước đi của cô dâu chú rể. Không khí lễ cưới diễn ra trang nghiêm và mang không khí ấm cúng của gia đình. Lúc này, tôi thấy Atai quay mặt đi để tránh người khác thấy ánh mắt đỏ hoe vì xúc động. Tôi thì chăm chú lắng nghe những giai điệu rộn rã của dàn nhạc cụ đang bước theo lễ rước. Ông lão lại nắm lấy tay hầu ngỏ ý mời chúng tôi tham dự buổi tiệc cưới chính thức được tổ chức ở nhà hàng. Tôi và Atai nhìn nhau rồi từ chối khéo. Chúng tôi chỉ biết nói *salam* nhiều lần để bày tỏ sự chúc phúc của mình cùng lời cảm ơn về sự hiếu khách của gia chủ. Đoàn rước dâu lên những chiếc xe hoa màu trắng đã đậu sẵn phía trước con hẻm. Chúng tôi dõi mắt theo khi đoàn xe vội vã hòa vào những con phố chiều đông đúc ở Tashkent. Tôi hỏi nhỏ Atai: “Thế đám cưới ở Malaysia có như thế này không em?” Cô nàng khẽ lắc đầu: “Em rời Malaysia năm mười tuổi. Nhưng cũng nghe ba mẹ nói đám cưới giờ hiện đại hơn nhiều rồi, không truyền thống thế này đâu.” Quả thật cũng là những quốc gia Hồi giáo nhưng đôi khi phong tục tập quán mỗi nơi lại khác nhau. Đó cũng chính là điều thú vị mà trước đây tôi chưa từng nhận ra. Không phải việc du lịch đến các quốc gia Hồi giáo thì luôn chán ngắt vì sự đơn điệu, phong tục tập quán khắt khe, hay sự không cởi mở, thân thiện của người dân. Rõ ràng, mỗi chuyến đi, định kiến sẽ dần được tháo bỏ.

Tôi và Atai chậm bước trở về khách sạn giữa những hàng bạch dương đung đưa theo gió. Những chiếc lá vàng khẽ rơi bay lả tả trên con phố nhỏ ở Tashkent báo hiệu thời khắc chớm thu.

Hãy khám phá những báu vật trên con đường tơ lụa

Vùng đất Uzbekistan ngày nay có lịch sử từ 2.500 trước Công nguyên với nhiều di tích chứng minh sự xuất hiện của con người từ rất xa xưa định cư trên vùng đất này. Trong nhiều thế kỷ, nơi đây chịu sự cai trị của đế quốc Ba Tư trước khi bị người Mông Cổ thôn tính. Đến thế kỷ XIV, vua Timur giành lại từ tay đế chế Mông Cổ làm cho vùng đất Uzbekistan phát triển cực thịnh về văn hóa, chính trị và tôn giáo. Rất nhiều công trình kiến trúc bề thế lần lượt ra đời trong thời kỳ này nói lên sự phồn vinh của đế chế Timur. Đây là vùng đất có nhiều thành phố buôn bán sầm uất từ thời Con đường tơ lụa vào khu vực Trung Á và vẫn được bảo tồn cho đến ngày hôm nay. Đến thế kỷ XX, toàn bộ vùng Trung Á và tất nhiên không loại trừ Uzbekistan rơi vào tay Nga và trở thành một phần của Liên bang Xô Viết. Ở một số thành phố lớn hiện nay như thủ đô Tashkent, thành phố Samarkand vẫn còn các kiến trúc từ thời kỳ Xô Viết. Hiện nay, Uzbekistan được xem là cái nôi văn hóa của vùng Trung Á và là địa điểm chuyển tiếp từ vùng sa mạc Karakum cồn cào đến vùng núi cao Thiên Sơn.

Visa

Từ Iran, khách du lịch Việt Nam có thể làm thủ tục visa du lịch đến Uzbekistan. Bạn có thể đến đại sứ quán Uzbekistan tại thủ đô Tehran của Iran để làm thủ tục xin visa. Nếu có thư mời bạn có thể lấy ngay visa trong ngày sau khi đóng một khoản lệ phí 50 đô-la Mỹ. Nếu không có thư mời, sứ quán sẽ hẹn các bạn lấy visa sau 8 ngày. Bạn nên đến sớm để xếp hàng lấy số thứ tự.

- Thông tin sứ quán Uzbekistan tại Tehran: No.6, Nastaran Alley, Boostan street, Aqdasieh, Tehran, Iran; số điện thoại: (+98) 21 2229.9780-2283.2071; số fax: (+98) 21 2229 9158
- Hồ sơ xin visa cần chuẩn bị: 02 hình 4*6, hộ chiếu gốc, đặt phòng khách sạn, chương trình du lịch tại Uzbekistan và đơn xin visa lấy trực tiếp tại sứ quán.

Tiền tệ

Tiền ở Uzbekistan gọi là *som*. Tiền ở đây có mệnh giá rất nhỏ. Tờ tiền có mệnh giá lớn nhất là 1000 *som*, tức nhỏ hơn 0.35 đô-la Mỹ theo tỷ giá chợ đen. Khách du lịch có thể đổi ở mọi nơi từ khu vực biên giới, ngân hàng, các trung tâm mua sắm và các cửa hàng tạp hóa trong chợ. Tỷ giá ở ngoài tốt hơn trong ngân hàng. Vì tiền lưu thông có mệnh giá rất nhỏ, tỷ giá chênh lệch giữa tiền tiền nội tệ *som* với đô-la Mỹ là khá lớn nên du khách chỉ có thể đổi vừa đủ để tiêu xài. Ví dụ, du khách chỉ cần đổi 100 đô-la Mỹ, thì sẽ nhận được một bao túi bóng đủ các loại tiền *som* được cột bằng những sợi dây thun bằng cao su. Tiền Euro ở Uzbekistan sử dụng ít phổ biến hơn đô-la Mỹ. Bạn có thể tìm được một số ATM ở thủ đô Tashkent, tuy nhiên việc rút tiền mặt là khá khó khăn.

Phương tiện di chuyển

- Đường sắt: hệ thống đường sắt ở Uzbekistan được nối giữa các thành phố lớn trong cả nước. Bạn có thể mua vé trực tiếp tại các ga xe lửa. Hãy nhớ trình hộ chiếu khi mua vé.
- Taxi: nên sử dụng hình thức chia sẻ taxi với người địa phương khi đi những tuyến đường dưới 100 km. Giá cả xăng dầu khá rẻ nên việc sử dụng phương tiện này cũng khá hiệu quả.
- Xe buýt, xe điện ngầm: Ở thủ đô Tashkent bạn có thể sử dụng hệ thống xe điện ngầm hiện đại nhất khu vực Trung Á. Xe buýt giá rẻ và cũng có nhiều tuyến đường trong thành phố.

Thời tiết

Nhiệt độ khá chênh lệch giữa vùng đồng bằng và miền núi. Thời gian thích hợp đi du lịch Uzbekistan là vào mùa thu từ tháng Chín đến tháng Mười một khi thời tiết mát mẻ dễ chịu và sắc cây chuyển thành một màu vàng óng trên mọi nẻo đường.

Hải quan

Nếu bạn nhập cảnh bằng đường bộ thì sẽ bị kiểm soát rất kỹ ở khu vực biên giới. Nhân viên hải quan nghiêm cấm mang một số thuốc có chất gây nghiện và bị phạt tù rất nặng. Văn hóa phẩm đồi trụy cũng bị nghiêm cấm.

Chụp ảnh

Giống như một số nước Trung Á và Iran, việc chụp hình sẽ bị cấm khi đi qua khu vực biên giới, cảnh sát, quân đội. Người dân khá thân thiện khi chụp hình nhưng du khách phải xin phép trước, đặc biệt là phụ nữ.

Ẩm thực

Không chỉ tự hào là đất nước có truyền thống lịch sử lâu đời, gắn liền với huyền thoại Con đường tơ lụa, Uzbekistan còn tự hào bởi tinh hoa ẩm thực được đúc kết và gìn giữ qua nhiều thế kỷ.

Có một điều thú vị ẩm thực của Uzbekistan không bị ảnh hưởng bởi lối sống du mục như các nước láng giềng, mà hầu hết lại chịu ảnh hưởng của nông nghiệp địa phương. Chính vì vậy, nguyên liệu chính trong ẩm thực của Uzbekistan không chỉ có thịt ngựa, cừu, bò mà còn có rất nhiều loại ngũ cốc, rau quả khác. Đây là yếu tố giúp cho các món ăn Uzbekistan thích hợp hơn đối với người Việt vốn yêu thích các món rau củ. Nhưng với mỗi vùng miền, lại có mỗi cách chế biến khác nhau. Trong khi phía Bắc chuộng các món đơn giản như cơm, thịt nướng, bánh ngọt, bánh mì thì miền Nam lại thích các món ăn được chế biến cầu kỳ, rau quả và các loại bánh tráng miệng.

Người Uzbekistan thường ăn bằng tay và ngồi trên sàn nhà hoặc bàn thấp được gọi là Dastarkhan. Món khai vị sẽ là các loại salad Bademjan hay Achichuk. Sau đó, rau và các món soup như Shurpa, Mastava sẽ được dọn ra, và các món chính: Manti, Shashlik, Plov... sẽ được dùng để kết thúc bữa ăn.

Trà được dùng như thức uống hằng ngày và các quán trà Chaikhanas cũng là nét văn hoá có từ lâu đời tại Uzbekistan giống như người dân Bắc Bộ nhâm nhi, đàm chuyện ở đầu các con phố. Ngoài ra, còn có Ayran là một loại sữa chua ướp lạnh, có nguồn gốc từ Thổ Nhĩ Kỳ, rất phổ biến vào mùa hè.

Hầu hết các nhà hàng lớn nhỏ khắp Uzbekistan đều có các món ăn truyền thống phục vụ du khách nước ngoài như món cơm thập cẩm Plov, món thịt và rau hầm Dimlama, súp thịt và rau củ

Shurpa rất dễ ăn và thơm ngon.

Các điểm tham quan nổi bật

Uzbekistan cũng là những điểm dừng chân quan trọng của đoàn thương nhân lạc đà trên Con đường tơ lụa. Những điểm tham quan ở Uzbekistan là các di sản văn hóa bao gồm các thành phố cổ, các công trình kiến trúc tôn giáo, các tường thành, lăng mộ, các bảo tàng có giá trị nổi bật đối với những du khách thích khám phá văn hóa. Uzbekistan có bốn thành phố cổ đều là những di tích lịch sử hàng ngàn năm tuổi mà du khách không thể bỏ qua: Thành phố cổ Itchan Kala, thành phố lịch sử Bukhara, cố đô Samarkand và thành phố Shakhrisyabz quê hương của vị vua Timur vĩ đại của người Uzbekistan.

Chương 7. Trên dãy Tuyết Sơn

Tôi ít có thói quen đọc một quyển sách nào đó để tự truyền cảm hứng cho mình trước khi lên đường. Năm trước khi chuẩn bị làm chuyến Mông Cổ lang bạt thì có người bảo tôi hãy đọc quyển *Totem Sói* của Khương Nhung để hình dung một thảo nguyên bao la, cô độc, cảm nhận được nguồn cơn, sâu thẳm về vùng đất mà mình sắp đến. Nhưng tôi chỉ đọc được gần phân nửa quyển tiểu thuyết để phần còn lại có thể tự cảm nhận riêng trong hành trình còn đang ở phía trước như những lần trước đó. Đến chuyến đi lần này, khi biết trong hành trình sẽ lặn lội đến vùng Tuyết Sơn quanh năm mây mù bao phủ, cô bạn cuối cấp cũng khuyên tôi tìm đọc quyển *Cây phong non trùn khăn đỏ* của nhà văn Chinghiz Aitmatov. Lần này thì khác vì tôi đã ngẫu nhiên đọc từng dòng trong đó. Cuốn sách đã truyền tải cho tôi một chuyện tình lãng mạn của anh chàng lái xe trên thảo nguyên bao la vùng Trung Á. Tôi mơ màng nghĩ đến hình ảnh của mình sẽ là một anh chàng gò người trên lưng ngựa ở hồ Issyk Kul, bên vùng rừng núi Thiên Sơn để tìm loài phong non bé nhỏ.

Hành hương đến ngọn núi thiêng Suleyman

Sáng hôm sau, tôi và anh bạn đồng hành người Nhật ở cùng hostel bắt taxi ghép đến cửa khẩu Dustlyk để qua Osh. Anh bạn này trở về Osh để tiếp tục xuôi xuống Trung Quốc bằng đường bộ. Anh ta kể cho tôi nghe là đã từng ghé Kyrgyzstan trong chuyến đi cách đây hai năm. Tôi nhanh chóng làm quen khi thấy anh chàng mặc trên người chiếc áo thun màu lông chuột, ngón tay có in chữ “Du lịch Hạ Long” cùng hình ảnh hòn Trống Mái đã sờn cũ. Anh ta tên là Satoshi, từng làm việc bên Thái Lan năm năm và cũng là một dân du lịch bụi hay bỏ việc đi chơi. Anh ta đã lang thang du lịch khắp vùng Trung Á và Đông Nam Á trong đó có cả Việt Nam. Chúng tôi nói chuyện với nhau về những chuyến du lịch bụi làm cho quãng đường hơn 450 km ngắn lại. Lần này, anh chàng đi qua ba nước Trung Á là Kazakhstan, Uzbekistan và Kyrgyzstan trước khi có một chuyến đi dài ở Trung Quốc hơn một tháng. Anh ta kể, trong thời gian làm việc ở Thái Lan, anh ta đã vi vu Việt Nam rất nhiều lần. Từ Tây Bắc, Hà Nội, Hội An, đến tận Sài Gòn, Miền Tây và gần đây nhất là lên đèo trên vịnh Hạ Long. Như một thói quen, đến đâu anh chàng cũng mua một cái áo để làm lưu niệm, giống tôi thường hay sưu tầm những bộ bài Tây có hình ảnh của những nơi mình đến hoặc các miếng nam châm từ lạnh đủ màu sắc. Tôi ngạc nhiên khi hỏi đến hành lý gọn nhẹ của Satoshi. Một ba lô con cóc bằng vải dù chừng bốn kí lô gam hành lý, một túi vải nhỏ có dây đeo đựng những đồ đạc cá nhân linh tinh như giấy tờ tùy thân, vé máy

bay, thuốc y tế và một chai nước bằng vỏ nhựa thương hiệu của Nhật rất tốt. Anh ta khoác bên ngoài chiếc áo ghi lê nhiều túi hộp như dân chụp ảnh cùng cái máy ảnh compact hiệu Fuji. Satoshi không có thói quen mang nhiều quần áo. Chỉ một vài bộ đồ mặc đến rách tươm rồi sẽ mua một vài cái mới thay thế. Một kiểu đi du lịch gọn nhẹ nhất mà tôi gặp từ trước đến giờ cho một hành trình dài mà chưa có hồi kết. Người Nhật giàu nhưng họ tiết kiệm và chi dùng rất hiệu quả.

Chúng tôi khởi hành lúc bảy giờ sáng và đến cửa khẩu Dustlyk lúc ba giờ chiều. Thủ tục nhập cảnh diễn ra rất nhanh chóng vì cả du khách quốc tịch Nhật lẫn Việt Nam đều được miễn visa du lịch trong 90 ngày khi đến Kyrgyzstan. Quốc gia Trung Á duy nhất miễn visa dành cho người Việt. Satoshi bảo tôi nên đổi số tiền *som* của Uzbekistan sang *sum* của Kyrgyzstan ở một cửa hàng tạp hóa ngay khi vừa qua cửa khẩu. Cách đó không xa là trạm xe Marshrutkas, một loại xe buýt nhỏ thường là 16 chỗ ngồi rất phổ biến ở Kyrgyzstan, đi về khu vực trung tâm Osh cách cửa khẩu khoảng 8 km chỉ với giá 10 *sum*, rẻ như cho.

Buổi chiều ở Osh nắng nhuộm vàng cả thành phố. Là thành phố lớn thứ hai ở Kyrgyzstan, sau thủ đô Bishkek, Osh được ước tính hơn 3.000 năm tuổi, một trong những khu vực lâu đời nhất ở Trung Á. Một số các tài liệu về Osh cho rằng nó cổ hơn cả thành Rome. Theo truyền thuyết, Osh có thể đã được thành lập bởi Solomon hay vị Alexander Đại đế lấy lòng. Ngay cả khi Osh không phải là do các nhân vật tiếng tăm này đặt nền móng thì bản thân vị trí địa lý quan trọng đã biến nơi đây trở thành những khu định cư lớn từ thời kỳ cổ đại. Bởi, tương tự các thành phố khác như Samarkand, Bukhara hay Taraz, Osh đã từng là một điểm dừng chân giao thương nhộn nhịp thuộc lòng chảo Fergana trù phú. Ngày nay Osh còn là ngã ba quan trọng khi phía Tây giáp với biên giới Uzbekistan còn phía Đông Nam là điểm kết thúc con đường Pamir từ đất nước Tajikistan láng giềng.

Osh còn được nhắc đến trong sử thi Manas hào hùng của người dân Kyrgyz. Trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ VIII-XII, Osh là thành phố phồn vinh bởi nghề dệt lụa nổi tiếng cung cấp cho các thương nhân trên Con đường tơ lụa. Đầu thế kỷ XVIII, Osh được sáp nhập vào Hãn quốc Kokand. Đến thế kỷ XIX, Osh đã bị đồng hóa bởi đế chế Nga và thời kỳ Xô Viết sau đó. Các công trình kiến trúc theo châu Âu dần xuất hiện đã biến Osh trở thành một thành phố hiện đại như ngày nay.

Ban đầu tôi khá ngạc nhiên vì sao Osh được nhắc đến nhiều trong các ấn phẩm du lịch của Kyrgyzstan chỉ sau thủ đô Bishkek. Thậm chí, thành phố này còn là sự lựa chọn hàng đầu cho các lữ khách khi đến Kyrgyzstan bằng đường bộ. Hóa ra, Osh được chính người dân Kyrgyz xem như thủ phủ phía Nam của đất nước vì là vùng đất thiêng về tôn giáo. Hiện nay, Osh là thành phố

sầm uất nhộn nhịp các hoạt động tham quan và vui chơi cho du khách. Tôi rất thích thú ngắm nhìn từ tượng đài Kurmanjan Datka, người cai trị một phần của Kyrgyzstan trong những năm 1800 đến những bức tượng còn lại hiếm hoi của Lenin từ thời Liên Xô cũ vào những năm 1900 được đặt trang trọng giữa những công viên rộng lớn. Osh là thành phố biên giới nên các khu chợ nơi đây tập trung các mặt hàng truyền thống hay ngoại nhập luôn tấp nập cảnh kẻ mua người bán từ khắp mọi nơi. Tôi nhận ra Osh không khác gì các thành phố du lịch nhộn nhịp như Luang Prabang ở Lào hay Siem Reap ở Campuchia trong những năm gần đây với hàng loạt các hoạt động thu hút du khách suốt ngày đêm hấp dẫn dành cho du khách.



Một thánh đường Hồi giáo dưới ngọn núi Suleyman.

Hôm sau, tôi dậy sớm để bắt xe buýt đến núi thiêng Suleyman, có nghĩa là núi của Solomon

của người Hồi giáo Kyrgyz nằm lẻ loi ở trung tâm Osh. Ngọn núi có tên nguyên thủy là *Bara Kuch*, còn có nghĩa ngọn núi tuyết mỹ, nó được đổi tên vì nhà tiên tri Sheikh Suleyman đã được chôn cất tại chân núi. Ngoài ra, một số tín đồ Hồi giáo còn cho rằng, núi Suleyman là nơi đáng tiên tri Muhammad từng có lần dừng chân cầu nguyện nên nơi đây trở thành ngọn núi linh thiêng cho những người mộ đạo. Ngày nay, Suleyman là một vùng đất thánh dành cho các tín đồ Hồi giáo hành hương ở khắp đất nước Kyrgyzstan và các quốc gia Trung Á láng giềng. Ngọn núi có hình như chiếc vương miện khổng lồ nổi bật trên rừng tòa nhà cao thấp của Osh. Từ trên đỉnh Suleyman, bất kỳ ai cũng có thể nhìn toàn cảnh thành phố với những tháp kiến trúc Chính thống giáo của Nga xen lẫn với thánh đường Hồi giáo uy nghi, những tòa nhà làm việc cao tầng hay những chung cư lối kiến trúc thời Xô Viết. Một đô thị hiện đại pha trộn những gam màu cũ kỹ của lịch sử sẽ thu gọn trong tầm mắt của mọi người.

Tôi đi bộ lên hàng trăm bậc thang để đến khu vực cột cờ và một nhà thờ Hồi giáo nhỏ được xây dựng từ năm 1497 ở trên lưng chừng đỉnh núi. Nhà thờ được xây dựng bởi Babur, người sáng lập ra triều đại Mogul nổi tiếng trong lịch sử của Ấn Độ. Trong những ghi chép của mình sau này, ông cũng có nhắc đến Suleyman và các công trình do mình xây dựng trên đó. Đã qua thời điểm hành hương chính của người Hồi giáo nhưng đoàn người ngoại tỉnh vẫn xếp thành hàng dài lên núi. Tôi quan sát có khoảng vài chục người vẫn đứng chờ đợi đến lượt mình vào bên trong thánh đường thực hiện các nghi thức tôn giáo. Núi Suleyman linh thiêng có rất nhiều hang động lớn nhỏ mà tương truyền có những giai thoại huyền bí của nhà tiên tri Suleyman. Nhiều người dân thành kính cầu nguyện và cúng tiền tại một số hang động nhỏ có người trông. Bên trong hang, những giọt nước từ vòm hang chảy xuống quanh năm được những tín đồ ngoan đạo cho rằng đây là những giọt nước mắt của nhà tiên tri Suleyman. Họ cầu nguyện cho sức khỏe, may mắn trong cuộc sống và kể cả việc cầu tự đối với những đôi vợ chồng hiếm muộn. Theo phong tục, họ phải giết một con cừu đen ở chân núi và dâng tế lễ khấn cầu thượng đế. Họ đi lần lên núi và cứ mỗi bước đi lại gập mình cầu xin thượng đế thật thành kính thì Ngài sẽ động lòng thương ban cho một đứa con. Tôi thấy một vài xác cừu đen còn rõ máu được đặt trên những mâm bằng đồng đặt phía trước hang để khấn nguyện. Một cặp đôi người Kyrgyz, ngoài ba mươi tuổi lặn lội từ Naryn, bảo với tôi rằng: “Chúng tôi lấy nhau đã sáu năm rồi và đi rất nhiều bệnh viện chữa trị, thậm chí lên cả Bishkek nhưng vẫn chưa có mụn con nào. Gia đình bên vợ bảo phải đến cầu khấn và làm theo nghi lễ truyền thống ở núi thiêng Suleyman mới hy vọng có con.” Tôi tiếp tục theo chân nhóm thanh niên địa phương đang tìm lối đi lên hang động lớn nhất trên đỉnh núi. Đường khá dốc và ngoằn ngoèo. Nhưng đây được xem là hang động linh thiêng giúp con người có thể giải thoát những phiền não trong cuộc sống. Vòm hang rất rộng như một con tàu há mồm vươn thẳng lên trời. Những ngọn gió từ hang thổi ra làm tan đi những mệt mỏi, nóng bức của những ngày hè cháy. Hàng nghìn con dơi dường như bị đánh thức dáo dác, đập cánh inh ỏi ủa ra

khỏi hang. Những bạn trẻ lần lượt thực hiện những nghi thức tôn giáo và cầu nguyện. Họ hướng về Mecca để tỏ lòng quy phục Allah, nhận được sự che chở và gột rửa những linh hồn tội lỗi.

Sở hữu ngọn núi Suleyman linh thiêng, Osh ngày nay trở thành một trong những địa điểm du lịch hàng đầu của Kyrgyzstan. Đường phố Osh nhộn nhịp, tất bật hơn bất kỳ thành phố nào ở khu vực Trung Á mà tôi đã đi qua. Điều này cũng dễ giải thích vì sao có rất nhiều hệ thống nhà nghỉ, quán ăn, các khu chợ sầm uất, điểm thu đổi ngoại tệ ở Osh hoạt động rất sôi nổi. Thành phố cũng xây dựng nhiều trung tâm vui chơi giải trí dành cho khách du lịch hành hương trong nước hay nội vùng Trung Á. Mặc dù thành phố quy hoạch không ngăn nắp, gọn gàng, thiếu hệ thống cây xanh nhưng lại có sức sống của một đô thị phát triển về kinh tế. Lúc nào xe cộ trên đường phố cũng đông như mắc cửi. Tôi không khó tìm ở Osh những rạp chiếu phim nhan nhản biển quảng cáo ấn tượng của những bộ phim Nga hay Ấn Độ, những nhà hàng sang trọng, những quán ăn địa phương hay sân vận động có sức chứa lớn thường sử dụng tổ chức các hoạt động đua ngựa truyền thống. Tôi cũng không khó nhìn thấy hàng chục hãng du lịch trên những con phố lớn với những chương trình tour dài ngày tham quan khắp Kyrgyzstan. Osh dẫn dắt tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Thành phố làm tôi hồi tưởng từ những hình ảnh trong quá khứ đến cuộc sống hiện tại, từ những phong tục tập quán truyền thống đến những nếp sinh hoạt hợp thời của một khu thị tứ đang ngày một phát triển ở Trung Á.

Lạ lẫm ở Bishkek

Từ Osh, tôi đến Bishkek bằng đường bộ. Đây là thành phố tôi trở đi trở lại nhiều lần trong hành trình của mình. Có khi chỉ dừng chân để chờ đợi visa, đôi lúc là nơi trung chuyển để nối chuyến bay đến các thành phố khác. Dù mục đích nào chăng nữa, mỗi lần ghé lại đều cho tôi cảm giác bồi hồi như trở về nhà của mình. Bishkek không quá ngăn nắp như Ashgabat hay Tashkent nhưng chính điều này lại gây ấn tượng mạnh cho tôi. Sự lộn xộn trước tiên thể hiện ở đường phố với những dòng xe đan xen chật chội vào giờ tan tầm. Xe ở đây cũng có nhiều loại, không khó lắm để thấy những chiếc Toyota đời mới sáng trưng trên phố cùng với vô số những chiếc xe rẻ tiền khác. Hệ thống xe buýt của thành phố hoạt động không ngơi nghỉ, các bến xe lúc nào cũng nườm nượp hành khách ra vào. Hoạt động của Bishkek cho thấy đây là một thủ đô đang phát triển về kinh tế và du lịch, bằng chứng là có rất nhiều khách du lịch bụi ra vào các bến xe buýt trong thành phố. Tôi ấn tượng mạnh bởi màu xanh của thành phố. Bishkek xanh xanh một màu bởi bầu trời cao vợi vợi, trong vắt, bởi những tán cây bên đường ứng màu xanh um trong nắng và bởi các dãy núi tuyết vây quanh thành phố xanh lam khi chiều buông... tất cả làm cho Bishkek rạng ngời như cơ thể tràn đầy nhựa sống thanh xuân.

Ngày đầu tiên tôi đến Bishkek là làm visa cho hành trình tiếp theo đến Tajikistan. Từ nhà

ngủ, tôi bắt xe buýt để đến thẳng đại sứ quán Tajikistan nằm cạnh con suối lớn, nước chảy cuộn cuộn quanh năm từ những dãy núi tuyết sau lưng thành phố. Thủ tục khá đơn giản và nhanh chóng, đặc biệt là các cô nhân viên ở sứ quán phục vụ vui vẻ, tận tình. Có thể đất nước nghèo như Tajikistan cũng đang có chính sách mở cửa cho khách du lịch nước ngoài để thu ngoại tệ. Nhưng do thông tin ít ỏi trước chuyến đi, tôi và một số bạn du lịch bụi vẫn rất khó khăn để chủ định đến đất nước này, một phần lo ngại sẽ không xin được visa ở nơi ít người biết đến. Tôi điền thông tin tại chỗ và xin luôn giấy phép GBAO¹ bắt buộc để khám phá cung Pamir huyền bí. Sáng nộp đơn, chiều tôi đã có visa trên tay nên thời giờ còn lại tôi dành khám phá thủ đô Bishkek duyên dáng nằm trong lòng thung lũng Chuy được bao quanh bởi các rặng núi tuyết.



Chiếc marshrutkas 16 chỗ phổ biến ở Kyrgyzstan.

Tôi chọn chiếc marshrutkas màu xanh đi vào khu trung tâm thành phố. Gần giữa trưa, các xe buýt công cộng còn nhiều chỗ trống nên tôi ngồi luôn ngay hàng ghế đầu cạnh một bà cụ gương mặt phúc hậu. Bà nở nụ cười hiền như cho phép tôi ngồi bên cạnh. Mặc dù là một quốc gia đang phát triển nhưng cách thức người dân sử dụng các loại xe công cộng đôi khi tôi còn phải nỗ lực. Rất nhiều lần tôi thấy những thanh niên địa phương nhường chỗ cho người người già, phụ nữ, bà mẹ có con nhỏ ngồi ở hàng ghế đầu. Những người đàn ông lớn tuổi cũng vậy, họ sẵn sàng đứng khom người trên chiếc marshrutkas chật như nêm để dành những chỗ ngồi tốt nhất cho những người phụ nữ lớn tuổi hơn như một cách thể hiện sự tôn trọng trong xã hội văn minh. Lúc đầu tôi cũng có ngạc nhiên khi sử dụng xe buýt vì luôn thắc mắc tại sao những hàng ghế trống ở trên các thanh niên thường không ngồi mà cứ chọn ngồi ở những dãy ghế sau. Đây là nguyên tắc được người dân ở đây tự thỏa thuận để thực hiện. Họ ngồi sau để nhường những hàng ghế đầu cho phụ nữ hay người già và việc này sẽ tránh mất nhiều khoảng không gian đôi chỗ trong chiếc

Marshrutkas nhỏ xíu. Một việc làm nhỏ nhưng thể hiện cuộc sống nền nếp, quy củ ở một đất nước còn gặp bộn bề khổ khó về kinh tế.



Quảng trường Ala-Too chứng kiến những thời khắc quan trọng lịch sử của thành phố.

Tôi xuống trạm xe buýt bên cạnh quảng trường Ala-Too, được xem là trái tim của Bishkek. Đập ngay vào mắt tôi là lá cờ quốc gia đỏ rực đang tung bay giữa quảng trường được quân đội canh giữ nghiêm ngặt. Ở trung tâm lá cờ là mặt trời tỏa ra 40 tia nắng màu vàng xung quanh thể hiện bốn mươi chiến binh của người anh hùng huyền thoại Manas của dân tộc Kyrgyz. Các đường nét bên trong mặt trời thể hiện ngôi vua hay biểu tượng mà người Kyrgyz gọi là Tunduk (biểu tượng hình tròn trên đỉnh của các Yurt truyền thống của người du mục Kyrgyz). Biểu tượng này thường được sử dụng trong rất nhiều công trình kiến trúc ở Kyrgyzstan. Nhìn quảng trường rộng thênh thang chỉ có các anh lính đang thay ca gác chốt thấy Bishkek bình yên đến kỳ lạ. Nhưng Ala-Too chính là nơi từng xảy ra nhiều biến cố trong dòng chảy lịch sử của đất nước. Trước đây, bức tượng Lenin cao lớn được đặt trung tâm quảng trường nhưng đã được di dời chỗ khác từ năm 2003. Chỉ hai năm sau đó, những người phản kháng đã chiếm lấy Ala-Too từ tay cảnh sát rồi mau chóng tiến vào dinh Tổng thống gần đó, lật đổ Tổng thống lâu năm Askar Akayev. Binh biến cũng là một điều tất yếu đối với những quốc gia non trẻ và chịu sự lệ thuộc từ bên ngoài.

Rõ ràng, xã hội Kyrgyzstan đang ngày một phát triển nhưng khó khăn bộn bề vẫn chồng chất. Sự bình yên của Bishkek hiện giờ hóa chẳng là bề nổi của một tảng băng chìm, chỉ cần những cơn bão nhỏ cũng có thể làm nó chao nghiêng, xô đẩy theo một phương hướng bất định. Tảng băng ấy có thể tự mình trôi nổi trên hành trình giữa đại dương mệnh mông hay ẩn mình vào

những tảng băng khác vững chãi hơn. Tôi chợt nghĩ đến số phận các quốc gia Trung Á trong đó có Kyrgyzstan đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế sau khi Liên Xô tan rã 1991. Các nước này không thể tiếp tục dựa dẫm vào Nga trong khi nền kinh tế của Nga còn gặp nhiều khó khăn bởi giá dầu tiếp tục giảm và nước Nga đang chịu sự trừng phạt của phương Tây về việc sáp nhập Crimea. Hay các tảng băng như Kyrgyzstan lại trôi về phía Trung Quốc bởi bao toan tính của chính quyền Bắc Kinh gần đây muốn khôi phục hành lang kinh tế giữa các quốc gia trên hệ thống Con đường tơ lụa. Việc ở khe giữa hai cường quốc kinh tế này khiến các quốc gia Trung Á đang tiến thoái lưỡng nan không biết trôi về đâu khi sự phát triển của mình còn bị lệ thuộc nhiều vào các nước lớn.

Tôi còn nhớ vào đầu tháng Bảy, thời gian bắt đầu cuộc hành trình, báo chí loan tin về hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nền kinh tế mới nổi hàng đầu thế giới (BRICS) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), diễn ra tại thành phố Ufa, cửa ngõ nối liền hai châu lục Á Âu của Nga. Hội nghị đã thực sự thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế. Trong đó, dự án Con đường tơ lụa do Trung Quốc đề xướng đã nhận được sự quan tâm không nhỏ. Về bản chất, đây là một dự án mang tính toàn cầu. Bởi nó góp phần kết nối, bao trùm và liên quan tới 60% dân số thế giới, nơi đóng góp gần 30% GDP toàn cầu. Nó là kế hoạch kết nối các con đường, hệ thống thương mại, trao đổi ngoại tệ miễn phí và là sự liên kết giữa người dân các khu vực sinh sống trải dài từ Á sang Âu, từ Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương đến Đại Tây Dương. Về sâu xa, đây là sự hình thành một không gian kinh tế thống nhất giữa hai cường quốc Nga và Trung Quốc.

Đối với Nga, Con đường tơ lụa từ Trung Quốc sang châu Âu sẽ gặp không ít chông gai. Một trong những mối lo ngại nhất của họ là mất dần ảnh hưởng tại khu vực Trung Á, và sẽ làm lu mờ những lợi ích mà dự án này có thể mang lại. Có vẻ như người Nga đang hết sức cảnh giác, bởi chưa chắc đối với Nga, Con đường tơ lụa sẽ mềm mại như cái tên của nó.

Đầu kia của con đường là lợi ích của Trung Quốc, nước thai nghén nhiều dự án dựa trên Con đường tơ lụa được hình thành từ ngàn năm trước. Người Trung Quốc xem dự án là mối liên kết tương tác lẫn nhau giữa vấn đề quân sự, biên giới lãnh thổ và quan trọng là việc chiếm lĩnh thị trường tiềm năng, còn bỏ ngỏ của các quốc gia Trung Á.

Hiện tại, một trong những tuyến đường bộ thuộc dự án đi qua Trung Á, Nga, Belarus đến Ba Lan đang được gấp rút triển khai. Trung Quốc đã không ngần ngại trong nỗ lực khẳng định khả năng của mình tại các quốc gia Trung Á thuộc Liên Xô cũ. Và Nga thật khó để có thể chống lại một đối trọng mạnh mẽ như Trung Quốc ở khu vực này. Hiện nay, khi khủng hoảng kinh tế với phương Tây thì mọi người đều nhận định về sự không đa dạng của nền kinh tế Nga. Điều này được phản ánh rất rõ trong cấu trúc của kim ngạch thương mại. Trong năm 2014, gần 70% kim

ngạch xuất khẩu của Nga là nguyên, nhiên liệu khoáng sản. Trong khi Trung Quốc xuất khẩu 62% giá trị lượng hàng hóa là máy móc, thiết bị, hàng hóa tiêu dùng và các sản phẩm hoàn chỉnh. Có thể thấy dường như Nga đang dần yếu thế hơn Trung Quốc.

Tuy nhiên dù thế nào đi chăng nữa thì các quốc gia Trung Á vẫn chỉ là những con tốt trên bàn cờ của những ông lớn. Số phận của họ không hẳn do chính họ quyết định vì chỉ có sự hỗ trợ từ bên ngoài mới giúp họ nhanh chóng thoát khỏi những khó khăn hiện hữu. Tôi chỉ mong một điều, dù những tảng băng có nghiêng ngả theo bên nào miễn là thảo nguyên còn rộn tiếng bầy ngựa hoang và khu nhà lều vẫn nép mình bên những hồ nước xanh như ngọc. Bởi văn hóa và thiên nhiên Trung Á vẫn tiềm ẩn những điều lý thú cần được những lữ khách khám phá.

Hiện tại, tôi vẫn thấy Bishkek đẹp lạ lùng dưới gầm trời xanh kiêu hãnh nhưng lại lo lắng những cơn gió cuồn cuộn ở sa mạc sẽ làm cho thành phố phủ lớp bụi mù.

Câu chuyện thiên nhiên ở Ala-archa



Công viên Ala-Archa như bức tranh thủy mặc.

Ngày hôm sau, tôi rục rịch khởi hành đi về phía Nam thủ đô Bishkek để bắt đầu chuyến thưởng ngoạn một góc của dãy Thiên Sơn, công viên quốc gia Ala-Archa đẹp tựa như bức tranh thủy mặc. Hỏi han chủ nhà trọ thì bảo có hai cách để đến Ala-Archa cách không xa Bishkek. Cách thứ nhất, tôi sẽ bắt xe Marshrutkas đến cổng công viên quốc gia Ala-Archa rồi sau đó đi bộ 12 km vào khu vực vùng lõi để bắt đầu chuyến trekking thật sự lên dãy Thiên Sơn. Cách này vô cùng tiết kiệm bởi tôi sử dụng hệ thống xe buýt công cộng chỉ với giá 10 *som* nhưng bù lại tôi sẽ phải đi bộ đến 24 km cho lượt đi và lượt về chưa kể nếu muốn trekking lên núi. Cách thứ hai đỡ mất thời gian hơn nhưng khá tốn kém. Theo cách này, tôi sẽ thuê taxi chở thẳng vào vùng lõi của công viên, lái xe sẽ chờ tôi trekking sau đó quay về thành phố. Dĩ nhiên cách này là tôi bao cả chuyến nên chi phí khá cao và tùy thuộc vào khả năng thương lượng giá cả với tài xế. Tôi chọn cách một, vì cả ngày nay tôi sẽ dành hết thời gian để thỏn thức những câu chuyện huyền thoại về thiên nhiên Ala-Archa.

Vùng rừng núi Ala-Archa bao phủ khu vực rộng lớn lên đến 200 ki-lô-mét vuông trên độ cao

trung bình 1.500 mét, trong đó đỉnh cao nhất Semenova Tian-Shanski lên đến 4.895 mét so với mực nước biển phủ tuyết quanh năm. Công viên được bao phủ bởi hàng chục ngọn núi cao, hình thành nên hơn 20 con sông băng lớn nhỏ rải rác khắp vùng. Chính những con sông băng dẫn nước hợp thành hai nhánh sông Adygene và Ak-Sai cuộn cuộn nước vào mùa hè.

Ban đầu, tôi không tưởng tượng mình sẽ miệt mài đến 12 km trên một con đường vắng vẻ lọt thỏm giữa những dãy núi cao. Qua hết khúc quanh này lại đến khúc quanh khác cũng vẫn là những khu rừng thông lá kim bạt ngàn cùng tiếng suối chảy rì rầm bên tai. Bốn ki-lô-mét đầu tiên, tôi đi rất nhanh để tranh thủ thời gian và nghĩ rằng Ala-Archa chỉ có rừng chen lẫn rừng. Tuy nhiên, càng đi sâu vào trong, khi những tia nắng bắt đầu len lỏi qua những ngọn thông cổ thụ, từng thảm hoa nhiều màu sắc bắt đầu dần xuất hiện. Chúng men theo vệ đường, nhảy nhót ven những con suối, kết lại từng khóm lớn sau những hốc đá trên sườn núi khiến tôi phải dừng lại nhiều lần để xuýt xoa và tận hưởng phong cảnh nên thơ của núi rừng. Mùa hè ở đây không khí mát lạnh tạo điều kiện cho các loại kỳ hoa dị thảo tụ hội và đua nhau khoe sắc. Khi sắc vàng, khi sắc hồng, khi sắc đỏ xen kẽ tạo thành một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Tôi mong thời gian ngừng lại nơi này, và nghĩ giá như có một cô bạn đồng hành ở đây trò chuyện. Một người độc hành luôn có những cảm giác bất chợt, nhiều cảm xúc mà đa phần là do thiên nhiên nên thơ như Ala-Archa khơi gợi vào. Một đoạn đường thông dong hiem hơi bầu bạn với thiên nhiên.

Thế rồi tôi cũng đến được vùng lõi của Ala-Archa và bắt đầu đoạn đường xuyên qua những tán rừng rậm phủ kín sườn núi cao. Khu vực này có một số nhà nghỉ dành cho những lữ khách tham gia leo núi hay khám phá trong rừng sâu. Theo kế hoạch, tôi sẽ chọn một cung trekking nào đó vì hiện đã thấm mệt sau hơn ba giờ đi bộ.

Ala-Archa có cả bảy ba đường trail¹² tương ứng với ba cấp độ trekking. Ở cấp độ một, tôi sẽ đi ven theo con sông Ala-Archa đến địa điểm giao nhau của các dòng chảy từ trên núi cao để chiêm ngưỡng cảnh quan ngoạn mục của nó. Tôi sẽ phải đi bộ 1,3 km cho một chiều ở cấp độ này. Ở cấp độ hai, đường trail thử thách hơn đôi chút, kết hợp với hoạt động leo trèo và cần một số kỹ năng nhất định. Quãng đường là 3,75 km men theo sườn núi với nhiều đá cuội to để đến được ngọn thác chính Ak-Sai của công viên. Cấp độ ba có đường trail khó nhằn nhất và quãng đường cũng xa nhất. Tổng thời gian cho cung này là bốn giờ với 6,5 km cho một lượt, nhưng chắc chắn phần thưởng cho các lữ khách là sự kỳ vĩ của thiên nhiên sẽ hiện ra ở cuối hành trình. Kyrgyzstan làm du lịch khá chuyên nghiệp nên họ thu hút ngày càng nhiều du khách nhất là loại hình leo núi và đi bộ đường dài. Tôi cũng đắn đo chọn lựa cung phù hợp vì không muốn đêm nay nghỉ lại trong lều dưới chân núi.

Tôi chủ động làm quen với Ana ở cổng vào, ngay lối rẽ cho ba lộ trình trekking ở Ala-Archa.

Ana là cô gái da trắng người Nam Phi làm việc trong một khu bảo tồn động vật hoang dã ở quê nhà. Cô ấy nghiện trekking trong rừng, đặc biệt là những khu rừng hoang sơ ở Trung Á bởi theo cô nơi đây còn bảo tồn nhiều loại động vật quý hiếm trên thế giới. Ana nói rằng cô nàng rất thích ngắm loài hươu sừng tấm độc nhất ở đây mà vào thời điểm này cung trail hai có thể thấy được chúng bên những sườn núi hay dưới chân những dòng thác chảy cuộn cuộn từ dãy Thiên Sơn. Thế là tôi quyết định đi cùng Ana thực hiện cung đường mòn cho hành trình khám phá Ala-Archa và ít ra tôi lại có thêm người bạn đồng hành bên cạnh.

Thật ra loài hươu mà Ana nhắc đến có liên quan đến truyền thuyết *Mẹ Hươu* nổi tiếng của bộ lạc người Kyrgyz xưa kia. Ngày nay, ai trong số những người Kyrgyz bản địa cũng có thể kể cho bạn nghe câu chuyện được truyền qua nhiều thế hệ này.

Chuyện xa xưa bắt đầu ngày bộ lạc Kyrgyz làm lễ mai táng vị tù trưởng già Batur Kuntsê của họ. Ông cầm đầu bộ lạc đã lâu năm, đã qua bao lần chinh chiến, giành nhiều thắng lợi vang dội cho bộ lạc. Quy luật tất yếu sinh lão bệnh tử của con người rồi cũng sẽ đến. Batur đã từ già vĩnh viễn núi rừng, bộ lạc, gia đình và bầy gia súc để về với trời đất. Theo tục lệ ngàn xưa truyền lại, khi đưa thi hài vị thủ lĩnh tới nơi an nghỉ cuối cùng, mọi người phải đi dọc bờ sông Yenisei, để vong linh người quá cố vĩnh biệt dòng sông Mẹ linh thiêng của họ. Sáng hôm ấy, mọi việc chuẩn bị cho nghi thức đám tang vừa xong xuôi thì đã xảy ra một chuyện chưa từng thấy. Ở vùng Yenisei này, mặc dù thù địch nhau đến đâu, trong ngày chôn cất tù trưởng thì không được tấn công bộ lạc láng giềng. Nhưng lần này, từ mờ sáng đã xuất hiện một đội quân của địch bí mật bao vây khu làng của người Kyrgyz đang đắm chìm trong đau buồn và từ chỗ mai phục, chúng nhất loạt nhảy ra từ khắp các phía, thành thử không ai kịp lên yên, không ai kịp vơ lấy vũ khí. Chúng bắt đầu một cuộc tàn sát chưa từng thấy. Quân thù đốt sạch, giết sạch bộ lạc người Kyrgyz như một cuộc thảm sát diệt cỏ tận gốc hòng xóa bỏ dấu vết tội ác phi nhân tính của chúng, hòng không còn hậu duệ của người Kyrgyz nào sống sót để mà báo thù.

Quân địch rút đi mang theo cơ man nào là chiến lợi phẩm và không để ý đến hai đứa trẻ từ trong rừng trở về: một thằng bé trạc bảy tuổi và một con bé xinh xắn chừng năm, sáu tuổi. Vốn không chịu nghe lời người lớn, từ sáng sớm chúng đã trốn cha mẹ để đuổi theo bầy sóc nâu trong khu rừng gần đây. Khi nghe thấy tiếng ồn ào, tiếng gào thét của cuộc chém giết, chúng chạy về thì cha mẹ, anh chị em, họ hàng không còn nữa. Chúng khóc lóc, hốt hoảng chạy từ đồng tro này sang đồng tro khác và không tìm thấy đâu một bóng người. Trong phút chốc chúng trở nên cô cút và đơn độc. Đắng xa, bụi bốc lên như đám mây đen, quân thù lừa đàn gia súc hàng nghìn con vừa cướp được trong cuộc tập kích đẫm máu về vùng đất của mình.

Hai đứa nhỏ thấy bụi cuốn bốc lên dưới vó ngựa, chúng vừa khóc vừa gọi, và đuổi theo kẻ thù

hung dữ. Chỉ có trẻ con mới hành động như vậy. Đáng lẽ lẫn trốn những kẻ giết người thì hai đứa trẻ lại đuổi theo chúng trong vô thức. Miễn sao không bị bỏ rơi một mình, miễn sao rời xa cái chốn đáng sợ, bị tàn phá tan hoang này. Tay nắm tay, thằng bé và con bé chạy theo bọn cướp, van xin bọn chúng chờ chúng, cho chúng theo cùng. Nhưng những tiếng ầm ầm, tiếng hí vang trời, tiếng vó nện rầm rập của đàn gia súc bị lừa đi thì làm sao mà nghe thấy tiếng hét yếu ớt của hai đứa trẻ!

Hai đứa bé cứ chạy mãi, chạy mãi, nhưng vẫn không đuổi kịp. Rồi chúng mệt quá, nằm áp sát vào nhau, ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Đêm trôi qua yên ổn. Thú dữ không đụng đến chúng. Những tia nắng xuyên qua kẽ lá đã đánh thức được chúng sau đêm dài mỗi mệt. Hai đứa bé đứng lên và lại lần theo dấu vết kẻ thù. Chúng cứ đi mãi, đi mãi, và dừng trên một trái núi. Chúng nhìn thấy ở phía dưới thung lũng, trên bãi cỏ xanh rộng lớn đang diễn ra cảnh tiệc tùng linh đình. Lều tròn nhiều không đếm xuể, có rất nhiều đồng lửa đang rực cháy giữa ban ngày, người xúm xít xung quanh các đồng lửa đông đúc như tổ mối. Các cô gái thì quay tít, nhún nhảy và ca hát. Các dũng sĩ lượn vòng như những con chim ung, quật nhau ngã xuống đất để mua vui cho mọi người. Kẻ thù đang ăn mừng chiến thắng của chúng.

Hai đứa bé đứng trên núi, không dám đến gần. Nhưng chúng rất thèm được ở bên những đồng lửa đang xông lên mùi thịt nướng, mùi bánh mì và hành đại thơm nồng. Không nén nổi, hai đứa lần dò xuống núi. Nghe tiếng rên rỉ của hai đứa nhỏ, kẻ thù đoán ra đây là ai. Đám đông huyên náo cả lên. Chúng bắt đầu tranh cãi: giết chết những mầm mống còn sót lại của đối phương hay giải hai nhóc này đến trình chủ soái? Trong lúc chúng cãi cọ, một người đàn bà tốt bụng đã gửi cho mỗi đứa trẻ một mẩu thịt ngựa được nướng chín. Hai trẻ được đưa vào một nhà lều rộng lớn trên tay vẫn nắm chặt miếng thịt ngựa ăn dở. Trong lúc đó, cái tin đáng lo ngại lan ra khắp khu trại: trẻ con Kyrgyz bỗng dưng xuất hiện, chẳng rõ ở đâu ra. Mọi người bắt đầu nhón nháo. Tất cả vứt bỏ trò chơi và tiệc tùng, đổ xô đến lều chủ soái đông nghìn nghịt. Lúc ấy ông ta đang ngự trên tấm da lớn trắng như tuyết cùng với các chiến tướng danh tiếng của mình. Đám đông ngoài lều kẻ thương cảm kẻ hô vang câu nói “giết người Kyrgyz, giết, giết.” Không do dự, tên chủ soái ra lệnh cho một bà già mặt mũi gớm ghiếc hạ sát rồi ném chúng xuống dòng Yenisei hung tợn.

Thế là hai đứa bé bị đưa vào sâu trong khu rừng Taiga rậm rạp không có nổi một tia nắng lọt vào. Khi đến dòng Yenisei, mẹ già xắn tay áo định quăng hai đứa bé tội nghiệp xuống vực sâu đang ầm ì những con sóng cuồng nộ xô chuyển dữ dội. Mẹ cất tiếng thều thào trong khi hai đứa bé run lẩy bẩy khóc không thành tiếng: “Hãy tha thứ cho ta. Đây là mệnh trời. Tuy không phải tự ý ta muốn, giờ đây ta sắp làm việc này, đây là vì lợi ích của các con. Hãy rời xa thế giới đầy khổ

đau này mà tìm đến một nơi khác hạnh phúc hơn...” Mụ vừa nói mấy lời đó thì phía sau bỗng có tiếng nói: “Khoan đã, người đàn bà kia ơi, đừng giết hại trẻ thơ vô tội.”

Mụ già quay lại nhìn, mụ ngạc nhiên thấy trước mặt là một con hươu cái Maran nói được tiếng người. Con hươu khoác bộ lông dày mượt, trắng muốt, đôi sừng trên đầu vươn lên kiêu hãnh như những cành thông trước gió tuyết. Mắt nó cực to ngân ngấn nước, nhìn mụ với vẻ trách móc và buồn rầu. Con hươu khẩn thiết van xin mụ già tha cho hai đứa trẻ. Rằng nó sẽ mang chúng đi thật xa để nuôi dưỡng chúng đến khi lớn khôn. Rằng chúng sẽ không bao giờ làm hại ai và sẽ không mang lại sự thù hận hay trả thù nhau nữa. Mụ già rồi cũng xiêu lòng bởi bản năng người mẹ trời dậy khi không nỡ xuống tay giết hại những đứa trẻ dễ thương, vô tội. Nhưng bà ta lại nói với hươu Maran rằng: “Loài người thật là ghê sợ. Nên hãy đem hai trẻ mồ côi đến nơi xa xăm của mi. Hãy nghe lời ta nói. Nếu chúng chết trên đường trường, nếu chúng bị bọn cướp giữa đường giết hại, nếu những đứa trẻ con của loài người được mi nuôi lại vong ân bội nghĩa, trở mặt tặc bực với mi hay chính chúng lại đi giết hại họ nhà hươu thì mi hãy tự trách lấy mình!” Nói rồi mụ già giao hai đứa bé lại cho hươu Maran rồi vội vã trở về khu lều trại còn đang náo nhiệt tiệc tùng dưới thung lũng.

Hai đứa nhỏ mừng rỡ, ríu rít chạy theo *Mẹ Hươu*. Nhưng rồi chúng mệt, mà đường thì xa, từ thảo nguyên này qua thảo nguyên khác mênh mông hơn, từ khu rừng này đến khu rừng khác càng âm u ghê rợn hơn, từ đỉnh núi cao này rồi những đỉnh núi cao khác sao chỉ toàn thấy mây mù che lấp. Chúng sẽ không đi xa được như thế nếu *Mẹ Hươu* không nuôi chúng bằng sữa của mình, đêm đêm không lấy thân mình sưởi ấm cho chúng. Họ đi mãi, đi mãi, đi mãi. Quê hương Yenisei xưa cũ mỗi lúc một lùi xa về phía sau, nhưng cũng còn xa lắm mới tới quê hương mới, hồ Issyk Kul. Không biết bao mùa đông rét buốt đã trôi qua, ba mẹ con xuyên qua những khu rừng rậm rạp, băng qua những thảo nguyên đầm sương mai, qua những bãi cát rộng, qua bao nhiêu núi cao sông dữ. Rút cuộc, *Mẹ Hươu* cũng đã đưa các con đến hồ Issyk Kul thanh thang như đại dương. Xung quanh là những dãy núi tuyết, nằm giữa những ngọn núi um tùm cây xanh, biển nước mênh mông ngút tầm mắt, sóng vỗ dạt dào. Issyk Kul khởi đầu từ đâu, chấm dứt ở đâu, không ai biết được. Ở đầu đặng này, mặt trời đang lên, còn đầu đặng kia đã là đêm tối mù mịt. Có bao nhiêu ngọn núi xung quanh Issyk Kul, không đếm xuể, và sau những ngọn núi ấy còn bao nhiêu dãy núi tuyết phủ cũng như thế vươn cao chót vót, không sao đoán được. Ấy thế là thằng bé và con bé, hai người cuối cùng của bộ lạc Kyrgyz, đã tìm được quê hương mới trên vùng hồ Issyk Kul.

Thời gian trôi nhanh trên thảo nguyên bao la. Thằng bé trở thành người đàn ông cường tráng, còn con bé trở thành thiếu nữ xinh đẹp. Hai người lấy nhau, nên vợ nên chồng. Còn *Mẹ Hươu* không rời Issyk Kul, vẫn sống trong các khu rừng tùng bách xung quanh đấy.

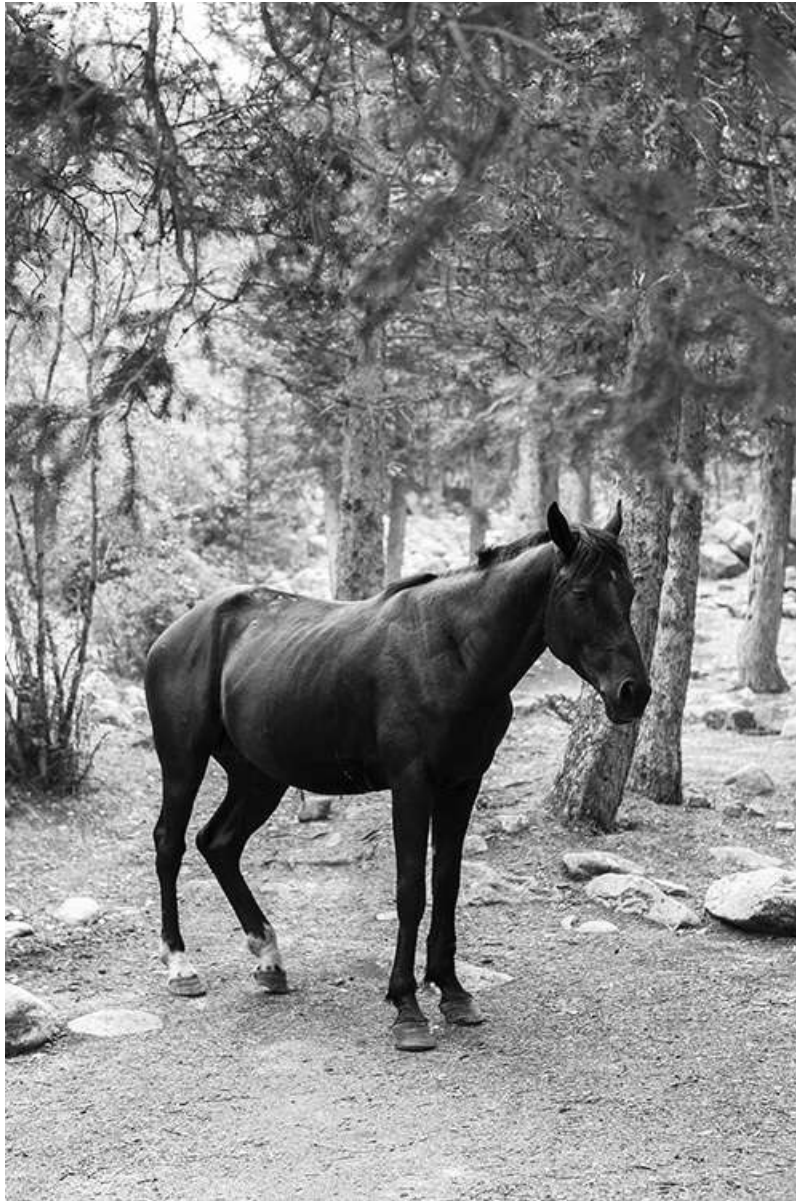
Thế rồi đôi vợ chồng ấy cũng có con. Để tỏ lòng tôn kính *Mẹ Hươu*, họ đặt tên cho đứa con đầu lòng Bugubai. Lớn lên Bugubai lấy một cô gái đẹp thuộc bộ lạc bên cạnh. Dòng họ Bugu của vùng hồ Issyk Kul thành một dòng họ lớn và mạnh. Người Bugu tôn thờ *Mẹ Hươu* như vị thánh. Trên cửa vào các nhà lều tròn của người Bugu có treo hình vẽ sừng hươu Maran để từ xa người ta cũng nhìn thấy và biết nhà lều thuộc bộ lạc Bugu. Khi người Bugu đẩy lui các cuộc xâm lăng của kẻ thù, khi họ tham gia cuộc săn bắn, đua ngựa, một lời hiệu triệu vang lên: “Bugu, Bugu, Bugu.” Thế là bao giờ người Bugu cũng chiến thắng. Trong các khu rừng ven hồ Issyk Kul hồi ấy cũng có những con hươu sừng Maran lông trắng đi tha thảo đây đó, chúng đẹp như những vị thần hóa kiếp trong các truyền thuyết xa xưa. Đây là con cháu của *Mẹ Hươu*. Không ai động đến chúng, không ai được phép xúc phạm đến hươu Maran. Thấy hươu Maran, người Bugu xuống ngựa, kính cẩn nhường đường.

Cho đến khi một người Bugu rất giàu, rất quyền quý qua đời. Ông ta có hàng nghìn nghìn con cừu, ngựa cũng hàng nghìn con, mọi người xung quanh đều là người chăn gia súc của ông ta. Các con trai ông làm ma chay linh đình. Họ mời những người quyền quý nhất ở khắp mọi nơi về dự cỗ đám. Không thể tính được bao nhiêu gia súc đã bị giết thịt, đã uống hết bao nhiêu *ruou kumiz*, đã đưa ra bao nhiêu món ăn đãi khách. Đám cỗ tang nổi tiếng kéo dài nhiều ngày, như một dịp hội hè. Bọn con trai hóm hĩnh của lão nhà giàu rất muốn chơi trội. Thế là chúng nảy ra ý định đặt trên mộ xây của cha chúng cỗ sừng hươu Maran để mọi người biết rằng đây là mộ của vị tổ tiên danh tiếng của chúng thuộc dòng giống *Mẹ Hươu*. Chúng phái những tên thợ săn thiện nghệ vào rừng. Bọn họ chọn những con hươu Maran có bộ sừng dài, nhiều nhánh, lông lẩy như hai cánh của con phượng hoàng đang bay lên. Chúng giết những con hươu không nương tay. Máu hươu đã nhuộm đỏ các dòng suối trên thảo nguyên.

Mọi chuyện bắt đầu từ đó. Hầu như ai ai cũng đi săn hươu Maran trắng trong rừng. Mỗi người Bugu đều tự coi là có bổn phận đặt những cỗ sừng hươu Maran lên phần mộ của tổ tiên. Bây giờ việc đó được coi là hiếu cử, là cách bày tỏ lòng tôn kính đặc biệt đối với vong linh người đã khuất. Kẻ nào không kiếm được sừng hươu thì bị coi là kẻ hèn kém, không xứng đáng ở trong bộ tộc. Người ta bắt đầu buôn bán sừng hươu Maran, tích trữ sừng hươu. Có những người thuộc dòng họ *Mẹ Hươu* lại sống bằng nghề kiếm sừng hươu Maran bán lấy tiền.

Câu chuyện truyền thuyết còn nhắc đến hồi kết của *Mẹ Hươu*. Khi đó, *Mẹ* rất giận loài người. Nghe nói khi hươu Maran khôn khổ vì đạn và chó săn, khi số hươu Maran chỉ còn lại có thể đếm trên đầu ngón tay, *Mẹ Hươu* lên đỉnh núi cao nhất vĩnh biệt Issyk Kul và dẫn những đứa cháu cuối cùng của mình sang bên kia dãy núi lớn, đến một xứ sở khác, một vùng đất khác. Khi *Mẹ Hươu* bỏ đi, *Mẹ* nói rằng sẽ không bao giờ quay trở lại vùng đất này nữa.

Tôi có nhắc đoạn kết câu chuyện truyền thuyết ấy cho Ana nghe, rằng tôi lo lắng sẽ chẳng còn một con hươu sừng tấm nào giống loài Maran như truyền thuyết giữa núi rừng Ala-Archa này. Cô nàng cười khẽ và bảo rằng còn tùy thuộc vào may mắn khi ngày nay nơi đây được bảo vệ nghiêm ngặt bởi chính phủ. Họ phát triển không giống như loại hình du lịch săn bắn ở Nam Phi nên sẽ hy vọng còn những hậu duệ của loài Maran như truyền thuyết.



Chú ngựa bên tán thông xanh.

Hành trình cung trail hai bắt đầu là con đường mòn nhỏ len giữa cánh rừng tùng bách như xứ Bắc Âu lạnh lẽo. Đây chính là loài cây bách đặc trưng được dùng để đặt tên cho công viên quốc

gia này (theo tiếng Kyrgyzstan thì Archa có nghĩa là cây bách). Chúng cao to lên đến vài chục mét, tán lá phủ rộng có khi đặt được vài ba ngôi lều tròn bên dưới. Một số cây có gốc to, uốn lượn nhiều hình thù kỳ quái nhưng thân vẫn vươn thẳng lên trời xanh. Thỉnh thoảng, khi thoát ra khỏi những tán rừng dày, chúng tôi thấy những chú ngựa được thả rong trên những sườn núi cao hiểm trở. Bên kia, những sườn núi dốc hơn lại khoác chiếc áo vàng ươm của bầy hoa dại. Cảnh quan thiên nhiên ở đây làm tôi nhớ đến thảo nguyên Mông Cổ bên kia Thiên Sơn. Cũng mênh mông những cánh đồng hoa nhiều màu sắc bên sườn đồi, những đàn gia súc nhớn nhơ gặm cỏ phía xa xa, những hồ nước xanh biêng biếc không thấy bờ... nhưng có chăng là những cảnh vật này ở Kyrgyzstan đều nép mình dưới những ngọn tuyết sơn hùng vĩ. Chợt có tiếng động sột soạt ở bụi bách non phía trước. Chúng tôi hiểu ý tự nhìn nhau và dừng lại. Tôi và Ana nín thở để không gây ra bất cứ một tiếng động nhỏ nào. Có thể là đôi hươu sừng tấm nào chăng? Có thể chúng còn hiện diện giữa Ala-Archa này? Có thể Ana đã đứng bởi chúng tôi rất may mắn để tận mắt chứng kiến loài hươu sừng khi hiện nay không phải dễ tìm thấy chúng ở những nơi mà con người bắt đầu khám phá du lịch? Rằng *Mẹ Hươu* trong truyền thuyết đã thay đổi ý định quay trở lại sao? Ana đưa nhanh chiếc ống nhòm đang đeo trên cổ để quan sát. Mắt tôi kém vì đôi kính ba đi-ốp nên chỉ chăm chú theo ánh nhìn của Ana. Ana khẽ lắc đầu đủ để tôi hiểu đó không phải loài hươu sừng tấm chúng tôi tìm. Đó chỉ là đôi nai đang gặm những nhánh thông non. Chúng sợ hãi bỏ đi khi chúng tôi tiến đến gần. Quả thật, dù là những truyền thuyết xa xưa nhưng đều trở thành những bài học răn dạy con người. Rằng nếu đối xử tốt với thiên nhiên thì thiên nhiên sẽ luôn chở che con người, nhưng nếu không biết trân trọng thiên nhiên thì sẽ có một ngày loài người sẽ bị thiên nhiên ngược đãi. Tôi chợt nghĩ đến câu chuyện về *Mẹ Hươu* mà người Kyrgyz đã gửi gắm. Họ đã biết sợ khi hủy hoại thiên nhiên. Còn ở những khu rừng ở Việt Nam như Bạch Mã, Cúc Phương hay Nam Cát Tiên thì hậu quả đã sờ sờ ra trước mắt...

Tôi bắt đầu quên đi việc tìm kiếm loài hươu sừng tấm mà cứ chậm chậm bước từng bước lên những đoạn dốc cao giữa khu rừng bách cổ thụ. Thiên nhiên tươi đẹp chính là động lực để tôi có thể hoàn thành bài tập thể lực mà ngay từ lúc đầu tôi không nghĩ mình có thể dễ dàng vượt qua nó. Cuối cùng, tôi và Ana cũng đến được ngọn thác chính Ak-Sai nằm ở độ cao 2.900 mét sau hai giờ len lỏi trong khu rừng già. Ak-Sai trước mặt như một dải lụa trắng muốt vắt trên nền xanh um của cánh rừng cổ thụ. Tiếng thác vỗ ầm ầm xuống những khe núi phá tan không khí tĩnh mịch của khu rừng. Một vài toán khách đã dựng lều ở những triền cỏ ven thác. Mỗi người tự tìm chỗ để cảm thụ thế giới của riêng mình. Kẻ đọc sách, người trườn dài trên cỏ, một số khác thì men theo con thác để tìm chỗ lấy nước. Còn tôi và Ana ngồi trên mỏm đá, cạnh dòng Ak-Sai và cố chờ đợi một điều bất ngờ từ loài hươu Maran huyền thoại.



Ngọn thác Ak-Sai kết thúc cung trail cấp độ hai.

Trời đã về chiều, không còn nhiều thời gian để tôi có thể nấn ná thêm phút giây nào nữa mặc dù trong lòng không hề muốn. Tôi và Ana không thất vọng bởi chúng tôi đã được đắm mình giữa thiên nhiên tuyệt đẹp trong câu chuyện cổ tích của người Kyrgyz. Tôi biết điều đó bởi Ana hơn hờ khoe tôi những bức ảnh cô chụp bằng ống tele về đôi nai với chiếc nhung vừa nhú, chú ngựa đen đang thông dong gặm cỏ dưới gốc tùng, đôi cánh đơn độc nhưng kiêu hãnh của loài đại bàng đang xé mây trên đỉnh núi... Tất cả đã hiện lên trong ánh mắt hào hứng của cô nàng. Chúng tôi bắt đầu xuống núi khi trăng nhấp nhô trên những dãy tuyết sơn. Tôi và Ana không còn kịp thời gian để trở về Bishkek nên đành ngủ lại một đêm ở nhà trọ dưới chân núi. Sớm hôm sau, tôi sẽ

đến vùng hồ ảo diệu Issyk Kul. Nơi theo truyền thuyết *Mẹ Hrou* đã nuôi dưỡng người Kyrgyz trở nên hùng mạnh.

Những bí mật ở Issyk Kul

Trạm xe đến Cholpon Ata, thị trấn du lịch nằm ở khu vực mạn bắc của bờ hồ Issyk Kul, ngoại ô Bishkek. Tôi bắt chuyến xe sắp khởi hành nên chỉ còn một vài chỗ trống ở dãy ghế sau cùng. Đoạn đường dài hơn 260 km qua các thị trấn nhỏ Tokmok và Balykchy trước khi đến Cholpon Ata náo nhiệt. Tuyến quốc lộ này đông đúc xe cộ vì là cung đường huyết mạch nối thủ đô Bishkek với trung tâm du lịch hồ Issyk Kul tấp nập du khách nghỉ dưỡng vào mùa hè. Chuyến xe buýt địa phương với chi phí khá rẻ, chỉ bằng hai phần ba chi phí xe khách ở Việt Nam. Đời sống của người dân Kyrgyzstan còn khá nghèo, bởi ít tài nguyên, địa hình hiểm trở, kinh tế chủ yếu chỉ dựa vào nông nghiệp thông qua việc trồng trọt và chăn thả gia súc nên chi phí sinh hoạt ở đây tương đối thấp.



Món cá xông khói nổi tiếng ở hồ Issyk Kul.

Phần lớn khách du lịch bụi sử dụng xe buýt địa phương để trải nghiệm thay vì như một số khác dư dả tài chính hoặc quỹ thời gian ít ỏi thì đến Cholpon Ata bằng máy bay. Hầu như trong những ngày ở đây tôi chỉ sử dụng các loại xe buýt địa phương để di chuyển khắp đất nước, ngoại trừ một lần duy nhất tôi được hưởng thụ bằng chiếc Lexus từ Osh lên thủ đô Bishkek. Chuyến đi cứ tưởng chừng xem ra xa xỉ nhưng thực chất rất hời vì chi phí xăng dầu rẻ và một chút may mắn vì bắt được chuyến xe của anh chàng tài xế đang có công việc lên Bishkek gấp.

Xe chạy thẳng một mạch đến thị trấn Balykchy nằm ngay điểm bắt đầu phía bờ Tây của hồ

Issyk Kul. Thị trấn có bến xe buýt khá lớn để vận chuyển hành khách theo ba hướng: hướng phía Bắc dẫn đến thủ đô Bishkek, hướng Đông là con đường chạy dọc quanh hồ Issyk Kul qua các thị trấn Cholpon Ata, rồi đến thành phố Karakol nằm ở cực Đông bờ hồ, hướng còn lại đi về phía Nam nối vào thị trấn Naryn nơi có hồ Song Kul tuyệt đẹp ẩn mình giữa những rặng núi cao. Có rất nhiều quầy cá xông khói được bày bán xung quanh khu vực trạm dừng khi xe trả một vài khách xuống cũng như đón thêm những hành khách khác về Cholpon Ata. Đôi vợ chồng người Nga đi chung trên chuyến xe buýt cho tôi biết đây là đặc sản của hồ Issyk Kul. Cá xông khói có thể làm thành món salad hảo hạng trong khi cá tươi được tẩm muối ớt kèm theo những loại gia vị địa phương thành món cá nướng đặc sản ở vùng này. Đôi vợ chồng này cho biết họ rất thích món cá ở đây nên hai năm một lần đều có chuyến đi nghỉ mát quanh hồ Issyk Kul. Xe lại tiếp tục lướt như bay trên con đường thoáng đãng đôi lúc ẩn vào những đoạn rợp bóng hàng bạch dương cổ thụ. Mặt hồ Issyk Kul như tấm gương bạc khổng lồ thấp thoáng trong ánh nắng trưa. Chỉ còn cách thị trấn 20 km, những rừng mận vàng trĩu quả xuất hiện dọc hai bên đường vào mùa thu hoạch. Đây là vùng đất tươi tốt để trồng những loại trái xứ ôn đới như táo, đào, mận và nho. Khi đến mùa rộ, ngoài việc mang ra chợ, hay chế biến thành món mứt dẻo ăn kèm bánh mì trong các bữa sáng thì họ còn tét quả tươi thành từng chùm bày bán dọc con đường quanh hồ, nhất là tập trung gần những thị trấn tấp nập như Cholpon Ata.

Thị trấn phát triển du lịch hơn tôi tưởng. Tôi cùng đôi vợ chồng Nga xuống xe để về hostel với cái tên *Apple* dễ thương nằm ngay trung tâm thị trấn, chỉ cách vài trăm mét là đến bờ hồ Issyk Kul. Phòng ốc thiết kế sạch sẽ, đầy đủ tiện nghi và nhiều dịch vụ du lịch cho khách chọn lựa. Cholpon Ata khá nhỏ nhưng nhộn nhịp bởi đây là thị trấn phát triển du lịch bậc nhất quanh hồ Issyk Kul. Khách thường đến Cholpon Ata để tắm, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt hồ bởi khu vực này sở hữu những bãi cát trắng trải dài cùng lớp bùn khoáng đen ven hồ có tác dụng trị liệu cao. Từ thời Xô Viết, Issyk Kul đã là điểm đến quen thuộc của người Nga và các nước Trung Á lân cận. Rất nhiều khu nghỉ dưỡng sang trọng được đầu tư xây dựng từ thời kỳ này nhằm phục vụ cho lượng khách có mức thu nhập cao từ Nga, Kazakhstan, Uzbekistan và tầng lớp thượng lưu từ Bishkek hay Osh. Sau thời kỳ Xô Viết, những điểm du lịch quanh hồ đặc biệt là Cholpon Ata rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Các khu resort vắng khách nên kéo theo sự xuống cấp của cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự nhộn nhịp trước mắt cho thấy một Cholpon Ata hồi sinh mạnh mẽ, thu hút những đoàn khách từ Nga và các nước láng giềng đến với vùng hồ thiêng nằm thu mình trong dãy Thiên Sơn ngạo nghễ.

Tôi rào bước xuyên qua những khu vườn mận chín vàng óng phía sau hostel để lần ra hồ Issyk Kul. Hầu như ở đây nhà nào cũng trồng vườn mận trước hoặc sau nhà. Mận nhiều vô kể đến độ dưới tán cây hàng nghìn quả mận chín không người hái phủ kín vàng ươm cả mặt đất.

Một số nhà trồng thêm những cây đào, cây táo điểm xuyết những màu hồng màu đỏ làm cho khu vườn rực rỡ như trong mùa lễ Giáng sinh. Những cơn gió nhẹ làm đung đưa hàng cây bạch dương, có những chiếc lá vàng nhỏ khẽ rơi báo hiệu mùa thu sắp chạm ngõ ở vùng đất này. Nhưng đây chỉ là những nét chấm phá trong một bức tranh tổng thể với chủ thể chính là hồ Issyk Kul xanh mượt ở phía trước. Hình ảnh hồ nước xanh mênh mang bên những rặng tuyết sơn phẳng phất sau lớp màn mây mù hiện ra đến thất lòng.

Tôi còn nhớ Issyk Kul không chỉ được nhắc đến trong tiểu thuyết của Tchinguiz Aitmatov mà còn được đề cập trong quyển sách *Đại Đường Tây Vực Ký* của cao tăng Huyền Trang. Số là sau khi rời khỏi nước Cao Xương (thuộc khu vực Tân Cương ngày nay) rồi đến nước Khuất Chi (thuộc khu tự trị Duy Ngô Nhĩ ngày nay), ngài Huyền Trang được vua Cao Xương ban tặng thực phẩm, hành lý, ngựa, lạc đà cùng đoàn tùy tùng vượt qua dãy Thiên Sơn hiểm trở để đến vùng đất Trung Á. Đường đi qua dãy núi rất cheo leo, hiểm trở, băng tuyết đóng quanh năm trên những dãy núi trùng điệp chạy dài đến chân trời. Đoàn tùy tùng hộ tống ngài phải đi từng bước một, rất vất vả mới vượt qua từng mòm đá, từng khe suối sâu, từng vách núi cao sừng sững. Chón thâm sơn cùng cốc này chỉ có tiếng gió tuyết thét gào làm bạn đồng hành. Đoàn người đi ròng rã suốt bảy ngày bảy đêm mới vượt qua dãy núi cao để đến hồ Thanh Trì nhưng khi đó số lượng người và gia súc chỉ còn lại vài cá thể do không chống chọi được với thời tiết khắc nghiệt của Thiên Sơn. Hồ được cao tăng Huyền Trang gọi là Thanh Trì, bởi màu xanh trong đến kỳ lạ không thấy đâu là bờ. Là một hồ nước mặn, nằm trên độ cao được bao bọc bởi những ngọn núi tuyết của dãy Thiên Sơn, nhưng điều đặc biệt là hồ Thanh Trì không đóng băng vào mùa đông vì nhiệt độ của hồ không quá lạnh so với những khu vực khác nên còn có tên gọi theo người bản địa là hồ Hải Nhiệt tức Issyk Kul theo tiếng của người Kyrgyz.

Một vài quán nước thiết kế như những chiếc lều tròn đặc trưng của người du mục Kyrgyz dựng bên bờ hồ Issyk Kul dành cho khách thưởng ngoạn. Tôi gọi một tách trà đen quen thuộc và nhìn dòng người qua lại trên bãi cát vàng ánh trong nắng chiều. Người trẻ thì tắm, người già thì thư giãn nằm xõa dài trên cát, phụ nữ thì hì hục bơi lội lớp bùn đen đặc quánh nhiều dinh dưỡng cho da được lấy ven hồ làm không gian nhiều sắc màu, khoáng đạt khiến người ta lầm tưởng đang ở một xứ biển nhiệt đới nào đó mà không nghĩ rằng đây là một hồ nước mặn nằm trên dãy núi cao nhất nhì thế giới. Những cánh hải âu chao liệng trên mặt hồ đang chuyển dần sang màu lam thẫm. Đâu đó, nhiều nhóm khách gia đình trải những chiếc bạt trên cát vừa nhâm nhi món cá xông khói, vừa thưởng thức ánh hoàng hôn đang chìm dần trên mặt hồ lộng gió.

Sáng hôm sau, khi những dãy tuyết sơn còn bao phủ bởi những lớp mây mờ. Thời tiết khá lạnh khiến tôi phải mặc thêm chiếc áo ấm mà từ lâu nó vẫn nằm sâu trong chiếc ba lô chưa một lần có cơ hội sử dụng. Tối hôm trước, tôi nghe vợ chồng anh bạn Nga rỉ tai là Issyk Kul rất

huyền bí và muốn giải mã những điều ấy thì hãy đến cánh đồng đá gần thị trấn Cholpon Ata. Tôi lại háo hức mang máy ảnh cùng một số thực phẩm mua từ chiều hôm trước ở một siêu thị trong thị trấn. Cholpon Ata yên ả vào buổi sáng tinh mơ, lâu lâu một vài chiếc marshrutkas lướt qua nhanh như chớp. Tôi hít một hơi thật sâu để cảm nhận không khí trong lành của phố, ngửi mùi hương thoang thoảng từ vườn đào chín mọng trong sương.

Cánh đồng đá cách thị trấn 30 phút xe chạy. Nơi đây như một bảo tàng ngoài trời rộng lớn hàng chục ha nằm dưới những dãy núi cao mà hiếm khi thấy đỉnh vào sáng sớm do mây mù che phủ. Trước mắt tôi là hàng nghìn các khối đá khổng lồ có kích cỡ khác nhau từ vài mét đến vài chục mét nằm trải dài trên một cánh đồng rộng lớn. Một số các nhà khảo cổ học cho rằng những tảng đá này có niên đại lên đến 4.000 năm tuổi, có nghĩa nó còn có trước cả những khối đá trên cánh đồng chum kỳ lạ ở Xiêng Khoảng của Lào đến 2.500 năm hoặc hơn thế nữa. Khác với chiếc chum đá khổng lồ được khắc những biểu tượng thần bí ở Lào chưa được giải mã, những tảng đá ở đây được vẽ và điêu khắc cho thấy hình ảnh săn bắn, cảnh hy sinh, thời khắc khai hoàn từ các cuộc chiến tranh hay các hoạt động hằng ngày của các bộ lạc thời bấy giờ.

Tôi lần theo hướng chỉ dẫn để khám phá những điều bí ẩn thông qua những tảng đá vô tri vô giác. Toàn bộ khu vực cho tôi hình dung về một xã hội văn minh, có lẽ lỗi ở một thời kỳ xa xưa trong quá khứ. Những vòng tròn đá, khu lăng mộ, những chiến binh được điêu khắc bằng đá hay bức tranh đá bí hiểm có niên đại từ thiên niên kỷ thứ II trước Công nguyên. Các bức tranh thường miêu tả cảnh săn bắn cùng những con báo tuyết lớn được những người Scythia, một bộ tộc du mục người Iran cổ, thuần dưỡng. Các phiến đá được sắp xếp theo hướng Đông Nam để chúng được kết nối với mặt trời, một thiên thể được xem như là thần linh của người xưa vùng đất này. Điều này được minh chứng thông qua các bức vẽ trên đá lúc nào cũng có hình ảnh mặt trời bên cạnh con người trong các hoạt động săn bắn, một hoạt động duy nhất để duy trì sự tồn tại của họ trong vũ trụ bao la. Một vài tảng đá khác có điêu khắc hình ảnh con hươu sừng tấm bệ vệ tương truyền trong tập tục thờ *Mẹ Hươu* của những bộ tộc du mục người Kyrgyz mà tôi đã đề cập đến. Hình ảnh này rất phổ biến thông qua những bức tranh đá hay những hiện vật được tìm thấy ở các vùng Altai, Semirechye và miền Nam Siberia ngày nay.

Người địa phương thì cho rằng, thời gian tốt nhất để ghé thăm cánh đồng đá là sáng sớm hay chiều muộn, khi tất cả vân đá trên bức tranh hiện rõ mồn một dưới những tia nắng dịu và người ta có thể cảm nhận không gian yên ắng, thần bí của thời xa xưa. Một số nhà khảo cổ cho rằng, nơi đây từng có sự hiện diện của một ngôi đền khổng lồ tôn thờ mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú hay những vị thần trong nhận thức của tổ tiên.

Một số phiến đá cho thấy nghệ thuật điêu khắc dần dần biến mất do làn sóng của người Hồi

giáo thông qua hành trình giao thương trên Con đường tơ lụa. Một số hình ảnh về động vật, con người ít được thể hiện trong các hiện vật điêu khắc đá trong văn hóa của Hồi giáo. Tuy nhiên những phiến đá đã bị bào mòn, chỉ còn lớp vàng nâu do bị tác động của ánh mặt trời qua hàng ngàn năm vẫn cho thấy một xã hội du mục cổ xưa sống ở vùng hồ này có một bề dày văn hóa đặc trưng đáng kinh ngạc.

Mặt trời đã lên cao đẩy những đám mây mù trắng xóa như bông trên các đỉnh núi ra xa dần. Dãy núi tuyết như vừa tỉnh ngủ sau một giấc ngủ dài. Cảnh quan thiên nhiên vùng hồ này là như vậy. Khi trời trong xanh không một gợn mây, khi lại âm u xám xịt chỉ nghe được tiếng gió thét gào. Nhưng hôm nay có lẽ là một ngày nắng đẹp để ngắm thị trấn Cholpon Ata soi mình bên hồ Issyk Kul xanh ngắt.

Một vài đoàn du khách người nước ngoài cũng đã bắt đầu viếng thăm cánh đồng đá. Họ đi theo tour du lịch được bán phổ biến ở thị trấn Cholpon Ata. Trong các thị trấn quanh hồ Issyk Kul, thì Cholpon Ata là thị trấn sầm uất các hoạt động du lịch để cung cấp cho du khách nhất. Họ có thể mua tour du lịch trọn gói để thăm quan những cảnh đẹp quanh hồ Issyk Kul có chu vi lên đến 200 km. Do kiến tạo địa chất đặc biệt nên vùng này có nhiều thắng cảnh tự nhiên bên cạnh những ngôi làng nhỏ xinh xắn còn lưu giữ nhiều nét văn hóa bán du mục đặc trưng. Tôi theo sau một nhóm khách người Anh để lượm lặt thêm những thông tin về lịch sử của Issyk Kul trên cánh đồng đá huyền bí này. Cô hướng dẫn người Nga với đôi mắt màu xám trông thu hút kể rằng: “Hồ Issyk Kul đóng một vai trò to lớn trong lịch sử phát triển loài người bởi vị trí địa lý của hồ này nằm ở điểm giao cắt giữa Indo-Aryan và các tuyến đường di chuyển của các bộ lạc du mục. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết của nhiều loại hình tôn giáo đã từng tồn tại ở đây như Hỏa giáo, Phật giáo, Do Thái, Cơ Đốc và Hồi giáo. Con đường tơ lụa cách đây hàng ngàn năm chạy men theo bờ hồ tồn tại cho đến tận thế kỷ XVIII. Thậm chí cho đến ngày nay, hậu duệ của những nhà buôn trên lưng lạc đà này ngày xưa vẫn còn nhắc lại các câu chuyện của tổ tiên họ trong những cuộc hành trình đi từ phương Đông sang phương Tây và ngược lại. Ở triều đại Timurid hùng mạnh thế kỷ XIV, Hoàng đế Timur đã từng cho xây dựng một pháo đài trên một hòn đảo nhỏ thuộc hồ Issyk Kul để giam giữ những tù nhân xuất thân từ tầng lớp quý tộc và cất giấu nhiều kho báu của mình. Những chuyến khám phá châu Á nổi tiếng của các nhà thám hiểm người Nga như Dmitry Przhevalsky và Pyotr Semyonov-Tian-Shansky đều bắt đầu từ hồ Issyk Kul này!” Nghe đến đây làm tôi nhớ đến thông tin về nhà thám hiểm được nhắc trong một bài báo mạng khi tôi dò tìm thông tin về vùng hồ Issyk Kul vài ngày trước đó. Bài báo viết rằng ông Pyotr Semyonov-Tian-Shansky đã kể lại một điều bí ẩn thú vị trong quá trình khám phá châu Á của mình vào năm 1850. Khi đến thành phố nổi Venice ở Ý, ông tình cờ thấy một tấm bản đồ của xứ Cataluya (Tây Ban Nha) được vẽ năm 1375 và bắt gặp một bức họa về một tu viện bí ẩn ở

ven hồ với dòng chú thích: “Địa danh này được đặt tên là Isikol. Đây là tu viện của những người đạo hữu theo dòng Armenia. Nơi đây tương truyền lưu giữ những di vật của Thánh Matthew the Apostle và Evangelist.” Nhưng khi Semyonov-Tian-Shansky đến nơi và thực hiện việc tìm kiếm tu viện ấy trong vô vọng. Tất cả những gì còn lại là một tu viện chìm sâu dưới lòng Issyk Kul thăm thẳm, rộng lớn. Quả thật, Issyk Kul còn chứa đựng quá nhiều điều bí ẩn.

Issyk Kul có nhiều thị trấn quần cư xung quanh. Ngoài Cholpon Ata náo nhiệt, tôi không thể nào bỏ qua Karakol cổ kính. Thị trấn đón tôi bằng bầu trời trong xanh, không một gợn mây và cũng rất hiếm bóng người trên những con phố xanh mát. Khác hẳn không khí nhộn nhịp như một “thành phố biển” của Cholpon Ata, Karakol vắng lặng hơn nhiều mặc dù nơi đây là thủ phủ của cả vùng hồ Issyk Kul được bao phủ bên những dãy tuyết sơn trùng điệp. Nếu như ở thị trấn Cholpon Ata có rất nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp phục vụ cho khách vui chơi giải trí, thưởng thức món cá đánh bắt từ hồ hay đến sân vận động trung tâm thị trấn xem những màn biểu diễn ngựa đặc sắc thì ở Karakol hoàn toàn ngược lại. Du khách thường chọn một hostel nho nhỏ ẩn mình trong vườn mận xanh um để đọc sách, tham gia các hoạt động leo núi, trượt tuyết hay khám phá những ngôi làng truyền thống pha trộn nét kiến trúc Nga xinh xắn nên để lại phố núi không khí tĩnh lặng, yên bình. Karakol đúng nghĩa là một nơi để quay về, để chiêm nghiệm hơn là nơi dứt áo ra đi.

Tôi chọn một hostel được bao quanh bởi vườn táo chín đỏ. Không khí bình yên đến rữ người bởi tiếng chim chiu chít trong khu vườn nhỏ. Dưới tán cây là bốn, năm cái lều đủ màu sắc của các bạn Tây ba lô với những đôi giày leo núi còn lấm lem bùn đất đặt phía trước. Có thể họ vừa mới tham gia trekking ở thung lũng Karakol gần đây, hoặc đạp xe quanh bờ hồ Issyk Kul. Họ dựng lều trong khu vực hostel nếu có điều kiện chứ không sử dụng dorm hoặc phòng ngủ như các khách du lịch bụi châu Á. Điều quan trọng là họ muốn trải nghiệm thật sự, hòa mình vào thiên nhiên mà cuộc sống thực tại rất hiếm gặp. Hơn thế, việc ngủ lều sẽ giúp họ tiết kiệm gần phân nửa giá tiền so với việc ngủ dorm, số tiền tiết kiệm sẽ làm cho hành trình của họ cứ dài mãi.



Nhà thờ Holy Trinity.



Nhà thờ Hồi giáo Dungan với kiến trúc như một ngôi chùa Trung Quốc.

Thị trấn Karakol không nằm sát bờ hồ như Cholpon Ata, nhưng nơi đây lại có một bức tranh tôn giáo nhiều màu sắc đến kỳ lạ. Một số người bạn du lịch ở Bishkek tư vấn cho tôi là hãy đến Karakol để hiểu rõ hơn lịch sử hơn 3.000 năm của Issyk Kul từ sự pha trộn về tôn giáo đến nét văn hóa truyền thống của những người bản địa nơi đây.

Từ thời Nga Hoàng, thị trấn ban đầu được thành lập như là một tiền đồn quân sự trấn giữ ở vùng biên giới trên dãy núi Thiên Sơn. Nơi đây, trước kia cũng là khu vực định cư của cộng đồng người Nga và một số ít cộng đồng người Slav sinh sống. Điều này minh chứng thị trấn vẫn

còn những ngôi nhà có kiến trúc Nga truyền thống. Tôi thả bộ đến ngôi nhà thờ chính thống giáo Holy Trinity được xây dựng bằng gỗ đẽo từ những năm 1894-1895 trên nền một ngôi nhà thờ bằng gạch trước đây. Trong thời kỳ Xô Viết, nhà thờ được trưng dụng như một trường học nhỏ, rồi biến thành nhà hát, sân thể thao, đến việc cải tạo thành phòng tập thể dục cho phụ nữ trong thị trấn. Sau đó, từ khi Kyrgyzstan độc lập năm 1991, chính quyền thành phố phục dựng lại và mở cửa phục vụ khách du lịch tham quan và nơi làm lễ của các tín đồ Cơ đốc giáo ở địa phương. Dù nằm ở ngay trung tâm thị trấn Karakol, như nhà thờ Holy Trinity vẫn nép mình lặng lẽ ở đất nước mà có đến hơn 80% người dân theo đạo Hồi. Lối kiến trúc đặc trưng của nhà thờ Chính thống giáo Nga là các khối chóp tròn quen thuộc được mạ vàng hay tháp chuông cao vươn khỏi những tán thông xanh ngát. Nhà thờ như một lâu đài cổ tích giữa một vườn hoa lung linh nhiều màu sắc đang đua nở dưới những tán thông già. Karakol có nhiều điều kỳ lạ như vùng hồ Issyk Kul chứa đựng nhiều câu chuyện huyền bí chưa có lời giải đáp. Minh chứng là sự kỳ quặc về kiến trúc của ngôi nhà thờ Hồi giáo Dungan bằng gỗ lại theo phong cách Trung Hoa. Vừa chưa hết ngạc nhiên với lối kiến trúc độc đáo, kỳ lạ của một nhà thờ Chính thống giáo trên một đất nước Hồi giáo thì tôi càng không hình dung được một nhà thờ Hồi giáo mà thoát nhìn không khác gì một ngôi chùa Phật giáo ở Trung Quốc. Chính lịch sử của Karakol biến thị trấn luôn ẩn chứa những điều kỳ lạ cho du khách khám phá. Vào năm 1882, tộc người Dungans theo đạo Hồi bị đàn áp bởi triều đình Trung Hoa thời bấy giờ nên họ đã vượt qua dãy Thiên Sơn, tìm chỗ quy ẩn định cư xung quanh bờ hồ Issyk Kul. Năm 1904, nhà thờ được xây dựng bởi đóng góp của những người Dungan định cư ở Karakol. Dungan như một sự giao thoa về tôn giáo, giữa một đất nước Trung Quốc phần lớn là Phật giáo và Kyrgyzstan theo Hồi giáo. Sự độc đáo của công trình này khi tôi đọc vội những thông tin du lịch từ những bản chỉ dẫn bên trong. Nhà thờ được làm bằng gỗ mà không cần dùng đến một cây đinh kết nối nào cả. Phần họa tiết được trang trí là những hoa văn rồng phượng, những biểu tượng Phật giáo do các nghệ nhân phương Đông thực hiện.

Chiều tà, mặt trời ngả về phía hồ xa xa. Những cơn gió chiều làm rung rinh những tán cây táo trong vườn nhà. Hương táo thoang thoang cả một góc phố muộn. Mai tôi lại vội vã đi khi Issyk Kul, còn quá nhiều điều bí ẩn để khám phá như tôi vẫn thường vội vã với chính bản thân mình.

Lễ hội Manas bên hồ Songkul

Từ Balykchi, tôi đón xe đến thị trấn miền quê Kochkor, cửa ngõ đến hồ Song Kul theo lời “rủ rê” của *Lonely Planet*. Tôi ngã gục ngay từ đầu nên quyết ủ kế hoạch dành ít nhất vài ngày thong dong ở Song Kul. Theo đó, *Lonely Planet* khuyến cáo những lữ khách nước ngoài nên thưởng thức hai hoạt động nổi bật là cưỡi ngựa quanh hồ Song Kul và trải nghiệm trên cung đường

Pamir kỳ bí. Thật ra, ở đất nước thảo nguyên đâu đâu cũng cung cấp dịch vụ cưỡi ngựa cho du khách vì ngựa nơi đây được nuôi nhiều vô kể. Chúng dùng để chăn thả, lấy sữa hay trở thành nguồn thực phẩm thông dụng. Tuy nhiên, du khách nên rong ruổi bằng ngựa quanh hồ Song Kul trên độ cao 2.800 mét, nơi có những dãy núi tuyết soi mình bên hồ nước xanh như ngọc và bãi cỏ mấp mô xa tít. Những lời mật ngọt chết ruồi ấy của *Lonely Planet* khiến tôi chao đảo theo quán tính của một kẻ hay tăng bốc vẻ đẹp ma mị, liêu trai của thiên nhiên.

Chiếc xe dù đưa tôi vào tận khu vực nhà trọ nằm trên con đường đất đỏ ở trung tâm thị trấn. Căn nhà nằm dưới gốc sồi to ba người ôm không xuể. Tiếng quạ đuổi nhau trên tán cây phá tan không gian yên tĩnh của khu xóm nhỏ. Dù vậy, con đường vắng bóng người làm không gian trở nên hoang vắng mặc dù là thời điểm ban ngày. Ở thị trấn này chỉ có một vài nhà làm du lịch theo kiểu *homestay* và liên kết với các công ty du lịch địa phương để hình thành mảng du lịch cộng đồng. Ở đây, ngoài việc cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống, các nhà dân còn kiêm luôn đại lý du lịch, có nghĩa họ sẽ giới thiệu cho du khách những tour du lịch khám phá hồ Song Kul. Tôi thấy trên chiếc bàn khách giữa nhà họ để sẵn bảng báo giá tour du lịch của hãng *Shepherd's Life* được đánh giá cao bởi các sách tư vấn du lịch.

Ở trung tâm thị trấn Kochkor có nhiều văn phòng du lịch để đưa khách khám phá Song Kul theo nhiều tour khác nhau. Ấn tượng ban đầu là cách làm du lịch của họ bằng một biểu ngữ được xuất hiện ngay trên tường: *"Hãy để chúng tôi lãi khoảng 15% cho một số chi phí hoạt động nhằm phục vụ quý vị tốt hơn."* Họ mạnh dạn cho du khách biết mức lợi nhuận của mình để phục vụ những sản phẩm du lịch chuyên nghiệp, có chất lượng cao. Một hình thức tiếp thị rất ấn tượng với du khách phương Tây đang rất cần sự rõ ràng, không mập mờ từ các doanh nghiệp lữ hành.

Lúc tôi đến văn phòng của *Shepherd's Life* cũng có một vài khách ba lô khác cũng đang tìm cách đến Song Kul. Cô giám đốc khoảng bốn mươi tuổi, trang điểm nhẹ nhàng, nói tiếng Anh lưu loát đang tư vấn cho khách một vài phương án di chuyển. Theo đó, du khách có thể tự đặt taxi ở ngoài thị trấn, nếu thương lượng tốt thì giá cả cũng có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, tài xế đa phần là không biết tiếng Anh. Nếu du khách đặt dịch vụ qua công ty lữ hành thì giá cả có cao hơn một chút nhưng xe chất lượng tốt hơn, tài xế kiêm luôn vai trò hướng dẫn viên và đặc biệt sẽ được đảm bảo hơn vì thương hiệu của họ được bảo chứng. *Shepherd's Life* là một trong những doanh nghiệp được nhiều sách về du lịch tư vấn cho du khách lựa chọn khi muốn trải nghiệm theo tiêu chuẩn dịch vụ CBT¹³ tại Kochkor. Cũng có hai hình thức "ở nhà dân" mà du khách có thể lựa chọn để lưu trú tại khu vực hồ Song Kul. Tất nhiên giá cả có khác nhau một chút. Ví dụ, nếu du khách ở Yurt không tham gia dự án CBT thì giá B&B (Bed and Breakfast) là 300 som/khách, còn nếu lưu trú với những khu vực có hộ gia đình tham gia CBT thì giá B&B là 400 som/khách vào những ngày cao điểm. Vậy du khách sẽ được hưởng những dịch vụ gì khi

tham gia sử dụng sản phẩm dịch vụ của CBT? Trước hết là những khu vực này khá biệt lập, được giữ gìn vệ sinh rất tốt, không rác thải, môi trường trong lành, những đàn gia súc được nuôi dưỡng trong môi trường vệ sinh sạch sẽ, khu vực nhà xí thường xuyên được rắc hóa chất khử trùng liên tục. Bên trong khu vực Yurt, ga gối sạch sẽ, thơm tho hơn vì được giặt giũ và khử mùi thường xuyên. Chất lượng bữa ăn sáng cũng phong phú và đa dạng hơn so với bữa ăn ở các nhà dân không tham gia dự án, vì thực chất người dân địa phương họ cũng ăn uống khá đơn giản với mứt, bánh mì và sữa ngựa; nếu du khách ở dăm ba ngày cũng sẽ nảy sinh cảm giác ngán ngẩm những buổi điểm tâm đơn giản ấy. Tôi cho rằng cách làm du lịch này một mặt hỗ trợ cho người dân tham gia tích cực hoạt động du lịch, họ có thêm thu nhập song song với việc bảo vệ môi trường để nguồn thu phát triển bền vững. Mặt khác, khách du lịch sẽ được tận hưởng dịch vụ tốt hơn, vệ sinh hơn, an tâm trải nghiệm lối sống du mục truyền thống trên thảo nguyên từ hàng ngàn năm nay.

Cô giám đốc có nhắc đến lễ hội Manas sẽ được tổ chức bắt đầu vào ngày hôm sau bên hồ Song Kul. Tôi thì hoàn toàn không có thông tin này trong khi rất nhiều bạn Tây háo hức đến với Song Kul vì lễ hội. Rõ ràng, khâu thông tin họ nhận được rất tốt trong khi nếu không may mắn thì tôi có thể đã bỏ qua một sự kiện đáng nhớ trên hành trình. Tôi để ý đến cô bạn người Pháp, dáng người nhỏ nhắn, mặc chiếc quần đay thụng trông thật trẻ trung, để lộ dòng chữ gì đó được xăm sau gáy mà tôi không nhìn thấy rõ. Tên cô ấy là Mary khi tôi nghe loáng thoáng cuộc nói chuyện giữa cô nàng và cô giám đốc. Mary sẽ thuê xe để tham gia lễ hội Manas là chính chứ không chọn một tour thông thường đến Song Kul. Một tour du lịch phổ biến là du khách sẽ được xe đưa đến khu vực tập trung cách thị trấn Kochkor khoảng 50 km, sau đó, nài ngựa địa phương sẽ đón khách bắt đầu một hành trình cưỡi ngựa rờn rã một ngày để đến hồ Song Kul. Lướt trở về cũng như thế nhưng sẽ theo một lộ trình hoàn toàn khác để tránh nhàm chán cho khách. Tuy nhiên, vào thời điểm mà lễ hội Manas diễn ra thì nhiều du khách lại muốn tham gia lễ hội như cô bạn Mary này. Tôi lúc đầu cũng do dự vì cũng thích trải nghiệm bằng hành trình cưỡi ngựa băng qua những dốc núi cao để trở thành “một chàng kỵ mã đơn độc” giữa Thiên Sơn. Tuy nhiên, chính Mary đã thuyết phục tôi nên tham dự trọn vẹn lễ hội Manas để cảm nhận được cuộc sống, con người ở vùng rừng núi heo hút này. Chúng tôi quyết định đi cùng nhau và sử dụng dịch vụ thuê xe, lưu trú cùng người dân bản địa mà hãng *Shepherd's Life* cung cấp.



Hamid đang tự thay bánh xe khi con đường heo hút này không có trạm sửa xe nào.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi xuôi xuống phía Nam thị trấn Kochkor. Đoạn đường nhựa dài 20 km nhanh chóng lùi dần để rẽ vào cung đường núi hiểm trở dẫn đến hồ Song Kul. Đường vào hồ lượn cong theo những sườn núi tuyết cao, có đôi chỗ bên dưới vừa tan băng khi mùa hè đến, tạo thành những dòng thác cuộn cuộn. Mặt đường phần lớn là đất đỏ gồ ghề đôi chỗ được rải đá dăm tránh trơn trượt vào mùa mưa. Đường thì mấp mô, lồi lõm làm xe chúng tôi phải thay bánh khi chưa kịp leo qua những con dốc cao nhất. Ở đây hoang vu không có một trạm vá xe nào nên các tài xế thường dự phòng đặt thêm vỏ ruột trong cốp. Tôi và Mary ngồi mỗi người một phía cửa sổ. Tay ghì chặt chiếc máy ảnh và tạch tạch liên hồi. Thình thoảng, chúng tôi phá lên cười một cách đau đớn vì cơ thể bị hắt tung lên khi xe qua những hố gà lớn khiến đầu cứ va lên trần xe kêu côm cốp.



Chảo thịt ngựa nghi ngút khói.

Xe tiến thẳng đến khu vực bờ hồ phía nam nơi có cánh đồng cỏ bao la ngút tầm mắt thích hợp cho việc tổ chức những lễ hội lớn trong vùng. Người dân ở khu vực ven hồ đã có mặt từ sáng sớm. Họ dựng lều bạt để bán hàng phục vụ cho khách du lịch tham dự lễ hội. Những chảo thịt ngựa ngầy ngậy mùi tỏa khói nghi ngút giống như món thắng cố ở vùng miền núi Sa Pa của Việt Nam. Những xe tải bán trung đầy ắp các loại dưa và trái cây vùng Trung Á. Một số lều bạt bày biện vô vàn các loại nước ngọt, bia, rượu phục vụ chủ yếu cho dân địa phương ở các vùng lân cận. Đặc biệt, nhiều gian hàng chọn hình thức kinh doanh món ăn truyền thống là những xâu thịt nướng kebab dậy mùi gia vị đặc trưng của tộc người du mục. Hàng trăm lều tròn thả khói được dựng lên từ trên triền núi nhìn xuống lòng hồ. Một số nhà vệ sinh dã chiến được dựng lên để phục vụ cho dân chúng và du khách. Không khí tung bừng náo nhiệt bao phủ cả một khu vực phía Nam của vùng hồ Song Kul rộng lớn. Chúng tôi tìm bãi đậu xe và ăn sáng ở một lều truyền thống với món bánh chiên nhân khoai tây và trà hoa cúc. Bên ngoài, trời đang vẫn vũ chực chờ những cơn mưa mùa hè trên dãy Thiên Sơn.



Một nhóm khách địa phương đến từ Naryn tham dự lễ Manas.

Mary cho tôi biết cô ấy làm việc trong một tổ chức văn hóa ở Pháp và đang hoàn thành luận án tiến sĩ với đề tài liên quan đến sử thi Manas của người Kyrgyz. Cô đã đến đất nước này tổng cộng bốn lần trong vòng ba năm trở lại đây và chủ yếu lần này cô tham gia lễ hội Manas. Mary nói rằng văn hóa du mục của người Kyrgyz đã ăn sâu vào máu và cô sẽ đi đến những vùng heo hút của Kyrgyzstan để thu thập những thông tin nhằm hoàn tất công trình nghiên cứu của mình. Tôi nghĩ cô nàng đã quá nặng nợ với vùng đất này rồi. Tôi ngờ ngợ dòng chữ xăm sau gáy chính là chữ Manas như thể một phần nét văn hóa du mục sẽ gắn chặt vào cuộc đời của cô ấy vậy. Một công trình nghiên cứu không cho đất nước Pháp mà dành riêng cho một nền văn hóa xa xôi nằm

sâu trong lục địa Á. Chỉ có thể là tình yêu mãnh liệt dành cho con người nơi đây khiến cho một cô gái nhỏ nhắn quen lối sống tiện nghi đầy đủ tìm về cuộc sống du mục thiếu thốn bộn bề. Cô kể cho tôi nghe về lễ hội Manas như một người bản địa thực thụ. Rằng Manas là lễ hội truyền thống của người dân Kyrgyzs được tổ chức hằng năm vào mùa hè, khi thời tiết ở độ cao 3.000 mét không quá lạnh. Bức tranh thảo nguyên như bừng lên sức sống khi mặt hồ Song Kul trong xanh lạ thường thích hợp cho người dân địa phương tổ chức một số hoạt động sinh hoạt cộng đồng truyền thống. Rằng lễ hội cũng là dịp tụ tập người dân Kyrgyzstan từ các vùng lân cận khác đưa gia đình đi dã ngoại vào dịp hè. Họ có thể đến từ Naryn, Osh, thậm chí từ Bishkek hay tận Talas xa xôi. Mary dường như chuẩn bị đầy đủ thông tin về lễ hội. Cô nàng lấy ra từ chiếc túi vải quỳn sổ tay nhỏ ghi cẩn thận bằng bút chì lịch trình lễ hội Manas năm nay. Ngày đầu tiên sẽ diễn ra phần lễ với các quan chức địa phương, các già làng trưởng bản tôn vinh nét văn hóa du mục lâu đời của người Kyrgyz thể hiện qua sử thi Manas. Sử thi Manas của người Kyrgyz thể hiện thế giới quan, niềm tự hào, nhân phẩm của họ và khát khao hướng đến một tương lai tốt đẹp thông qua hình thức truyền miệng. Đây là ngày những điệu múa truyền thống được các cô gái, chàng trai người bản địa thể hiện tài năng qua các tiết mục đậm đà màu sắc dân gian. Ngày thứ hai của lễ hội là những tiết mục thi đấu trên lưng ngựa giữa các thanh niên ở những ngôi làng quanh hồ Song Kul.



Những thanh niên địa phương là những tay kỳ mã cừ phách.

Các môn thi đấu, tranh tài hết sức sôi nổi thu hút rất nhiều người chờ đợi không kém môn bóng đá được nhiều người trên thế giới hâm mộ. Họ sẽ thể hiện sức mạnh để tồn tại và chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt bằng những môn thể thao thể hiện bản năng sinh tồn như: đấu vật trên lưng ngựa, đua ngựa, săn thú bằng đại bàng và đặc biệt là trò chơi đồng đội Buzkashi sôi

động.

Bầu trời bừng sáng khi những gợn mây xám đang đuổi nhau về phía cuối hồ. Những hạt mưa bụi vẫn lất phất phía bên ngoài khu lều. Chúng tôi tản ra đi về phía khu vực bờ hồ Song Kul để bắt đầu hòa mình vào không khí lễ hội truyền thống của người Kyrgyz bên dãy tuyết sơn.



Hồ Song Kul rất thích hợp hoạt động cưỡi ngựa.



Khách du lịch nước ngoài đang theo dõi lễ hội Manas.

Anh chàng tài xế Hamid tìm cho chúng tôi một mô đất cao có hướng nhìn về không gian chính tổ chức lễ hội, phong nền phía sau sân khấu là hồ Song Kul loang màu xanh ngắt. Tự lúc nào người dân đã tỏa ra trải những tấm đệm lông cừu trên cỏ để nhìn xuống mặt hồ. Họ xúng

xính trong những bộ đồ truyền thống địa phương, không ít trong đó là những thanh niên tay cầm roi, gò người trên lưng ngựa đang tìm cho mình những chỗ xem ưng ý nhất. Họ có thể xuất phát từ những ngôi làng hẻo lánh trong những hẻm núi xa xa. Một số gia đình thì co ro trong những chiếc chăn lông dày sộ. Hamid chu đáo chuẩn bị một tấm thảm vừa đủ cho hai chúng tôi ngồi, còn anh chàng cởi chiếc áo khoác đang mặc để lót ngồi bên cạnh.



Một phụ nữ lớn tuổi người Kyrgyz trong trang phục truyền thống ở lễ hội Manas.

Lễ hội bắt đầu bằng những nghi thức giới thiệu đặc trưng thú vị với màn chào hỏi của các vị trưởng lão trong những ngôi làng cùng với bảy gia súc hàng trăm loại đi qua khu vực sân khấu

chính. Dẫn đầu là đoàn lạc đà chừng 50 con với vị thủ lĩnh oai phong ngồi chễm chệ trên con đầu đàn được trang trí bằng những vòng hoa trước cổ. Khi đến khu vực khán đài, vị thủ lĩnh già xoay người hướng về phía khán đài, một tay phất cờ, một tay vẫn giữ lấy cương, hai chân thúc mạnh vào hông lạc đà và đồng loạt chào quan khách bằng tiếng địa phương. Bầy lạc đà ngoan ngoãn khụy hai chân trước theo con đầu đàn như một đội duyệt binh nghiêm túc kính cẩn đi qua hàng ghế danh dự. Liên theo đó là đôi ngựa chiến phi nước đại rồi đột ngột dừng lại trước khán đài. Chúng được điều khiển bởi đôi nam nữ trẻ tuổi trong trang phục truyền thống địa phương. Bất ngờ, cả hai chú ngựa nhấc bổng chân trước, hí giục vang trời. Chúng chính là đôi ngựa thủ lĩnh cho đàn ngựa phía sau chừng trăm con đang chạy rầm rập trong tiếng reo hò cổ vũ của khán giả. Hamid thủ thi vào tai tôi nói rằng cô gái ấy từng giành chức quán quân về đua ngựa ở lễ hội năm trước khi so tài với đám trai làng vạm vỡ. Tiếp đó lần lượt là những bầy gia súc với những trò biểu diễn riêng đã được chủ huấn luyện thuần thục để so tài trước khán giả. Từng đàn bò lông dài, lừa, đến cừu, dê, chim trĩ, gà rừng đi thành từng đoàn như những đoàn binh hùng hậu khi lâm chiến. Tiếng reo hò không ngớt của khán giả làm phá tan không khí tĩnh lặng như thường lệ bên hồ Song Kul. Màn chào hỏi của bầy gia súc vừa xong báo hiệu lễ hội Manas chính thức khai mạc.

Hamid bắt đầu kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện về người Kyrgyz ở vùng hồ Song Kul khi ban tổ chức lễ hội bắt đầu chuẩn bị cho những màn múa hát tiếp theo:

- Hiện nay người Kyrgyz chúng tôi là sắc tộc lớn chiếm gần 70% dân số ở Kyrgyzstan và trong lịch sử từng là những người chăn nuôi bán du mục. Chúng tôi sống trong những chiếc lều tròn và chăn thả gia súc. Hiện nay, văn hóa du mục vẫn còn tiếp diễn theo mùa khi các hộ gia đình di chuyển đến những nơi gần nguồn nước, những cánh đồng cỏ bao la vào mùa hè. Các bạn vừa thấy những bầy gia súc hàng trăm con có mặt trong lễ khai mạc, chúng là nhân vật chính trên thảo nguyên đấy. Chúng đã nuôi lớn chúng tôi đến tận ngày hôm nay.
- Thế anh cũng có nhà ở khu vực Song Kul này à? – Tôi buột miệng hỏi Hamid.
- Gia đình tôi ở khu vực phía bắc hồ Song Kul, nằm ở trong dãy núi cao phía trước! – Hamid vừa nói tay vừa chỉ cho chúng tôi thấy dãy núi trùng điệp phía trước mà đỉnh đã bị che mất bởi những đám mây còn nặng hơi nước.
- Thế Hamid có nhà ở Kochkor không? – Mary góp chuyện.
- Cách đây bảy, tám năm, khi du lịch vùng này phát triển, tôi có học lái xe và tiếng Anh để phục vụ du khách đến hồ Song Kul. Tôi cũng vừa mua được một ngôi nhà nhỏ trong thị trấn để đám nhỏ có điều kiện học hành. Tôi có ba nhóc rồi đấy! – Anh chàng Hamid tí mắt cười có vẻ đầy tự hào.

- Thế anh là tay cưỡi ngựa cừ khôi như lái xe chứ Hamid? – Tôi hỏi khi thấy rất nhiều thanh niên cưỡi ngựa rất điêu luyện đang phi nước đại lên những gò đá cao.
- Ồ, tất nhiên rồi. Tôi biết cưỡi ngựa từ khi mới lên bốn tuổi đấy. Tuy nhiên thằng con lớn sáu tuổi bây giờ vẫn chưa cưỡi tốt như tôi ngày xưa. Vì hiện giờ chúng được đi học ở thị trấn, chỉ có mùa hè hoặc lễ lạt thì mới về lại Song Kul chơi với ông bà.
- Hiện giờ người dân ở đây vẫn sống tự cung tự cấp phải không Hamid? – Tôi thắc mắc.
- Đúng thế, hiện giờ một số hộ gia đình có tham gia hoạt động du lịch nên họ có thể sử dụng nhà cho du khách ở, một số thanh niên sẽ làm việc với các công ty lữ hành để hướng dẫn khách cưỡi ngựa quanh hồ Song Kul, một số khác làm hướng dẫn hoặc tài xế như tôi. Cuộc sống có phần khá hơn trước kia. Tuy nhiên chúng tôi chỉ làm du lịch khoảng ba, bốn tháng mùa hè. Mùa đông ở đây lạnh lắm. Như các bạn thấy, ở Song Kul thời tiết rất bất thường. Nếu có ánh nắng mặt trời thì thời tiết ấm lên đôi chút, còn mưa hay mây mù thì trời lại rét căm căm. Song Kul là hồ nước ngọt vì thế đóng băng hoàn toàn vào mùa đông khác với hồ Issyk Kul ở phía Bắc. Những ngày mùa đông rét mướt, chúng tôi chỉ nhờ vào đàn gia súc của mình.
- Nhưng tôi thấy rất nhiều thanh niên ở đây có điện thoại di động, ăn uống vui chơi rất thoải mái trong lễ hội. Kinh tế ở đây phát triển hơn thì phải, ít nhất cách đây hai năm khi tôi có dịp ngang qua vùng này? – Mary góp chuyện.
- Đúng đấy cô Mary! Đời sống của người dân ở đây ngày càng khấm khá – Hamid giải thích – Mỗi hộ gia đình sở hữu hàng trăm con gia súc. Thanh niên có điện thoại đa phần dùng để nghe nhạc vì sóng điện thoại ở đây cũng khá chấp chờn. Họ thường là những nài ngựa cho du khách cưỡi ngựa đường dài, mùa vắng du khách thì họ sẽ làm công việc chăn thả cho gia đình. Họ rất ít tiêu xài tiền giấy và thường lấy cừ làm đơn vị tiền tệ trung gian trong trao đổi, mua bán. Một chiếc điện thoại di động bình thường sẽ có chi phí là một con cừ. Một con bò lông dài đáng giá mười con cừ, trong khi một con ngựa tốt đáng giá tới 50 con cừ. Chi phí cho một cô dâu vào khoảng 100 con cừ. Những gia đình giàu có thường sở hữu thêm những con vật mang tính biểu tượng của người Kyrgyz như gà lôi, chim công, lạc đà. Những con lạc đà của họ thuộc loài lạc đà hai bướu có thể chịu được những nơi có thời tiết khắc nghiệt như vùng hồ Song Kul này.

Chúng tôi vừa nghe Hamid kể chuyện vừa theo dõi những tiết mục biểu diễn văn nghệ truyền thống theo các tích của sử thi Manas. Không khí nhộn nhịp ở Song Kul giờ đây như một hội làng mùa xuân ở vùng cao Tây Bắc Việt Nam. Từng nhóm thanh niên trẻ tuổi cỡi những chú ngựa vào cộc, tụ tập thành từng nhóm để nốc những chai rượu volka của Nga. Họ vui đùa, say sưa quên cả việc lễ hội đã đến những tiết mục sau cùng.

Bỗng tiếng đàn komuys truyền thống phát ra từ những chiếc loa công suất lớn được đặt hai bên sân khấu. Mary nói đây là một bài dân ca quen thuộc Kyrgyza. Cô nàng bảo tôi nhắm mắt lại, lắng nghe điệu nhạc và thử tưởng tượng điều gì đang xảy ra. Tôi mê muội làm theo khi tim đập rộn ràng trong lồng ngực. Những giai điệu du dương, man mác làm tôi cứ gật gù như con cú cu trong đồng hồ báo thức, tôi như lạc vào một cõi hư vô. Không một bóng người. Chỉ có tiếng gió và thảo nguyên rộng lớn. Song Kul thì vẫn xanh kiêu hãnh. Xa xa, đôi ngựa đang tựa vào nhau sưởi ấm khi đông về làm những dãy núi phủ một màu trắng muốt. Mary lay lay tay tôi và cười khúc khích. Có lẽ tôi nghĩ ngợi quá lâu khi tiếng đàn komuys đã hết tự khi nào. Tôi lắc đầu ra hiệu là thua rồi, cần lời giải đáp của cô nàng. Mary cười nhẹ, tay vuốt nhẹ những cọng cỏ còn ẩm sương: “Bài hát nói về một chàng trai đang cưỡi ngựa rong ruổi đơn độc trên thảo nguyên khi ánh chiều buông. Đường thì xa, thảo nguyên thì bát ngát. Chỉ còn những làn gió heo may lướt êm trên mặt đất làm những bụi ngải đắng đung đưa bên con đường đất nâu thẫm. Thảo nguyên sẽ lắng nghe chàng kỳ mã, sẽ đu đưa và hòa giọng theo chàng. Bài hát thật lãng mạn, cũng giống như hành trình của anh đấy.”

Tìm tôi đập nhanh hơn. Tôi lên nhìn vào đôi mắt nâu của cô ấy thầm cảm ơn vì Mary vừa nhắc cho tôi biết hành trình của mình chỉ mới bắt đầu...

Lễ hội Manas kéo dài đến hơn năm giờ chiều khi cơn giông lớn phủ một màu xám xịt lên mặt hồ. Thời tiết ở đây đông lạnh như cô gái mới lớn. Nắng mưa bất chợt. Khi màn đêm buông xuống, nhiệt độ có thể xuống đến 0 độ bất cứ lúc nào. Hamid giục chúng tôi trở về khu Yurt đã được đặt sẵn của một gia đình du mục cách khu vực lễ hội không xa. Trong khi đó, một số gia đình người Kyrgyz từ những thị trấn lân cận dựng lều hoặc thuê Yurt của những hộ dân gần đó để qua đêm. Đêm nay chúng tôi sẽ được chủ nhà đãi món đặc trưng của người dân vùng hồ Song Kul không chê vào đâu được theo lời quảng cáo rất duyên của anh chàng Hamid.



Khu nhà trọ bên hồ Song Kul.

Thông thường một gia đình du mục sẽ dựng hai Yurt có kích cỡ khác nhau. Yurt nhỏ được dùng để làm nhà bếp, Yurt lớn được dùng làm chỗ ngủ và ăn uống. Nếu gia đình nào đông con, họ có thể dựng thêm một Yurt thứ ba để tăng thêm chỗ ngủ cho gia đình. Đối với những gia đình làm dịch vụ homestay phục vụ cho khách du lịch, họ có thể dựng thêm một đến hai Yurt có kích cỡ cũng tùy thuộc vào số lượng khách. Yurt chúng tôi dành cho bốn người, tức là một Yurt có kích cỡ trung bình. Những Yurt lớn hơn có thể chứa từ 6-8 người thường dành cho các nhóm khách gia đình. Chúng tôi về đến nơi thì thức ăn cũng vừa được dọn sẵn trong khu lều lớn. Gia chủ và khách cùng thưởng thức buổi tối bên ánh đèn vàng leo lét chạy bằng máy nổ thay cho nguồn điện năng lượng mặt trời không tích trữ được vì thảo nguyên nhiều mưa. Món ăn tuyệt vời mà Hamid giới thiệu trước đó chính là món thịt cừu hầm khoai tây cùng với bánh mì tròn thơm nức mũi. Hầu như ai cũng chén sạch phần thức ăn của mình khi thời tiết ở thảo nguyên càng lúc càng lạnh về đêm. Sau buổi tối, chúng tôi trở về khu nhà lều đã được bố trí sẵn. Không gian xung quanh thật tĩnh mịch đến nỗi nghe cả tiếng thở phì phò của bầy gia súc trong chuồng. Mary ngồi ghi chép nhật ký trong quyển sổ tay quen thuộc của cô ấy còn Hamid thì đã thả hồn vào giấc ngủ tự khi nào sau một ngày lái xe mệt nhừ. Tôi hỏi Mary: “Ngày mai chúng ta sẽ ngắm bình minh nhé?” Cô nàng gật đầu nhẹ nhẹ để tránh tiếng động làm Hamid thức giấc. Trong lều ấm dần bởi chiếc lò sưởi được tôi nạp đầy phân bò khô làm chất đốt trước đó cùng sự cộng hưởng của chiếc chăn bông nồng mùi sữa ngựa tôi đang quấn quanh người. Tôi kéo nhẹ tấm chăn phủ kín người và chìm dần vào giấc ngủ để mơ về những tia nắng nhảy nhót lúc bình minh.

Trời tờ mờ sáng. Tôi khẽ gọi Mary trong khi anh chàng Hamid vẫn cuộn tròn trong chiếc chăn bông. Buổi sáng thảo nguyên rét mướt. Gia đình chủ nhà cũng đã thức giấc từ sớm. Những bếp

lửa được họ thấp lên để chuẩn bị phần ăn sáng cho khách. Bầy gia súc cũng ngo ngoáy trong chuồng. Trời vẫn còn nhá nhem tối, chỉ có hướng đông bờ hồ ửng lên một chút hồng cam phía sau dãy núi tuyết báo hiệu ánh bình minh sắp ló dạng. Tôi và Mary mặc thêm áo ấm và quyết định phi ngựa thật nhanh lên ngọn đồi phía sau trại. Chúng tôi cố săn bằng được những tia nắng đầu tiên khi hôm qua đã bỏ lỡ buổi hoàng hôn đỏ rực bởi cơn giông chiều. Chúng tôi dừng cương ngựa ở một mô đất cao trên sườn đồi nhìn xuống mặt hồ Song Kul lặng sóng. Hai chú ngựa được dịp chụm đầu gặm những cọng cỏ non còn sương vì sương. Mary đưa cho tôi một đầu tai nghe còn cô ấy nghe phần dây đeo còn lại. Tiếng đàn komuys lại réo rắt giữa buổi sớm tinh mơ trên thảo nguyên ngập mùi hương cỏ. Chúng tôi chẳng nói với nhau lời nào. Cứ để cho tiếng đàn komuys dẫn lối cảm xúc. Mặt trời bắt đầu nhú lên sau rặng núi. Ánh bình minh như ánh hào quang chiếu xuống mặt hồ còn lãnh đăng lớp sương dày. Phía bên dưới, những cột khói của khu nhà lều tỏa ra như làn tơ mỏng lượn vòng theo con suối. Bầy gia súc được lửa ra khỏi chuồng và tiến dần lên những ngọn đồi xung quanh. Chúng tôi thấy anh chàng Hamid với chiếc áo khoác màu đỏ vẫy tay ra hiệu nhắc nhở chúng tôi về sớm để chuẩn bị cho một ngày trải nghiệm nữa ở Song Kul.

Ngày thứ hai của lễ hội được tổ chức những trò chơi đối kháng quyết liệt để phô trương sức mạnh của đám thanh niên trong vùng. Trong những lễ hội lớn của người dân Kyrgyz thì không thể không có môn Buzkashi nổi tiếng, một môn thể thao tập thể có tính đối kháng trên lưng ngựa, giống như môn Polo ở phương Tây. Buzkashi cũng chính là môn thể thao quốc gia của Afghanistan, trong khi người Kyrgyzstan gọi đó là trò “ulak tartysh” có nghĩa là “tóm lấy đĩa trẻ.”



Một thành viên đang cố gắng đưa xác con dê không đầu vào cầu môn đối phương

Trò chơi này được bắt nguồn từ việc săn bắn của những người đàn ông Kyrgyz trên lưng ngựa. Một số người đàn ông cưỡi trên những con tuấn mã dũng mãnh cố gắng vượt qua nhau để giết chết một con chó sói. Cuối cùng con mồi bị tiêu diệt, họ lại tranh nhau giành bằng được chiến lợi phẩm về cho mình. Từ đó, những người đàn ông thường tổ chức những trò chơi này nhằm phô trương sức mạnh cũng như tài cưỡi ngựa của họ trước người khác. Chó sói đã được thay thế bằng dê hoặc cừu đã bị chặt đầu và việc chơi đối kháng diễn ra không chỉ cá nhân mà còn cho một nhóm. Các nhóm sẽ tranh nhau phần xác con dê không đầu và bỏ vào cầu môn của đối phương được tạo thành những mô đất cao, khoét rộng vào bao quanh bên ngoài bằng những vỏ xe tải.

Không khí lễ hội thật sự sôi động khi đội trang phục trắng và đen tranh nhau quyết liệt con mồi. Những tràng pháo tay giòn giã vang lên khi chiến lợi phẩm được những người chơi tiếp cận đến khung thành của đối phương. Những thanh niên vai u thịt bắp ngậm chiếc roi da trong miệng, thi thoảng quát tới tấp vào móng ngựa để điều khiển chúng theo ý muốn một cách điêu luyện. Thảo nguyên vỡ òa với những bàn thắng đầu tiên của đội đen. Chúng tôi cũng phấn khích cổ động như một trận bóng đá chung kết bóng đá Cup C1 mười năm về trước khi xem cùng mấy thằng bạn ở quán cà phê. Mary thì cứ xuýt xoa. Cô nói đây là lần thứ hai cô thường lãm trò chơi ulak tartysh nhưng lần này lại được tổ chức theo kiểu truyền thống nên rất sôi động cứ như xem một trận đấu bóng đá trên sân Stade de France hồi World Cup năm 1998.

Buổi chiều, Mary bàn với tôi là không tham dự kết thúc lễ hội Manas mà sẽ nói Hamid chở chúng tôi đến với một người bà con xa của anh ta nằm tít sau dãy núi phía Đông của hồ Song Kul. Đây là gia đình mà buổi cơm tối hôm qua Hamid có nhắc đến khi Mary muốn tìm hiểu cuộc sống của những gia đình du mục người Kyrgyz vẫn còn sống cô lập với thế giới bên ngoài. Tôi không có lý do gì để từ chối cả bởi việc hiểu biết đời sống thật sự của những con người tách biệt với thế giới văn minh luôn mang đến những trải nghiệm thú vị.



Đoạn đường đến ngôi nhà lều của gia đình Ainura.

Trên con đường hiểm trở nằm vắt ngang một sườn núi cao sừng sững đôi chỗ còn phủ đầy băng tuyết, xe bắt đầu đi lên những dốc trên độ cao 4.500 mét. Hamid nói rằng mùa đông tại khu vực Thiên Sơn này kéo dài tới tận tám tháng trong năm hoặc hơn thế. Còn tuyết thì thậm chí có thể rơi dày đặc ngay cả giữa những ngày hè. Sau hơn hai tiếng vượt trên những dốc cao, xe của chúng tôi không di chuyển được nữa. Anh chàng tài xế động viên chúng tôi cố gắng leo bộ lên những con dốc ngoằn ngoèo hơn một giờ nữa để đến gia đình Ainura, cô em họ bên vợ của Hamid, đã theo chồng sống ở đây hơn chín năm. Lều của Ainura nằm giữa một thung lũng nhỏ tách biệt được bao quanh bởi những ngọn đồi và núi đá. Ông cụ người Kyrgyz mái tóc xám trắng, râu dài lòa xòa trước ngực, trên tay còn đang cầm tẩu thuốc hút dở bước ra từ cái hang nhỏ xíu bên vách núi khi Hamid vẫy tay chào. Tôi nghĩ rằng đây những hang động đơn sơ này là nơi trú ẩn quen thuộc của những người chăn cừu trong cuộc hành trình hằng năm đưa đàn gia súc từ vùng núi quê hương của họ đến những cánh đồng cỏ mênh mông hay tìm nơi để trao đổi những con vật nuôi. Những chuyến đi này sẽ kéo dài tới dăm bảy ngày đêm trong giá rét. Tại những điểm giao dịch tập trung gần các thị trấn, người chăn nuôi sẽ có thể đổi gia súc, len và các sản phẩm từ sữa của mình lấy mọi thứ cần thiết cho cuộc sống, từ trà cho tới radio hay tivi. Cuộc sống du mục đã dần hiện rõ trước mặt chúng tôi.

Ông cụ mời chúng tôi vào trong chiếc lều tròn cũ kỹ chỉ vừa dựng cách đây mấy hôm. Chúng được làm bằng những chiếc cọc nhỏ ràng buộc bằng dây, sau đó phủ bên trên bằng những tấm da ngà màu. Chính kiểu dựng lều này đã tạo nên những ngôi nhà di động thực sự, giúp người ta có thể đóng gói và vận chuyển dễ dàng trong những chuyến di cư theo mùa. Gỗ để làm cửa được lấy từ những khu vực núi cao do vùng lòng chảo này không có những thân cây đủ lớn. Nhà lều ở đây

xây dựng kiểu dáng và kỹ thuật có khác đôi chút so với Mông Cổ. Chúng được xây cao hơn, ở Mông Cổ, các nhà lều đều được chống đỡ bởi hai thanh gỗ ở chính giữa trong khi đó do bộ khung chắc chắn của những nhà lều ở Kyrgyzstan nên chúng không cần đến bất kỳ thanh gỗ chống đỡ nào. Hamid giải thích rằng chỗ định cư thật sự của ông cụ ngoài bảy mươi tuổi nằm sâu trong hẻm núi để tránh gió rét vào mùa đông. Khi mùa hè, gia đình sẽ di chuyển đến thung lũng này để chăn thả bầy gia súc khi hồ Song Kul ngày một đông đúc hơn do phát triển du lịch. Gia đình họ có tổng cộng bảy nhân khẩu. Ông cụ góa vợ đã bốn năm cùng với vợ chồng Ainura, ba đứa con nheo nhóc từ bốn đến tám tuổi và cậu em trai 23 tuổi vẫn chưa lập gia đình. Hiện anh chồng cột chân bầy ngựa bên sườn núi để chúng khỏi đi xa trong khi cậu em đưa hai đứa cháu lớn dự lễ hội Manas ở hồ Song Kul chưa về.

Ainura lui cui chuẩn bị những tách trà nóng trong khi đứa con gái nhỏ đang ngủ vui trong lồng chăn cũ. Hamid đặt trên bàn một số gói kẹo cho lũ nhỏ mà anh đã chuẩn bị sẵn khi có dịp đến thăm cô em vợ xa xôi. Hamid kể cho chúng tôi nghe rất nhiều câu chuyện của những gia đình du mục như Ainura. Người đàn ông thì không đoái hoài đến những công việc nội trợ của phụ nữ. Họ chỉ quan tâm đến việc săn bắn, chăn thả gia súc, xây dựng nhà ở, trong khi phụ nữ đảm nhiệm những công việc bếp núc, thêu thùa, chăm con và vắt sữa ngựa. Người đàn ông luôn chứng tỏ sức mạnh qua những tập tục lạc hậu từ hàng ngàn năm trước. Chính cô em gái của Hamid là ví dụ điển hình cho việc “săn” cô dâu của đàn ông Kyrgyzstan. Gần mười năm trước, khi lễ hội Manas chuẩn bị kết thúc, Ainura đã bị chính người chồng của mình cướp về nơi thâm sơn cùng cốc này để làm vợ. Người phụ nữ nơi đây luôn quan niệm “hạnh phúc bắt nguồn từ nước mắt.” Chính vì thế, phần lớn phụ nữ Kyrgyzstan cam chịu bởi hủ tục này. Ainura có phần may mắn bởi vợ chồng cô có cuộc sống viên mãn đến ngày hôm nay. Theo Hamid, y tế cũng là vấn đề xa xỉ của người dân nơi đây. Việc Ainura suýt mất mạng vì xung huyết khi sinh đứa con đầu lòng do cơ sở y tế kém, hay về sự ra đi oan uổng của bà cụ bởi một căn bệnh đơn giản không được chữa trị kịp thời. Còn một điều thực tế nữa là hiện nay nhiều gia đình du mục ở Kyrgyzstan vẫn sử dụng thuốc phiện như một liều thuốc giảm đau trong lúc bác sỹ và thuốc men đều thiếu thốn. Chỉ có những khu vực thị trấn như Kochkor mới có thể thực hiện những cuộc tiểu phẫu mà thôi. Mà đa phần các thiết bị y tế này đều do Nga tài trợ cách đây đã vài chục năm, gần đây thì có thêm Trung Quốc nhưng hầu hết đều là những thiết bị lỗi thời. Mary nói rằng một nghiên cứu gần đây của cô cho thấy rằng tỷ lệ tử vong trong khi sinh nở của phụ nữ Kyrgyz cao một cách đáng sợ, gấp khoảng 500 lần so với các nước phát triển. Và ước tính có khoảng 50% những người du mục ở những vùng hẻo lánh xa xôi nghiện ma túy.

Chúng tôi tạm biệt gia đình Ainura khi trời bắt đầu chập choạng tối. Trước khi chia tay, tôi có hỏi Hamid là thật sự những gia đình du mục như Ainura mong muốn điều gì trong cuộc sống?

Anh chàng trầm ngâm một lúc rồi nói: “Có lẽ, đó là những con đường để nối kết mọi thứ trong cuộc sống. Để họ được chăm sóc y tế, được đi học, được hòa vào đời sống của cộng đồng.” Tôi và Mary đồng ý. Những người dân Kyrgyz đã sinh sống tại “nóc nhà thế giới” trong suốt hàng ngàn năm qua, cùng với núi cao, băng giá và cuộc sống rày đây mai đó với rất nhiều thiếu thốn. Mơ ước của họ là xây dựng được một con đường lớn nối liền quê nhà mình với những khu vực dân cư bên ngoài rộng lớn. Tuy nhiên có ai biết chắc liệu đến khi con đường mơ ước kia trở thành hiện thực, những con người vừa đáng thương vừa đáng ngưỡng mộ nơi đây rồi sẽ ra sao? Quả thật chỉ một con đường thôi cũng đã có thể thay đổi rất nhiều điều, mãi mãi.

Hành trình của tôi ở xứ thảo nguyên này đẹp như một bài thơ. Vì thiên nhiên, vì con người và vì những kỷ niệm đẹp với Mary. Cô nàng sẽ tiếp tục ở lại Krygyzstan thêm ba tuần nữa để thu thập thông tin cho luận văn còn dang dở. Tôi thì tiếp tục lãng du trên hành trình tìm dấu vết của Con đường tơ lụa ở những chặng đường cuối cùng. Tôi tâm sự với Mary trước khi chia tay, rằng tôi muốn trở lại hồ Song Kul lần nữa, rằng tôi muốn được nghe tiếng đàn komuyz trên lưng ngựa, rằng tôi sẽ xăm chữ Manas phía sau gáy như cô, rằng chúng tôi sẽ gặp lại nhau chứ...

Bạn hãy trở thành một người du mục

Cũng như một số nước Trung Á khác, cuộc xâm chiếm của Thành Cát Tư Hãn vào thế kỷ XII đã ảnh hưởng đến văn hóa, lối sống của cư dân bản địa. Ngoài Mông Cổ, hiện nay, Kyrgyzstan là quốc gia ở khu vực châu Á còn giữ được cuộc sống du mục hoặc bán du mục truyền thống. Họ sống du canh du cư trên các thảo nguyên bao la ngút tầm mắt và cuộc sống chủ yếu dựa vào việc chăn thả gia súc.

Người ta thường ví Kyrgyzstan là Thụy Sĩ của châu Á quả không sai. Kyrgyzstan sở hữu những đỉnh tuyết sơn vĩnh cửu thuộc dãy Thiên Sơn hùng vĩ đã tạo ra cho đất nước những hồ nước trong xanh như ngọc nằm trên độ cao cả vài nghìn mét so với mặt nước biển. Kyrgyzstan là quốc gia hiếm hoi thuộc Liên Xô cũ có chính sách phát triển du lịch rõ ràng. Chính phủ áp dụng chính sách miễn visa cho hầu hết các nước trên thế giới và áp dụng mô hình du lịch cộng đồng nhằm phát triển du lịch một cách bền vững. Du khách thường đến Kyrgyzstan để tìm hiểu đời sống của người du mục bản địa, tham gia các lễ hội địa phương, đi bộ đường dài, cưỡi ngựa hoặc các hoạt động du lịch mạo hiểm khác.

Kyrgyzstan là một số ít các quốc gia ở Trung Á phát triển du lịch bằng nhiều chính sách du lịch độc đáo. Chính phủ và người dân luôn nhận thức được rằng du lịch là ngành kinh tế quan trọng để phát triển đất nước. Du khách nước ngoài cần tìm hiểu những thông tin du lịch để có thể trải nghiệm sâu về tôn giáo, phong tục tập quán, và cuộc sống du mục

của những tộc người Kyrgyz trên những dãy núi cao từ xa xưa.

Visa

Hiện nay, người Việt Nam sẽ được miễn visa du lịch có thời hạn khi đi du lịch ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có đất nước Kyrgyzstan. Có nghĩa bạn chỉ cần mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn và lên kế hoạch cho chuyến đi, bạn sẽ nhận được visa du lịch thời hạn 90 ngày khi nhập cảnh vào Kyrgyzstan. Chính sách miễn visa cho công dân Việt Nam được áp dụng kể cả đường bộ và đường hàng không. Đây là điều kiện thuận lợi để du khách Việt dễ dàng thực hiện chuyến du lịch đến đất nước Trung Á xa xôi nhưng sở hữu nhiều danh lam thắng cảnh với đời sống văn hóa, tôn giáo độc đáo trên thế giới.

Tiền tệ

Tiền ở Kyrgyzstan gọi là *som*. Tỷ giá một đô-la Mỹ đổi được xấp xỉ 70 *som*. Tiền giấy và tiền xu được sử dụng phổ biến ở Kyrgyzstan. Tiền xu có mệnh giá 5 hoặc 10 *som* thường được sử dụng khi đi phương tiện giao thông công cộng. Các loại tiền giấy có mệnh giá 20, 50, 100, 200, 500, 1.000, 5.000 *som* được sử dụng trong mọi hoạt động của đời sống. Khách du lịch có thể đổi tiền khắp mọi nơi thông qua hệ thống ngân hàng ở các thành phố, thị trấn. Trong những ngày nghỉ, bạn có thể đổi tiền ở các quầy đổi tiền chợ đen ở các khu chợ hay địa điểm du lịch nổi tiếng ở khắp đất nước. Hệ thống ATM rút tiền mặt cũng được lắp đặt ở các thành phố lớn. Bạn cũng có thể sử dụng thẻ tín dụng trong một số hoạt động mua bán ở đất nước Kyrgyzstan. Bạn nên mang theo tiền đô-la Mỹ, tiền *euro* hoặc tiền *rúp* của Nga để dễ dàng đổi ra trong *som* để giao dịch.

Phương tiện vận chuyển

- Máy bay: Từ Việt Nam không có đường bay trực tiếp đến thủ đô Bishkek hoặc thành phố Osh. Do đó, bạn cần phải sử dụng một số đường bay có hai chặng dừng. Ví dụ hãng China Southern Airlines xuất phát từ Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh đi Bishkek phải dừng hai nơi là Quảng Châu và thủ phủ Urumqi của Tân Cương. Đây hiện tại là đường bay có tổng thời gian di chuyển ít nhất và thời gian chờ đợi ở các sân bay trung gian không quá lâu.
- Đường bộ: Từ thủ đô Tashkent có xe taxi đi đến thành phố biên giới Osh. Hoặc theo cung Pamir từ Tajikistan đi ngược lên phía Bắc để đến Osh. Từ Kazakhstan du khách cũng có thể đến thủ đô Bishkek, đến biên giới Kegen bằng đường bộ thông qua đường Almaty. Từ Trung Quốc, có hai cách đến với Kyrgyzstan, một là thông qua cửa khẩu Irkeshtam để đến Osh, hai là qua đèo Torugart để dẫn đến thành phố Naryn.

- Xe lửa: Khởi hành từ Nga, qua Kazakhstan để đến thủ đô Bishkek. Chuyến tàu liên vận này khởi hành một tuần vài chuyến và mất khoảng thời gian ba ngày để di chuyển từ Moscow đến Bishkek.

Xe taxi, marshrutkas: Rất tiện khi di chuyển trong đất nước Kyrgyzstan. Những đoạn đường xa, khi không có những tuyến xe buýt chạy cố định, du khách có thể sử dụng hình thức ghép taxi để tiết kiệm chi phí. Những đoạn đường ngắn, nối giữa những thành phố du lịch nổi tiếng thì du khách có thể sử dụng hệ thống mini bus để trải nghiệm giống người dân bản địa.

Thời tiết

Do địa hình phức tạp nên Kyrgyzstan có khí hậu chênh lệch khá lớn giữa các khu vực và giữa các mùa trong năm. Thung lũng Fergana ở phía Tây Nam nằm trong khu vực cận nhiệt đới nên mùa hè rất nóng, có khi lên đến 40 độ C. Phía Đông Bắc nơi có dãy Thiên Sơn chạy qua là khu vực ôn đới có khí hậu vùng cực nên tùy thuộc vào độ cao. Vào mùa đông, nhiệt độ âm, nhưng không quá 40 ngày trong năm, tập trung vào cuối tháng Mười hai đến đầu tháng Hai hằng năm. Một số nơi ở sa mạc cũng có tuyết rơi vào thời gian này. Đối với du khách từ Việt Nam, do nhu cầu không phổ biến với loại hình du lịch trượt tuyết nên thời gian du lịch phù hợp nhất khi đến Kyrgyzstan là từ tháng Bảy đến hết tháng Chín hằng năm. Khí hậu thuận tiện cho việc tham quan, tắm hồ, cưỡi ngựa, tham dự các lễ hội địa phương và khám phá bằng việc đi bộ đường dài.

Hải quan

Không như các quốc gia Trung Á khác, việc kiểm tra hải quan ở đây có phần thoáng hơn ở các cửa khẩu, đặc biệt là bằng đường bộ. Tuy nhiên bạn cũng lưu ý một số chất gây nghiện sẽ bị cấm nhập cảnh và phạt rất nặng khi mang vào.

Chụp ảnh

Kyrgyzstan là một quốc gia chú trọng du lịch nên việc chụp ảnh sẽ dễ dàng hơn các quốc gia Hồi giáo khác, tuy nhiên, sẽ bị cấm khi đi qua khu vực biên giới, cảnh sát, quân đội.

Ẩm thực

Văn hóa du mục với công việc chăn thả trên các thảo nguyên làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguyên liệu phổ biến của người Kyrgyzstan là thịt. Hầu như các bữa ăn chính của họ đều làm từ thịt của các loại gia súc được nuôi trong gia đình. Món thịt phổ biến nhất là thịt cừu, bò sau đó là ngựa, lạc đà, bò yak và một số loại gia cầm. Ở các khu vực ven hồ thì có thêm các món cá.

- Besh Barmak (giống như món phá lấu ở miền Nam hay món thắng cố ở Tây Bắc Việt Nam) là món nước truyền thống của người Kyrgyz. Để nấu, người ta dùng thịt một con cừu hay con ngựa và hầm trong một nồi lớn. Món này được làm món khai vị. Thịt sau đó được phân chia cho mọi người ở bàn ăn. Mỗi người tham dự nhận được miếng thịt phù hợp với địa vị xã hội của họ. Đầu và mắt của con vật được hầm được dành riêng cho khách mời danh dự. Thịt còn lại được trộn lẫn với mì, hoặc đôi khi với hành tây. Theo truyền thống món ăn được dọn ra một chảo to đặt giữa nhà để mọi người dùng chung bằng cách bốc tay, mặc dù ngày nay người ta thường ăn bằng thìa và nĩa hơn. Đây cũng được xem là món ăn truyền thống của người Kazakhstan.
- Plov hoặc Osh là một món cơm thập cẩm bao gồm cà rốt thái sợi, hành tây, thịt bò hoặc thịt cừu, được chiên với rất nhiều dầu, đôi khi rắc nho khô hay các loại hạt lên mặt. Đây cũng là một trong những món ăn phổ biến ở Trung Á. Món này là món chính trong các bữa tiệc của người Kyrgyz.
- Manti là bánh bao hấp có nhân chứa thịt cừu, thịt bò, đôi lúc là bí ngô. Đây được xem là món ăn khoái khẩu của người Kyrgyz.
- Món thịt xiên nướng Shashlik có thể được làm từ thịt bò, thịt cừu, hoặc thịt lợn và thường được phục vụ với hành tây xắt lát ngâm trong dấm và ăn kèm với bánh mì.

Hầu như tất cả các bữa ăn Kyrgyzstan có kèm theo trà (trà xanh hoặc trà đen) và một ổ bánh mì tròn được gọi là một lepushka. Bánh mì truyền thống được xé ra cho mọi người bởi một người tại bàn ăn. Ở miền Nam Kyrgyzstan, nhiệm vụ này được dành riêng cho nam giới, nhưng ở miền Bắc việc đó được thực hiện thường xuyên hơn bởi phụ nữ. Tương tự như vậy, trà ở miền Bắc thường được người phụ nữ châm, trong khi ở miền Nam nó thường được phục vụ bởi những người đàn ông trụ cột.

Vào cuối bữa ăn, người Kyrgyzstan trong một số trường hợp sẽ làm lễ cầu nguyện. Họ đặt bàn tay lên bàn ăn rồi áp lên mặt. Du khách nên thực hiện theo chủ nhà để hòa hợp về văn hóa bản địa.

Các điểm tham quan nổi bật

- Trải nghiệm cuộc sống bản địa ở ngôi làng Arslanbob: Chỉ cách thành phố Osh về hướng bắc chưa đầy 150 km, các bạn sẽ trải nghiệm của sống độc đáo của người dân địa phương ở ngôi làng Arslanbob được bao bọc bởi rừng cây óc chó hoang sơ tuyệt đẹp thuộc tỉnh Jalal-Abad. Các bạn sẽ trải nghiệm bằng hình thức đi bộ đường dài để tìm hiểu đời sống du mục của người dân bản địa, tham quan những hệ thống thác nước hùng vĩ trong những cánh rừng

nguyên sinh vào mùa hè hay tham gia các hoạt động trượt tuyết vào mùa đông. Hãy nhâm nhi tách trà nóng và xem người dân đánh cờ trong thị trấn. Hay đơn giản, bạn hãy thả lỏng người và thong dong tản bộ trên những con dốc ngoằn ngoèo giữa vùng rừng núi hoang sơ cũng đủ làm cho bạn có những kỷ niệm tuyệt vời ở đây.

- **Mua sắm ở Osh:** Osh là thành phố lớn thứ hai của Kyrgyzstan và là cửa ngõ trên Con đường tơ lụa năm xưa, nối kết với thủ đô Tashkent của Uzbekistan bằng đường bộ. Vì thế bạn có thể tìm vô vàn các sản phẩm đặc trưng có giá hời trong vùng cũng như một số quốc gia Trung Á khác. Bạn có thể ghé khu chợ trung tâm để mua quà lưu niệm, hoa quả, gia vị và mọi thứ khác trên đời hay chỉ đơn giản xem cuộc sống của người dân qua không khí náo nhiệt của khu chợ biên giới.
- **Hãy thử leo dãy Thiên Sơn:** Là dãy núi dài nhất ở Trung Á với 2.800 km, Thiên Sơn có hai đỉnh núi cao nhất nằm trên lãnh thổ Kyrgyzstan về hướng đông. Đỉnh Pobeda với độ cao 7.539 mét là đỉnh cao nhất Kyrgyzstan nằm ở khu vực biên giới với Trung Quốc và đỉnh Khan Tengri có độ cao 7.010 mét nằm giáp biên giới với Kazakhstan. Đây là những đỉnh núi đầy ma lực, hấp dẫn những nhà leo núi chuyên nghiệp trên thế giới. Địa hình hiểm trở, cheo leo với núi tuyết vĩnh cửu, cùng hệ thống sông băng có địa hình phức tạp giúp các nhà leo núi tận hưởng những trải nghiệm không thua gì ngọn Everest dường như quá tải du khách trong thời gian gần đây.
- **Trekking trong công viên quốc gia Ala-Archa:** Cách thủ đô Bishkek 30 km về phía nam, Ala-Archa như một bức tranh thiên nhiên ở vùng Trung Á với rừng thông, rừng bách cổ thụ cao chót vót, những con thác cuộn cuộn nước không bao giờ ngơi nghỉ, hình ảnh những chú ngựa hoang gặm cỏ trên những triền núi cao không còn hiếm ở đây. Nếu muốn trải nghiệm thật sự, bạn hãy chuẩn bị lều, dụng cụ nấu ăn để qua đêm giữa rừng núi Thiên Sơn yên ắng.
- **Hãy tự thưởng cho bản thân ở một đêm tại khu nghỉ dưỡng Jeti-Oguz:** Đây là khu nghỉ dưỡng còn lại cuối cùng giữa thiên nhiên hoang sơ gồm hệ thống các núi đá màu đỏ được phong hóa hàng triệu năm với hình thù kỳ lạ nằm ven hồ Issyk Kul với dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo kiểu tuyên thống của người Kyrgyz.
- **Leo lên Tash Rabat:** Tash Rabat nằm ở phía Nam Kyrgyzstan thuộc tỉnh Naryn. Phế tích bằng đá này là một khu nhà trọ được xây dựng từ thế kỷ XV dành cho những thương nhân nghỉ ngơi trên hệ thống Con đường tơ lụa. Nếu bạn thích đi bộ đường dài hay cưỡi ngựa thì đây là điểm khởi đầu để thực hiện những chuyến đi thú vị như thế để đến Naryn ở phía bắc hoặc hồ Chatyr-Kul và đèo Torugart ở phía Nam.
- **Cưỡi ngựa đến hồ Song Kul:** Đây là hoạt động du lịch nổi tiếng ở Kyrgyzstan khi các bạn đặt chân đến đất nước này. Nằm ở độ cao 3.000 mét, Song Kul được ví như viên ngọc xanh

trên chiếc vương miện tuyệt đẹp Kyrgyzstan ở Trung Á. Bạn có thể cưỡi ngựa đường dài từ thị trấn Kochkor, ngủ trong Yurt truyền thống của người dân với hình thức CBT độc đáo. Hồ Song Kul còn là nơi diễn ra các lễ hội độc đáo của người dân trong vùng.

- Hành hương ở núi thiêng Suleyman ở Osh: Nằm ở trung tâm thành phố Osh, đây là ngọn núi linh thiêng của người Hồi giáo Kyrgyzstan hành hương vào dịp lễ. Bạn có thể bỏ ra một ngày để tìm hiểu đời sống tâm linh của người Kyrgyz bằng cách tham quan khám phá hệ thống hang động, nhà thờ Hồi giáo, các khu nghĩa địa và một bảo tàng khoét sâu vào lòng núi với nhiều hiện vật có giá trị hàng ngàn năm. Từ trên đỉnh Suleyman, du khách có thể nhìn ngắm toàn cảnh thành phố Osh đẹp như tranh trong ánh hoàng hôn từ trên cao.
- Hãy giải mã những bí mật của tháp Burana: Tháp nằm trong thung lũng Chuy, cách thủ đô Bishkek 80 km về hướng Đông, gần với thị trấn Tokmok, trên Con đường tơ lụa từ hồ Issyk Kul đến Bishkek. Tháp được xây dựng từ thế kỷ thứ XIX và là những gì còn sót lại của thành phố Balasagun thuộc triều đại Karakhanids ở Trung Á thế kỷ X-XII. Xung quanh tháp còn có một số các ngôi mộ bằng đá được điêu khắc độc đáo theo phong cách Thổ Nhĩ Kỳ. Tháp là biểu tượng cho đất nước Kyrgyzstan có bề dày lịch sử ở vùng Trung Á. Bạn sẽ có những tấm ảnh tuyệt đẹp với tháp Burana nằm giữa một đồng hoa màu vàng rực vào mùa hè với dãy núi tuyết làm nền ở phía sau.
- Tản bộ ở Bishkek: là thủ đô của đất nước Kyrgyzstan có dân số không đông như các đại đô thị khác ở Trung Á, Bishkek còn lưu giữ những con đường rợp bóng cây xanh. Những công viên tràn ngập những sắc hoa rực màu trong những ngày xuân ấm áp. Du khách có thể tản bộ trên đại lộ Chuy, ghé quảng trường trung tâm hay dạo quanh những trung tâm thương mại để mua sắm những món hàng lưu niệm hoặc những sản phẩm của nguồn gốc từ Nga rất rẻ. Một số tượng đài mang dấu ấn của một đất nước trong thời kỳ Xô Viết giúp chúng ta hiểu rõ về một giai đoạn lịch sử của Kyrgyzstan và Trung Á. Bạn có thể đi khắp Bishkek bằng xe buýt địa phương để khám phá thủ đô trong vòng một ngày.
- Bơi trong hồ Issyk Kul: Bạn hãy đến thị trấn Cholpon Ata và tìm một bãi tắm công cộng với bờ cát trắng trải dài. Dắm mình vào làn nước trong xanh, mần mẫn để thư giãn trong những ngày hè. Ven hồ là loại bùn đen được các nhà khoa học kiểm chứng có nhiều khoáng chất tốt cho cơ thể con người. Hãy thoa lớp bùn đen ấy và xoa mình trên bờ cát trắng ở Issyk Kul.
- Mang những bức ảnh tuyệt đẹp về hồ Sary Chelek: Bạn cố gắng lưu giữ bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp bằng máy ảnh của mình ở Kyrgyzstan qua hồ Sary Chelek. Nằm ở phía Tây của đất nước, Sary Chelek là khu dự trữ sinh quyển của thế giới do Unesco công nhận. Hồ nước tuyệt đẹp này nằm giữa một thung lũng xanh rì màu cỏ, xung quanh cây cối tốt tươi,

thấp thoáng có bóng dáng của những chú ngựa đang thông dong gặm cỏ, tạo nên một vẻ đẹp thiên nhiên yên bình và thanh khiết. Những tán cây vàng, cây đỏ vào mùa thu làm cho những bức ảnh của bạn thêm phần lãng mạn ở Sary Chelek.

- Tìm hiểu bí ẩn của hồ Issyk Kul ở công viên đá: Công viên với trên 5.000 phiến đá lớn nhỏ có kích cỡ 30 cm từ 1 mét đến 3 mét rải rác khắp một vùng rộng 42 ha nằm ven hồ Issyk Kul, gần thị trấn du lịch Cholpon Ata. Những hiện vật bằng đá ở đây sẽ gây ngạc nhiên cho du khách bởi nét điêu khắc tinh xảo của những hiện vật cách đây hơn 4.000 năm. Nó còn cho thấy sự hiện diện của một nền văn minh cổ xưa ở vùng hồ trên những dãy tuyết sơn cao nhất nhì thế giới.
- Xem sản đại bàng ở Bokonbaevo: Có nguồn gốc từ những bộ tộc du mục trên thế giới, Kyrgyzstan ngày nay là một trong số ít ở trên thế giới có đời sống văn hóa được lưu giữ nhiều đời. Tuy nhiên hoạt động này ngày càng mai một đi do lối sống hiện đại phát triển. Nằm phía nam hồ Issyk Kul có các ngôi làng nhỏ còn lưu giữ những truyền thống văn hóa này. Đây cũng là nơi thực hiện hình thức làm du lịch rất phổ biến của người Kyrgyzstan, du lịch cộng đồng.
- Khám phá Con đường tơ lụa trên mạng đường Trường An, hành lang Thiên Sơn: Đây là di sản duy nhất hiện nay trên thế giới liên quan trực tiếp đến hệ thống Con đường tơ lụa. Năm 2014, Unesco đã công nhận các di tích thuộc hệ thống Con đường tơ lụa từ Tây An qua hành lang dãy Thiên Sơn hùng vĩ của ba nước Trung Quốc, Kazakhstan và Kyrgyzstan là di sản văn hóa của nhân loại. Các mạng đường hành lang kéo dài khắp các tỉnh Hà Nam, Thiểm Tây, Cam Túc, khu tự trị Tân Cương của Trung Quốc; các khu vực Zhambyl và Almaty của Kazakhstan; và thung lũng Chuy tại Kyrgyzstan với tổng cộng bao gồm 33 địa điểm, khu khảo cổ, phế tích mới phát hiện. Các di chỉ còn lại là một thành phần quan trọng trong hệ thống Con đường tơ lụa bao gồm các thành phố, cổ đô, cung điện, khu định cư, thương mại, đền thờ Phật giáo trong hang động, công trình tôn giáo, hệ thống các con đường cổ, tháp đèn hiệu, dịch quán, hầm mộ, công sự và các phần của Vạn Lý Trường Thành. Trong 33 địa điểm đó thì Trung Quốc có 22 địa điểm, trong đó có tám địa điểm ở Kazakhstan và ba địa điểm thuộc lãnh thổ Kyrgyzstan.

Ngày nay, du khách có thể thực hiện các chuyến đi du lịch dựa trên những địa điểm, những khu di lịch trên tuyến đường này để tìm hiểu lịch sử, văn hóa, tôn giáo và con người ở những vùng đất đi qua. Dãy Thiên Sơn thuộc Kyrgyzstan sở hữu hệ động thực vật phong phú, đa dạng và cảnh quan thiên nhiên hoang sơ tuyệt đẹp bậc nhất thế giới.

¹¹. GBAO viết tắt của Gorno-Badakhshan Autonomous Oblast. Đây là vùng đất tự trị nằm ở phía Đông Tajikistan. Khu vực này nằm trong dãy núi Pamir, chiếm 45% diện tích đất nước.

[12.](#) Trail là hệ thống những con đường mòn xuyên qua những vùng đất gồ ghề, những cánh rừng rậm rạp, những dãy núi cao, những thảo nguyên bao la hay những công viên quốc gia rộng lớn...

[13.](#) CBT - Community Based Tourism - loại hình du lịch dựa vào cộng đồng.

Chương 8. Lạc bước ở Tajikistan

Tony, anh chàng người Mỹ chung nhà trọ ở Bishkek, khuyên khi biết tôi một mình rong ruổi ở Pamir: “Đoạn đường heo hút này rất khó bắt xe, tốt nhất là anh nên hỏi một số bạn ở nhà trọ khi đến Dushanbe để đồng hành, còn không là đến thị trấn Khorog, trạm đầu tiên vượt Pamir từ phía Tajikistan. Như tôi, suốt ba ngày liền chờ đợi đủ người ghép xe ở thị trấn Eshkashem đến Murghab mãi không được nên đành quá giang xe tải. Một đêm trầy trật trên xe nhưng chả đi được đến đâu do đường quá hiểm trở.” Tôi thở dài khi nghe về chặng cuối trên hành trình khám phá không hề dễ từ Tony. Cũng đúng thôi, Pamir là đoạn đường heo lánh nhất thế giới khi 2000 năm trước kết nối với đoạn đường phía bắc của Con đường tơ lụa. Đó còn là đoạn đường mà đoàn tùy tùng của cao tăng Huyền Trang có người bỏ mạng hay buộc phải quay trở lại nước Cao Xương khi không chịu được sự khắc nghiệt của thời tiết cũng như địa hình hiểm trở của “nóc nhà thế giới.” Tôi chỉ có sáu ngày để vượt cung Pamir từ thủ đô Dushanbe. Một trục trặc nhỏ trên đường xem như tôi phải bỏ chiếc vé máy bay cho lộ trình kế tiếp.

Thủ đô heo hút trên cao nguyên Pamir

Dushanbe là thủ đô của đất nước nhỏ bé nhất ở Trung Á Tajikistan. Tôi gọi là heo hút vì nó nằm lọt thỏm giữa bốn bề các dãy tuyết sơn cao nhất nhì thế giới, trong đó có những dãy tuyết sơn vĩnh cửu được cao tăng Huyền Trang nhắc đến trong hành trình đến Tây Trúc thỉnh kinh.

Trong các quốc gia ở Trung Á thì Tajikistan là quốc gia có nền kinh tế ẽo uột nhất sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991. Những năm sau khi giành độc lập, đất nước trải qua những thời khắc tranh giành quyền lực, nội bộ lung củng khiến cho kinh tế gặp khó khăn chồng chất. Tôi không có bất kỳ thông tin gì về đất nước nằm sâu trong lục địa châu Á mà bốn bề địa hình hiểm trở, giao thương khó khăn này. Cũng may là việc xin visa không khó như tôi tưởng tượng như khi còn ở Việt Nam. Các thông tin nhập cảnh đến Tajikistan cũng rất mơ hồ, kẻ bảo cần phải có thư mời từ Tajikistan, người thì cho rằng có thể xin ở Kyrgyzstan hay như một số bạn “khoai Tây” tư vấn theo kiểu trấn an hơn là có thể xin visa tại cửa khẩu nhưng còn thông một câu “không biết có áp dụng cho người Việt Nam hay không?” Thật sự lúc đó tôi cũng hơi nản vì lấy đâu ra thư mời khi các thông tin du lịch về đất nước này quá ít trên internet huống hồ gì có các công ty du lịch để họ gửi thư mời cho mình. Tỷ như, họ có gửi thư mời rồi yêu cầu thanh toán thì tôi không biết đường nào mà lần khi một đất nước hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng và việc thanh toán ngoại hối thật sự khó hơn lên trời. Tôi còn nhớ lúc chuyển tiền cho một công ty thuê

xe bên Mông Cổ, tôi cũng khá vất vả khi không thể chuyển ngoại tệ từ một cá nhân sang một cá nhân khác. Giao dịch của Mông Cổ và Việt Nam tương đối ít nên cũng khó tìm mối để chuyển tiền ra nước ngoài nếu như tôi không có thông tin qua nhiều người bạn ở Hà Nội có làm ăn ở đất nước thảo nguyên ấy. Còn Tajikistan, một đất nước khi tôi nói mình dự định đi thì những người bạn của tôi còn không biết sự hiện diện của nó trên đời. Nhưng thôi phó mặc mọi chuyện đôi khi không phải lúc nào cũng quyết định được ngay. Nếu không xin được visa của Tajikistan từ Bishkek thì tôi sẽ dành khoảng thời gian đó đi cho mòn giày ở xứ Kyrgyzstan có lối sống du mục mà tôi thích. Mọi thông tin khi ấy về Tajikistan chỉ là những đoạn đường hoang vu, sâu hun hút giữa những dãy tuyết sơn lạnh giá trên các clip của dân Tây bụi đi xe đạp hoặc xe gắn máy trên cung đường Pamir “thần thánh.” Thật sự mà nói đây cũng là đoạn đường trong mơ khi một ngày nào đó tôi với ba lô trên lưng vượt dãy Pamir để hoàn thành việc chinh phục Con đường tơ lụa, cung đường hiểm trở nhất mà xưa kia các đoàn lạc đà lê từng bước nặng vượt qua những đỉnh núi cao để đến các vùng đất trù phú ở phương Tây. Đó là lý do tôi để ngỏ Tajikistan nhưng cũng liệu mình mua vé máy bay từ Bishkek đến Dushanbe, điểm khởi hành cho hành trình khám phá quốc gia cuối cùng ở Trung Á trong chuyến đi lần này.

Nói để ngỏ nhưng tôi vẫn mày mò tìm hiểu Tajikistan, có gì để còn lên kế hoạch thăm thú khi có visa. Đất nước có địa hình 80% là núi, trong đó có những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu cao trên 7.000 mét nằm sâu trong dãy Pamir. Tajikistan có bốn hướng giáp với các quốc gia mà mối quan hệ với các quốc gia này vô cùng khác biệt. Phía bắc giáp với Kyrgyzstan mà sự tranh chấp lãnh thổ từ thời Stalin vẫn kéo dài tới ngày nay, phía nam giáp với lò thuốc súng Afghanistan lúc nào cũng chực chờ sự xâm nhập của các phần tử khủng bố, phía đông giáp với người láng giềng khổng lồ Trung Quốc có mối quan hệ về kinh tế lệ thuộc gần đây và phía tây là anh bạn Uzbekistan của thời kỳ Xô Viết. Tajikistan dường như yếu thế trong mối quan hệ với các người láng giềng của mình. Không giống như các nước anh em Trung Á khác lắm tài nguyên dầu lửa, khí đốt, Tajikistan chỉ có những quặng nhôm, chì, kẽm và ngành công nghiệp trồng bông cũng không phát đạt như Turkmenistan hay Uzbekistan. Đất nước chỉ trên dưới tám triệu dân nhưng những hàng hóa tiêu dùng hiện giờ chỉ nhập khẩu chủ yếu từ nước ngoài. Thế thì ngoài việc khám phá trên cung đường Pamir thì tôi có thể thăm thú gì ở Tajikistan khi bao quanh đất nước này chỉ có núi và núi? Nếu muốn khám phá dãy Fann hay các hồ nước xanh như ngọc ở phía Tây Pamir thì phải mất vài tuần là ít. Thế là tôi chỉ có thể cưỡi ngựa xem hoa ở Dushanbe và dành thời gian xuôi về thị trấn cực nam của Tajikistan trước khi bước vào cung đường Pamir huyền thoại để trở về Osh.

Hôm sau, tôi thức dậy muộn vì đêm qua gần hai giờ sáng mới chợp mắt do chuyến bay đêm. Khu vực sảnh hostel có rất nhiều khách du lịch bụi đủ mọi quốc tịch đang bàn bạc kế hoạch

khám phá của họ ở Tajikistan. Người đi sau hỏi người đến trước để tư vấn cho lộ trình của mình khi thông tin du lịch khá ít ỏi và thường xuyên thay đổi ở các rẻo núi cao do thời tiết. Một vài anh chàng người Pháp chuẩn bị nhận phòng. Một số khác tôi đoán là người Hàn đang lục đục kéo hành lý trả phòng với trang phục thể thao mà tôi chắc hẳn họ sẽ vượt cung Pamir bằng xe đạp. Hai cô gái ngồi ở góc nhà thì nhâm nhi tách trà sáng cùng với quyển *Lonely Planet*, có thể họ đang bàn cho kế hoạch đi đâu đó hoặc rời khỏi Tajikistan từ Dushanbe. Một anh chàng người Thụy Điển gốc Nam Á đang chỉ trỏ trên tấm bản đồ để hỏi ông chủ hostel về hành trình trekking ở dãy núi Fann. Không khí nhộn nhịp khiến tôi cũng tất tả tìm tài liệu để hỏi hành trình vượt cung Pamir vào ngày hôm sau. Một anh chàng người Nhật là dân biker nghiệp dư tranh thủ ngày nghỉ hè để đơn thân độc mã vượt cung Pamir bằng xe đạp. Nhưng ngày mai anh ta sẽ mang con ngựa chiến của mình lên chiếc xe bảy chỗ để đến thị trấn Khorog, điểm khởi đầu cung Pamir từ phía Tajikistan, từ đó thực hiện việc đạp xe trên con đường được xem là hoang vu nhất địa cầu. Vậy là tôi đã tìm được bạn đồng hành vào ngày mai để đến Khorog, còn hôm nay, tôi sẽ dành thời giờ khám phá thủ đô Dushanbe mà nhiều người bảo là chả có gì.



Cột cờ cao nhất thế giới ở thủ đô Dushanbe.

Thành phố Dushanbe chỉ quanh quẩn một vài con đường chính được phủ nhiều cây xanh. Mọi hoạt động của người dân không quá nhộn nhịp như Bishkek nhưng những tuyến xe buýt vẫn đông khách xuôi ngược. Những hình ảnh quen thuộc của một đô thị Xô Viết như một cuộn phim quay chậm được tái hiện trước mắt. Cũng là người Hồi giáo theo dòng Sunni, ăn bánh mì tròn, búi tóc cao và trùm khăn che tóc. Đường phố Dushanbe gọn gàng, những ô tô đắt tiền đậu dọc trên vài con phố lớn, các cửa hàng thức ăn nhanh nhộn nhịp kẻ ra người vào ở khu trung tâm. Nhà cao tầng có thể nhìn rõ sau những tán cây ngô đồng hai bên phố. Với những ấn tượng ban đầu này tôi không nghĩ đây là đất nước nghèo nhất Trung Á hay những gì tôi thấy bây giờ chỉ là

bề mặt hào nhoáng của một đất nước không nhiều tài nguyên và chật vật trong vấn đề điều hành đất nước.

Suy nghĩ này được củng cố khi trước mặt tôi là cột cờ quốc gia cao ngạo ngẩng giữa thủ đô Dushanbe, bên cạnh tòa nhà Quốc hội, nơi Tổng thống Tajikistan tiếp phái đoàn các nước. Cột cờ được xây dựng bắt đầu từ năm 2010 và hoàn thành vào mùa xuân năm sau nhân dịp kỷ niệm Ngày độc lập của Tajikistan là ngày 9/9 hằng năm. Cột cờ cao 165 mét đã phá vỡ kỷ lục của cột cờ cao nhất thế giới vào thời điểm đó tại thủ đô Baku của Azerbaijan với chiều cao 162 mét và cao hơn rất nhiều so với cột cờ ở thủ đô Kuala Lumpur mà tôi có dịp ghé thăm rất nhiều lần khi đến Malaysia. Không dừng lại ở đó, lá cờ được treo lại là một kỷ lục đáng nể khác. Các nhà chức trách thông báo cho người dân rằng lá cờ được kéo trong ngày khánh thành là lá cờ lớn nhất thế giới với diện tích lên đến 2.000 mét vuông và nặng 350 ki lô gam. Tuy nhiên, một số nhà phê bình cho rằng chính phủ đã thiếu hiểu biết khi chi tiêu một khoản tiền lớn vào những nỗ lực phù phiếm đó rồi lại kêu ca rằng không đủ tiền bạc. Những chi tiêu, công sức của những người đã tạo ra ý tưởng thành tích này cuối cùng cũng được đền đáp bằng giấy chứng nhận của ủy ban kỷ lục thế giới là cột cờ cao nhất thế giới. Cách cột cờ không xa là công viên Chiến Thắng, nơi mang lại cảm giác thú vị cho tôi vì hiểu thêm lịch sử của đất nước Tajikistan. Người Tajik hiện đại tự hào coi đế chế Samanid ở thế kỷ thứ XVIII là quốc gia Tajik đầu tiên trong lịch sử của họ. Công viên nổi bật với tượng đài vị anh hùng Ismail Samani trên tay cầm ngọn lửa chiến thắng. Ông được người dân xem là biểu tượng chiến thắng của dân tộc, tinh thần quật cường chống ngoại xâm đã được hình thành dưới triều đại hùng mạnh từng được xem là đế chế Ba Tư đầu tiên trong lịch sử. Ngày nay, trên các đồng tiền somoni của Tajikistan có in hình của ông như một lãnh tụ thiên tài và chính tên gọi của đồng tiền cũng được lấy từ tên của ông.

Câu chuyện hôn phối phổ biến ở Dushanbe hiện nay cũng gây bao nhức nhối. Đó là chuyện biến đổi gen của người Tajikistan với người gốc Trung Quốc. Ban đầu tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy nhiều người Trung Quốc trong các nhà hàng địa phương. Ngay cả khi tính tiền họ cũng đưa đồng nhân dân tệ để thanh toán thay vì đồng somoni bản địa. Có nhiều cặp đôi mà người đàn ông là Trung Quốc còn cô gái là người Tajik. Họ đi chung với nhau rất thân mật và thể hiện những cử chỉ chứng tỏ họ là cặp vợ chồng hay ít nhất là cặp tình nhân sắp cưới. Đây chắc hẳn là hiện tượng hôn phối với người Trung Quốc khi họ làm ăn sinh sống ở Tajikistan trong những năm gần đây. Hàng tháng có hàng trăm công dân Trung Quốc đến Tajikistan làm việc, những người này kết hôn với phụ nữ bản địa và sinh con. Đã vậy, chính sách một con khiến những người Trung Quốc có điều kiện ra nước ngoài tìm phụ nữ để sinh thêm thay vì bị phạt nặng khi thực hiện chuyện này trong nước. Cứ thế, mỗi một gia đình có hôn phối giữa người đàn ông Trung Quốc và phụ nữ bản địa như thế được coi là một “căn cứ đầu cầu” để nhân nguồn gen người Trung Quốc trên đất

Tajikistan. Nghèo đói và tình cảnh vô vọng về tài chính đã buộc nhiều gia đình Tajikistan đông con phải gả bán con gái mình cho các lao động Trung Quốc. Không chỉ cho người Trung Quốc, họ còn chủ tâm bán con cho những người nước ngoài giàu có khác và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự pha tạp nguồn gen thuần chủng Tajikistan. Đứng trước tình trạng này, chính quyền Tajikistan chỉ thị cho các cơ quan bảo vệ pháp luật thi hành những biện pháp nhằm ngăn chặn tình trạng phụ nữ Dushanbe làm vợ lẽ các ông chồng Trung Quốc, nhưng phải lịch sự và không được làm méch lòng những ông chủ Trung Quốc giàu có. Đồng thời, họ phải thuyết phục lãnh đạo các công ty Trung Quốc buộc các nhân viên của mình kết hôn chính thức với phụ nữ Tajikistan. Việc kết hôn với người nước ngoài, chủ yếu là người Trung Quốc, có thể làm gia tăng nguồn ngoại tệ cho đất nước. Nhưng mặt khác, nếu tính tới số dân ít ỏi của mình, liệu chính quyền Tajikistan có thể thấy rõ sự biến động mạnh mẽ về nguồn gen thuần chủng của giống nòi mình sau hơn chục năm nữa với cái đà gả bán phụ nữ Tajikistan để đổi lấy ngoại tệ từ phía Trung Quốc? Đồng thời, không chỉ có nguồn gen, nếu nhớ lại sự kiện gần đây Tajikistan đã phải cắt 1.000 ki-lô-mét vuông lãnh thổ của mình ở dãy Pamir cho Trung Quốc và cho các chủ trang trại Trung Quốc thuê hàng nghìn ha đất để canh tác. Hệ lụy của chính sách mưa dầm thấm đất này sẽ xâm thực vào lãnh thổ Tajikistan sâu bao nhiêu ki-lô-mét nữa?



Tượng đài vị anh hùng Ismail Samani ở Dushanbe.

Người Trung Quốc không chỉ đơn thuần cưới vợ, sinh con mà việc chủ yếu là phát triển kinh tế. Tôi thấy rất nhiều hàng hóa Trung Quốc bày bán ở các siêu thị, các khu chợ lớn nhỏ ở thủ đô Dushanbe. Nào là quần áo, đồ chơi trẻ em, hàng kim khí điện máy, đồ gia dụng toàn là “made in China” nhan nhản khắp nơi. Đây chính là kết quả của sự mở rộng hoạt động kinh tế ồ ạt của Trung Quốc vào Tajikistan bắt đầu từ năm 2004, khi người Trung Quốc hoàn thành việc xây dựng con đường ở khu vực đèo Kulma. Tuyến đường ô tô hiện đại, có nơi chạy trên độ cao 4.000 mét so với mực nước biển, đã làm đơn giản hóa đáng kể các mối quan hệ kinh tế, bằng chứng là chi phí vận tải giữa hai nước giảm đi đáng kể.

Hiện nay, Tajikistan là nước vẫn duy trì được mô hình “Tadjikpotrbsoiuz”¹⁴ từ thời Xô Viết, hoạt động theo phương thức là một xí nghiệp thương mại thống nhất quản lý hàng nghìn cửa hàng và các chợ trong toàn quốc.

Ngay sau khi thông xe tuyến đường ô tô nối với Trung Quốc, “Tadjikpotrbsoiuz” đã ký với Trung Quốc một hợp đồng có giá trị kỷ lục đối với Tajikistan. Theo hợp đồng hơn một tỷ đô-la này, “Tadjikpotrbsoiuz” cam kết trong vòng mười năm phải mua hàng hóa từ các xí nghiệp tại Tân Cương như quần áo, hàng tiêu dùng, sản phẩm nông nghiệp, vật liệu xây dựng, máy móc và các mặt hàng khác. Để đổi lại, phía Trung Quốc cam kết xây dựng tại Tajikistan các xí nghiệp chế biến và cơ sở hạ tầng mới cho các cửa hàng và các khu chợ.

Việc mở ra tuyến giao thông thuận lợi với chi phí tương đối rẻ giữa Trung Quốc và Tajikistan đã làm bùng nổ hiện tượng “buôn bán con thoi”, kiểu như các cửu vạn vận chuyển hàng qua biên giới ở các tỉnh phía Bắc của ta. “Người Tajikistan cũng toàn mặc quần áo Trung Quốc thôi” là câu trả lời thật thà của cô gái bán hàng trong siêu thị khi tôi hỏi vì sao ở đây không trưng bày hàng hóa có xuất xứ từ Tajikistan.

Rong ruổi trên nóc nhà thế giới

Đã là ngày thứ 38 của chuyến đi. Hành trình của tôi đang bước vào những chặng đường cam go nhất...



Dãy Pamir được xem là nóc nhà thứ hai của thế giới.

Tajikistan và một phần Đông Nam của Kyrgyzstan thường được xem là nóc nhà thế giới bởi

những đỉnh núi cao trung bình trên 4.000 mét. Phần trung tâm ở Tajikistan và dãy Pamir được bao phủ những ngọn núi tuyết vĩnh cửu trên 7.000 mét. Đây cũng là đoạn đường hiểm trở mà đoàn thương nhân phương Đông phải vượt qua để đến với những thị thành phồn vinh. Hành trình gặp khó khăn vì thiên tai, thời tiết và cả do sức chịu đựng của con người. Tuy nhiên, đoàn thương nhân vẫn cố hết sức đến những vùng đất hứa, nơi họ có thể bán những phẩm vật với giá cao hơn rất nhiều. Ngày nay, khu vực này cũng rất ít người dân sinh sống trừ những người bản địa với lối sống bám rừng bám núi trải qua hàng nghìn năm không thay đổi. Người dân đa phần chỉ định cư tập trung ở những khu vực thấp như thủ đô, các khu thị tứ lớn, những nơi khí hậu thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi và sinh sống của con người.



Xa lộ Pamir, con đường heo hút nhất thế giới.

Xa lộ Pamir là đoạn đường hiểm trở vượt qua dãy núi Pamir cao trung bình trên 4.650 mét so với mặt nước biển nối từ thành phố Osh của Kyrgyzstan đến thị trấn Murghab. Từ đây, đoạn đường rẽ vòng cung trái xuyên qua tỉnh Gomo Badakhshan và kết thúc ở thủ phủ Khorog. Xa lộ có chiều dài 1.252 km và còn được gọi chính thức với tên là M41 trên bản đồ quốc tế. Cách đây 2.000 năm, đây là một phần của Con đường tơ lụa từ Trung Quốc qua Trung Đông. Đến thế kỷ thứ XIII, Marco Polo, trong hành trình khám phá phương Đông cũng trải nghiệm trên con đường này. Trong những quyển nhật ký hành trình, ông cũng mô tả đây là những vùng núi cheo leo, hiểm trở và cô lập nhất thế giới. Trong giai đoạn từ những năm 1930-1940, Liên Xô đã xây dựng con đường một phần trải nhựa và phần khác rải đá, cho quân đội sử dụng để đến được vùng biên giới chiến lược ở Pamir.



Thị trấn vùng cao Khorog.

Như vậy, để bắt đầu trải nghiệm trên xa lộ Pamir tôi phải di chuyển đến thành phố Khorog. Hôm sau, tôi cùng anh bạn biker người Nhật dậy thật sớm để có thể bắt chuyến xe đầu tiên đi Khorog. Đoạn đường dài 500 km đi vòng theo đường biên giới với đất nước Afghanistan. Phương tiện di chuyển chủ yếu từ Dushanbe đến Khorog là loại xe bốn cầu, vượt dốc tốt cho những đoạn đường đèo hiểm trở. Chúng tôi chờ đợi gần hai giờ đồng hồ cho đủ số lượng sáu khách trên chiếc xe bảy chỗ ngồi để đến Khorog. Một ngày vất vả với 14 tiếng trên xe, nhưng bù lại tôi đã được thưởng ngoạn vùng núi tuyết đẹp vùng biên giới giữa hai nước và không ít lần xuýt xoa đầy phấn khích ở những đoạn sông hùng vĩ, ngăn cách giữa Tajikistan và Afghanistan, tung những con sóng dữ tợn tràn bờ.

Hiện tại có hai cách để đi cung Pamir từ Khorog. Một là tôi phải bắt xe để đến Murghab băng qua công viên quốc gia Badakhshan nằm trên độ cao 4.000 mét. Tuy nhiên, chủ nhà trọ bảo rằng đoạn đường này hiện nay có một đoạn bị sạt lở nghiêm trọng xe không thể đi qua. Nếu chọn cách này, tôi sẽ phải rời xe, mang hành lý đi bộ khoảng 3 km rồi sau đó bắt một chuyến xe khác để về Murghab. Một số khách du lịch cũng chọn cách này nếu hành lý họ mang gọn gàng, không quá nặng. Tôi chọn cách thứ hai mà thật ra cách này lại là cách rủi ro hơn mà tôi cũng được nhiều người khuyên là không nên chọn. Tôi bấm bụng quyết định liều vì sách tư vấn du lịch bảo đây là đoạn đường biên giới kỳ vĩ. Cách này buộc tôi sẽ di chuyển đến thị trấn cực nam của Tajikistan là Eshkashem dài 108 km, đường đá bi rất hẹp. Từ Eshkashem tiếp tục bắt xe đến thị trấn Langar với chiều dài 90 km, sau đó tiếp tục bắt xe đến Murghab, đây là đoạn đường được cảnh báo là rất ít xe di chuyển. Tôi hít một hơi thật sâu lấy tinh thần khi chọn cách này và chỉ trông chờ vào vận may trên hành trình để về đến Murghab như đúng lịch.

Từ Khorog, tôi bắt một chuyến xe buýt địa phương để đến Eshkashem với giá 40 somoni trong khi anh bạn người Nhật lại chọn cách một để đến Murghab. Đoạn đường nhỏ hẹp nhưng thật tráng lệ giữa một bên núi đá dựng đứng và một bên là vực sâu của con sông Panj. Con sông gầm gừ cuộn cuộn những con sóng dữ như một con thuồng luồng chực chờ vồ lấy những con mồi đang nặng nhọc di chuyển bên hai bờ sông. Tôi chột rùng mình vì nghĩ đến cảnh những người vượt sông thì chắc hẳn sẽ không người nào may mắn sống sót nếu không có phép màu nào đó. Đôi chỗ sông rộng thì êm ái hơn, nhưng phía dưới đáy sông vẫn là những tảng đá ngầm khổng lồ tạo xoáy nước như một cái phễu lớn có thể nhấn chìm tíc tắc một chiếc bè lớn. Một hành khách người Tajikistan cho tôi biết, tuy sông Panj là biên giới tự nhiên giữa Tajikistan và Afghanistan, nhưng các cư dân Pamir sống hai bên bờ sông dùng chung một ngôn ngữ, có chung tôn giáo và lối sống tương đồng nhau. Quả thật, không khí thanh bình bên bờ sông với hình ảnh người nông dân cần mẫn những công việc đồng áng bên những đàn gia súc hàng trăm con đối lập với con sóng dữ tợn của Panj. Tôi không thể tưởng tượng bên kia sông là một trong những quốc gia đau thương, luôn chìm đắm trong khủng bố, chiến tranh và bạo loạn. Anh tài xế nói rằng, những năm về trước, hàng trăm người Afghanistan đã vượt con sông hung tợn này để tránh khỏi bom lửa đạn từ khủng bố, một số đã bỏ mạng dưới dòng chảy cuộn cuộn của Panj trong hành trình tìm đến vùng đất thanh bình hơn ở bên kia bờ.



Một cây cầu bắc qua sông Panj nối với Afghanistan đang bị đóng cửa vì bất ổn.

Đến trưa, tôi đến thị trấn biên ải Eshkashem, thuê phòng trọ và đi bộ đến khu chợ biên giới giữa hai nước được xây dựng khá hiện đại. Những năm trước, khi an ninh còn tốt ở Afghanistan, đây là điểm giao thương của cư dân hai nước vào mỗi thứ Bảy cuối tuần. Nhưng gần đây, do tình hình bên kia biên giới ngày càng bất ổn, khu chợ đã đóng cửa và theo người dân thì hiện nay

không còn hoạt động định kỳ như trước mà nó chỉ mở vào những lúc chính quyền Tajikistan thấy an toàn mà thôi.

Ngày hôm sau, tôi dậy sớm và bắt chuyến xe đi Langar. Mọi chuyện bắt đầu khó khăn khi tôi đợi hằng giờ vẫn chưa có chuyến xe địa phương nào đi qua khu vực này. Thỉnh thoảng chỉ có một vài chiếc đi chiều ngược lại chở theo những nhóm khách Tây. Anh bạn địa phương giải thích: “Thông thường khách du lịch đi từ Osh đến Murghab rồi từ đó về Langar và Khorog. Còn ông anh đi ngược lại nên xe cộ rất ít!” Quả thật, vì khi từ đầu đặt vé máy bay tôi khởi đầu từ Dushanbe và kết thúc tại Osh nên không còn cách nào lựa chọn cho cung đường truyền thống mà mọi người hay đi. Không tự dằn vặt bản thân, lúc này tôi chỉ biết chờ đợi và hy vọng. Cuối cùng, tôi cũng tìm được xe với đủ số lượng người ghép khởi hành đi Langar với giá 100 somoni sau ba giờ đồng hồ chờ đợi.



Cung đường khó khăn cho tất cả các loại xe.

Những thách thức bắt đầu tiếp tục xuất hiện trên cung đường khổ ải này. Đoạn đường ngày càng hẹp lại do băng qua những dãy núi đá cao. Một số đoạn không còn rải đá mà hoàn toàn là bùn đất lầy lội do những cơn mưa trước đó tạo thành. Những đoàn xe tải nối đuôi nhau xếp hàng dài cả ki-lô-mét vì tài xế không dám liều lĩnh băng qua. Một số thanh niên địa phương lên đá, hì hục đẩy từng chiếc xe con để giải phóng bớt lưu lượng xe cộ đang mắc kẹt. Những chiếc xe container phải nép sát mép đường, có khi chúng đậu bên sườn đồi nghiêng như sắp lật hay chênh vênh bên vực thăm trông nguy hiểm khôn cùng. Thế là tôi mất hơn bốn giờ đồng hồ để đến thị trấn Langar. Nói là thị trấn nhưng thật sự Langar chỉ là một xóm nhỏ vùng cao. Lác đác vài chục ngôi nhà ven con đường đất được bao bọc bởi các hàng rào bằng loại cây gai khô. Thấp thoáng

vài ngôi nhà trên những sườn núi với bầy gia súc không quá đông đúc. Khu vực này sở hữu nhiều mạch khoáng nóng là điểm đến cho du khách thư giãn, trị liệu ở vùng rừng núi gần như biệt lập này.



Đoạn đường khổ ải đến thị trấn Langar.

Lúc này thật sự tôi không còn tâm trí dừng lại tắm suối ở Langar mà chỉ lo đến chặng đường phía trước. Nhiều người địa phương cho rằng tôi sẽ rất khó khăn để bắt xe vì đoạn đường ít người qua lại chứ đừng nói gì đến chuyện sẽ tìm được xe ghép để tiết kiệm. Những khách Tây có khi mắc kẹt cả tuần để tìm xe từ Langar đến Murghab. Nghĩ đến đây tôi thấy lạnh cả sống lưng.

Đến Langar, tôi quyết định bắt xe đến Murghab ngay trong đêm vì sợ bị kẹt lại ở đây ảnh hưởng đến những vé máy bay tôi mua trước đó. Một giờ, hai giờ, rồi ba giờ trôi qua một cách nặng nề. Đôi khi chỉ có một vài xe không có khách dừng lại và hét giá mức trên trời cho một mình tôi đến Murghab. Tôi cố gắng chờ đợi thêm tí nữa biết đâu sẽ có xe có khách để tôi có thể tiết kiệm được một ít tiền. Nhưng đến sáu giờ trôi qua vẫn chưa thấy thêm chiếc xe nào cả. Trời bắt đầu lạnh bởi những cơn gió núi buốt cả người. Mặt trời chỉ còn là một vầng sáng treo trên những đỉnh núi cao phía bên kia sông Panj. Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện bắt xe tải để quá giang. Đây cũng là một mẹo mà tôi được Tony tư vấn. Một chiếc, rồi hai chiếc, ba chiếc đi qua bỏ lại phía sau những làn khói bụi mù mịt. Họ không có một động thái dừng lại. Đến chiếc thứ tư cũng thờ ơ đi qua nhưng sau đó miễn cưỡng đỗ lại cách chỗ tôi đứng gần 50 mét. Tài xế ra hiệu cho tôi rằng trời đã gần tối, họ sẽ không di chuyển vào ban đêm và đang tìm chỗ ngủ để sớm mai tiếp tục khởi hành. Nhìn những chiếc xe tải chở hàng 18 bánh với tốc độ 20 km trên giờ, bò chậm chạp trên cung đường này làm tôi rùng mình vì chỉ cần một sơ suất nhỏ thì chúng có thể rơi

xuống vực bất cứ lúc nào. Ban ngày nguy hiểm một thì đêm xuống còn nguy hiểm gấp mười. Họ không di chuyển cũng là một điều hợp lý. Đoạn đường chỉ chít ổ trâu, ổ voi do các xe tải hạng nặng cày lên cày xuống không biết bao lần. Tôi thất vọng và dự định tìm một chỗ ngủ ở nhà dân gần đó. Gió núi rét mướt như thế này rất dễ quật ngã bất cứ người nào dù là to khỏe nếu cứ phơi thân ngoài trời. Bất chợt, một xe bảy chỗ rọi đèn và dừng trước mặt tôi. Tài xế hỏi tôi muốn đi Murghab phải không và ra giá luôn mà không cần đợi tôi trả lời. Bởi anh ta thừa hiểu rằng chỉ có những khách du lịch như tôi đến giờ này mới có nhu cầu đi trên cung đường mà người bản địa họa hoằn lắm mới đặt chân tới. Không tìm được xe ghép như mong đợi nhưng tôi cũng thở phào nhẹ nhõm khi đến Murghab ngay trong đêm với mức chi phí chấp nhận được.

Anh ta chở tôi về nhà gói ghém ít đồ đạc cho hành trình tám giờ vượt những ngọn đèo hiểm trở. Thị trấn đã chìm sâu trong bóng tối. Chỉ có ánh trăng khuyết lấp ló sau những rặng núi cao. Xe chạy xóc qua những khúc quanh uốn lượn quanh sườn đồi rồi dừng lại một ngôi nhà nằm ẩn mình giữa một ruộng cỏ lau cao gần đầu người. Tôi đoán khu nhà dành cho một đại gia đình cư ngụ vì chu vi rộng rãi của nó. Anh ta mời tôi vào nhà và bảo đợi ở khu vực phòng khách trông ấm cúng bởi ngọn đèn vàng tù mù và bộ thảm đỏ lót sàn cũ kỹ. Một bà già trùm khăn hoa trên đầu mời tôi dùng bữa tối với món súp đậu, cải thảo xào và một mẩu bánh mì tròn khá cứng. Khu nhà rộng một phần vì có nhiều thế hệ sinh sống, phần vì chủ nhân cũng cho khách du lịch thuê khi lưu trú ở Langar. Anh tài xế bảo sẽ có cậu em rể làm xế phụ và cậu con trai năm tuổi tháp tùng đi theo. Thằng bé có ngoại hình giống cha y tạc. Gầy, dáng dong dong cao, nhưng gương mặt thì lộ nét khờ khạo. Anh ta nói thằng bé đeo cha như sam từ bé, và hay đòi đi theo bố khi chở khách lên thị trấn Murghab. Mới ngần ấy tuổi mà cứ mỗi tháng cậu bé lại được lên thị trấn lớn đến bốn, năm lần. Cậu bé quen với giấc ngủ trên chiếc xe của cha khi ngược xuôi trên cung đường này. Nghe anh tài xế nói thế tôi cũng bớt lo. Bởi với vốn tiếng Anh ít ỏi của anh ta, tôi không biết giao tiếp như thế nào trên suốt chặng đường nguy hiểm sắp tới. Giờ thì tôi có thể an tâm và ngấu nghiến hết phần thức ăn gia đình mời khi nhớ đến từ trưa đến giờ chưa có gì vào bụng.

Hơn 250 km đường đèo núi, chiếc xe cứ lao đi như một con thiêu thân trước ánh đèn pha đơn độc trong không gian mù mịt của vùng núi thê lương. Chỉ có thứ ánh sáng le lói duy nhất ấy phát ra từ chiếc xe bốn cầu gầm lên giữa màn sương dày đặc trên độ cao 5.000 mét. Đôi khi chúng rọi vào những vách đá dựng đứng phía trước, khi thì lạc lõng giữa vực sâu đường như vô tận. Một đêm tôi không ngủ với ánh trăng vắng vặc cứ đung đưa như quả lắc trước mặt, bầu trời đầy sao và mùi gió buốt rờn rợn.

Chiếc xe thắng gấp làm tôi nhào người ra phía trước. Nhìn đồng hồ đã là năm giờ sáng, có nghĩa tôi cũng có một giấc ngủ chập chờn gần một tiếng. Người em rể bảo chúng tôi đã đến thị

trần Murghab. Thị trấn vùng cao vẫn còn đang say ngủ. Những ống khói tỏa ra từ các ngôi nhà hòa vào làn sương sớm khiến tôi khó nhận ra. Xe dừng trước một ngôi nhà người Pamir nằm trên một ngọn đồi cao có tầm nhìn xuống thị trấn. Căn nhà truyền thống này được gọi là Huneuni Chid, phía trước trang trí bằng những biểu tượng của Hồi giáo Shia Ismaili, phái tôn giáo được đa số người Pamir sùng bái. Từ bên ngoài, các căn nhà trông giống như một khối gạch đơn giản, thấp lè tè, được trát vữa sơ sài nhưng không gian bên trong rất ấm cúng. Tài xế giới thiệu đây là nhà người quen của anh ta ở Murghab và tôi được họ đãi bữa sáng miễn phí gồm bánh mì, bơ, mứt và trà sữa tự làm.



Một ngôi nhà xinh xắn phục vụ khách du lịch ở thị trấn Murghab.

Ăn sáng xong, tôi tản bộ phía trước nhà nhìn xuống thị trấn. Nằm trên độ cao 3.560 mét, Murghab từng là nơi đóng quân của quân đội Liên Xô. Ở đây, việc trồng hoa màu hay chăn nuôi gia súc là rất khó khăn. Hầu hết các loại rau, ngũ cốc đều khó trồng trọt được và người ta chỉ nuôi được duy nhất loài bò yak lông dài và lừa, những loài gia súc có thể chịu được áp suất trên cao. Phần đông dân ở đây vẫn còn phụ thuộc vào sự viện trợ của các nước phát triển và các tổ chức quốc tế.



Thị trấn Murghab nhìn từ trên ngọn đồi.

Ở trên vùng đất cằn cỗi đầy núi đá cao như thế này rất hiếm đất dành cho nông nghiệp. Một vài năm gần đây khi khách du lịch tìm đến cung Pamir vì những cung đường trên dãy Himalaya phía Tây Tạng hay Nepal dường như quá đông du khách, các tổ chức địa phương đã cho phép người dân xây dựng hoặc sử dụng nhà của họ cho khách lưu trú nhằm tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân. Nhiều khách du lịch thuê chỗ ngủ trong Yurt hoặc trong các ngôi nhà truyền thống của vùng Pamir.

Đa số người dân sống ở các khu vực phía đông của dãy núi Pamir là người dân tộc Kyrgyz nói tiếng Thổ, khác với các láng giềng sống ở phía Tây Pamir dùng một loại thổ ngữ của Iran. Khi du lịch phát triển thì một số người dân cũng có thể giao tiếp bằng tiếng Anh đơn giản với du khách nước ngoài. Chúng tôi trò chuyện và ăn sáng cùng nhau khi những ánh bình minh đầu tiên ở Murghab hắt vào song cửa. Tiếng của bầy gia súc nhón nháo khi di chuyển đến những cánh đồng cỏ bên ngọn đồi đồi diện. Một ngày như mọi ngày đã bắt đầu của những người Pamir sống cô độc bên những rừng tuyết sơn dốc đứng.

Vượt Pamir

Nhà thám hiểm Marco Polo ở thế kỷ XIII đã từng viết trong quyển du ký của mình về Pamir: “Thật sự có một vùng đất mênh mông được gọi là dãy Pamir, các lữ khách sẽ mất đến mười hai ngày ròng rã trên lưng ngựa để băng qua một sa mạc cằn cỗi không có bất kỳ sự sống nào, vì thế họ cần phải mang theo mọi thứ cần thiết để sinh tồn. Trên dãy núi cao và lạnh lẽo ấy không có lấy một cánh chim trời chao liệng, những ngọn lửa sẽ không cháy sáng như thường lệ hay không tỏa ra lượng nhiệt nóng đủ để sưởi ấm vì cái lạnh cắt da cắt thịt ở đây...”



Bến xe ở Murghab ngổn ngang những chiếc container cũ.

Ở thị trấn hẻo lánh Murghab trên dãy Pamir chỉ có một bến xe duy nhất để vận chuyển khách đi Osh hoặc trở về Khorog. Nói là bến xe cho hoành tráng chứ thật sự nơi đây là bãi đất trống ven con đường nhựa ngay trung tâm thị trấn. Bãi xe khá lầy lội bởi cơn mưa hiếm hoi ở vùng cao này ngày hôm qua làm nước chưa kịp rút. Việc bắt xe ở đây cũng là một sự may rủi nên tôi phải tranh thủ thời gian để không bị tình trạng hủ vía như hôm trước. Bến lèo tèo một vài con xe bảy chỗ, trong đó có chiếc xuôi về thị trấn Khorog trong khi duy nhất một chiếc có gắn biển số Kyrgyzstan thì ngược lên Osh. Chuyển xe đến Osh hiện giờ đã có ba lữ khách. Vậy nếu thêm tôi thì xe đã có tổng cộng bốn người cho cuộc hành trình này, nên khả năng tìm thêm khách để ghép cũng sẽ dễ dàng hơn. Một bạn trẻ người Nhật, một người Hàn và một khách Việt Nam, ba gã châu Á làm bạn đồng hành cũng có nhiều điểm dễ đồng cảm. Chúng tôi quyết định chờ đợi thêm một vài khách để tiết kiệm chi phí. Gần một giờ sau đó, một anh chàng người Đức với chiếc quần soọc màu xanh chuối xuất hiện. Anh ta nói với chúng tôi là có hai người, anh ta và bạn trai của mình sẽ đi đến hồ Karakul, xấp xỉ nửa đường về lại Osh. Thế là chúng tôi cũng có đủ số lượng khách như mong đợi để có thể khởi hành trên đoạn đường Pamir hẻo lánh này. Tài xế người Kyrgyzstan buộc chặt hành lý trên nóc xe và bắt đầu thu tiền hành khách trước khi xuất phát. Bỗng anh người Đức yêu cầu chỉ trả 50% trước, sau khi đến Karakul anh ta sẽ trả nốt phần còn lại. Tôi nghĩ thầm trong bụng anh chàng này quả thật là kỹ tính. Trước sau gì cũng thanh toán nên có thể trả luôn cho tài xế để họ còn đổ dầu theo lời giải thích của bác tài và tôi thấy người Kyrgyzstan có thể tin tưởng được qua 10 ngày lang thang trên đất nước của họ khi tôi không phải gặp bất kỳ trở ngại nào từ cánh lái xe. Ba chúng tôi thương lượng và đồng ý chỉ trả 100% cho bác tài. Tuy nhiên, anh chàng cao to người Đức và người bạn trai đó nhất quyết không chịu. Họ nói không có lý do gì khi họ chưa sử dụng được dịch vụ mà phải thanh toán 100%. Cả

hai phải chịu rủi ro phân nửa, nghĩa là họ chỉ thanh toán 50% trước khi họ sử dụng dịch vụ, phần còn lại họ sẽ thanh toán nốt sau khi sử dụng dịch vụ. Anh chàng người Đức nói nhỏ với chúng tôi cẩn thận là tốt nhất vì anh ta từng nghe một vài bạn đồng hành tài xế thường dừng lại đón khách liên tục có thể ảnh hưởng đến hành trình. Hai bên thương lượng bất thành. Chúng tôi ngồi lại bàn với nhau xem có nên chờ đợi tí nữa hay không hay mỗi người bỏ thêm một chút tiền để trả cho phần còn lại để xe khởi hành sớm. Thật may mắn, khi chúng tôi đang cố nán thêm mười phút thì bác tài thông báo có một khách quen gọi điện để trở về Osh. Cả bọn thở phào nhẹ nhõm. Đường như đường đi trên Pamir không hề dễ chút nào, trong đó có cả việc tìm phương tiện di chuyển mà nhiều sách tư vấn du lịch luôn cảnh báo những ai muốn khám phá cung đường hẻo lánh dài khoảng 400 km. Pamir luôn kích thích bởi sự hoang vắng và cảnh sắc ngoạn mục như một thế giới khác.

Về mặt lịch sử, dãy núi Pamir từng được coi là hành trình thương mại chiến lược giữa khu vực Kashgar (thuộc Tân Cương, Trung Quốc) và vùng Kokand (thuộc Uzbekistan) trên Con đường tơ lụa và đã từng là mục tiêu của nhiều vụ tranh giành lãnh thổ trong quá khứ. Con đường tơ lụa thuộc nhánh phía Bắc, dài khoảng 2.600 km, nối liền kinh đô cổ đại của Trung Quốc là Tây An với phía Tây, vượt qua dãy núi Pamir tới Kashgar trước khi nối với đế quốc Parthia cổ đại (năm 247 trước Công nguyên - năm 224 sau Công nguyên). Ở thế kỷ XIX, vùng Pamir được xem nơi tranh chấp, xung đột giữa đế quốc Anh và đế quốc Nga trong vấn đề tranh giành quyền kiểm soát ở Trung Á. Trong thế kỷ trước, dãy núi hiểm trở này là nơi diễn ra cuộc xung đột nội bộ, nơi tranh giành biên giới giữa hai ông lớn Liên Xô cũ và Trung Quốc bằng chứng hiện giờ vẫn còn nhiều di tích, đồn bốt quân sự của Nga dọc trên tuyến đường biên giới này.



Những đàn bò lông dài mới có thể chịu đựng thiên nhiên khắc nghiệt ở Pamir.

Cung Pamir được các lữ khách đánh giá là một nơi đẹp đẽ nhất và cũng là nơi khó đến nhất trên trái đất. Thiên nhiên hùng vĩ với những dãy tuyết sơn như chạm trời, một vài đàn bò lông dài thong thả gặm cỏ bên các sườn núi cao mà không thấy người chăn thả, những luống hoa dại vàng rực ven đường vào mùa hè... tất cả được xếp đặt trong một không gian bao la rộng lớn. Khi xe

dừng lại bên đường, tôi cố gắng lắng nghe một vài âm thanh nào đó trên Pamir nhưng tuyệt đối không nghe bất kỳ một thứ tiếng động nào trên những rẻo núi cao ngoài tiếng rít của gió nhẹ nhẹ qua mang tai. Không gian cô tịch đã hiện diện trên Pamir từ ngàn năm qua và bây giờ vẫn vậy. Tháng này là mùa hè. Không gian dường như ít thê lương vì ánh sáng mặt trời vẫn chói chang trên những ngọn núi phủ đầy tuyết trắng. Thi thoảng những đám mây che phủ trên đầu làm tôi có cảm giác rờn rợn. Mùa hè đã vậy, mùa đông còn ảm đạm như thế nào. Không gian sẽ bao trùm một màu xám ngắt. Xe sẽ không di chuyển được vì lớp tuyết dày bao phủ cả mặt đường. Bác tài bảo đến tháng Mười nơi đây đã có những trận tuyết lớn. Đôi khi tuyết nhiều vô kể không biết đâu là núi, đâu là trời. Người dân Pamir phải di chuyển vào các hẻm núi hoặc xuôi về thị trấn Khorog trú đông. Đoàn dừng hơn 30 phút mà xung quanh chả có một động tĩnh gì. Thỉnh thoảng xuất hiện những xe ngược chiều từ Osh đổ về hay những toán biker với linh kinh hành lý đang quần lung trên những đoạn dốc cao. Đây là đoạn đường được dân mê xe đạp trên thế giới mong muốn chinh phục giống như các nhà leo núi chuyên nghiệp muốn ghi danh mình trên đỉnh Everest. Nếu như, không có những lữ khách như chúng tôi thì Pamir mãi mãi là một bí mật.



Con đường Pamir hoang vu đi ngang qua hồ Karakul.

Xe chạy hơn 200 km thì đến hồ nước mặn Karakul, cũng là điểm dừng chân của cặp du khách người Đức ban sáng. Đây là hồ nước có đường kính 25 km, sâu và khép kín với màu xanh huyền hoặc của trời. Hồ như một viên ngọc xanh khổng lồ nằm sát biên giới với Kyrgyzstan và Trung Quốc được vây quanh bởi dãy Pamir trùng điệp. Xe dừng lại ngôi làng bên hồ Karakul để nghỉ ngơi sau nửa chặng đường. Đây là một ngôi làng nhỏ được xây dựng bên hồ Karakul, nép mình bên ngọn núi Lenin cao 7.134 mét. Chừng khoảng bốn hay năm mươi ngôi nhà chủ yếu được xây dựng bằng những chiếc container gỉ sét thời Xô Viết, xen kẽ là những Yurt truyền thống có kích cỡ khác nhau.



Một ngôi làng bên hồ Karakul.

Ngôi làng chủ yếu phục vụ cho khách du lịch ít ỏi trên con đường Pamir ít dấu chân người. Xe chạy đến ngôi nhà phía cuối làng, có cửa hướng ra hồ Karakul. Tiếp chúng tôi là một phụ nữ Tajikistan đôi má cháy đỏ đặc trưng do điều kiện khí hậu khắc nghiệt của vùng núi cao. Người phụ nữ mặc bộ đồ truyền thống nhiều màu sắc sở hữu chúng tôi cốc sữa ngựa có pha thêm vài miếng vỏ quế nâu. Chị ta cho chúng tôi biết sống ở đây cùng chồng và hai con. Anh chồng đang hướng dẫn một vài lữ khách cưỡi ngựa ven hồ. Hai đứa con thì đang chăn thả đàn gia súc ngoài sườn núi cách đó không xa. Họ giống như hàng ngàn hộ gia đình trên dãy Pamir sống kiểu du mục tự cung tự cấp như hàng ngàn năm nay. Kể từ khi đoạn Pamir được nâng cấp trong vài ba năm gần đây, họ có thể kiếm thêm thu nhập từ lượng khách du lịch vắng lại qua lại trên cung đường này. Gia đình họ cũng dựng thêm vài ba cái Yurt nhỏ để cung cấp dịch vụ homestay cho khách du lịch nhưng cũng chỉ phục vụ vào những ngày hè ngắn ngủi.

Trước khi qua cửa khẩu hai nước, anh tài xế dừng lại cho chúng tôi chiêm ngưỡng cột mốc biên giới huyền thoại gắn biểu tượng chú cừu sừng xoắn, con vật đặc trưng trên dãy Pamir. Đứng trên mỏm đá cao nhìn xuống dưới, tôi nhận ra một con đường mòn nhỏ xíu, như một sợi chỉ ngoằn ngoèo uốn khúc qua những bình nguyên rộng lớn và chìm dần ở cuối tầm mắt. Những bánh xe đã in hằn xuống thành rãnh trên con đường này. Rải rác dưới những triền cỏ bao la là bầy thú nuôi trắng trắng, li ti nhấp nhô dưới ánh mặt trời. Phía trước đang là vùng đất màu mỡ mà những đoàn lữ hành vỡ òa hạnh phúc khi đã qua khỏi những đỉnh cao chót vót, hiểm trở của Pamir.

Chúng tôi nhanh chóng làm thủ tục xuất nhập cảnh ở cửa khẩu hai nước nằm chơi vơi trên các

đỉnh núi màu đất đỏ do kiến tạo địa chất đặc biệt của vùng này. Một vài chiếc xe con chở khách đi từ hướng Osh qua lại Murghab, hướng đi phổ biến của khách du lịch khi khám phá cung Pamir như tôi đã nói. Cửa khẩu cũng là nơi phía Tajikistan kiểm soát giấy phép GBAO đối với khách du lịch khi trải nghiệm trên con đường ở nơi thâm sơn cùng cốc trên bản đồ thế giới.

Xa lộ Pamir tiếp tục trên phần đất Kyrgyzstan. Những cánh đồng cỏ xanh bạt ngàn lấm chấm màu vàng nâu của đàn gia súc hàng nghìn con đang gặm cỏ trên các sườn núi cao quen thuộc. Tôi lại như có cảm giác được trở về lại ngôi nhà của chính mình sau bao ngày xa cách. Vàng dương đã tắt từ lâu, hành trình theo Con đường tơ lụa của tôi cũng dần khép lại tại Osh như đoàn thương nhân đã đến được những thành phố sầm uất của phương Tây. Giờ đây, chỉ còn tiếng thở nặng của bầy lạc đà ở một lữ quán nào đó để chuẩn bị cho chuyến hồi hương vào ngày mai. Chúng sẽ được quay trở về cố hương. Nhưng có một điều chắc chắn rằng chúng sẽ tiếp tục một hành trình mới như một thiên mệnh. Có thể chúng lại vượt cung Pamir để xuôi về Ấn Độ, Nam Á, hay lại cần mẫn băng qua hoang mạc từ Tân Cương đi lên phía Bắc đến vùng Kazakhstan rộng lớn. Tôi cũng thế, vẫn sẽ tiếp tục cuộc hành trình rong ruổi mới để có được những hồi ức trọn vẹn về Con đường tơ lụa huyền thoại năm nào.

Dùng sợ Tajikistan

Trong phần lớn lịch sử của đất nước, Tajikistan ngày nay là một phần của các đế quốc Ba Tư hùng mạnh trải qua nhiều thế kỷ. Khu vực này trước đây đã có một vị trí quan trọng đối với sự hưng thịnh của trong văn hóa và ngôn ngữ của Ba Tư.

Trong những thập niên gần đây, Tajikistan đã trải qua ba thay đổi trong chính phủ và một cuộc nội chiến năm năm kể từ khi giành được độc lập từ Liên Xô vào năm 1991. Một thỏa thuận hòa bình giữa các phe phái đối thủ đã được ký kết vào năm 1997 và có hiệu lực trong năm 2000. Chính quyền trung ương có ít quyền kiểm soát một số khu vực của đất nước đã buộc họ phải thỏa hiệp và liên minh giữa các phe phái. Tajikistan đang trong giai đoạn đầu của quá trình trở thành thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới và đã tham gia hợp tác của NATO. Thời gian gần đây, cuộc chiến chống thất nghiệp là một thành công lớn của chính phủ, mặc dù đất nước đã không thể đối phó với các vấn đề để lại của cuộc nội chiến.

Mặc dù kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng Tajikistan vẫn cố vươn lên từng ngày bằng việc thu hút khách du lịch khắp nơi trên thế giới. Sở hữu những ngọn núi cao, Tajikistan được mệnh danh là nóc nhà thế giới nên thiên nhiên nơi đây vô cùng tráng lệ. Một trong những thắng cảnh thu hút khách du lịch đến với Tajikistan là trải nghiệm trên

cung đường Pamir, đoạn đường heo hút, hiểm trở nhất trên thế giới bằng các loại hình du lịch khám phá như leo núi, trượt tuyết, xe đạp đường dài. Thiên nhiên hoang sơ và nét văn hóa bản địa đặc trưng của Tajikistan đã khiến đất nước này là một trong những nơi mong đợi của khách du lịch nước ngoài trong những năm gần đây.

Vì thế, đừng sợ Tajikistan. Nhất là các bạn nữ!

Visa

Theo xu hướng của các nước Trung Á, thị thực du lịch đang ngày càng dễ dàng hơn, đặc biệt đối với công dân của các nước phát triển. Chính sách này nhằm kích thích hoạt động du lịch tại Tajikistan. Người Việt Nam có thể xin visa trực tiếp tại cửa khẩu Tajikistan mà không cần thiết phải có thư mời. Hoặc bạn có thể dễ dàng xin visa tại thủ đô Bishkek của Kyrgyzstan chỉ với hộ chiếu, 02 ảnh 3*4, đặt phòng khách sạn và vé máy bay nếu có. Visa du lịch của Tajikistan có chi phí 50 đô-la Mỹ được cấp tại ở sân bay Quốc tế Dushanbe hay tại đại diện lãnh sự ở nước ngoài. Nếu bạn đến du lịch đến khu vực *GBAO* bạn cần phải xin thêm giấy phép để vào khu vực này, chi phí cho giấy phép *GBAO* là 25 đô-la Mỹ và có thể dễ dàng nhận được khi nộp đơn xin thị thực tại sứ quán của Tajikistan ở nước ngoài, tại sân bay hoặc tại thủ đô Dushanbe.

Tiền tệ

Đơn vị tiền tệ của Tajikistan là *somoni* (TJS). Hiện nay, tiền được lưu hành dưới dạng tiền giấy và tiền xu. Mệnh giá phổ biến bằng tiền giấy ở Tajikistan hiện nay là 1, 3, 5, 10, 20, 50, 100, 200, và 500 *somoni*. Các loại tiền xu cũng được sử dụng trong các giao dịch nhỏ. Các quầy đổi tiền công cộng không phổ biến như Kyrgyzstan trong khi các ngân hàng chỉ tập trung ở thủ đô Dushanbe, thành phố Khujand hay các thị trấn du lịch nổi tiếng như Khorog hay Murghab. Các hostel cũng nhận đổi tiền cho du khách với tỷ giá tương đương với ngân hàng.

Phương tiện vận chuyển

- Máy bay: Tajikistan có hai hãng hàng không là hãng hàng không quốc gia Tajik Air và hãng hàng không tư nhân Somon Air thực hiện các chuyến bay đến Nga và một số thành phố khác trên thế giới đặc biệt là khu vực Trung Đông và Trung Á như: Bishkek, Almaty, Urumqi, Kabul, Istanbul, Bhubai, Frankfurt và Tehran.
- Đường bộ: Tuyến đường bộ phổ biến nhất là từ Osh của Kyrgyzstan về thị trấn Murghab theo tuyến xa lộ M41. Hoặc từ thành phố Kokand của Kyrgyzstan xuôi xuống thành phố Khujand của Tajikistan rồi theo tuyến quốc lộ M34 để về thủ đô Dushanbe.

- Xe taxi, marshrutkas: Phương tiện di chuyển chủ yếu giữa các thành phố thị trấn trong Tajikistan. Du khách có thể sử dụng hình thức ghép taxi hoặc thuê nguyên chuyến cho những cung đường ít phương tiện di chuyển công cộng như cung Pamir.

Thời tiết

Phần lớn diện tích đất nước Tajikistan nằm sâu trong lục địa châu Á với độ cao lớn nên khí hậu mang tính lục địa khắc nghiệt. Mùa đông kéo dài và rất lạnh. Những trận mưa tuyết có thể phủ kín các con đường gây sạt lở lớn. Ở khu vực Fergana có khí hậu cận nhiệt đới mùa hè nhiệt độ có thể lên đến trên 35 độ C.

Hải quan

Kiểm soát an ninh tại các cửa khẩu rất chặt chẽ đặc biệt là các khu vực biên giới quốc gia với Trung Quốc, Afghanistan và Kyrgyzstan. Nếu du khách đi đến khu vực *GBAO* thì chú ý để việc kiểm tra an ninh nhất là giấy phép để được vào khu vực này.

Chụp ảnh

Tajikistan là một quốc gia Hồi giáo nên việc chụp ảnh phụ nữ cần phải được sự đồng ý của họ. Một số khu vực vùng biên nên cẩn thận khi chụp ảnh nhất là những khu vực quân sự, hay các chốt kiểm soát an ninh.

Ẩm thực

Tajikistan có văn hóa ẩm thực gần như tương đồng với đất nước láng giềng Kyrgyzstan với những món ăn được thực hiện chủ yếu bởi các loại thịt gia súc. Ngoài món Plov truyền thống, du khách được khuyến khích thưởng thức một số hương vị khác đặc trưng của Tajikistan.

- Món ăn truyền thống Qurutob: Thành phần nguyên liệu chính là pho mát, bánh mì, dưa leo, hành tây, rau cần, cà chua tất cả được thái nhỏ và trộn đều thành một hỗn hợp trong một chiếc chảo lớn. Bí quyết của món ăn là thứ pho mát làm bằng sữa ngựa đặc trưng của vùng Trung Á. Đây là món ăn dân tộc có thể được người Tajik làm để giới thiệu với khách du lịch nước ngoài.
- Sambusa là loại bánh xếp nhân thịt cừu hoặc thịt bò. Bánh Sambusa được chiên ngập trong dầu và thường có hình dạng tam giác. Sốt cà hoặc tương ớt thường được ăn kèm.
- Shashlik cũng là món ăn chính phổ biến của người Trung Á. Ngày nay, ở Tajikistan, các đầu bếp còn có thể sử dụng nhiều nguyên liệu thịt khác nhau để làm món Shashlik nướng

trên than như cá, gan bò, thịt gà, thịt cừu và thịt bò.

- Món súp hầm Shurbo với thịt cừu, thịt bò, cà rốt, khoai tây và rắc hành lá và rau Basilic lên mặt. Món này cũng thường được người địa phương ăn kèm với bánh mì tròn.
- Món ăn đặc sản Dolma được sử dụng nguyên liệu chính là nho cuộn nhân thịt bò, thường được ăn kèm với pho mát và ớt chuông.
- Món Mantu là món bánh hấp như món hoành thánh ở Việt Nam. Nguyên liệu chính là thịt cừu hoặc thịt bò được băm nhuyễn cùng với hành tây. Sau khi hấp, đầu bếp cho thêm lớp sữa chua lên mặt tạo món ăn đặc trưng hơn những nơi khác ở Trung Á.
- Các loại dưa, đặc biệt là dưa hấu ở Tajikistan có giá cả rất rẻ và bày bán khắp mọi nơi. Tuy nhiên, khách du lịch được khuyên không nên sử dụng các loại trái cây chưa rửa phòng ngộ độc thực phẩm khi các cơ sở y tế của Tajikistan không được đảm bảo.

Các điểm tham quan nổi bật

- Dãy núi Pamir được mệnh danh là nóc nhà thế giới với đỉnh Ismoil Somoni cao 7.495 mét so với mặt nước biển. Nơi có cung đường hiểm trở M41 thách thức những du khách đam mê du lịch mạo hiểm đặc biệt là loại hình xe đạp đường dài.
- Penjikent, thị trấn biên giới, cách cố đô Samarkand của Uzbekistan 70 km về phía Tây, với những vết tích của một thành phố cổ có niên đại từ thế kỷ thứ V sau Công nguyên còn tồn tại đến ngày hôm nay.
- Thung lũng Zeravshan bao gồm núi Fann, một trong những điểm đến về leo núi, trượt tuyết và đi bộ đường dài ở Trung Á.
- Khu khảo cổ Sarazm. Ở Tajikistan, Sarazm được xem là một Jamoat (đơn vị hành chính cấp thứ ba, tương đương như xã) cổ thuộc quận Panjakent trong tỉnh Sughd nằm ở phía Tây Bắc đất nước, gần sát biên giới của Uzbekistan. Sarazm có nghĩa “nơi đất đai bắt đầu”, là công trình khảo cổ mang bằng chứng về sự phát triển của các khu định cư của con người ở Trung Á, từ thiên niên kỷ IV trước Công nguyên đến cuối thiên niên kỷ III trước Công nguyên. Các di tích còn sót lại cho thấy bước đầu trong sự phát triển sơ khai của một thành phố ở khu vực này. Sarazm cũng thể hiện sự tồn tại của hoạt động trao đổi thương mại và văn hóa, quan hệ thương mại giữa nhiều người, trên một khu vực địa lý rộng lớn, mở rộng từ các thảo nguyên ở Trung Á và Turkmenistan tới cao nguyên Iran, thung lũng Indus và xa tới tận Ấn Độ Dương. Người ta tin rằng Sarazm đã được thành lập nhằm tạo một khu định cư sinh sống cho người dân khai thác mỏ đá lục tung¹⁵ quý hiếm gần đó. Ngoài ra, nó cũng đóng vai trò như một trung tâm nông nghiệp quan trọng của cả khu vực. Sarazm đã được một

người dân địa phương tên Ashurali Tailonov phát hiện năm 1976. Năm 2010, khu phế tích này được Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới đầu tiên ở Tajikistan.

- Thăm hiểm vườn quốc gia Tajik. Nơi đây còn có tên gọi là vườn quốc gia Pamir bởi sở hữu dãy tuyết sơn Pamir hùng vĩ, là một vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên ở miền Đông Tajikistan. Vườn quốc gia này trải dài khoảng 2,6 triệu ha, tương đương với 18% tổng diện tích của Tajikistan với địa hình chủ yếu là các phần của dãy núi Pamir có nhiều đỉnh núi có độ cao trên 7.000 mét so với mặt nước biển. Hệ sinh thái tại Tajik là sự kết hợp giữa sa mạc, đồng cỏ, thảo nguyên và khu vực núi cao tạo ra cho nơi đây nhiều cảnh quan thiên nhiên hiếm có. Vườn quốc gia tập hợp nhiều hệ thống sông băng, các hồ nước xanh biếc và hệ thống động thực vật đặc chủng trên thế giới. Du khách có thể thực hiện những tour đi bộ đường dài trong công viên quốc gia, thăm hồ Karakol tuyệt đẹp, tìm hiểu hệ thống những loài động vật đặc trưng ở Pamir như loài cừu Marco Polo, báo tuyết, chó sói, sơn dương núi hay thưởng ngoạn cung đường ngoạn mục Pamir hẻm lách. Sự đa dạng, hiếm có của hệ thống sinh học và cảnh quan thiên nhiên đã ghi tên vườn quốc gia Tajik vào danh sách di sản thiên nhiên thế

[14.](#) Liên minh các hợp tác xã tiêu thụ, kiểu như liên minh các hợp tác xã mua bán của Việt Nam thời bao cấp.

[15.](#) Một loại đá giống như quả thông và có màu xanh để được đặt tên giống như vậy, rất được người theo đạo Hồi ưa chuộng vì tên của nó có nghĩa là “người làm phúc không bao giờ bại trận.” Loại đá này thường được vận chuyển qua châu Âu bằng con đường Thổ Nhĩ Kỳ nên gọi là “ngọc Thổ Nhĩ Kỳ.”

Lời kết

Trong khi viết những dòng này thì tôi lại đang manh nha một chuyến đi mới. Một hành trình đi từ nơi bắt đầu của Con đường tơ lụa mà tôi còn chưa có dịp kể trong quyển du ký này. Chuyến đi từ cố đô nghìn năm lịch sử Tây An đến những vùng đất phía Tây Bắc của đất nước Trung Hoa thần bí. Tôi sẽ lang thang ở Tân Cương, Cam Túc, Nội Mông để tìm về những dấu vết quan trọng từng ghi dấu đoàn lạc đà khi bắt đầu cuộc hành trình xa tít đến phương Tây.

Hy vọng sau hành trình, tôi lại có dịp kể cho các bạn nghe những câu chuyện mới, ví như tương truyền món mì Ý nổi tiếng xuất phát từ Trung Hoa hay những câu chuyện huyền bí của đoàn lạc đà chưa bao giờ có hồi kết.

Con đường phía trước đối với tôi còn rất dài và không có lý do gì mình phải đi chậm lại. Hãy vững bước và tiếp tục lên đường dù chỉ là độc hành. Ngay vừa khi bắt đầu của hành trình luôn là những điều tuyệt diệu và kết thúc cũng sẽ là những trải nghiệm đáng nhớ trong đời. Tôi luôn biết ơn những con đường dài và đầy thử thách vì chính nó đã cho tôi biết sức chịu đựng và sự đương đầu của mình như thế nào trong những cuộc hành trình vô tận...

Tháng 12 năm 2015